

**Trần Văn Giang**

**Văn Hóa Gì?**

**2012**









**Trần Văn Giang**

*(Chân dung tác giả phác họa bởi Phan Tấn Hải -  
Chủ bút nhật báo Việt Báo – Orange County, California USA)*

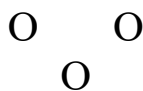
*“.. để tặng vợ Võ thị Bích Hạnh và hai con Kenny, Annemarie.”*

**Trần Văn Giang**  
(Tháng 8 năm 2012)



# Mục Lục

	<b>Trang</b>
01 - Lời tựa .....	1
02 - Văn hóa gì? .....	5
03 - Ngàn năm Thăng Long.....	17
04 - Văn hóa nói nhảm .....	37
05 - Con cháu các cụ .....	45
06 - Văn hóa con nhái .....	57
07 - Văn hóa cầm nhảm .....	73
08 - Văn hóa ngọng .....	105
09 - 30 tháng 4 .....	123
10 - Tội ác và xã hội chủ nghĩa .....	135
11 - Từ Nọc Nạn đến Công Rộc .....	149
12 - Khóc thi đua .....	161
13 - Lạm Văn Sai .....	167
14 - 33 Người thợ mỏ Chí Lợi .....	175
15 - Tiên sư bố .....	185
16 - Huy chương chì .....	197
17 - Tình cha .....	207
18 - Mẹ tôi .....	215
19 - Năm Thìn nói chuyện Rồng .....	219
20 - Chân dung người phụ nữ Việt Nam qua lịch sử .....	233
21 - Phụ đính 1: Nói tiếng Mẽ .....	339
22 - Phụ đính 2: Lá thư sai chính tả (st) .....	345











## Lời tựa

***“Văn hóa là những gì chúng ta làm mà khỉ không làm.”***  
*(Culture is roughly anything we do and monkeys do not).*  
**- Lord Raglan / England.**

\*

Theo thi sĩ Nguyễn Chí Thiện, chế độ xhcn (đồng nghĩa với “Xạo Hết Chỗ Nói / Xuông Hàng Chó Ngựa”) Việt Nam đang đi ngược lại thuyết tiến hóa của Darwin để dần dà biến đổi con người Việt Nam trở thành giống khỉ... ! Như vậy, “Văn hóa đỏ” của csvn hiện nay phải được gọi là văn hóa gì? Theo tôi, như lời Lord Raglan của Anh quốc đã định nghĩa, thì “văn hóa csvn” phải được gọi là “*văn hóa khỉ.*”

Các bài viết trong cuốn sách nhỏ bé này sẽ tuần tự phô bày cái thực chất “*văn hóa khỉ.*” Người viết cũng mạo muội xin nhắc nhở mọi người Việt chúng ta, dù sống ở đâu, trong hoàn cảnh nào, một điều, một chân lý rõ như ban ngày:

*“Đừng bao giờ nghe những gì cs nói; mà hãy nhìn cho kỹ những gì cs làm... (\*\*)”*

*- TT Nguyễn Văn Thiệu.*

Thật may mắn, nhờ hồn thiêng sông núi, dân tộc Việt Nam vẫn còn có một nền văn hóa căn bản không thể bị hủy diệt. Đó là **Văn hóa dân tộc** 4 ngàn năm lễ đày nhân bản, hiền hòa và bao dung; khác ngược hẳn với cái “văn hóa đỏ” phi nhân, gian xảo, khát máu (\*), man rợ của cs.

Lũ khỉ csvn và cái gọi là “văn hóa khỉ (đảng)” “*xây dựng trên nền tảng Mác-Lê*” là sản phẩm truru tượng của mấy ông râu xồm trời Tây (Karl Marx, Friedrich Engels, Lenin...) xa lạ. Cho đến giờ

phút hoàng hôn của chủ nghĩa cs này, năm 2012, mặc dù chỉ còn sót lại 4-5 quốc gia trên quả đất vẫn còn cố theo đuổi cái chủ nghĩa lỗi thời, quá “date,” csvn vẫn còn trơ trẽn huênh hoang: “... *đảng ta là đảng có văn hóa cao ngay từ khi mới ra đời?!*” và trắng trợn, ngang nhiên chum cái văn hóa râu xồm, xúc xích, dăm bông, khoai tây, xa lạ... này lên trên cái văn hóa dân tộc cơm nắm muối mè; Đã vậy, họ còn nói bừa theo giọng điệu cố hữu cs là: “*văn hóa đảng xuất phát từ văn hóa dân tộc, đậm đà bản sắc văn hóa dân tộc... (?)*”

Cũng chẳng còn bao lâu nữa, cs sẽ được nhắc lại như một vết bầm trong lịch sử nhân loại... Ngày đó cũng không xa.

Thân mến,

**Trần Văn Giang**

Orange County, California – USA

(Tháng 8 năm 2012).

---

**Phụ chú:**

\_ (\*) Liệt kê dưới đây là những con số mà cuốn “*Sách Đen về tội ác của các chế độ Cộng Sản*” (Black Book of Communism) đã công bố cho thế giới sau khi Liên xô sụp đổ (đảng cs Liên xô giải thể vào ngày 29 tháng 8 1991) và sau biến cố thảm sát tại Thiên An Môn Trung cộng (Mùa Xuân 1989):

(nguồn:

[http://en.wikipedia.org/wiki/The\\_Black\\_Book\\_of\\_Communism](http://en.wikipedia.org/wiki/The_Black_Book_of_Communism))

- Trung Cộng đã giết 65 triệu dân Trung Hoa.
- Cộng Sản Liên Xô đã giết 20 triệu dân các nước trong Liên Bang Xô Viết.

- Cambodia (Miên) đã giết 2 triệu dân Miên (Khmer).
- Cộng sản bắc Triều Tiên đã giết 2 triệu dân Bắc Hàn.
- Cộng Sản ở Phi Châu đã giết 1.7 triệu dân Phi Châu.
- Cộng Sản Afghanistan đã giết 1.5 triệu dân.
- Cộng Sản Việt Nam đã giết 1 triệu người dân Miền Bắc Xã Hội Chủ Nghĩa.
- Cộng Sản tại các nước Đông Âu (Eastern Europe) đã giết 1 triệu dân Đông Âu.
- Cộng Sản vùng Mỹ Latin giết 150,000 dân.
- Và khoảng 10,000 dân bị giết trong các biến cố quốc tế do Cộng Sản tạo ra hay tại những nơi Cộng Sản chưa nắm quyền lực.

Tổng số người bị cs giết khoảng trên 100 triệu nhân mạng.

“*Sách Đen về tội ác Cộng Sản*” do nhiều người ở Âu Châu viết; nhưng sau đó ông Stéphane Courtois đã tổng kết và sửa lại hoàn chỉnh ([http://en.wikipedia.org/wiki/St%C3%A9phane\\_Courtois](http://en.wikipedia.org/wiki/St%C3%A9phane_Courtois)); và xuất bản lần đầu tại Pháp năm 1997 do nxb Éditions Robert Laffont. Sau này cuốn sách được xuất bản tại Hoa Kỳ (do Harvard University Press ấn hành). Ông Stéphane Courtois cho rằng tội ác của Đức Quốc Xã là ghê rợn nhưng chỉ giết chết 25 (?) triệu người mà thôi; trong khi tội ác của Cộng Sản nhiều hơn gấp 4 lần và tàn ác hơn vì họ chỉ giết người đồng chủng.

\_ (\*\*) Xét cho kỹ lại, tốt hơn chúng ta “*Đừng bao giờ nghe những gì cs nói; mà cũng đừng nhìn những gì cs làm gì...*”

Những bức ảnh thật (true color) đính kèm dưới đây chứng minh điều đáng phải “xét lại” đó.

Người Tây phương nói:

“*Một bức ảnh nói lên 1000 lời.*”  
(A picture says 1000 words).

Nhìn thấy rồi mà vẫn không tin? (hay nói một cách màu mè là “*Thấy quan tài mà rồi vẫn chưa đổ lệ?*”)

## TVG

\*

### Khe Bướm rộng 12m / Cu dài 24.24m



**Cầu Khe Bướm** (rộng 12m)  
thuộc xã Hương Thọ  
(Hương Trà, Thừa Thiên / Huế)



**Cầu Cu** (dài 24.24m), nằm trên  
Quốc lộ 32A – Phú Thọ. Quốc lộ  
32A là tuyến đường đi qua 4 tỉnh  
và thành phố: Hà Nội, Phú Thọ,  
Yên Bái, Lai Châu.

## Văn hóa gì?

(\*) Bài viết này cũng có thể dùng thay cho lời tựa.



Hơn bao giờ hết, dân Việt ta thấy và nghe hai chữ “*văn hóa*” nhiều như lúc này. Đất nước ta, đã lữ tầu trên 60 năm – kể từ “Kách mệnh” tháng 8 năm 1945, sau khi đã thấy rõ sự “*ưu việt*” của đảng, lại một lần nữa đang “*hồ hởi*” “*tiến từng bước*” trên con đường “*đổi mới*” để còn bắt kịp văn minh thế giới...

Chuyện tức mình ở đây là dân ta sao lại dễ quên cái nguyên nhân “*cốt lõi*” của mọi “*sự cố*” chính là đảng csvn chết tiệt đã trường kỳ đắp mô trên con đường tiến hóa của dân tộc; hôm nay đảng vẫn để

cán bộ, đảng viên tiếp tục ngồi chồm hồm trên cầu cá dô cs, dạy “văn hóa” cho dân tộc... Rõ như ban ngày, cái “văn minh” của đảng csvn mà bác đã rao giảng mấy chục năm qua (“*đảng [cs] là văn minh là đạo đức*”) (“*Tôi biết nó / Tôi biết thằng nói câu nói đó... NCT*”) dường như chỉ là đề tài “tốt” cho làng thơ “phản động” “bút tre;” còn đám dân đen thì suốt ngày chửi... đồng cho đỡ tức (dân tuy chửi nhưng vẫn còn sợ, không dám chửi to vì sợ bị gọi lên “làm việc” với công an phường; vừa tốn kém vừa có “*khả năng*” dễ chết yếu...)

Vừa ra khỏi nhà, chưa đi quá đầu ngõ, là đã thấy mọi thứ đều là “văn hóa” mới chóng mặt: làng văn hóa, thôn văn hóa, tổ dân phố văn hóa, phường văn hóa, xã văn hóa, nhà văn hóa, công viên văn hóa, nếp sống văn hóa, văn hóa ẩm thực, văn hóa mua sắm, văn hóa kinh doanh... Thực tế thì ra tới đầu ngõ, ngay bên cạnh, sát cái công rất “hoành tráng” nền đỏ chữ vàng với hàng chữ trang trọng “Tổ dân phố văn hóa” là thấy vài cái bảng cấm đá và vài vũng nước đá và phân người còn bốc khói... Không có quốc gia văn minh nào trên thế giới qua mặt được cái tài chơi chữ “văn hóa” của đảng và nhà nước ta. Chữ “văn hóa” được dùng rộng rãi đến độ “văn hóa” và “vô văn hóa” hình như cũng đồng nghĩa với nhau mới chết người?! (mà chả riêng gì chữ văn hóa, những chữ nhạy cảm khác như “nhân quyền” / “vô nhân quyền,” “đầy tớ của dân / dân là đầy tớ...” đều có ý nghĩa giống nhau). Tất cả nói lên cái thói quen mà người dân Việt đã trở nên dễ tính ngoan ngoãn, dễ chấp nhận sự nghịch lý, tréo cẳng ngỗng hàng ngày chỉ vì họ bất lực không thể làm gì hơn dù biết chuyện “nói vậy mà không phải vậy;” hay là “nói một đằng nhưng làm một nẻo.” Mọi việc đã có đảng và nhà nước “no” rồi... cứ yên chí.

Nói lung tung cả trang giấy mà đã có ai cất công tìm hiểu ý nghĩa của chữ “văn hóa?” Tôi thấy có một định nghĩa ngắn gọn mà “ấn tượng” nhất về văn hóa là của Lord Raglan bên trời Ăng-lê:

***”Văn hóa là những gì chúng ta làm mà khỉ không làm.”***  
(Culture is roughly anything we do and monkeys do not).



Ây! Định nghĩa theo kiểu “xét lại” như vậy thì chẳng khác nào nói xấu mồm là đảng và nhà nước ta có hơn gì khi; Hay là đảng và nhà nước chỉ thích làm những gì khi thích làm? Đánh dân chết ngắc bầm thây ở đồn công an chỉ trong vòng một ngày giam; đập dùi cui cho dân oan khiếu nại vỡ đầu; đổ cút đá pha trộn tỉ mỉ với dầu máy vào cửa nhà những người không bằng lòng tư cách khi đột của đảng và nhà nước là những phạm trù văn hóa đặc biệt cs.

Bây giờ cùng hãy nhau nghe các bác “đỉnh cao trí tuệ” nói về văn hóa.

Đầu tiên các bác lãnh đạo cs “chính quy” lẽ phải giải nghĩa chữ văn hóa nghe rất “cơ khí” trong bài "*Bài học lớn về văn hóa Đảng*" (Báo điện tử Đảng CSVN - ngày 17/12/2004):

(nguyên văn)

*“... văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, là động lực và mục tiêu của mọi hoạt động kinh tế - xã hội. Có thể hình dung văn hóa như là năng lượng tinh thần vô giá của mỗi con người và của toàn xã hội. Cái năng lượng tinh thần đó tác động tới chúng ta ở hai phương diện.*

*- Hình thành nhân cách, tâm hồn, phẩm chất của mỗi con người.*

*- Nâng cao các hiệu quả hoạt động xã hội của con người, dù là trong lĩnh vực sản xuất vật chất hay trong lĩnh vực sản xuất tinh thần.*

*Thiếu cái năng lượng tinh thần đó (tức văn hóa) thì con người rất khó trở thành con người. Thiếu cái năng lượng tinh thần đó thì mọi hoạt động của con người không thể mang lại các hiệu quả xã hội tốt.”*

Tiếp theo, cùng bài viết này đã dẫn một “*Kết luận cực kỳ quan trọng của Hội Nghị Trung Ương 10 vừa qua*” (nguyên văn) như sau để chuẩn bị giải nghĩa cho ba chữ thần tình “**Văn Hóa Đảng**”:

*“Phải gắn nhiệm vụ trung tâm xây dựng và phát triển kinh tế, nhiệm vụ then chốt xây dựng chính đốn Đảng với nhiệm vụ xây dựng nền tảng tinh thần văn hóa, để hình thành một thế ba chân kiềng vững chắc cho sự nghiệp đổi mới, sự nghiệp xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội. Nói cách khác, kinh tế chỉ có thể phát triển lành mạnh khi kinh tế coi văn hóa là động lực, là mục tiêu. Xây dựng và chính đốn Đảng chỉ có thể thành công khi chúng ta đưa các giá trị văn hóa vào trong Đảng, trong sinh hoạt Đảng, trong các tổ chức Đảng và trong từng đảng viên, để Đảng thực sự trở thành “trí tuệ, danh dự và lương tâm” như Lenin đã nhấn mạnh, hay như Bác Hồ đã nói: Đảng là đạo đức, là văn minh. Thiếu các giá trị **văn hóa đó** thì rất khó nói đến uy tín và hiệu quả hoạt động của Đảng.”*

Báo điện tử đảng csvn gọi cái “**văn hóa đó**” (nhớ đọc rõ chữ “**ĐÓ**” dấu sắc / không phải dấu hỏi!) là “**văn hóa đảng.**” Thật dễ hiểu và dễ nhớ... Nếu vì lý do gì, các bác đồng chí nhân dân khu đen nào lỡ có “bị” chậm tiêu thì chỉ cần ghi vào đầu vấn tất 3x3 là: “văn hóa đờ... là... văn hóa đó... là... văn hóa đảng.”

Phải chi đảng ta cứ bắt chước Lord Raglan giải thích một cách “giản đơn” là:

***“Văn hóa đảng những gì mà đảng viên làm mà khỉ không làm.”***

... thì hay biết bao? Ấy! Nhưng mà không được. Thực tế cho thấy vấn đề không “giản đơn” như chúng ta nghĩ đâu. Đảng ta chỉ sợ dân chúng, phần lớn đều có ít nhiều máu phản động ngầm, đọc nhanh quá tưởng là:

***“Văn hóa đảng những gì mà đảng viên làm mà khỉ cũng làm.”***

Nghĩa là “đảng cũng giống khi” (“**Đảng và Khi là một**”) cho nên phải nói dài dòng cũng có lý do chính đáng,

Vì vậy, sau khi giải thích theo kiểu thầy chạy này, sau khi ba chữ “Văn Hóa Đảng” được “giải phóng mặt bằng” xong, đảng và nhà nước thấy dân cứ nghếch mặt ra như “Mao trạch đông nghe kèn” (hay cháu yêu của Bác đang buồn ị... trong quần), đ/c Nguyễn Khoa Điềm, Ủy viên bộ chính trị, Trưởng ban Tư tưởng Văn hóa trung ương (chỉ riêng cái “hàm” của đ/c này nghe đã muốn có “văn hóa đầy quần” rồi) phải giải thích thêm trong buổi hội thảo mang tên “*Văn hóa đảng và xây dựng văn hóa trong đảng*” mà báo Thanh Niên (ngày 23 tháng 10 năm 2008) đã tường trình nguyên văn như sau:

*“Văn hóa Đảng là văn hóa đấu tranh để xóa bỏ bất công, áp bức. Văn hóa đó là đấu tranh cho nhân dân lao động. Văn hóa đó là văn hóa đem lại hạnh phúc và giá trị tốt đẹp cho mọi người. Văn hóa đó là hy sinh, phấn đấu vì lợi ích dân tộc, giai cấp. Văn hóa đó sẽ đem lại nét đẹp cho văn hóa dân tộc.”*

(Hãi thật. Chỉ một câu thật ngắn mà có đến 8 chữ “Văn Hóa” được dùng)

Chưa hết, đ/c Tô Huy Rứa, Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh cũng trong buổi hội thảo này, đã phụng thêm nguyên văn như sau:

*“... sự đa dạng của văn hóa Đảng biểu hiện ở văn hóa lãnh đạo và quản lý, văn hóa cầm quyền và quyền uy, văn hóa dân chủ và giao tiếp, văn hóa đối thoại và tranh luận mà thể hiện trước hết trong quan hệ giữa cán bộ lãnh đạo với đồng chí và với quần chúng ngoài đảng.”*

(Thầy cũng phải chạy dài! Theo như đ/c Rứa thì “Văn hóa đảng” là đủ loại các văn hóa có liệt kê trong tự điển Việt Nam – loại lẫu

thập cẩm - chứ không đơn thuần là “*văn hóa không giống khi*” như Lord Raglan nói vắn tắt như rứa...)

Ở ngoài dân gian, “Văn Hóa Đờ (Đ)” này còn được dân “hiệu chỉnh” thêm thành một lô văn hóa đầy tính “cách mạng” và đầy “ấn tượng” như:

*“Văn hóa đéo,” “Văn hóa đit,” “Văn hóa Đ...,” “Văn hóa đồ đều,” “Văn hóa đóp (ăn nhậu)” “Văn hóa đàn độn,” “Văn hóa đàn (đánh, còn gọi là “văn hóa dùi cui”),” “Văn hóa đăn (cũng lại đánh),” “Văn hóa đứ đờn (văn hóa thư giãn, văn hóa mát mẻ),...”*

Đảng và nhà nước đến giờ phút hoang hôn chợ sắp tàn này mà còn huênh hoang về sự vinh quang, vô địch của chủ nghĩa cs (nhưng lại cố tình không để ý là chủ nghĩa cs đang từ từ biến mất trên mặt quả đất...) Các nước còn lại mặc dù cứ ngượng ngạo gọi mình là nước “Xã hội chủ nghĩa (cs)” mà thật ra còn bao nhiêu “chất lượng” cs nữa. Cái mác, huy hiệu cs mà họ đeo trên vạt áo, trên cổ áo đang chửi bỏ cái thuyết cs khát máu mà Marx-Engel-Lenin đề xướng... Họ ngồi trên ghế lãnh đạo 30, 40, 50 năm mà không thấy mồi hay tê đít, không thấy phải ngứa gãi lần nào... Họ còn thu xếp đưa chỗ ngồi cho con cháu dâu rẻ ngồi tiếp... chứ không chịu nhường chỗ cho người khác... (Đây cũng là một loại “văn hóa đit dây / văn hóa chai đít” rất đặc thù của cs!)

Giáo dục sẽ đem lại văn hóa, đạo đức và văn minh chứ không phải là giáo điều hết thời của đảng cs trời ơi đất hỡi đâu các bác. Xin các bác cs đừng tiếp tục hiếp dâm hai chữ “văn hóa” giữa ban ngày ngoài chợ. Đối với người Việt sống ở ngoại quốc trở về thăm quê hương vì bất cứ lý do gì, sẽ thấy ngay hình dạng cái văn hóa cs thể hiện từ cửa máy bay dẫn vào phi trường,

Ngày xưa Chúa Trịnh sợ hãi cái đồng hồ báo thức mà người Bồ đào nha biểu tặng, vì tưởng đồng hồ có ma quỷ nằm ở bên trong, thì cũng dễ hiểu vì “văn minh và đạo đức” của chúa Trịnh ở thế kỷ

16 có nhiều vấn đề... Hôm nay là thế kỷ 21 rồi, dân Việt chúng ta vẫn còn phải sống một cách sợ hãi như những con ếch dưới cái giếng sâu “văn minh đạo đức” cs... Đã đến lúc phải đứng dậy, bước đi ra khỏi giếng và vòng kim cô cs. Mà khi nào mới bắt đầu đi ra? Việt Nam đang đứng sau Singapore 97 năm mà chưa đủ hay sao?

Cs luôn miệng dùng chữ “văn hóa” mà chính họ có hiểu nghĩa chữ văn hóa là gì? Trước tiên hãy nhìn thử vào cái thứ văn hóa mà cs đang dạy dân để thấy rõ thế nào là “văn minh” thế nào là “đạo đức” “kách mệnh” của văn hóa đảng cs:

**Văn hóa chạy:** “Văn Hóa Chạy” không phải phong trào khỏe, thể dục thể thao sử dụng đôi chân mà là “văn hóa mua.” Chạy chức, chạy quyền, chạy điếm, chạy bằng cấp, chạy tội... Tất cả những gì bất hợp lệ, giả, dỏm, khó tìm và khó khăn đều có thể “mua” được rất dễ dàng dưới xã hội chủ nghĩa csvn.

**Văn hóa tham nhũng:** Còn được gọi là “văn hóa bôi trơn,” “văn hóa bao thơ,” hay “văn hóa phong bì.” Tham nhũng đã trở thành quốc nạn, phổ biến rộng khắp trên đất nước. Nó được ví như loại dầu nhớt bôi trơn cho bộ máy hoạt động của xã hội chủ nghĩa. Nếu không có nó thì bộ máy lãnh đạo đảng và nhà nước sẽ bị tê liệt không hoạt động được. Nó thâm nhập mọi thành phần xã hội, đã trở thành một “văn hóa” cho mọi sự lạm quyền cho đặc quyền, đặc lợi từ trên xuống dưới có hệ thống. (vấn tất theo Lê Dân – Danlambao). Việc tất yếu rất bình thường của nước văn minh như xin cho con vào học lớp mẫu giáo cũng phải có bao thơ; xin cho vợ đi đẻ trong nhà thương cũng phải có bao thơ... Có nước nào như đất nước này không hở trời?

**Văn hóa ru ngủ:** Quần chúng bị ru ngủ một cách có hệ thống (sự lập đi lập lại và cường điệu) để vô hiệu hóa cái “tư duy” bình thường (common sense) của dân về hiện thực – làm dân quên đi cái thực tế rất bi đát; để dân quên đi việc chống đối, phản biện các sai lầm của đảng và nhà nước; để dân quên đi là dân tộc ta tụt hậu

quá xa so với các nước láng giềng mà trước đây họ cũng không cần phải “anh hùng” hơn dân tộc ta làm quái gì. Những liều thuốc ru ngủ tiêu biểu như những “chữ vàng”: “*dân tộc anh hùng,*” “*chiến thắng vinh quang,*” “*Bác Hồ kiệt xuất ưu việt,*” “*đất nước giàu đẹp, tiền rường bạc biển, thiên nhiên ưu đãi,*” “*con gái Việt Nam đẹp,*” “*tự do, độc lập, hạnh phúc,*” “*đảng là văn minh là đạo đức,*” “*còn đảng còn mình...*”

**Văn hóa cầm nhảm:** Tệ trạng đạo văn, thơ, nhạc; thay đổi nội dung tác phẩm; “cóp-pi” CD nhạc, phim ảnh DVD, in sách lậu... Nói tóm lại, sao chép thay đổi các sản phẩm trí tuệ mà không có sự đồng thuận của tác giả rồi đem phổ biến, xuất bản, bán kiếm lợi nhuận như của riêng. Cứ tự tiện làm “tự nhiên như người Hà Nội” chẳng thấy có chết thặng Tây nào? Nước ta là nước “độc lập và tự do” thì các nước ngoài không có quyền can thiệp vào “nội bộ” nước ta. Một mợ phát ngôn viên của bộ ngoại giao nước ta phát ngôn rất tài - Hình như lưỡi của mợ không cần sự giúp đỡ của bộ óc - cho ra những lời phát ngôn “cảnh báo” quốc tế là “không được quyền can thiệp vào nội bộ (ăn cắp) của Việt Nam.” Thật ra, “văn hóa cầm nhảm” loại này là đặc trưng của “tư tưởng và đạo đức Hồ chí phèo.” Bác đã từng chôm nguyên con bản “*Ngục trung nhật ký*” của một chú ba trong tù ở Quảng châu; hoặc chôm lai rai, lẻ tẻ thơ văn của Đường thi, chôm nguyên con vài ba câu bất hủ, cả thế giới đều biết, từ “*Bản tuyên ngôn độc lập*” của đế quốc Mỹ và thực dân Pháp. Sáng tác loại “chôm chia, cắt và dán” của Bác đã được đảng ta “đánh giá cao” thì đảng và nhà nước cứ để dân “vô tư” noi theo cái gương đạo đức này mà làm “kách mệnh” xuất bản, sản xuất... dầu sao cũng tốt, đỡ tốn thời giờ, công sức; nếu phải làm lấy một mình từ đầu.

**Văn hóa đáí đường:** Đảng và nhà nước ta có công lao xây dựng rất nhiều lăng tẩm (ở thế kỷ 21?), tượng đài “hoành tráng” hùng vĩ nhưng hình như cố tình không xây cất các nhà xí công cộng; vì đảng và nhà nước ta biết dân ta ăn uống bao nhiêu mà cần vào nhà xí; mà hình như dân ta cũng không thích vào nhà xí thì phải (?)... Ở... ở.. cũng đỡ tốn kém công quỹ. Hơn thế nữa, đáí đường và ỉa

bụi là công việc bác vẫn “làm” hàng ngày trên con đường kiu nước... Cứ vào xem lại hang Pac Bo của bác xem có cái nhà xí nào đâu mà dám phản động phải ồn ào... dân đái đường ỉa bụi là “tuân thủ” đúng lời bác dạy phải “chống lãng phí; sản xuất làm sao cho nhanh, bền, tốt, rẻ...”

**Văn hóa ăn nhậu:** Chẳng cần phải tốt nghiệp Học viện Chính trị Cao cấp Mác-Lê mới hiểu là dân say xin thì biết cái gì? có thời giờ đâu? mà phản biện chống đối nhà nước... Cứ để cho dân tha hồ nhậu... Lớn bé, già trẻ, nam phụ, lão ấu đều cần phải biết nhậu. Chính phủ chỉ có nhiệm vụ “xử lý” cái cán cân “cung và cầu” của rượu cho tốt là được việc rồi. “Nhậu” không chỉ là một văn hóa mà còn là quốc sách cần phải được duy trì và “nhiệt liệt” phát huy.

**Văn hóa con nhái:** Khuyến khích dân tranh nhau phá các kỷ lục ruồi bu (để được ghi trong sách kỷ lục thế giới – world records / Guinness book): nôi phở to nhất thế giới, bánh chưng, bánh dày to nhất thế giới, áo dài dài nhất thế giới, bình hoa lớn nhất thế giới, lá cờ lớn nhất thế giới... tốn 4 tỉ đô la để tổ chức 1000 năm Thăng long... Toàn những cái to nhất, dài nhất, cao nhất, khủng nhất, hãi nhất... không hề giúp ích mảy may gì cho việc thăng tiến đời sống của dân. Trong khi các vấn đề quan trọng cấp bách hơn như giao thông bế tắc, thiếu cơ sở phương tiện y tế tối thiểu, thiếu trường học, môi sinh bị hủy diệt, thiếu nước sạch để uống, thực phẩm nhiễm độc đủ loại... là chuyện mà dân được toàn quyền “tự lo?” Đảng còn đang bận tiếp đãi tác thương mại, tổ chức đại hội đảng, đề cử đại biểu để dân tha hồ lựa chọn, tuyển lựa hoa hậu...

**Văn hóa nói nhảm:** Đảng viên, cán bộ cao cấp (Ủy viên bộ chính trị) của đảng và nhà nước thay phiên nhau tuyên bố trước truyền thông báo chí trong nước và ở hải ngoại (có ghi lại hẳn hoi trên mạng qua video, audio files) các lời lẽ côn đồ, ngô nghê, đầy hài tính không khác gì lời lẽ của các tay anh chị xã hội đen, hay trí tuệ của trẻ em mẫu giáo. Dân Việt ta phải ngao ngán, ngơ ngác nhìn nhau lắc đầu, hỏi nhỏ với nhau là: “Tại sao lại có thể như thế được? Với lãnh đạo có trí tuệ, có ‘tâm vóc’ như vậy thì đất nước

mình đi về đâu?” Hỏi là đã trả lời... thì cứ nhìn vào tất cả các bảng xếp hạng (về dân trí, mức sống, tự do báo chí, tự do tôn giáo, chỉ số văn minh...) trên thế giới thì thấy ngay: rất dễ tìm vì Việt Nam luôn luôn đứng đầu đó ở dưới đáy cùng của các danh sách.....

**Văn hóa rọ mồm:** Các trang mạng, “bloggers” (hơn 300 cái) đi lê bên trái; hay chỉ khê phản đối đảng và nhà nước là bị công an mạng đánh xập. Các đài phát thanh, đài truyền hình có bài bình luận không đồng ý với cách trị dân, đường lối của đảng và nhà nước thì bị rút giấy phép ngay tức thì. Dân chỉ còn có cách nghe tin “trung thực” từ các loa phường.

**Văn hóa răn đe:** Các nhà dân chủ mạnh dạn, can đảm nói lên các sai lầm của đảng và nhà nước thì bị bắt đánh đập, cầm tù một cách vô nhân đạo, qua luật rừng, luật mafia của đảng và nhà nước: LS Lê Thị Công Nhân, LS Lê Công Định, LS Nguyễn Văn Đài, Nhà văn Trần Khải Thanh Thủy, TT Thích Quảng Độ, LM Nguyễn Văn Lý, MS Nguyễn Công Chính, KS Đỗ Nam Hải... là những thí dụ điển hình.

**Văn hóa thích hàng ngoại:** Văn hóa này cụ thể hóa qua các tên gọi rất xấu hổ làng nước như: “Làng Đại Hàn,” “Đảo Đài Loan,” “Huyện Trung quốc...” Hàng chục ngàn cô gái quê (ở các làng, các đảo vùng đồng bằng sông Cửu long; các huyện Kiến Thụy và Thủy Nguyên của thành phố Hải Phòng) thi đua nhau xếp hàng xin đi lấy chồng ngoại (\*). Họ chỉ là những cô gái đáng thương, mong gia đình mình có cơ hội thoát khỏi cảnh nghèo khổ ở quê; đành liều mình chấp nhận một cuộc hôn nhân gượng ép nhưng biết đâu rằng phía sau tiệc cưới là một cuộc đời lưu lạc nguy hiểm, đầy bất trắc. Ngoài ra, còn có rất nhiều tin đã loan truyền rộng rãi với đủ cả hình ảnh và âm thanh cho thấy có hàng chục, hàng trăm cô gái còn trinh cõi trường xếp hàng khoe toàn bộ hàng nội “xịn” để vài ông củ Sâm tuyển làm vợ... Một con số rất “choáng” mới vừa được phát tán trên thông tin mạng là kể từ ngày Mỹ hết cấm vận (3-2-1994) đến bây giờ, đã có khoảng 200 ngàn cô gái Việt đi lấy



chồng ngoại quốc (Đại hàn, Đài loan, Trung cộng, Singapore, Mã lai...) Kể ra cũng tội nghiệp cho con trai Việt ở trong nước đến tuổi lấy vợ. Qua con số đã nói thì cũng phải có đến 200 ngàn thanh niên Việt nhờ ơn đảng và nhà nước tự dung mất “khả năng” lấy vợ. Hèn gì bây giờ “pê-đê” xuất hiện hơi nhiều ở Việt nam. Không biết có cần phải thêm cái mảng “văn hóa pê-đê” vào “văn hóa đảng” cho nó trọn bộ phim... bộ không?

---

### **Phụ chú:**

*(\* Trong khoảng 10 năm trở lại đây, theo các con số thống kê (không đầy đủ), đã có:*

*- Hơn 100,000 phụ nữ Việt Nam lấy chồng Đài Loan (theo lời tiết lộ của ông Ngô Kiến Quốc, đại diện Văn Phòng Kinh Tế và Văn Hóa Đài Bắc ở Saigon; và ông Gow Wei Chiou, đại diện Đài Loan ở Hà Nội ).*

*- Khoảng chừng 44,000 phụ nữ Việt Nam lấy chồng Hàn Quốc (theo các con số của Hội Liên Hiệp Phụ Nữ).*

*- Không thấy có các con số chính thức/ hay bán chính thức về con số con gái Việt lấy chồng Trung Quốc, Singapore, Mã lai....*

---

### **Lời cuối**

Đảng cs và văn hóa đảng (“xây dựng trên nền tảng Mác-Lê”) là sản phẩm trù tượng của mấy ông râu xồm (Karl Marx, Lenin...) xa lạ. Dân Việt ta làm gì có dịp tiểu ngạo giang hồ đến tận “Mút-cu-va” để học bài bản về Chủ nghĩa Mác- Lênin tại Trường Đại học Phương Đông của Quốc tế cộng sản để hiểu đâu là “đảng ta là đảng có văn hóa cao ngay từ khi mới ra đời?!” “Cái gì tốt cho đảng là đạo đức - (HCM).” Làm sao có thể ngang nhiên quàng cái

văn hóa râu xồm, xúc xích, dăm bông, khoai tây... vào văn hóa dân tộc com nắm muối mè rồi nói bừa là: “*văn hóa đảng xuất phát từ văn hóa dân tộc, đậm đà bản sắc văn hóa dân tộc... (?)*” Ai là người mà đảng csvn muốn thọc léc, khêu chân? Muốn nói phét thì cũng phải khôn ngoan một tí... Dân ta không phải là “chăm phần chăm” bần nông thất học. Mà này! Làm cái gì mà dám phản động trong và ngoài nước phải ồn ào nhặng lên. Đảng cs là trí tuệ, là sáng tạo. Chính sách của đảng là chính sách đúng đắn, ưu việt, “đột phá” thì “văn hóa đảng” phải vững chắc như cầu Cần thơ. Nên nhớ là ít khi nào đảng và nhà nước nói hay làm sai lắm (?) Mà nếu có sai thì sửa... sửa rồi thấy vẫn sai thì sửa tiếp có sao đâu! Ủ! Thì cứ cho là Việt Nam đang tụt hậu, đứng sau Singapore 97 năm thì nếu có chậm thêm một vài năm nữa đã nhằm nhò gì? Xin nhờ một tí; xê ra cho người ta lãnh đạo... Bây giờ nếu có thời giờ, thay vì phản động bới lông tìm vết, thì hãy cố gắng “*học tập và làm theo tám gương đạo đức Hồ chí minh.*” Học tập “tốt” thì sẽ “quán triệt” “văn hóa đảng” một cách tích cực!

Hết ý kiến!

---

**TB:** Tôi không hiểu những “*thiên tài văn hóa*” của Việt nam đi đâu hết khi cs nắm “*cướp*” chính quyền... để bây giờ văn hóa” và “*vô văn hóa*” đồng nghĩa với nhau!? Ai tai.



## Ngàn năm Thăng Long



*“ ... Đá vẫn trơ gan cùng tuế nguyệt  
Nước còn cau mặt với tang thương  
Nghìn năm gương cũ soi kim cổ  
Cảnh đây người đây, luống đoạn trường ”*  
(Thăng Long Hoài Cổ - Bà Huyện Thanh Quan)

### **Lời mở đầu:**

*Đồng tiền phải có đủ cả hai mặt mới tròn vẹn và có giá trị. Hai mặt mặt này luôn luôn phải quay về hai hướng khác nhau và không thể giống nhau... Có như vậy mới là đồng tiền!*

*Cuộc đời cũng vậy có khác chi đồng tiền: Cũng có hai mặt tương phản nhau. Mỗi cá nhân chúng ta tùy theo hoàn cảnh, kinh nghiệm và kiến thức nhìn cuộc đời một cách khác nhau (như nhìn đồng tiền). Bài viết này trình bày nhận xét của người viết về bộ mặt thứ hai, loại “không chân, không thiện, không mỹ” của cuộc đời, mà ít người trong chúng ta quan tâm... Nhưng thật oái oăm. Những cái mà chúng ta không quan tâm mới là cái dễ làm cuộc đời chúng ta vất vả (?) (“What you do not know may hurt you!”)*

### **TVG**

\*

Tổng thống Mỹ sau khi nhậm chức vài tháng là nhan sắc thay đổi thấy rõ: da nhẵn, tóc bạc, người xơ xác tàn tạ nhìn già xạm hẳn đi... Ngược lại, thời buổi này, làm lãnh tụ vi-xi kể cũng sượng và nhàn hạ; trông ai cũng béo đẫy ra, da mặt căng bóng. Ngoài việc ngồi đếm “kiều hối” do mấy “khúc ruột ngàn dặm” (đại loại là nhóm người “phản động” Bác sĩ cũng có, Giáo sư đại học cũng có, thợ cắt cỏ, thợ giũa móng móng tay cũng có... làm việc từ sáng sớm tới tối mịt cả ngày thứ bảy và chủ nhật... đã cặm cụi chặt chiu đều đặn gửi về nước), không có việc gì khác quan trọng để làm đến phải toát mồ hôi, cho nên ngay sau khi đại hội “vịt cừ” yêu nước họp mặt tại Hà nội tháng 11/2009 vừa hạ màn, thì truyền thông vi-xi, từ trang điện tử “tối cao” của đảng cộng sản Việt nam đến hàng trăm các tờ “báo lớn”[bố lớn] trong nước, đồng loạt “tốp ca” bài cổ xúy cho cái ngày hội lớn kế tiếp sắp tới gọi là “Ngàn năm Thăng Long” vào mùa thu năm 2010 này cũng lại ở “Hà nội” (chứ ở Việt Nam bây giờ còn chỗ nào tốt hơn để “lội” nữa?!)

Dân Việt ở hải ngoại tị nạn cộng sản, nhất là đám “vịt cừu” trí thức yêu nước đã có người từng vội vã bám càng trực thăng Mỹ Ngụy vọt lẹ hôm rồi đã đến họp mặt ở Hà nội, tạm thời hãy cứ bình tĩnh nghỉ xả hơi lấy lại sức cái đã, chưa cần phải vội hoan hỉ vỗ tay tán thưởng, tung hô... hoặc lại sửa soạn mua vé máy bay xin “visa” [*hộ chiếu*, nói theo bác và đ.] đột nhì để trở lại Hà Nội chụp ảnh và đồng ca “bis” bài “*như có bác hồ trong ngày vui...*” Nè nè! Trước khi đi mua vé máy bay thì xin làm phước nhớ cái “quy luật muôn đời:” “...*hãy nhìn kỹ những gì vi-xi làm*” nghen các bác!

Thực ra “quy hoạch” ngày kỷ niệm với bản sắc lịch sử này đã được chú thợ chích thuốc sốt rét rừng kiêm tể tướng vi-xi Nguyễn Tấn Dũng “giải trình” khơi mào trước kỳ họp thứ 3 của Quốc hội khóa XII từ ngày 29/05/2009 qua “bài nói” về kế hoạch mở rộng Hà nội như sau:

(nguyên văn – những chữ in nghiêng dưới đây)

*“... địa thế của Hà nội tựa vào dãy núi Ba vì và hướng ra sông Hồng. Hà nội sẽ sẽ luôn giữ được thế ‘rồng cuộn hổ ngồi’ tiện hướng ‘nhìn sông tựa núi;’ nói được giá trị khoa học và nghệ thuật trong lịch sử hình thành và phát triển đô thị Việt Nam là luôn gắn môi trường sống của con người với môi trường cảnh quan thiên nhiên, đó cũng là xu hướng phát triển bền vững nhất mà nước ta cũng như các quốc gia trên thế giới đang hướng tới.”*

*(hết trích)*

Ây! “Cốt lõi” của “bài nói” nghe thật “đột phát” y như “tên lửa” SAM, do Liên Xô (lúc còn vĩ đại kìa) viện trợ, giữa trời tối mịt của Hà Nội bắn vọt lên máy bay “cánh xòe cánh cụp” F104 của đế quốc Mỹ thuở nào “chống Mĩ cứu nước!” Tài thật!

Có một ông bạn già cắc có hỏi tôi:

*“Anh hừn, đọc báo và xem tin tức nhiều vậy chớ anh có biết gì về chuyện thợ chích Nguyễn Tấn Dũng hồi còn làm “part time” du kích xã ở Rạch Giá đã học hàm thụ thuật phong thủy hồi nào vậy hà??? Chớ dựa vào đâu mà thợ chích nói miên man, thao thao bất tuyệt chuyện ‘thế đất, hướng sông hướng núi’ như thầy phong thủy giảng sách phong thủy giáo khoa thư?!”*

Hỏi thì dễ mà trả lời thật không dễ! Tôi bí quá, đành phải trả lời một cách bô láo bằng cách mượn theo lời khẩu cứu rất siêu việt của văn hào Tú Gàn - Lữ Giang là:

*“Thì theo ‘tài liệu mật của vi-xi (?)’ chừ còn ở đâu nữa cha nội!?”*

(Nên biết me-xù Tú gàn không chịu tiết lộ là làm cách nào mà ông Tú nhà ta có “tài liệu mật của vi-xi?” Ông Tú để đọc giả tự ý đoán là ông Tú làm cách nào biết / có “tài liệu mật của vi-xi?”)

Trả lời của tôi cái “chớ kiểu ngáp phải ruồi” mà xem ra lại có “cơ sở!” Đúng vậy. Theo “tài liệu mật của vi-xi” thì thợ chích đã thâm nhuần đạo đức “Cắt & Dán” (Cut & Paste) của Hồ chủ tịch nên đã cuỗm ý bài “Chiếu dời đô” (“Thiên đô chiếu” 遷都詔) của Vua Lý Thái Tổ ban hành vào mùa Thu (tháng 7 ?) năm Canh Tuất 1010 ra lệnh dời đô của nước Đại Cồ Việt từ hành Hoa Lư về thành Đại La (sau đổi tên thành gọi là Thăng Long) như sau:

(trích nguyên văn)

*“... Huống chi thành Đại La, đô cũ của Cao Vương (tức Tiết độ sứ Cao Biền), ở giữa khu vực trời đất, được thế “rồng châu hổ phục” (“long bàn hổ cứ chi thế” (龍蟠虎踞之勢), chính giữa nam bắc đông tây, tiện nghi núi sông sau trước. Vùng này mặt đất rộng mà bằng phẳng, thế đất cao mà sáng sủa, dân cư không khổ thấp trũng tối tăm, muôn vật hết sức tươi tốt phồn thịnh. Xem khắp nước Việt đó là nơi thắng địa, thực là chỗ tụ hội quan yếu của bốn*

*phương, đúng là nơi thượng đô kinh sư mãi muôn đời...”*

(ngưng trích)

Một điểm rất đặc biệt cần chú ý ở đây là vua Lý Thái Tổ (Lý Công Uẩn) nói về Thăng Long là nói về đất “*Rồng châu Hồ phục*” (“*Long bàn Hồ cú*”) mặc dù dựa tên thuật phong thủy của tàu nhưng với ý nghĩa “chính quy (?)” trong khi thợ chích đạo nhà ta vì muốn lấy lòng đàn anh Trung quốc vĩ đại nên cạo sửa thành “*Rồng cuộn Hồ ngồi*” (“*Ngọa Hồ tàng Long (?) – Crouching Tiger, Hidden Dragon?*”) theo tên một cuốn phim võ hiệp của chú ba Lý An ở Hongkong làm và do xì thủ Châu Nhuận Phát, và các thím xâm Dương Tử Quỳnh và Chương Tử Di đóng mới đây về các võ phái tàu ở thời đại nhà Thanh bên Trung quốc! Thật là xấu hổ. Rồng thì phải bay trên cao mới oai nghi; chứ rồng cuộn thì chẳng khác gì một con giun con bằng nhựa, một con rắn bằng cao su, đồ chơi của trẻ con; Hồ phải xông xáo chạy rượt mới chứ hồ ngồi thì chỉ có nước hồ què (tàn tật) hay hồ hát xiếc bị bắt buộc phải ngồi trên ghế chờ theo lời chỉ dạy kế tiếp của quan thầy Trung cộng đang bên cạnh cầm cây que điện trong tay...

Chưa hết. Ngày 1 tháng 8 năm 2008, chủ tịch quốc hội Nguyễn Phú Trọng Lú (cũng là ủy viên đứng hàng thứ 3 của bộ chính trị trung ương) đã nói vớt đuôi theo thợ chích Nguyễn Tấn Dũng (cho nó có vẻ nội bộ đảng ta đã thật “nhất trí”) trong một phiên họp về việc “thống nhất” (sát nhập) “Hội đồng nhân dân” Hà Tây vào “Hội đồng nhân dân” thành phố Hà Nội như sau:

*“... Hà Nội mở rộng chẳng những vẫn giữ được cái thế ‘rồng cuộn hồ ngồi,’ tiện hướng ‘nhìn sông tựa núi’ như ‘cha ông xưa’ định hướng mà còn nâng cái thế ‘ấy’ lên một tầm vóc mới...”*

Trung ương đảng ta lãnh đạo nhất trí thật đấy nhè!

Ngôn từ của vi-xi từ xưa đến nay vẫn thật là ‘thoát’ về cái mắng nói ngược. Chẳng hạn, từ sự lạm dụng các chữ “đảm bảo,” “triển

khai,” “lược tóm,” “kiếm tìm,...” đến những cách nói ngược ngạo của các ủy viên trung ương đảng cs như Nguyễn Minh Triết (“*con Lạc, cháu Hồng*”), bi giờ Nguyễn Phú Trọng (“*cha ông xưa*”)...

Các cán bộ cấp cao nhất trong đảng cs trước đây vẫn ra rả rao giảng chủ nghĩa Mác-Lê vô thần; hôm nay đẹp trời bỗng nhiên lại đồng loạt lên tiếng tin tưởng vào thuật phong thủy và bàn loạn lung tung về phong thủy thì phải có chuyện để chúng ta lưu tâm. Các vua chúa Trung Hoa và Việt Nam trước đây dựa vào thuật phong thủy để tìm những vùng đất tốt đẹp cho việc đóng đô chỉ vì một lý do tối hậu là “*muốn cho triều đại phong kiến của họ kéo dài;*” chứ không nhất thiết phải vì sự no ấm hay cường thịnh của dân tộc...

Lịch sử cho thấy các triều đại quân chủ phong kiến của Việt Nam đóng đô ở Thăng Long đều mạnh giỏi (nhưng dân đen thì vẫn toàn là khổ rách áo ôm!). Kể từ Lý Công Uẩn (1010) và Nhà Lý trị vì thiên hạ được 216 năm; Kế tiếp Nhà Trần được 175 năm; Nhà Lê (tính cả thời Lê thịnh và Lê mạt) được 356 năm; Riêng Nhà Nguyễn vì đã lập căn cứ địa ở Thuận Hóa từ thời Nguyễn Hoàng (và họ Trịnh / vua Lê đã đóng đô ở Thăng Long mất đất rồi!) cho nên chọn Phú Xuân (Huế) làm kinh đô... nhưng cũng nên biết sau đó, Nhà Nguyễn đã không quên Thăng Long dễ dàng đâu! Thật ra, Nhà Nguyễn đã không để cho Thăng Long yên ổn... Nguyễn Ánh khi thống nhất Việt Nam và lên ngôi năm 1802, đã chọn Huế là kinh đô. Gia Long cho rằng Thăng Long không còn là kinh đô vua ở nên đã thứ nhất cho san bằng nhiều thành quách của Thăng Long (năm 1805) vì không muốn thành Thăng Long to lớn hơn kinh đô Huế; thứ nhì (cũng vì Thăng Long không còn là kinh đô cho nên) Thăng Long không được dùng biểu tượng “rồng,” một linh vật trung trung cho vương quyền của nhà Nguyễn; Gia Long bèn, trên văn tự, đổi tên chữ Hán của Thăng Long (昇龍) nghĩa là “rồng bay lên” (như ghi lại theo giấc mơ của Lý Công Uẩn năm 1010) thành ra chữ đồng âm “Thăng Long (昇隆)” nhưng lại có nghĩa là “thịnh vượng lên.” Tên đồng âm Thăng Long (昇隆) này tồn tại đến năm 1831 (Minh Mạng năm thứ 12), khi Minh Mạng ra chiếu chỉ bỏ



hắn tên “Thăng Long” (còn gọi là “Bắc Thành” dưới triều Tây Sơn; vì Tây Sơn cũng lấy Phú Xuân làm kinh đô) và thay tên, lập ra Tỉnh “Hà Nội.”

Có rất nhiều tranh luận về ý nghĩa của 2 chữ “Hà Nội.” Nhiều nhà khảo cứu cho rằng nếu đặt tên “Hà Nội” vì dựa trên vị trí địa lý của Hà Nội – nghĩa là đen là “*bên trong sông*” – thì chẳng có nghĩa gì là cả bởi vì xét kỹ trên bản đồ, chỉ có sông Nhị (sông Hồng) của Tỉnh Hà Nội cũ (thời Minh Mạng) là ranh giới ; còn lại sông Hát (một khúc của sông Đáy) và sông Thanh Quyết (cũng là một khúc của sông Đáy) không phải là ranh giới... có nghĩa là thực địa Hà Nội không nằm kẹp giữa các con sông – Hà Nội chỉ có sông chảy ngang qua.

Trong “*Trung văn đại từ điển*” (tập 19 trang 103 – xuất bản ở Đài Bắc năm 1967) có viết “Hà Nội” là tên một quận được đặt từ đời Hán (202 Trước Công Nguyên - 220 Sau Công Nguyên) nằm phía Bắc Sông Hoàng Hà. Sử ký của Tư Mã Thiên (“*Hạng Vũ Ký*”) có ghi địa danh gọi là “Hà Nội” và theo kèm lời chú giải:

*“Kinh đô đế vương thời xưa phần lớn ở phía Đông Sông Hoàng Hà - cho nên các vùng đất phía Bắc Sông Hoàng Hà gọi là Hà Ngoại.”*

Có thể Minh Mạng đã chọn tên gọi Hà Nội, một tên hết sức bình thường để thay tên gọi Thăng Long đầy bản chất lịch sử Việt nam, thành một tên gọi mới Hà Nội này, có thể để giải thích đây là “đất Kinh đô các đế vương thời xưa,” nhằm mục đích xoa dịu những điều dị nghị trong dân gian về việc đổi tên “Thăng Long.” Chính cách đặt tên đất “dựa theo sách cũ” đã lại được lập lại sau này, vào năm 1888. “Thành Hà Nội” và phụ cận trở thành nhượng địa của thực dân Pháp, tỉnh lỵ Hà Nội phải chuyển tới Làng Cầu Đơ (thuộc Huyện Thanh Oai, Phủ Hoài Đức). Thấy cần có một tên tỉnh mới. Người ta (quan lại Việt Nam làm việc cho Tây) đã dựa vào một câu trong sách Mạnh Tử (Lương Huệ Vương, thượng, 3)

---

[1.3]

梁惠王曰：「寡人之於國也，盡心焉耳矣！河內凶，則移其民於河東，移其粟於河內；河東凶亦然。

察鄰國之政，無如寡人之用心者；鄰國之民不加少，寡人之民不加多：何也？」

*Lương Huệ Vương viết: “Quả nhân chi ư quốc dã, tận tâm yên nhĩ hĩ ! Hà Nội hung, tặc di kỳ dân ư Hà Đông, di kỳ túc ư Hà Nội; Hà Đông hung diệc nhiên; sát lân quốc chi chánh, vô như quả nhân chi dụng tâm giả; lân quốc chi dân bất gia thiểu, quả nhân chi dân bất gia đa: hà dã ?”*

孟子對曰：「王好戰，請以戰喻。

填然鼓之，兵刃既接，棄甲曳兵而走，或百步而後止，或五十步而後止；以五十步笑百步，則何如？」

*Mạnh Tử đối viết: “Vương hảo chiến, thỉnh dĩ chiến dụ. Điền nhiên cổ chi, binh nhân ký tiếp, khí giáp duệ binh nhi tẩu, hoặc bách bộ nhi hậu chi, hoặc ngũ thập bộ nhi hậu chi; dĩ ngũ thập bộ tiếu bách bộ, tặc hà như ?”*

---

(Tạm lược dịch nôm lời của Lương Huệ Vương)

*"Hà Nội mất mùa, thì đưa dân đó về Hà Đông, đưa thóc đất này về Hà Nội, Hà Đông mất mùa cũng theo phép đó."*

Theo câu này, Tỉnh Hà Nội có tên tỉnh mới là Hà Đông, tuy rằng tỉnh này nằm ở phía Tây Sông Nhị. Đúng vị trí địa lý, thì Hà Đông (nằm phía Tây sông Nhị) phải được đặt tên là Hà Tây mới đúng (!) Thật rắc rối, nhức đầu mà vô bổ...

Cái tên gọi và sự thay đổi tên gọi của Thăng Long qua thời gian đã lắm lắm vô duyên như vậy mà vấn đề phong thủy của Thăng Long cũng lắm lắm không kém! Ông “Thầy” phong thủy Thiên Đức nhận xét là tể tướng gốc thợ chích nhà ta đã chích lộn chỗ, nói nhảm:

(trích nguyên văn lời “thầy” Thiên Đức)

*“... theo sách vở khoa phong thủy, hiếm khi nói tới thế ‘rồng cuộn hổ ngồi’ mà chỉ có đề cập đến ‘rồng châu hổ phục...’*

*Nguyễn Tấn Dũng nói về phong thủy thế ‘rồng cuộn hổ ngồi’ thì đây là thế tán gia bại sản đưa đến hậu quả phải đi ăn xin... Thật vậy, ‘Rồng cuộn’ là rồng ngủ hay rồng bệnh; ‘Hổ ngồi’ là Hổ què hay liệt? Thử hỏi cai quản một nước mà dựa vào thế ‘rồng bệnh hổ què’ thì chắc chắn phải đi ăn mày...”*

(ngưng trích)

Riêng cá nhân tôi chưa hề được cái may mắn học phong thủy “chính quy” hay phong thủy hàm thụ, cho nên không dám lạm bàn về phong thủy Thăng Long. Tôi chỉ đọc lịch sử rồi ghi lại nhận xét như sau:

Về phương diện địa thế chiến lược mà các vua chúa phong kiến và các nhà lãnh đạo vi-xi cổ xúy là “... đất cao mà bằng phẳng, vạn vật tốt tươi...,” “đất quý địa có núi cao sông sâu, nơi có thể bền vững tới hàng vạn năm (?)” Tôi thấy sự cổ xúy này có nhiều lỗ hổng như nội chỗ cần phải làm sáng tỏ... hay nói ngắn lại, đây (Thăng Long) chỉ là một miếng đất bằng, một vị trí chiến lược bất lợi cả về thủy lẫn bộ... các vua, chúa, tướng võ Việt Nam muốn giữ Thăng Long bằng quân sự đều thất bại một cách thê thảm, xấu hổ cả làng nước.

Thật vậy. Thăng Long nằm trơ trụi giữa đồng bằng Bắc phần... soi bóng sông Hồng (sông Nhị) không phải là một chỗ dễ phòng thủ mỗi khi bị các “lực lượng thù địch” tấn công Thăng Long... Nói cách khác, cứ có giặc đến đánh là phe ta thất thủ kinh đô, dù là giặc Tây, giặc Tàu hay giặc Chiêm, giặc cỏ! Thăng Long là cái chỗ “*bất khả phòng thủ.*” Đem kinh đô, thủ đô đầu não của đất nước để vào nơi không thể phòng thủ, cứ như đặt trứng gài ác. Báo chí truyền thông Tàu gần đây đã liên tục đe dọa là quân Tàu sẽ đánh chiếm dứt điểm Hà Nội trong 2 giờ đồng hồ nếu chiến tranh Việt - Trung hoa bùng nổ trở lại. Đồng chí “*vi-xi-đi-dép-lốp*” nào mà nói chuyện phòng giữ Hà Nội là nói chuyện ngu, chỉ có nước chết! Ở đó mà hùa nhau múa may tán tụng “*rông cuộn hổ ngồi,*” bất chấp bao nhiêu sự kiện thật của lịch sử.

Vua Quang Trung có lần đã nói với các tướng:

*"Thăng Long là nơi dễ bị đánh cả 4 mặt, không có sông núi để nương tựa. Năm trước, ta ra đánh đất ấy, Chúa Trịnh quả nhiên không chống nổi. Đó là chứng cứ rõ ràng."*

Tất cả các chiến dịch quân sự tấn công vào Thăng Long kể từ sau năm Canh Tuất 1010 (năm Lý Công Uẩn chọn Thăng Long làm kinh đô) đều thành công thật dễ dàng như lấy đồ vật trong túi ra. Người cầm quyền, nắm vận nước ở Thăng Long bỏ Thăng Long chạy dài dài - ngoại trừ một lần duy nhất: Đó là lần xâm lăng thứ hai của quân Nguyên (Mông Cổ) tấn công vào Thăng Long năm 1288; lần này quân Nguyên bị Trần Hưng Đạo đánh tan trong trận Bạch Đằng.

Sau đây tôi xin lần lượt đọc lịch sử và ghi chép lại các chiến dịch quân sự nhắm vào Thăng Long theo thứ tự thời gian kể từ năm Canh Tuất 1010:

- Năm 1257, Hốt Tất Liệt sai tướng Ngột Lương Hợp Thai (Wouleangotai) đem quân Nguyên sang xâm lăng Việt Nam lần thứ nhất. Quân Nguyên tiến thẳng vào Thăng Long như chỗ không

người. Vua Trần Thái Tông phải bỏ Thăng Long chạy ra Hưng Yên. Nhưng cũng may cho vận nước Việt Nam, quân Nguyên phần thì thiếu lương; phần thì quá mệt mỏi vì phải đánh trận liên tục trên một địa bàn quá rộng lớn (cả Á châu và Âu châu), đã tự ý bỏ Thăng Long rút quân về tàu.

- Năm 1288 (Nên chú ý! Đây là một ngoại lệ!) quân Nguyên dưới sự chỉ huy của Thoát Hoan đã tấn công vào Việt Nam lần thứ hai. Vua Trần Nhân Tông lần này bỏ Thăng Long chạy vào Thanh Hóa; nhưng Trần Hưng Đạo ở lại giữ Thăng Long và đánh tan quân Nguyên ở Bạch Đằng Giang.

- Năm 1370 vua Trần Nghệ Tông lên làm vua trong hoàn cảnh tranh chấp nội bộ rất kịch liệt. Lợi dụng sự rối ren chính sự của triều đình nhà Trần, vua Chiêm Thành là Chế Bồng Nga dùng thủy đạo kéo quân vào thẳng Thăng Long. Vua Nghệ Tông phải bỏ Thăng Long chạy sang Bắc Ninh lánh nạn. Quân Chiêm Thành vào Thăng Long đốt phá cung điện, cướp sạch châu báu, bắt đàn bà con gái đem về Chiêm Thành.

- Năm 1378 Chế Bồng Nga hình như không có chuyện gì quan trọng để làm ở đất Chiêm; và không có lý do gì chính đáng hơn là thấy dễ đánh dễ ăn; muốn vào Việt Nam cướp phá thêm một mớ của cải làm vốn; và nhân tiện bắt thêm một ít đàn bà con gái Việt Nam trắng trẻo chân dài, thí sinh hoa hậu về Chiêm Thành làm vật giải trí, lại theo thủy đạo một lần nữa đánh vào Thăng Long. Quân ta chống cự không nổi phải bỏ ngỏ Thăng Long cho quân Chiêm tha hồ cướp phá tùy hỷ!!!

- Năm 1390 Chế Bồng Nga lại quen ăn như bao lần trước, đem 100 chiến thuyền đánh Thăng Long; nhưng lần này xui xẻo cho Chế Bồng Nga. Có người bày tội của Chế Bồng Nga phản bội, chạy qua hàng quân nhà Trần và chỉ điểm chiến thuyền chỉ huy của Chế Bồng Nga. Tướng Trần là Trần Khắc Chân cho tập trung tất cả hỏa lực bắn vào một chiếc thuyền đó. Chế Bồng Nga đang bận “bồng em” thì bị tử trận; Chứ nếu không Thăng Long lại bị quân Chiêm

Thành đi ra đi vào cướp phá dễ như đi chợ, 3 lần trong vòng 20 năm. (May quá! Tí xíu nữa thì biết đâu bây giờ dân Việt đều là họ hàng bà con với Chế Linh cả!?! No kidding!!!)

- Năm 1786 Nguyễn Huệ đem quân từ Phú Xuân ra đánh Trịnh Khải ở Thăng Long. Trịnh Khải bỏ Thăng Long chạy trốn; sau đó bị bắt và bị giết. Nguyễn Huệ chấm dứt cái gọi là “Chúa Trịnh đàng ngoài” năm này. Nguyễn Huệ để bộ tướng là Nguyễn Hữu Chỉnh ở lại Bắc Thành (Thăng Long) và rút quân về Phú Xuân.

- Tới năm 1787 ở Bắc Thành, Nguyễn Hữu Chỉnh lộng hành cư xử y như chúa Trịnh. Nguyễn Hữu Chỉnh còn định xưng vương. Nguyễn Huệ sai tướng Vũ Văn Nhậm ra đánh Nguyễn Hữu Chỉnh ở Thăng Long. Vũ Văn Nhậm tiến quân vào Thăng Long cũng như đi chợ... Cầu Ông Lãnh; bắt sống và xé xác Nguyễn Hữu Chỉnh tại chỗ. Vua Lê Chiêu Thống hoảng sợ bỏ Thăng Long chạy sang tàu cầu cứu vua nhà Thanh; và lạy lỵ xin vua Càn Long nhà Thanh dùng quân tàu đưa mình trở lại ngai vàng ở Việt Nam (?)

- Năm 1788 lại đến lượt Vũ Văn Nhậm có ý xưng vương Bắc hà. Nguyễn Huệ phải đem quân ra Bắc lần thứ hai. Chỉ trong vòng 10 ngày là quân Nguyễn Huệ đã vào đến Thăng Long và giết Vũ Văn Nhậm. Nguyễn Huệ trao quyền cai quản Bắc Thành cho Đại tư mã Ngô Văn Sở rồi đem quân trở về Phú Xuân.

- Cuối năm 1788, Tôn Sĩ Nghị chỉ huy 20 vạn quân Thanh đem theo Lê Chiêu Thống tiến vào Thăng Long. Vì quân Thanh quá đông và thế quá mạnh, Ngô Văn Sở và quân Tây Sơn phải bỏ ngỏ Thăng Long chạy về Tam Điệp và cho người vào báo cho Nguyễn Huệ ở Phú Xuân.

- Đầu năm 1789, trong vòng có 5 ngày Vua Quang Trung Nguyễn Huệ đem 10 vạn quân Tây Sơn (bằng đúng một nửa số quân Thanh) từ Phú Xuân đánh tan tành không còn manh giáp 20 vạn quân Thanh đóng ở Thăng Long và các vùng phụ cận.

Đó là lịch sử của “Ngàn năm Thăng Long” qua các tấn công quân sự của quân Tàu, quân Chiêm Thành và cả quân Việt... vào Thăng Long.

Bây giờ hãy cùng nhau nhìn vào chi tiết sự việc Thăng Long thất thủ vào tay Thiếu tá Pháp Francis Garnier và sự chống trả của Tổng Đốc Thăng Long Nguyễn Tri Phương (năm 1873) để rồi không khỏi bùi ngùi và thắc mắc: “Quân ‘an nam mít’ ta đánh Tây kiêu gì mà ẹ quá vậy hà? Tại sao có lại thể ‘đánh đấm’ tệ đến như vậy được hở trời?”

Chính sử của ta ghi lại diễn tiến bi hùng của sự kiện lịch sử Nguyễn Tri Phương mất thành Hà nội như sau:

*“Năm 1862, Nguyễn Tri Phương được triều đình Huế cử ra Bắc làm Tổng thống Hải An vụ và bản doanh (bộ chỉ huy) của Nguyễn Tri Phương đặt tại Hà Nội (Thành Thăng Long).*

*Năm 1873 nhân vụ tên lái buôn người Pháp tên Jean Dupuis (ta dịch là Đồ Phó Nghĩa) có nhiều thái độ và hành động rất hống hách, xác xược ở Bắc như đòi tự do di chuyển buôn bán (súng, muối và than đá) từ vịnh Bắc phần lên đến Vân Nam Trung Hoa. Y còn tự tiện bắt giam quan quân người Việt đem xuống tàu; xé và thách thức bố cáo của Tổng Đốc Nguyễn Tri Phương. Trong khi Nguyễn Tri Phương còn đang xoay sở tìm cách giải quyết vấn đề Đồ Phó Nghĩa thì Soái bộ Nam Kỳ đã phái Thiếu tá Francis Garnier đem quân ra Hà Nội viện cớ để dàn xếp, bảo vệ quyền lợi của công dân Pháp nhưng thực sự là quân của Garnier sẽ phối hợp với Dupuis để uy hiếp Hà Nội sao đó.*

*Ngày 20 tháng 11 năm 1873, quân Pháp chỉ huy bởi Garnier ‘đánh úp’ thành Hà Nội. Mặc dù Nguyễn Tri Phương đã chỉ huy chống trả quyết liệt nhưng vì binh yếu, vũ khí thô sơ kém cỏi nên quân Pháp chiếm được thành. Con trai Ông là phò mã Nguyễn Lâm bị trúng đạn chết. Giặc Pháp bắt được ông trong lúc ông*

*đang bị trọng thương. Được lính Pháp cứu chữa nhưng ông đã từ chối. Sau đó ông vứt bỏ cả băng bó thuốc men, nhịn ăn cho đến 1 tháng sau thì chết (ngày 20 tháng 12 năm 1873).”*

Bài học trung dũng của Tổng đốc Hà Nội Nguyễn Tri Phương tôi đã được học qua lịch sử vào những năm cuối của bậc tiểu học vẫn còn văng vẳng bên tai và câu nói của Nguyễn Tri Phương trước khi chết vẫn làm tôi bùi ngùi:

*“Bây giờ nếu ta chỉ gắng lây lất mà sống hèn; sao bằng thung dung chết vì đại nghĩa...”*

Nhưng mà bây giờ nhờ kỹ thuật tin học tiên bộ, tôi có cơ hội đọc thêm một số tài liệu bổ túc đã được ghi chép lại trên giấy trắng mực đen, tôi mới hiểu biết thêm, qua nhiều chi tiết rõ ràng hơn, về việc mất Hà Nội của Nguyễn Tri Phương trong ngày 20 tháng 11 năm 1873.

Trong cuốn *“Hà Nội giai đoạn 1873-1888”* viết vào khoảng đầu thế kỷ 20 của sử gia André Masson đã có công bố nguyên văn báo cáo của Francis Garnier gửi cho Thống Đốc Nam Kỳ kèm theo các chi tiết cuộc tấn công Hà Nội do chính Garnier chỉ huy như sau:

(Đoạn trích dịch ra Việt ngữ bởi Lưu Đình Tuân)

*“... Năm giờ rưỡi sáng toán thứ nhất gồm 30 thủy binh và một khẩu pháo 4 do trung úy hải quân Bain de Coquerier chỉ huy rời trại để vào vị trí trước cửa Tây nam thành. 5 giờ 45 phút, toán thứ hai gồm 30 pháo thủ hải quân do ông Trentinian chỉ huy lên đường đến Cửa Đông Nam.*

*Rồi ông Esmez khi đó cũng dẫn 30 thủy binh và 3 khẩu pháo 4 cũng tiến về hội quân. Theo sau ông ta có một đội dự bị gồm 20 thủy binh. Ngoài sông Hồng, các pháo hạm Scorpion và Espignole chuẩn bị bắn phá...*



Đúng 6 giờ sáng, tôi dẫn đầu đơn vị đặt chân lên cầu lũy bán nguyệt Đông Nam. Tiếng súng trường (mousqueton) của ông Bain nổ bên trái tôi cùng những quả đạn đầu tiên của pháo thuyền ngoài sông Hồng bắn thẳng vào thành.

Quân địch hoàn toàn bất ngờ. Bị nhiều đợt tấn công dồn dập, họ không biết điểm nào là điểm thực sự bị tấn công. Chúng tôi giải tỏa cầu khỏi những tấm chông bừa bãi khắp nơi mà không sợ đạn bắn.

Khi các pháo thủ An Nam trên thành lũy vào được vị trí thì chúng tôi đã ẩn được ở sát tường công sự. Những người phòng thủ chỉ còn cách ném đá xuống.

Chúng tôi dùng rìu búa nhưng không phá được cửa thành. Tôi bèn cho đặt khẩu đại bác trên cầu và ba phát đạn liên tiếp đã mở đường cho chúng tôi. Ngay lập tức ông Trentinitan và toán bộ binh của hải quân lao vào bên trong công sự góc. Tại đây quân phòng thủ không ẩn được phải chạy lên thêm đất ở chân thành.

Làn hỏa lực mãnh liệt của chúng tôi hướng vào những người trên mặt lũy và làm thất bại ý định của các pháo thủ địch nhiều lần định chĩa pháo về phía chúng tôi.

... Trong thời gian trên, ông Esmez cho pháo chiếm vị trí trên cầu và bắn thẳng cánh cổng trong tiếng rào rào của đá từ trên lũy ném xuống. Chiếc cửa vững chắc này chống đỡ khá lâu. Khi mở được lối vào, tôi lao vào vòm cổng cùng với mấy người lính theo sau, và ngay tức khắc nhận ra trước mặt mình mấy người đang cầm lọng che cho một vị quan đang chỉ huy phòng thủ.

Tôi cũng bất ngờ khi nhận ra vị quan này chính là tướng Nguyễn Tri Phương. Sự ngẫu nhiên khiến vị trí chỉ huy của ông ta lại chính cửa tôi phải tấn công! Một cuộc đụng độ ngắn bằng súng lục đã giải quyết hoàn toàn khu vực phía cổng. Lính An Nam chạy tứ tán.

*Một lúc sau ông Esmez cho tung bay trên đỉnh cột cờ lá cờ ba màu của Pháp đồng thời cũng là tín hiệu quy ước để các pháo hạm ngoài sông ngừng bắn phá. Lúc đó là 6 giờ 55 phút. Vài phút sau cờ Pháp bay trên nãm cửa thành. Chúng tôi không có người nào bị thương...”*

(ngưng trích)

Ngoài ra có thêm một số chi tiết lịch sử quan trọng khác được André Masson ghi lại là ngay khi Francis Garnier ra đến Hà Nội ngày 16 tháng 11 năm 1873, hấn tự tiện tuyên bố mở cửa sông Hồng để tàu buôn ngoại quốc (phần lớn là người Pháp) tự do chuyên chở hàng hóa, buôn bán; và hấn tự thiết lập thuế quan mới. Sáng ngày 19 tháng 11 năm 1873 Garnier đưa tối hậu thư buộc Nguyễn Tri Phương phải giải giáp, buông súng giao thành Hà Nội cho hấn... không cần chờ đến sự trả lời của Nguyễn Tri Phương, rạng ngày 20 tháng 11 năm 1873 hấn ra lệnh nổ súng tấn công Hà nội như bản báo cáo của hấn đã ghi ở trên.

Chiến tranh nào cũng vậy, có thắng bại, có kẻ thắng người thua là chuyện phải có. Nhưng bài học Nguyễn Tri Phương mất Hà Nội xem lại cho kỹ; tôi thấy là một mối nhục lớn của dân tộc rất khó nuốt... và sự “can đảm bất khuất” của Nguyễn Tri Phương từ từ có nhiều câu hỏi hơn là câu trả lời.

Vấn đề tương quan lực lượng phải là một vấn đề lớn của chiến tranh cận đại. Muốn tấn công một vị trí có phòng thủ của địch (đồn, lũy, thành trì, tuyến phòng thủ...) lực lượng tấn công ít nhất phải đông và hỏa lực phải mạnh gấp 3 lần lực lượng phòng thủ (con số lý tưởng là phải mạnh hơn địch gấp 10 lần). Nguyễn Tri Phương lúc đó có dưới tay 7000 quân chính quy võ trang từ kiếm, thương, cung nỏ đến cả súng cầm tay và thân công (chứ không phải là tầm vông vạt nhọn theo kiểu du kích xã! Nên nhớ là lúc Nguyễn Huệ đánh Tôn Sĩ Nghị ở Thăng long, quân Tây Sơn đã đã

bắn súng như mưa rào đến nỗi khói súng bay mù mịt làm áo giáp của Nguyễn Huệ biến từ màu vàng thành màu xám đen!)

Ngoài ra, Nguyễn Tri Phương đã nhận tối hậu thư của Garnier trước một ngày bị tấn công thì không thể nói bị “đánh úp” được. Lực lượng tấn công thành Hà Nội của Garnier chỉ có vồn vẹn 110 lính thủy (loại lính TQLC ngày nay) trang bị súng “mút-cà-tông,” 4 khẩu pháo và 2 chiến thuyền (tôi đã làm một bài toán cộng tổng kết quân số của Pháp từ bản báo cáo của Garnier ghi ở trên). Vào năm 1873 súng “mút-cà-tàng” (mời quý vị xem súng mẫu bày trong viện bảo tàng hoặc phim ci-nê loại “David Crockett” của Mỹ thì rõ hơn) và đại bác thần công đều là loại vũ khí nạp thuốc súng và đạn viên bi từ đằng mũi vào (rồi lấy cây sắt thụt lia lịa vào từ mũi súng cho chặt). Tính trung bình cứ 10 phút đồng hồ súng mới bắn được 1 viên (không kể viên đạn bị tịt ngòi) chứ không phải là loại súng liên thanh M16 hay AK47 như bây giờ mà quân Tây cứ quạt lia lịa đầu vào quân ta (!) Như vậy mà chỉ trong vòng có 70 phút đồng hồ (phát súng đầu tiên của quân Tây bắn lúc 5 giờ 45 sáng; đến 6 giờ 55 sáng Garnier đã hoàn toàn chiếm xong Hà Nội) Garnier đã bắt sống được Nguyễn Tri Phương rồi (?) Quân nhà Nguyễn đánh quân Tây Sơn lúc trước mạnh giỏi lắm cơ mà! Sao bây giờ quân Nhà Nguyễn giờ đánh Tây cái kiểu gì vậy hở trời? Nguyễn Tri Phương nếu chạy thoát khỏi trận thất thủ Hà Nội này có lẽ sẽ bị giáng chức và đưa ra tòa án quân sự mặt trận là đảng khác???

Chợ Thăng Long là kinh đô trên 1000 năm rồi mà dân trí, văn minh của dân Việt vẫn đội sổ so với các dân tộc khác ở Đông Nam Á châu (chưa nói đến việc so sánh với các dân tộc khác văn minh hơn ở Âu châu và Mỹ châu) thì “là nơi thăng địa, thực là chỗ tụ hội quan yếu của bốn phương” chỗ nào? Tính sổ lại sau 1000 năm dân Việt ta chỉ có một cái may mắn là chưa bị đồng hóa thành người Tàu (Trung Hoa) hay Chàm (Chiêm Thành). Thành ra “Ngàn Năm” hay “Ngàn Lẻ Một Năm” hay “Một Vạn Năm” Thăng Long cũng không có nghĩa gì nếu nhìn vào sự ấm no của dân tộc - Năm 2010 mà lợi tức quân bình tính trên đầu người (Income Per Capita) vẫn dưới “Một Ngàn” đô la - hiện tình đất

nước và vị trí / chỗ đứng của đất nước trên thế giới... chưa nói đến các diễn biến quân sự ở Thăng Long qua lịch sử trong “Một Ngàn” năm qua như tôi vừa liệt kê ở trên.

Theo tôi, sở dĩ cộng sản cần phải làm to chuyện “*Ngàn Năm Thăng Long*” bởi vì Hà Nội có 3 “dấu ấn” của vi-xi:

- Bản tuyên ngôn độc lập mà HCM đọc tại quảng trường Ba Đình Hà Nội sau khi Việt minh cướp chính quyền và lườm gạt, thủ tiêu tất cả các đảng phái hợp tác cho sự thành công của cộng sản (ngày 2 tháng 9 năm 1945).

- Hà Nội được chính quyền cộng sản chọn là thủ đô nước “Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa” (từ 2 tháng 9 năm 1945) và sau đó của nước “Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam” (từ 2 tháng 7 năm 1976 đến nay).

- Và quan trọng hơn hết là Hà Nội hiện vẫn còn có “lăng” giữ xác chết của HCM.

Cái xác này đang thối đến mức độ hết thuốc chữa... Khoa học gia Trung cộng được đảng ta mời đến Hà Nội đề “bảo quản” xác HCM cũng đã chào thua rồi... Tôi thấy thay vì tổ chức linh đình “Ngàn Năm Thăng Long” thì nên chờ tới ngày 2 tháng 9 năm 2010 này tổ chức đại một cái “41 Năm Hồ Chủ Tịch... tịch” rồi lấy xác Bác ra khỏi lăng; đem đi chôn lẹ lẹ cho boác có cơ hội yên mồ yên mả; chứ để lâu hơn tí nữa đến lúc nhân dân đã phản uất quá cùng nhau nổi dậy dẹp đảng cộng sản Việt Nam (như bài học của Liên xô và xác Lê-nin) thì chắc chắn cái xác thối “bác Hồ” không có đất để chôn...

Theo tôi, còn một lý do rất quan trọng khác mà chính quyền Hà Nội định tổ chức ngày “Ngàn Năm Thăng Long” kỳ này là để đảng cộng sản Việt Nam quang vinh ta có dịp trả lễ đảng cộng sản Trung Quốc đã tận lực bao che đảng ta suốt bao năm qua. Đây là dịp “Ngàn Năm” để mời con cháu Mã Viện và Cao Biền sang nước

ta đi tìm lại và đánh bóng cái “*đồng trụ*” (*chiết*) Mã Viện đã trồng ở Việt Nam thuở xa xưa; đồng thời tu bổ lại, “*khơi*” lại vài trăm cái “*giếng khơi*” mà Cao biền đã cho đào chung quanh Thăng Long để chặn khí huyết của Việt Nam cũng ở thuở xa xưa...

Ai mà biết được???

Ấy thế mà nghe chừng có một vài tờ báo Việt ngữ ở hải ngoại cũng đang “*hồ hởi*” tính toán “*liên hoan*” kỷ niệm 1000 năm Thăng Long đây!



## Văn hóa nói nhảm

*“Nếu một vật có bốn chân mà không phải là cái ghế; có hai cánh mà không phải là máy bay; bơi được mà không phải là tàu ngầm thì anh Tàu sẽ ăn được ráo”*

(Hoàng tử Philip – Chồng của Nữ Hoàng Anh Elizabeth Đệ Nhị)

*“If it has four legs and it isn't a chair; if it has two wings and it isn't a plane; and if it swims and it isn't a submarine, the Chinese will eat it!”*

(Prince Philip – Queen Elizabeth II's Husband)

\*

### Lời ráo đầu:

*Lịch sử nói chung ít khi ghi lại những lời nói nhảm... Trong thực tế, việc nói nhảm đã có từ lúc con người biết dùng lời nói để liên lạc với nhau, trước cả khi chữ viết được phát minh. Già hay trẻ; nổi tiếng hay vô danh tiểu tốt đều có cơ hội nói nhảm. Nói nhảm mới đúng là một “cơ hội bình đẳng” (one equal opportunity) cho mọi người!*

**TVG**

\*

Nguyên nhân nào làm con người nói nhảm (*making dumb / stupid statements*)?

Thật oái oăm! Tôi nhận thấy cái nguyên nhân chính làm con người nói nhảm (và được ghi lại) là vì họ là người có sẵn nhiều quyền lực, nổi tiếng... Ấy! Người thấp cổ bé họng cũng nói nhảm; nhưng lời nhảm của dân bé họng chẳng có ai huờn để ghi chép lại làm quái gì! Ai mà biết được? Hu ke? Qua những dòng kẻ tiếp dưới đây, quý vị đọc giả sẽ có dịp đọc lại (và ôn lại) lời nói rất nhảm của các nhân vật “trí tuệ cao” lãnh đạo đảng cs và nhà nước csvn để rồi tự mình đặt câu hỏi cho mình:

*“Tại sao lại có thể như thế được? Rồi đất nước mình sẽ đi về đâu?”*

Riêng phần tôi (người viết bài này) sẽ lần lượt viết kèm theo các lời nói nhảm “cao cấp” một vài lời bàn (cũng nhảm) gọi là “trước mua vui sau làm nghĩa.” Người viết e rằng bài này cũng lại bị liệt vào loại “viết nhảm.” E ngại là chuyện cá nhân, là “equal opportunity,” còn phản ứng của đọc giả lại là chuyện khác. Tất cả còn tùy... Hãy xem.

Đứng đầu danh sách nói nhảm phải kể chủ tịch nhà nước kiêm danh hài Nguyễn Minh Triết lùn. Câu nói bất hủ của Triết lùn trước quan viên thông tin quốc tế ở Havana, Cuba là:

*“Cu ba ngủ thì Cu ta thức!”*

Trời đất! Nghe nói bi giờ trong nước Cu ta có nhiều tự do hơn lúc trước thành ra tôi cũng thắc mắc là nếu Cu ta thức và không chịu nằm yên thì Cu ta đi theo lẽ bên phải hay lẽ bên trái? Tuy là đã có dạy dỗ, có học tập tốt; và nhất là có cho thêm tí “tự lo” (!) nhưng Cu ta cũng chưa hẳn đã phân biệt được lẽ nào là lẽ bên phải? lẽ nào là lẽ bên trái? Cứ quờ quờ quạng quạng đi chàng hăng ở “làn” giữa thì có ngày toi mạng như đồng chí (đ/c) Thượng tướng công



an Nguyễn văn Hưởng đã “cảnh báo” ngày 26/07/2010 trong bài “*Hãy hiểu đúng về nhân quyền Việt Nam*” đăng trên ấn bản số 1 của “*Tạp chí nhân quyền Việt Nam*” nguyên văn như sau:

*“Nước ta Đảng lãnh đạo, không có phản biện gì cả, phản biện là phản động... Các anh muốn phản biện hả? Nhà tù còn nhiều chỗ lắm! Mà cũng chẳng cần bắt bỏ tù đày làm gì; Thời buổi này, tai nạn giao thông là chuyện cơm bữa; Mà cũng chẳng cần tống xe làm gì, buổi sáng các vị đi uống cà phê, về tới nhà cứng đơ, không làm gì được nữa. Các nước người ta đều biết kỹ thuật này, chúng tôi cũng chẳng thua đâu.”*

Ồi giờ đất thiên địa ơi! Cường độ sự căng thẳng của từng câu một mỗi lúc gia tăng thêm! Nghe thiệt ón muốn nổi da gà! Hãi thật! Ông tướng (?) CA này mới thực sự là người đã thâm nhuần “*tư tưởng và đạo đức HCM...*” Không biết nhà nước và đảng ta còn có cái “chức” hay cái “hàm” nào cao hơn chức Thượng tướng để vinh thăng cho ông tướng này... Mà hình như đảng ta đã có sẵn một cái danh hiệu “xịn” hơn cái “hàm” Thượng tướng nhiều. Đó là danh hiệu “*Nhân dân:*” Thượng tướng nhà ta xứng đáng được tặng tước hiệu “*Thượng tướng nhân dân;*” Tương tự như các danh hiệu “cực” vinh dự “nhân dân” (do Hội đồng Thi đua và Khen thưởng Quốc gia xét và Chủ tịch nước Việt Nam ký quyết định trao tặng cho những những người đã có cống hiến xuất sắc trong sự nghiệp – theo như wikipedia vi-xi mô tả) khác như là Nhà giáo nhân dân, Nhà văn nhân dân, Nhà thơ nhân dân, Nhà thổ nhân dân, Kiến trúc sư nhân dân, Thầy thuốc nhân dân, Thầy chạy nhân dân, Kiểm sát viên nhân dân, Nghệ sĩ nhân dân, Bịt miệng nhân dân... Dân ngu khu đen khó rách áo ôm nếu cố gắng công tác “tốt” (?) chẳng hạn như bót đá rong, bót ỉa bậy... sẽ được phong “*Nhân dân nhân dân.*”(vì “nhân dân” ta đã có sẵn cái hai chữ “nhân dân” cao quý dính chặt ở khu từ hồi nào tới giờ rồi còn gì?)

Ngày 3 tháng 8 năm 2007, đ/c Lê Doãn Hợp Bộ trưởng Bộ 4T (Thông Tin - Truyền Thông - chớ không phải là Tình Tiên Từ Tự

tử) đã nhấn nhủ một lúc hơn 700 tờ báo... hại toàn quốc về vấn đề “*lề phải lề trái*” nguyên văn là:

*“Qui chế quản lý báo chí chính là để cho chúng ta tự do hơn; lâu nay chúng ta quản lý theo mệnh lệnh. Chúng ta hoàn toàn có tự do nếu đi đúng lề bên phải, và chúng tôi cố gắng làm cho các đồng chí lề đường đó.”*

Thật quý hóa cho làng báo... ló! Đ/c Bộ trưởng còn sợ là báo ló ta còn “mông muội” chẳng hiểu “quản lý” là cái củ cái gì (cơ sự là một số lớn các đồng chí Tổng biên tập / Phó tổng biên tập / biên tập viên... cho đến bi giờ vẫn còn chưa phân biệt được ‘quản lý’ với ‘quản ní’ mới chết chứ!) cho nên đ/c chí Bộ trưởng ra công làm phước giải nghĩa thêm cho thông thoáng chữ “quản lý” như thế này:

*“Quản lý là ‘quản’ có ‘lý.’ Bao gồm cả ‘đạo lý’ và ‘nguyên lý!’ ”*

Lời giải nghĩa thật tài tình tương tự như “*một sợi chỉ đỏ xuyên suốt chiều dài*” của cuốn tự điển Việt Nam. Thật đáng đồng tiền bát gạo của chức vụ / vai trò bộ trưởng chính phủ nước xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Kể ra, các đ/c của bộ chính trị người nào cũng sáng dạ và không ngại “nhiệt liệt bồi dưỡng” cho kho tàng chữ nghĩa trong sáng của “Kách mệnh.”

Thực ra, theo tôi, đ/c Lê Doãn Hợp muốn nói thế này này (tiếng Mỹ nó nói nôm na là “You know what I mean?”):

*“Phải bịt mồm những ‘thằng’ chống đối cái ‘tự do ngôn luận’ mà đảng và nhà nước đã vạch ra cho báo chí.”*

Đã nghe rõ chưa nào? (phucdu@#&% Ai không nghe rõ đưa tay lên!)

“Tự do ngôn luận” là món ăn xa xỉ của xứ sở loại “ra đầu ngô là gặp công an (?)” như Việt Nam độc lập tự lo hạnh phúc. Đ/c

Nguyễn Viết Thịnh, Đại biểu quốc hội (?) thành phố Hà Nội đã lên tiếng dùm cho đám “dân chúng nghèo” rồi mà.

(nguyên văn):

*“Nhân quyền là những giá trị chung. Nhưng sự áp dụng nhân quyền là tùy thuộc mức độ kinh tế của quần chúng: Đối với dân chúng nghèo họ không quan tâm đến tự do ngôn luận mà quan tâm về sự ăn uống, đói no.”*

Lời “giải lí” này hoàn toàn hợp lẽ với câu trả lời trước đây của đ/c Nguyễn Cơ Thạch, cựu ngoại trưởng vi-xi.

Chuyện là, một thời gian sau khi “giải phóng,” tình trạng kinh tế nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam thấy chẳng giống con giáp nào? Trong một buổi họp báo, báo chí và quan sát viên quốc tế có đặt câu hỏi với đ/c Nguyễn Cơ Thạch, về vấn đề quá chán ngán cho kinh tế “phát triển từng bước lên xã hội chủ nghĩa” của Việt Nam sau chiến tranh, thì đ/c ngoại trưởng nước ta đã giải thích là:

*“Không phải là chúng tôi (csvn) không làm được gì. Chúng tôi đã ‘phân phát’ sự nghèo đói đồng đều cho quần chúng.”*

(Sau đây là nguyên văn lời của đ/c Nguyễn Cơ Thạch nói bằng Anh ngữ:

*“We are not without accomplishment. We have managed to distribute the poverty equally.”*)

Nhảm? Hay là sự thật? Câu trả lời của tôi có thể là: “Cả hai.” Lâu lắm mới nghe thấy cán bộ cao cấp TƯ đảng csvn nói được một câu nhảm mà nghe được, cần phải được “đánh giá cao!”

Thời gian gần đây, cứ vài tháng là lại có vài trang mạng, “blogs” cá nhân lỡ đạp nhầm “lề bên trái” bị đánh cắp tên miền (hack

domain name), mất bài (erase database), bị cài đặt “virus” độc địa v..v.. Ai là thủ phạm? Không cần phải chờ các kỹ thuật gia của các trang mạng tra tìm ra thủ phạm, Trung tướng công an Vũ Hải Triều, Tổng cục phó tổng cục an ninh, trong một Hội nghị báo chí toàn quốc, đã khoe thành tích là:

*“Trong mấy tháng qua, bộ phận kỹ thuật của ta (tức Tổng cục An ninh) đã phá sập trên 300 báo mạng và ‘blog’ cá nhân xấu.”*

Các báo mạng và “blog” cá nhân đã nói gì ‘xấu’? viết gì ‘xấu’? mà bị phá sập? Họ đã không theo chỉ thị của “quan chức” nhà nước là: không được chạm đến các đề tài “nhậy cảm” như “Trung quốc là đối tác,” “Tình hữu nghị với 16 chữ vàng,” “vấn đề biên đông,” “kinh tế bên bờ vực thẳm,” “các đại gia và quan chức nhà nước liên quan đến các dự án có nhiều nghi vấn tiền bạc...” Riêng các báo, đài, điện báo trong nước “không thông hiểu nhiệm vụ chính trị” phi phạm thì sẽ bị trừng phạt khắt khe (Tổng biên tập, phó tổng biên tập, biên tập viên... bị giáng chức, thuyên chuyển, viết bài phản tỉnh, kiểm thảo...)

Bác Hồ đã dạy dỗ và mô tả rõ ràng (?) cái “lề bên phải” là:

*“... khi viết phải đặt vấn đề: Viết cái gì? Viết cho ai? Viết như thế nào?”*

Nếu báo, đài, báo điện tử, “blog” cá nhân mà lỡ dại “nghe không rõ” thì mau đọc đi đọc lại nhiều lần lời lẽ thật “xúc tích hùng hồn” của Trung tá công an Hoàng Trọng Dũng “trao đổi” với blogger “Điều Cày” Nguyễn Văn Hải trong tù như sau:

*“Ở đây chỉ có tao và mày. Mày không khai ra thì tao đánh cho bác sĩ nhìn mày không ra; luật sư mày tìm mày không thấy... Mày không khai ra thì tao sẽ nhốt mày với tù nhân có bệnh ‘Sida’ để cho mày nhiễm bệnh. Tao sẽ pha thuốc vào nước cho mày uống để mày tiêu chảy cho đến mức suy kiệt mà chết.”*

Hãi thật! “Nhảm” đâu không biết nhưng chỉ nghe thoáng qua là “rét” teo đé ngay. Cương điệu cũng y chang lời của Thượng tướng CA Nguyễn Văn Hưởng nêu ra ở trên. Bồ bảo cũng không dám hó hé theo bước chân của Điều Cày! Vào thời đồ đồng, đồ đá người ta cũng dàn xếp các chuyện phải quấy, các dị biệt cá nhân bằng cách đẹp mắt như vậy: Cứ lấy thịt đè người là xong chuyện cả; đâu cần đến luật lệ làm chi cho mất ngày giờ. Cũng nên biết thêm Điều cày bị bắt và bị đánh thê thảm chỉ vì viết “blog” và phát áo thun liên quan đến vấn đề “xấu” đang có nhiều tranh cãi: “*Hoàng sa, Trường sa là của Việt Nam;*” chứ Điều cày không (chưa dám) biểu tình, chống đối chính phủ cs đâu! Bồ bảo!...

Phải thành thực mà nói, lời nói nhảm có “đẳng cấp,” “cao cấp” bậc nhất của chế độ phải là của đ/c Trần Quý Tường, Phó Cục trưởng Cục Quản lý KCB/Bộ Y tế. Đ/c Trần Quý Tường có lẽ học cùng trường làng (hay cùng lớp hàm thụ khóa hài) với đ/c Triết lùn. Tuy nhiên lời của đ/c Trần Quý Tường nổi bật hơn lời của Triết lùn bởi vì nó nói lên cái “lô gíc” thâm thúy, cái “tư duy” khoa học phân tách theo văn minh Mác-Lê của con người cộng sản. Đó là câu:

*“Người có vòng đo ngực trung bình dưới 72 cm không được cấp bằng lái hạng A1, tức cũng không được đi xe trên 50cc.”*

Cứ “tuân thủ” theo cách tính toán tỉ mỉ cặn kẽ như thế này thì em Hồ Lệ Thu (người đẹp “2 quả bưởi” đứng tắm vôi sen sau 5 phút mà chân chưa kịp ướt!) phải được cấp một cách “vô tu” (miễn thi) một bằng lái hạng A30 (hạng A1 là đồ bỏ!), tức là lái xe 1500 cc. Thật là chuyện *botay.com*. Hết biết. Cũng may cho các em xấu số bị trời phạt phải mang bộ “ngực lép” (mà lại không có đủ kinh tế để bơm nâng cấp ví lên!) là đ/c Trần Quý Tường sau khi tinh táo hơn một tí (có lẽ nhờ nóc vài viên “Viagra” mua chợ đen?) đã rút lại cái luật độc nhất vô nhị trên mặt đất này... Nếu nói đây là chuyện chỉ có ở CHXHCN Việt Nam thì cũng không có gì quá đáng!

Chưa hết... Ngày 2 tháng 11 năm 2008, đ/c Bí thư thành ủy Hà Nội Phạm Quang Nghị cũng tuyên bố “linh tinh” khi trả lời “VietNamNet,” một trang mạng dưới sự kiểm soát của chính quyền cs, về trận mưa lụt ngày 31 tháng 10 gây thiệt hại nặng nề về sinh mạng và tài sản tại Hà Nội là:

*“Nhân dân ta bây giờ so với ngày xưa (?) ỷ lại Nhà nước lắm. Cứ chờ trên về, chờ cung cấp cái này, hỗ trợ cái kia chứ không đem hết sức mình ra tự làm... Trận mưa lụt là cuộc tổng diễn tập cho tương lai.”*

Ồ hay nhê! Nhà nước ta vẫn được quảng bá liên khúc bất tận qua các loa phường (và cũng có ghi hấn hoi trên giấy trắng mực đen của Hiến pháp nước CHXHCN Việt Nam) là Nhà nước ta là “Nhà nước của dân, vì dân và do dân” thì Nhà nước chỉ có một việc tối hậu là phải làm cho dân những gì họ không thể làm được; mà Nhà nước lo cho dân mình chứ phải lo cho dân tàu vị yếu củ cải muối ở tỉnh Cam túc đâu mà phải vội “chém vè,” tuyên bố nhảm. Thôi nhé em Hà Nội phố! Từ nay em đã biết thân phận thấp cổ bé họng thì cố gắng tập tạ, dưỡng sức trước; lần sau có lũ lụt thì còn có sức mà tát nước (sang đất nhà hàng xóm?) lấy một mình. Nhà nước đang bận tiếp đối tác thương mại đấy; không có thời giờ rảnh đâu!

## **Lời kết**

Tôi xin mượn một đoạn trích từ bản “*Báo cáo Chính trị của Đảng csvn*” để kết thúc bài “văn hóa nói nhảm:”

*“Đây là một vấn đề nghiêm túc (có lẽ là v/đ nói nhảm) và chúng ta phải nói với một thái độ nghiêm túc của một công dân ‘đi đúng lề bên phải’. Chúng ta có quyền yêu cầu người khác cũng ‘phải đi đúng lề bên phải’ như chúng ta, bất kỳ họ là ai! Như thế mới gọi là là “xây dựng xã hội công bằng dân chủ văn minh”*

## Con cháu các cụ!

*"Cái nhà là nhà của ta  
Công khó ông cha làm ra (\*)  
Cháu con phải gìn giữ lấy  
Muôn năm giữ nước giữ nhà..."*  
(Đồng dao)

(\*) Có bản viết là: “Ông Cố ông Cha lập ra.”

### Lời mở đầu:

Nhân dịp Nông Đức Tuấn, 47 tuổi, con trai của Tổng bí thư Nông Đức Mạnh vừa được bầu làm bí thư tỉnh ủy Bắc Giang (với 100% số phiếu tán thành!) trong một phiên họp “đột xuất” của ban chấp hành Đảng bộ tỉnh ngày 3 tháng 8 năm 2010 vừa qua, tôi chẳng dặng dưng phải vội viết bài này trước khi nhân dân ta trách là:

*“Sao chẳng thấy ai nói năng gì vậy hà? Bộ mấy ông (?) câm và đui hết rồi hay sao?”*

**TVG**

\*

Trước năm 1975, miền Nam Việt Nam có một câu nói để chỉ một tệ trạng liên quan đến vấn đề quyền lợi, tham nhũng mà giới ăn trên ngồi trốc trong chính phủ hoặc quân đội dành cho anh em, con cháu họ hàng thân thuộc của họ. Đó là vấn đề gọi là “Xê ô xê xê - COCC – *Con Ông Cháu Cha*.” Riêng đối với cs quốc tế và vi-xi, cái tệ trạng này là một văn hóa “đặc trưng” đã được coi là “*nền tảng tinh túy, là động lực và mục tiêu của của mọi hoạt động trong trên lĩnh vực chính trị, kinh tế và xã hội trong chế độ cộng sản. Đây cũng là một ‘năng lượng’ vô giá đã ‘lan tỏa’ và ‘nhiệt liệt’ ‘biểu dương’ phẩm chất của con người công sản xuyên qua mọi ngành mọi giới từ trung ương đến địa phương...*” (tôi phải tận dụng những chữ của cs mới diễn tả trọn vẹn cái “cốt lõi” của sự “tha hóa” trong chế độ này!) Xin lưu ý. Đây là “đồ thật;” không phải là “Đồ sơn” đâu! Csvn còn gọi cái tệ trạng rất thối này một cách văn hoa đượm màu “văn hóa đảng” nôm na là “Bốn C - CCCC - *Con Cháu Các Cụ!*” (hoặc 5 C- CCCCC: “*Con Cháu Các Cụ Cả*”). Chữ “Cụ” ở đây dùng là để chỉ các “Cụ trong dân,” (‘rận trong c.’) các “Cụ đồng chí đảng viên cao cấp” của bộ chính trị có quyền lực truyền từ đời cha, đến đời con, đời cháu... Chẳng khác gì một hình thức “cướp công khai giữa ban ngày” không cần phải dấu diếm, vờ vĩnh, giả tảng hay đánh du kích... Có khác gì văn minh của thời kỳ đồ đá, bộ lạc, phong kiến man rợ!

Nhiều tài liệu đã ghi lại là cộng sản quốc tế rất nổi tiếng về vấn đề “*Bốn C*” này từ lâu lắm rồi. Vài bằng chứng tiêu biểu như sau:

- Fidel Castro vì vấn đề sức khỏe, trao quyền (transfer power) chủ tịch nhà nước và tư lệnh quân đội cho em ruột là Raul Castro ngày 31 tháng 7 năm 2006.

- Kim Chính Nhật (Kim Jong-il) lên nắm quyền thay cho bố là Kim Nhật Thành làm Chủ tịch nhà nước “suốt đời” (Eternal President) ngay sau khi Kim nhật Thành “hui nhị tí” vì bệnh tim ngày 8 tháng 7 năm 1994. Kim chính Nhật sẽ dự định chính thức trao quyền cho con trai út là Kim Chính Ân (Kim Jong-un) vào



ngày kỷ niệm sinh nhật 100 năm sắp tới của “lãnh tụ vĩ đại” Kim Nhật Thành (nhằm ngày 15 tháng 4 năm 2012). Nên biết thêm, Kim Chính Nhật đáng lẽ ra đã chuẩn bị trao quyền cho đứa con trai cả; nhưng thằng em này bị truất phế vai trò “thái tử” sau khi hắn bị cảnh sát Nhật bắt lúc hắn lén đi vào Disneyland ở Tokyo; Còn thằng con trai thứ 2 thì hơi "pê-đê" nên Kim Chính Nhật không cho vào danh sách thừa kế ngay từ đầu; chỉ còn tên con út tuy hơi đàn và béo nhưng còn xài tạm được!

- Hun sen, Thủ tướng cộng sản Cam bốt, bổ nhiệm con gái là Hun Mana làm “Phụ tá văn phòng Phủ thủ tướng” ngày 11 tháng 9 năm 2008. Nên biết mẹ Hun Mana trước khi lên làm phụ tá cho ông bố thủ tướng thì đang làm Tổng giám đốc (đầy quyền lực về truyền thông và tuyên truyền) của đài truyền hình và phát thanh Bayon (Director General of Bayon Television and Radio). Ngoài ra, trước đó Hun sen đã bổ nhiệm em họ (first cousin) là Hun Chouch – còn có tên khác là Dy Chouch - làm Tổng giám đốc chương trình khai thác gỗ (logging business) to lớn và béo bở nhất của nước Cam bốt...

- Mao Tân Vũ (Mao Xinyu) 40 tuổi, con trai của Mao Ngạn Thanh (Mao Anqing) - người con thứ hai của Mao Trạch Đông, vừa được thăng cấp Trung tướng (một tướng trẻ tuổi nhất của quân lực Trung cộng) ngày 4 tháng 8 năm 2010. Nên biết, Mao Tân Vũ chỉ vừa mới được thăng Thiếu tướng năm ngoái (2009)!

....

**Tại sao chế độ cs lại phải cần có “4C” (CCCC?)**  
[hay "5C" cũng vậy "Con Cháu Các Cự Cả" (CCCC)?]

Cũng dễ hiểu. Có hai 2 lý do căn bản:

- **Quyền lợi** (và quyền lực): Được duy trì một cách liên tục không gián đoạn qua thời gian.

- **An ninh:** Lý do này còn quan trọng hơn cả vấn đề quyền lợi. Không có người thừa kế với thế lực mạnh bảo vệ thì sẽ có thể mất hết những gì mà “các cụ” đã ki cốp “tiếp thu” từ bao ngày trước!

Bây giờ nói đến chuyện “CCCC” ở nước “*Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt nam; Kinh tế thị trường, định hướng xã hội chủ nghĩa.*”

### **Nông Đức Mạnh / Nông Đức Tuấn**

(\* Phần này viết dựa theo một số sự kiện đăng trên “*blog Free Lê Công Định*”)

Bản thân Nông Đức Mạnh và chức vị ngon lành nhất nước “Tổng bí thư đảng csvn” đã có nhiều nghi vấn lưu truyền rộng rãi trong dân gian. Có nhiều lời đồn đãi cho rằng Nông Đức Mạnh là con không chính thức của “cha già dân tộc” HCM và hộ lý / “tình nhân bất hạnh” Nông Thị Xuân (?) Khi báo chí ngoại quốc đặt câu hỏi trực tiếp với Nông Đức Mạnh về vấn đề “Nông Đức Mạnh có phải là con của HCM hay không?” thì Nông Đức Mạnh trả lời lơ lửng con cá vàng theo kiểu “huê vốn muốn hiểu sao cũng được” là:

*“Dân Việt Nam ai cũng là con bác Hồ cả!”* (sic – thiệt hông?)

Thiệt tình! Chú Nông Đức Mạnh à! “Con bác Hồ” có hai loại “Con” khác nhau: “Con thật” và “Con dỏm.” Loại “con thật” như chú Nông Đức Mạnh thì mới có cơ hội “đục mạnh.” Chứ loại “con dỏm” cỡ dân ngu khu đen vô sản ăn mày ở chợ Đồng xuân thì vẫn muôn đời là dân ngu khu đen ăn mày vô sản thôi.

Từ quyết định của bộ chính trị trung ương đi đến một đại hội “đột xuất” của ban chấp hành đảng bộ tỉnh Bắc Giang, Nông Đức Tuấn, con trai Nông Đức Mạnh, được bầu với số phiếu tán thành 100% (OMG! Lại chăm phần chăm?) vào chức vụ Bí thư tỉnh Bắc giang. Việc bầu bán chỉ là một hình thức chiếu lệ đi sau chỉ thị ngầm của bộ chính trị. Điều cần lưu ý là đồng chí đương nhiệm Đào xuân

Cần bị bãi chức mà không thấy có một thông báo chính thức nào từ đảng csvn về sự vi phạm kỷ luật hay hành vi sai lầm nào! Sự quyết định thay thế cho thấy có một sự chuẩn bị, dàn xếp nhân sự trước khi đại hội đảng lần thứ XI của đảng cs.

Qua chức vụ mới “Bí thư tỉnh ủy” Nông Đức Tuấn đương nhiên sẽ trở thành “Ủy viên trung ương” của “Ban chấp hành trung ương đảng.” Đây là một cơ chế (gồm 180 ủy viên) sẽ quyết định cho kết quả “Đảng đề cử dân bầu” các ghế lãnh đạo cao cấp của đảng sắp tới.

Nông Đức Mạnh, đương nhiệm chức vụ Tổng bí thư đảng, trước viễn ảnh khó tiếp tục giữ vai trò số 1 của bộ chính trị trung ương trong kỳ đại hội đảng lần thứ XI, đã đẩy mạnh kế hoạch mà hai cha con nhà Nông đã tính toán từ trước dọn đường hoạn lộ lâu dài cho con, chứ không phải chuyện “bất ngờ” hay tình cờ đâu. Đừng có mà tưởng bở.

Trên giấy tờ, Nông Đức Tuấn sinh ngày 12 tháng 7 năm 1963 tại xã Cường lợi, huyện Na rì, tỉnh Bắc Kạn (?)

Nông Đức Tuấn rời Việt Nam lúc 18 tuổi (vào tháng 9 năm 1981) để đi làm “công nhân xuất khẩu lao động” tại Singwits Đông đức. Vào thời điểm này (1981), Nông Đức Mạnh là Phó bí thư, Chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh Bắc thái. Với ông cha làm lớn như vậy mà tại sao thằng con lại phải đi “xuất cảng lao động?” Nhiều nguồn tin tiết lộ là Nông Đức Mạnh cho con đi Đông đức “lao động trá hình” để cai nghiện ma túy!

Nông Đức Tuấn rời Việt Nam lúc 18 tuổi thì nếu giỏi lắm, hẳn cũng chỉ học hết bậc trung học là cùng. Nông Đức Tuấn trở về Việt Nam cuối năm 1988. Không thấy có ghi chép nào về việc Nông Đức Tuấn học hành ra sao sau năm 1988? 12 năm sau (vào tháng 12 năm 2000) tên Nông Đức Tuấn thấy xuất hiện trên báo chí cs với chức vụ “Phó chủ tịch thường trực trung ương hội thanh niên Việt Nam.” Đến tháng 12 năm 2004, Nông Đức Tuấn là thành viên

của “Ban bí thư thành đoàn thanh niên cộng sản Hồ chí minh.” Tháng 1 năm 2008, Nguyễn Tấn Dũng bổ nhiệm Nông Đức Tuấn vào chức vụ “Phó chủ nhiệm Ủy ban dân tộc.” Tháng 4 năm 2009, Nông Đức Tuấn trở về Bắc giang giữ chức “Phó bí thư tỉnh ủy phụ trách công tác xây dựng đảng” và chờ thời cơ để bố kéo lên thành “Bí thư tỉnh ủy” ngày 3 tháng 8 vừa qua. (Bên cạnh một lô các chức vụ vừa kể, Nông Đức Tuấn còn là “Đại biểu quốc hội tỉnh Sơn la! Sao mà lắm chức đến thế! Tuy nhiên, không thấy Nông Đức Tuấn có sinh hoạt gì về cái chức tước nghiệp dư kênh càng “Đại biểu quốc hội này?)

Điều đáng chú ý là từ khi đi “lao động xuất cảng” ở Đức về, không ai biết và thấy Nông Đức Tuấn học hành gì cả mà tiêu sử của Nông Đức Tuấn ghi là có 2 bằng cử nhân (1 bằng cử nhân về kinh tế và 1 bằng cử nhân về chính trị). Không lẽ Nông Đức Tuấn tự học đại học tại gia? Mà chúng ta có lạ gì về phần thông tin việc học hành và bằng cấp của giới lãnh đạo cs cứ như “bí mật quốc gia!” Đọc giả yên chí. Cứ thông thả ngồi gãi... đùi chờ xem. Không bao lâu nữa chuyện Nông Đức Tuấn có bằng dỏm sẽ nổ bung ra toàn quốc cho mà xem!

Thực chất của cái “CCCC” bày ra ở đây: chẳng phải làm gì đồ mờ hôi mà cứ được bổ nhiệm, lên chức ào ào... Hiên nhiên, thời cơ của Nông Đức Tuấn đang thực sự bắt đầu...

### **Nguyễn Chí Thanh / Nguyễn Chí Vịnh**

*(\* Phần này viết dựa theo một số sự kiện đăng ngày 15 tháng 9 năm 2008 của tác giả Võ Đông Đội)*

Nguyễn Chí Vịnh sinh ngày 15 tháng 6 năm 1957 tại Hà nội. Nguyễn Chí Vịnh là con út của Đại tướng vi-xi Nguyễn Chí Thanh Bí thư Trung ương cục miền Nam, kiêm Chính ủy Quân giải phóng miền Nam. Nguyễn Chí Thanh chết năm 1967 và có lời đồn (?) là “người” được "bom chùm" của máy bay B-52 “Đế quốc Mỹ” cho giải ngũ sớm hơn hạn định ở mặt trận Nam bộ.

Tiêu sử Nguyễn Chí Vịnh ghi là:

- Nguyễn Chí Vịnh theo học trường Văn hóa quân đội và sau đó học trường Đại học kỹ thuật quân sự (?) và làm việc cho Cục nghiên cứu của Bộ quốc phòng.
- Năm 1998 làm “Phó tổng cục trưởng Tổng cục 2” (Cơ quan quân báo, trinh sát và tình báo quân đội).
- Năm 1999 được Thủ tướng chính phủ phong đặc cách “quân hàm” Thiếu tướng quân đội nhân dân.
- Năm 2002 được bổ nhiệm Tổng cục trưởng Tổng cục 2, Bộ quốc phòng.
- Năm 2003 trình luận án tiến sĩ (?) chuyên ngành Quan hệ quốc tế.
- Năm 2004 thăng cấp Trung tướng.
- Năm 2009 thăng Thứ trưởng Bộ quốc phòng.

Nguyễn Chí Vịnh được xem là người đầu tiên trong chính quyền csvn đã đề xuất, xây dựng, thành lập và tổ chức mạng lưới Tình báo khoa học, Kỹ thuật và kinh tế trong hệ thống tình báo Việt Nam (!) Vai trò và tiếng tăm của Nguyễn Chí Vịnh mỗi ngày một quan trọng hơn. Chị của Nguyễn Chí Vịnh là Nguyễn Thanh Hà là cựu Phó cục trưởng Cục hàng không Việt Nam. Vợ Nguyễn Chí Vịnh là con gái của Trung tướng Đặng Vũ Chính (tức Đặng Văn Trung) nguyên Tổng cục trưởng Tổng cục 2, Bộ quốc phòng” (8 năm - từ năm 1994 đến năm 2002).

Nhìn cho kỹ con đường hoạn lộ của Nguyễn Chí Vịnh thấy có một “bước tiến nhảy vọt” kỳ diệu! Chỉ trong vòng 10 năm ngắn ngủi (từ năm 1992 đến 2002), Vịnh từ một nhân viên “trợ lý” tầm thường của Cục nghiên cứu, Bộ quốc phòng nhảy vọt lên 2 chức to

kênh cùng một lúc cho tiện sổ sách nhà nước: “Trung tướng quân đội nhân dân” và “Tổng cục trưởng Tổng cục Tình báo quân đội.” Tức là từ một anh chủ quán cháo lòng (đây là “thương nghiệp” đầu tiên của đ/c Nguyễn Chí Vịnh) khiêm nhường trở thành một ông chủ lớn cả về kinh doanh, lẫn chính trị và quân sự. Tham vọng tiến thân làm nguyên thủ quốc gia của Nguyễn Chí Vịnh trong tương lai rất gần cũng không có gì gọi là quá đáng!

Nguyễn Chí Vịnh chung với anh rể là Lê Việt Bắc mở ra và làm Giám đốc Công ty du lịch và thương mại TOSECO. TOSECO là chủ của nhiều khách sạn “xịn” trên toàn quốc. Cũng chính TOSECO đã đứng ra môi giới để Bộ quốc phòng mua máy bay SU27 của Liên xô...

Nguyễn Chí Vịnh điều khiển nhiều chương trình mua sắm quan trọng “bí mật” (không cần phải khai báo giá thầu và mua cái gì?) của Bộ quốc phòng: hợp đồng mua vũ khí, máy bay, tàu thủy, phụ tùng cho phòng không, không quân, thiết giáp, đóng tàu... trị giá đến hàng chục tỉ đô la.

Ngoài ra cũng nên biết thêm, Nguyễn Chí Vịnh lúc đầu theo học khóa 7 Đại học kỹ thuật quân sự từ năm 1977. Đến năm thứ 2 (là năm 1979) thì Nguyễn Chí Vịnh lén phá nóc nhà kho quân khu lấy cắp thuốc lá và quân trang đem bán để ăn nhậu với bạn bè; Xui xẻo, Nguyễn Chí Vịnh bị bắt với tang chứng. Nguyễn Chí Vịnh bị Hội đồng kỷ luật nhà trường đuổi học 1 năm (suspended - sau 1 năm mới cho nhập học trở lại). Trong giai đoạn bị "treo giò" này gia đình Nguyễn Chí Vịnh xin cho Vịnh sang học trường Sĩ quan thông tin (Ày! để đ/c này học cách ăn cắp Thông tin hả giời?) chứ Nguyễn Chí Vịnh không trở lại học trường Đại học kỹ thuật quân sự. Vì đ/c Nguyễn Chí Thanh chết hơi sớm cho nên thế lực chính mà Nguyễn Chí Vịnh dựa vào là ông bố vợ, Trung tướng Đặng Vũ Chính – nguyên Tổng cục trưởng Tổng cục 2. Người dân bình luận chung là: “*Không có Vũ Chính thì không có Chí Vịnh.*” (Nguyễn Chí Vịnh không thể lên chức nhanh được nếu không có thế lực của Vũ Chính) thì cũng không có gì lạ!

Giá mà Nguyễn Chí Vịnh không phải là con Nguyễn Chí Thanh; và nhất là không phải con rể của Đặng Vũ Chính thì bây giờ cháu Vịnh nhà ta cũng chỉ quét lá đa; hay lái xe ôm; hay làm chủ quán cháo lòng bia ôm đâu đó ở Hà nội... chứ đâu ra để làm triệu phú (\$USD); để tuyên bố lung tung về an ninh tình báo quốc gia, quan hệ quốc phòng, liên minh quân sự Việt Mỹ...

### **Lê Duẩn / Lê Kiên Thành – Lê Kiên Trung**

Lê Kiên Thành (sinh năm 1955) và em là Lê Kiên Trung (sinh năm 1958) là hai người con trai của người vợ thứ 2 của Lê Duẩn. Lê Duẩn đã từng giữ chức lãnh đạo cao nhất - Bí thư thứ nhất / Tổng bí thư - lâu dài nhất của đảng csvn (25 năm 303 ngày – từ 1960 đến 1986).

Lê Kiên Thành được Lê Duẩn gửi đi học ở Liên xô, đậu bằng tiến sĩ khoa học hàng không; hiện đã có 35 tuổi đảng và làm Chủ tịch Hội đồng quản trị “*Techcombank*,” làm đại biểu quốc hội; làm Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Xây dựng và phát triển đô thị; chủ một sân golf; Tổng Giám đốc Công ty Thiên Minh và lãnh đạo một vài Công ty khác.

Lê Kiên Trung là Cục trưởng Cục hải quan Thành phố HCM – cơ quan béo bở nhất của thành phố Sài gòn.

Lê Hãn (sinh năm 1929) anh cùng cha khác mẹ với Lê Trung Kiên (Hãn là con cả của bà vợ lớn của Lê Duẩn), là đại tá quân đội nhân dân, nguyên Cục trưởng Cục quản lý các nhà trường quân đội, Tư lệnh Bộ tư lệnh Bảo vệ lăng HCM.

Lê Thị Diệu Muội (sinh năm 1940) là em gái (cùng mẹ) của Lê Hãn, tiến sĩ kinh tế, nguyên Ủy viên Ủy ban Kinh tế và Ngân sách Quốc hội khóa V; Thứ trưởng bộ Nội Thương.

Cả nhà Lê Duẩn đều làm quan to súng dài của chế độ! Sướng Thật!

### **Nguyễn Tấn Dũng / Nguyễn Thanh Phương**

Nguyễn Thanh Phương, 30 tuổi, là con gái thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng, từng đi du học ngoại quốc và có bằng Cao học Quản trị kinh doanh (MBA) ở Thụy sĩ.

Nguyễn Thanh Phương là chủ tịch Hội đồng quản trị công ty *Vietnam Holding Asset Management*. Đây là một công ty đầu tư với số vốn gần 800 tỉ đồng Việt Nam. Công ty có khả năng vận động vốn nóng lên đến 100 triệu đô la từ các nhà đầu tư ngoại quốc nhờ uy tín và quan hệ với thủ tướng chính phủ. Nguyễn Thanh Phương có bao nhiêu kinh nghiệm để nắm trong tay một số tiền lớn để đầu tư và khuynh đảo thị trường Việt Nam? Nếu Nguyễn Thanh Phương không phải là con của Nguyễn Tấn Dũng thì thử hỏi có ma nào dám bỏ tiền vào đầu tư với “Viet Capital Fund Management” (VCFM - đọc là “vi-xi ép em”)?

### **Lời kết**

“CCCC” là một hình thức thô bỉ của chế độ “gia đình trị và đảng trị” csvn. “CCCC” là một thế lực lũng đoạn và chi phối kinh tế chính trị của Việt Nam... Ngoài các liên hệ quyền lực “gia đình” nổi bật như kể trên, chúng ta còn thấy nhan nhân loại Lê Nam Thắng con trai Lê Đức Thọ nắm Bộ Bưu chính viễn thông; Lê Mạnh Hà con trai Lê Đức Anh nắm Sở Bưu chính viễn thông thành phố HCM; Trương Gia Bình con rể Võ Nguyên Giáp làm Tổng giám đốc công ty FPT; Ngô Hoàng Hải con rể Nông Đức Mạnh nắm Trưởng phòng tư vấn PMU18...

Bây giờ nhân dân ta có lẽ đã hiểu rõ cái đuôi “*Định hướng xã hội*



*chủ nghĩa*” theo sau chính sách “*Kinh tế thị trường*” nghĩa là gì rồi?!

Ai là người đã hỏi: “*Đồng bào nghe tôi nói rõ không?*”

Rõ là một lũ “*đồ đẽu!*”

“...*Tôi biết nó, thằng nói câu nói đó*  
*Tôi biết nó, đồng bào miền Bắc này biết nó...*”  
(*Hoa địa ngục - Nguyễn Chí Thiện, 1968*)



## Văn hóa con nhái

*Con nhái nom thấy con bò,  
Hình dung đẹp đẽ, mình to béo tròn.  
Nhái bằng quả trứng tí hon.  
Lại toan cố sức bằng con bò vàng....*

(Trích bài “*Con nhái muốn to bằng con bò*”- Thơ ngụ ngôn của Jean de La Fontaine, người dịch Nguyễn Văn Vĩnh)

\*

Từ khi còn bé nứt mắt, lớp võ lòng, chúng ta đã được dạy dỗ là cứ liệu sức mình mà làm đừng có mơ tưởng viễn vông làm chuyện “trời ơi đất hỡi” chỉ làm trò cười cho thiên hạ qua bài học ngụ ngôn “*Con nhái muốn to bằng con bò...*” của La Fontaine.

Cứ tính theo kích thước thì con nhái, dù cho sử dụng bất kỳ cách gì, hiển nhiên không thể to bằng con bò... Có giỏi nín hơi, phùng mang trợn mắt hét cỡ thợ mộc thì con nhái cũng vẫn là một con nhái, có thể to hơn lúc chưa nín hơi một chút thôi, chứ không thể nào thay đổi thể dạng con nhái.

Nhưng cái “*văn hóa muốn to bằng con bò...*” này được đảng csvn triệt để sử dụng, cô xúy như một “quốc sách” mới “choáng!” Ngay sau khi thắng được “Mĩ Ngụy,” con nhái csvn nghĩ là có thể thừa thắng nhảy lên và chỉ cần ngậm hơi lâu lâu một chút là có thể to thành con bò (!)... Một “lô gíc” thật kỳ lạ chỉ thua có “lô gíc” vô địch Mác - Lê; hay đây là một trò hề lộ bịch nhằm mục đích sỉ nhục sự thông minh của cả thế giới?...

Từ sau khi hết bị Mỹ cấm vận (từ năm 1976 cho đến khi bình thường hóa quan hệ Việt - Mỹ vào tháng 7/1995), truyền thông nước ta có cơ hội hòa nhập với truyền thông thế giới và được biết là thế giới tư bản tây phương com no áo ấm, rừng mỡ, ăn không ngồi rồi có một cái “cơ sở” gọi là “*Guinness Kỷ lục Thế giới*” (Guinness World Records) ghi lại các kỷ lục thế giới; thì “Voilà!” một văn hóa mới toanh rất thích hợp với “*văn hóa thích to,*” đồng loại với các bệnh cố hữu như “bệnh thành tích,” “bệnh phô trương,” “bệnh anh hùng...” của đảng csvn đó là “*văn hóa kỷ lục*” (còn gọi là “*văn hóa hoành tráng!*”) phát triển như nấm đại sau cơn mưa... Báo chí lẽ phải được chỉ thị thi nhau viết các bài, các đề tài với “*tư duy tiểu nông*” “*giặt gân*” về những cái nhất: to nhất, nhiều nhất, rộng nhất, cao nhất, nặng nhất, đắt tiền nhất, “*khủng*” nhất... các cái nhất được “*đề*” ra liên tiếp, nối theo nhau “*một cách có hệ thống*” đến độ gần hết thuốc chữa!... Các “*tư duy*” loại ấu trĩ “*nhất... và nhất*” này thường dẫn dư luận đại chúng hiện đang ở tình trạng ưu tư “*ăn không đủ no, áo mặc không đủ ấm*” đến chỗ “*hoang tưởng*” xa rời những giá trị thật, những chân lý, những cần thiết và “*sự cố*” của đời sống; làm các nỗ lực sản xuất, kinh doanh, “*phân đấu*” và giáo dục đang được xem là đứng đần... đi chệch hướng!

Bây giờ hãy cùng nhau nhìn lại những cái “*to như con bò...*” của csvn (với nhiều danh từ đặc trưng cs sau 75 – không phải chữ của TVG):

### **Lọ độc bình Bát Tràng cao bằng ngọn tre (3.2 mét) năm 2004.**

Anh Lê Minh Ngọc, Sinh năm 1972 tại làng gổm Bát Tràng, được thừa hưởng “gen” gia truyền về tài làm gổm của dòng họ, nặn cặp độc bình sừng sừng đứng cao 3,2m; có đường kính 0,94m; nặng đến 600 - 700kg. Cặp độc bình đã theo Lê Minh Ngọc đi tham dự triển lãm của làng gổm Bát Tràng chào SEA Games 24 và được ghi vào sách "*Những kỷ lục Việt Nam*" tháng 9/2004.

### **Lá cờ lớn nhất thế giới mừng Hội nghị APEC 2006.**

Hơn 13.000 m<sup>2</sup> vải được sử dụng. Lá cờ nặng gần 1 tấn với tổng chi phí khoảng 300 triệu đồng. Phải huy động 50 nhân công làm liên tục trong vòng 15 ngày để thiết kế, cắt, may. Lá cờ phải “nhờ” đến 5 khinh khí cầu để nâng lên độ cao 100 mét.

Lá cờ “siêu” khổng lồ tung bay trên bầu trời ngày 20/10/2006 nhằm chào mừng thành công của Hội nghị APEC Việt Nam 2006.

Lá cờ do công ty Chiến Thắng cũng là công ty có ý tưởng và thực hiện nhiều vật phẩm giữ những “kỷ lục” của Việt Nam và thế giới như: Chiếc băng rôn dài nhất thế giới (dài 300 m, cao 2 m, làm bằng nhựa “hiflex”), được sản xuất để quảng bá cho chương trình ca nhạc đặc biệt “*Sự trở lại của mùa Xuân*” ngày 16/12/2005 tại Sân vận động Quốc gia Mỹ Đình; Chiếc Nón Mạ Âu Cơ “cực” lớn có thể che cho hơn 100 người; ông già Noel khổng lồ cao 15 m (dịp “Festival” ở Đà Lạt năm 2004); Lá cờ Tổ quốc (?) lớn nhất Việt Nam (dịp 30/4/2005); Lá cờ ngũ hành lớn nhất Việt Nam (dịp lễ giỗ Tổ Hùng Vương năm 2005)...

Được biết, Công ty Chiến Thắng cũng đã “liên hệ” để lá cờ khổng lồ tại APEC 2006 này được ghi vào sách kỷ lục thế giới Guinness.

## Hai chiếc bánh lớn nhất thế giới 2008.

14 tháng 4 năm 2008, vào dịp lễ Quốc Tổ Hùng Vương dân chúng tại “Công viên ‘Văn Hóa’ Đầm sen” đã ngỡ ngàng nhìn thấy một cái bánh chung và một bánh dày khổng lồ đã được công ty “Văn Hóa” Đầm sen thực hiện, để dành kỷ lục thế giới là “hai chiếc bánh lớn nhất thế giới.” Hai chiếc bánh khổng lồ này đã được vận chuyển bằng xe lạnh từ Sài Gòn ra đền Hùng ở Phú Thọ (ngoài Bắc) để dâng cúng trong dịp giỗ Tổ...



Sáng ngày 18 tháng 4, 2008 ban tổ chức lễ giỗ Tổ Hùng Vương cắt bánh đã làm hàng triệu con dân nước Việt đang háo hức theo dõi phải phần uất, thất vọng vì bánh chung nặng 2 tấn bị vữa thối và lên men không ngửi được; Chiếc bánh dày nặng 1 tấn chỉ có một lớp bột dày mốc xanh bên ngoài; còn bên trong toàn “mút xộp” không ăn được... Ngay cả Tổ Hùng Vương mà cũng bị gạt nói gì đến dân đen! Đây là sự dối trá, một hành vi “thiếu văn hóa” tận mạng mà công ty Văn Hóa Đầm Sen là tác giả.... Ban tổ chức lễ giỗ Tổ, gồm toàn cán bộ cao cấp csvn giải thích là:

*“Bánh chung làm ra phải ăn ngay chứ không thể chờ 3 ngày sau thì ‘chất lượng’ không còn ‘đảm bảo;’ Riêng phần bánh dày cần phải có mút xộp để tạo dáng bánh dày; và chỉ để xem thôi không nên cắt ra ăn!”*

Nghe tới đây tôi đành phải xin sửa lại câu nói của TT Nguyễn Văn Thiệu cho hợp tình hợp cảnh hơn là:

***“Đừng nghe những gì cs nói; mà cũng đừng nên nhìn những gì cs làm.”***

Nói tóm lại, tốt nhất là khi phải đứng gần cán bộ cs thì chỉ nên “che mắt; bịt tai” để khỏi bị chết oan lảng xẹt vì phải cười đến đứt ruột...

### **3 Kỷ lục của Festival Biển Nha Trang 2009.**

Ngày 8/9/2009, 3 kỷ lục khác của Việt Nam được chính thức công bố trong khuôn khổ “*Festival Biển Nha Trang 2009.*”

Đó là:

1- “***Bức tranh dài nhất, được nhiều người vẽ nhất***” bằng chất liệu sơn dầu với chủ đề “*Bảo vệ môi trường*” do tập thể các em thiếu nhi, các du khách và người dân thành phố biển cùng vẽ. Tác phẩm hoàn chỉnh dài 100m x 1,4m, gồm 3 chương:

- a- *Thảm họa (?) môi trường.*
- b- *Giải pháp giữ gìn môi trường.*
- c- *Thế giới xanh, sạch, đẹp.*

Tác phẩm cũng gửi “thông điệp:” Vì một thế giới tốt đẹp, mọi người hãy cùng nhau chung tay, góp sức bảo vệ môi trường.

2 - “***Dàn nhạc dân tộc có số lượng nhạc công đông nhất***” đã hoà tấu tác phẩm “*Quê hương ngày hội*” gồm bốn phần:

- *Nhịp sống*
- *Sắc hoa*

- *Đêm hội*

- *Âm vang núi rừng.*

Đây là sự cộng hưởng văn hóa các dân tộc anh em trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam, như: âm thanh của biển cả, dạt dào như lời ru của mẹ đã mang âm hưởng văn hóa Chăm; thúc giục như tiếng trống xung trận của nghĩa quân Tây Sơn; rộn rã không khí lễ hội và âm vang tiếng đàn đá Khánh Sơn, công chiêng Tây Nguyên.

Tác giả của "*Quê hương ngày hội*": nhạc sỹ - NSUT (Nghệ Sỹ Ưu Tú!) Ngô Hữu Lai, nhạc sỹ Lê Nam Hải; chỉ huy dàn nhạc nhạc sỹ Lê Nam Hải.

Tác phẩm được biểu diễn với 189 nhạc công là giảng viên, học sinh, sinh viên khoa Âm nhạc, Trường “Cao đẳng Văn hóa Nghệ thuật và Du lịch Nha Trang” (chỉ riêng cái tên trường dài lòng thòng này tự nó đã làm một kỷ lục rồi còn gì!) cùng với 30 loại nhạc khí dân tộc.

3 - “*Nồi phở to nhất Việt Nam*” được làm từ chất liệu nhôm tổng hợp, chế tạo thủ công, có thể tích 8.831 mét khối, chu vi 9.5 m; nặng 173,6 kg; cao 1,25 m; đường kính đáy 3 mét; có khả năng phục vụ vài ngàn người.





Trong ngày công bố kỷ lục, nồi dùng nấu món phở bò được nấu từ 450 kg xương, 125 kg thịt, 100 kg bánh phở, 158,5 kg rau, giá, chanh ớt và một số nguyên liệu khác, phục vụ 600 thực khách. Nồi phở do chủ tiệm phở Hồng tại thành phố Nha Trang chế biến và 30 nhân viên kỹ thuật thực hiện.

Người bàng quang hiếu kỳ đến ăn / nếm thử tô phở từ “nồi phở to nhất Việt Nam” đều lắc đầu ngao ngán và cho là hương vị bát phở “kỷ lục” y như hương vị nước... rửa bát. Nên biết thêm, năm ngoái Nha trang, thành phố đặc biệt yêu “thích kỷ lục,” này cũng đã làm một cái nem chua dài 11 thước, nặng 450 kí lô... Không hiểu việc làm và nấu mấy món to kèngh cho vài trăm người ăn để phá kỷ lục thì có lợi gì cho bác và đảng? cho nhà nước? Có lẽ trước khi cho vài trăm người ăn, Ủy ban nhân dân thành phố Nha trang nên xây sẵn một cái “nhà ỉa” to nhất kỷ lục thế giới (để không cần phải xếp hàng vì ăn mấy món “kỷ lục” này... mà không thể đợi được nữa!) ngay sát cạnh đấy để mấy trăm thực khách nhẹ

dạ cùng chạy vào một lúc cho kịp chuyến.... Nếu không có lẽ một “kỉ lục” mới sẽ được ghi vào sổ sách: “Kỉ lục” số người ị ra quần cùng một lúc...

### **Áo dài 100 m.**

Ngày 4/10/2010, tại TP HCM, em Mai Phương Thúy, Hoa hậu Việt Nam 2006, để trình diễn trong Đêm "Hội trùng dương" diễn ra tại Trung tâm hội nghị White Palace, Sài Gòn, sẽ mặc bộ áo dài kỷ lục, làm từ hơn 1000 m vải. Chiếc khăn đóng đi kèm được “chế tác” từ hơn 0,5 kg vàng, đính 2000 viên kim cương.

Trong nhiều năm, nhà thiết kế Võ Việt Chung “nung nấu” ý tưởng thực hiện chiếc áo dài truyền thống xác lập kỷ lục Guinness. Từ năm 2007, anh bắt tay thiết kế và thực hiện bộ áo này.



Sử dụng hơn 1000 m vải, bao gồm chất liệu lụa truyền thống 3 miền Bắc, Trung, Nam (Vạn Phúc, Hà Đông, Tân Châu, Lãnh Mỹ A, Phong Phú, Đà Nẵng, Lâm Đồng...), Võ Việt Chung đã hoàn tất bộ áo với nhiều “họa tiết” rồng phượng đậm đà nét Việt Nam.

Bộ áo có 9 tà, mỗi tà dài hơn 100 m, là biểu tượng của 9 nhánh sông Cửu Long. Thân áo được trang trí bằng vàng thật làm tăng nét sang trọng, quý phái cho tà áo Việt.

Đi kèm với trang phục này là chiếc khăn đóng do nghệ nhân của công ty Zela “chế tác,” dát hơn 0,5 kg vàng và đính hơn 2000 viên kim cương (?) với kích cỡ mỗi viên từ 1,2 đến 1,5 ly. Điểm “nhấn” của chiếc khăn đóng là “họa tiết” 9 rồng uốn lượn tượng trưng cho 9 nhánh Cửu Long. Điểm “xuyết” trên khăn là mắt rồng và những quả cầu lửa được làm bằng loại kim cương đẹp nhất được công ty này nhập từ nước ngoài.

Với những kỷ lục nặng nề, thôi inh và dễ gây tiêu chảy đầy quần vừa kể (vì “nhà ỉa kỷ lục” chưa xây kịp!) hình như chưa đủ. Nhà nước ta theo chỉ thị của Bộ chính trị trung ương phải tìm ra các cơ hội khác để còn tiếp tục cái “*văn hóa con nhat*” mà trung ương đảng đã “qui hoạch.” May quá, đã có cái vỏ bọc “*kỷ niệm 1000 năm Thăng Long*” đây rồi... Một dịp thật tốt để rằm rộ phô trương cái bệnh “thích to.” Trong khi dân còn đang đói rách và rét lạnh, làm gần hộc máu mồm trầy da nứt mới kiếm được dưới 1 đô la mỗi ngày, nhà nước đã tốn phí gần 5 tỉ đô la để vừa ca bài bộ lạc ca “*thề phan thây uống máu quân thù*” vừa làm các chuyện “kỷ lục” ruồi bu sau đây:

### **Bức tranh thêu khổng lồ “Cội xưa.”**

Bức tranh thêu “*Cội xưa*” nặng khoảng 1 tấn, kích thước 5,5m x 31m và dùng tới 500 kg chỉ thêu - một công trình nghệ thuật tâm huyết và tốn kém (khoảng 2 tỷ đồng) của họa sỹ trẻ Phạm Thị Hoài và cộng sự - được trưng bày từ tối 25/8/2010 tại Cung văn hóa Hữu nghị Hà Nội đến hết ngày 29/8/2010.

Cùng với việc triển lãm bức tranh thêu kỷ lục, hình ảnh làng nghề thêu truyền thống 700 năm tuổi Văn Lâm (Ninh Bình) và các công

đoạn tạo ra bức tranh “Cội xưa” cũng được trưng bày, giới thiệu tại triển lãm.

Bức tranh “Cội xưa” được khảo sát thực địa lấy cảm hứng sáng tác và lựa chọn các hình ảnh trong 3 tháng từ cuối năm 2008 đến cuối tháng 2/2009, và được bắt đầu thực hiện từ tháng 3/2009 bởi hơn 100 “nghệ nhân” của làng Văn Lâm - Ninh Bình. Bức tranh được trình bày dưới dạng “đơn tuyến huỳnh đồ” với ba phần chứa đựng những nội dung ý nghĩa sâu sắc về lịch sử miền đất cổ đô Hoa Lư trong sự liên hệ mật thiết với Thăng Long.

### **Lễ diễu binh, diễu hành lớn nhất lịch sử.**

Có hơn 4 vạn cán bộ, chiến sĩ và các khối đại diện cho các tầng lớp nhân dân trong cả nước tham dự. (không hề thấy đề cập việc “dàn dựng” nhà xí công cộng cho 4 vạn con người tham dự để họ có chỗ đái và ỉa trong lúc xem “diễu binh!” Nên biết có rất nhiều “nhân dân” đã cắm trại bên lề đường từ đêm hôm trước.... (làm sao mà đám nhân dân cắm trại này có “khả năng” nín ỉa ‘kì lục’ cho mãi đến khi “diễu” xong hờ giờ!!! hờ bác và đảng!!!)

Lực lượng “diễu binh” gồm 15 khối với sự tham gia của 12,000 người, đại diện các lực lượng quân đội gồm hải quân, lục quân, không quân, lực lượng đặc công... Đại diện lực lượng công an là cảnh sát giao thông, cảnh sát cơ động... và các khối dân quân tự vệ nam, gái...

Phần “diễu hành” có 17 khối tham gia, bắt đầu bằng khối Hà Nội với xe rước rồng thời Lý, xe rước biểu trưng Hà Nội, xe rước bằng UNESCO công nhận Hoàng thành Thăng Long là Di sản văn hóa thế giới...

**Đốt pháo đồng loạt ở 28 điểm** (chuyện đốt pháo chỉ thực hiện

được một phần và phải hủy bỏ vì vụ nổ kho pháo ở sân Mỹ đình và nạn bão lụt ở miền Trung).

**Còn có một số dự án “*thích to*” đã và đang được bàn cãi; và mai đây nhà nước sẽ tìm cách thực hiện để lấy thêm tiếng (ngu / đại ngu) như sau:**

### **1- Đào tạo 20.000 tiến sĩ trong 10 năm.**

Vừa được Thủ tướng thợ chích mông phê duyệt, trong giai đoạn 2010-2020, Việt Nam sẽ đào tạo bổ sung ít nhất 20.000 tiến sĩ (20 vạn, 2 và bốn số “0”). Đây cũng là một kỷ lục thế giới rồi còn gì! Bởi vì các tiến sĩ Việt Nam chỉ học kỷ lục trong một vài tháng là có bằng rồi; chưa nói chuyện học ở đâu! Nhìn vào Bộ Chính trị trung ương; chỉ có vồn vẹn 15 ủy viên mà đã có 6 đồng chí lấy xong bằng tiến sĩ (mà không thấy các đồng chí học hành cái gì? Học lúc nào?) và 9 đ/c ủy viên còn lại đều có bằng cử nhân!!!

Học vấn của đ/c Nguyễn Minh Triết lùn có ghi trong “tư liệu” của đảng là “tốt nghiệp đại học toán?” Ai cũng biết đ/c Triết lùn có bằng tú tài II do “Mĩ Ngụy” cấp, sau đó theo học chứng chỉ toán ở Đại học Khoa học Sài gòn trước năm 1975. Đại học Khoa học Sài gòn trước năm 1975 chỉ có cử nhân toán (và chứng chỉ toán MPC của năm thứ nhất) chứ không hề có cái bằng tốt nghiệp quái nào gọi là “tốt nghiệp đại học toán” cả. Sau đó đ/c “nùn” nộp đơn xin gia nhập khóa Biên tập viên (sĩ quan) cảnh sát quốc gia VNCH thì bị Tổng nha Cảnh sát VNCH điều tra lý lịch, lòi ra đ/c “lùn mã tử” là cán bộ vi-xi. Thế rồi, đ/c Triết lùn nhanh chân trốn tuốt vào bưng biệt tích luôn từ đó; lấy thời giờ ở đâu mà học “tốt nghiệp đại học toán!” Đảng csvn tưởng dân ta đều ngu muội như họ cho nên muốn nói gì cũng xong.

Đ/c thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng trước năm 1975 là du kích xã (ban đêm); và kiêm luôn nghề y tá chích (háng) đạo (ban ngày). Không hiểu thủ tướng thợ chích học hành trong bưng ra làm sao lại ghi là có bằng cử nhân luật (rừng)?

Hiện nay, Việt Nam có số lượng tiến sĩ tương đương với nước Pháp mà hoàn toàn chẳng thấy có một sáng chế nào để đóng góp cho sự tiến bộ của quốc gia. Trong năm qua (2009-2010) chỉ ghi vồn vẹn được có 5 bài khảo cứu khoa học; trong đó có 1 bài đã bị giới chức khoa học quốc tế “bác bỏ” vì “cóp pi” “đạo văn” nặng nề từ các bài báo khác khác??? Chi tiết như sau:

Đầu năm 2010, một nhóm các tiến sĩ, tác giả danh tiếng thuộc hai viện Vật Lý Saigon & Hà Nội gồm có Lê Đức Thông, Nguyễn Mộng Giao (Viện Vật lý TP.HCM ), N.T.Hung (Viện Vật lý Hà Nội) và Trần Văn Hùng (Trung tâm Nghiên cứu và triển khai công nghệ bức xạ ) đã gửi một bài báo với tựa đề “*Constraining the cosmological time variation of the fine-structure constant*” (Tạm dịch: “Buộc các biến thời gian vũ trụ của hằng số đẹp”) cho tạp chí “*Monthly Notices of the Royal Astronomical Society.*” Chỉ số Impact Factor (IF) của tạp chí này năm 2009 là 5,103, xếp hạng 8/52 tạp chí quốc tế về thiên văn học và vật lý thiên văn. Bài báo này đã được đăng vì có các kết quả khoa học hoàn toàn mới và rất tốt. Tuy nhiên, sau khi đăng một thời gian, một số người đọc thấy có một số chỗ dùng lời văn từ những bài báo khác mà không trích dẫn. Tổng biên tập của tạp chí “Thiên Văn” này đã có thư gửi tác giả thứ nhất khẳng định bác bỏ bài báo đã nộp do sao chép nhiều từ các bài báo khác. Cuối thư, còn có đoạn: “...*chúng tôi bác bỏ bài này và, hơn nữa, sẽ không xem xét bất cứ bài nào mà ông gửi đến cho tạp chí.*”

Thật vẻ vang cho các tiến sĩ cách mạng nước ta... kết quả vinh quang hiển hách của “chính sách trông người” mà bác đề xướng.

## **2- Dự án đường sắt cao tốc Bắc - Nam.**

Dự án làm đường sắt “cao tốc” bắc - nam (còn gọi là dự án “Kim tự tháp” Việt Nam) hiện đang là chủ đề "gây sốt" tại diễn đàn Quốc hội csvn. Dự án này dự tính phí tổn khoảng 56 tỷ đô la. (50%

tổng sản lượng quốc gia - GNP- Việt Nam). Lý do cần phải thực hiện dự án tốn kém này vì, theo các lãnh đạo (quốc hội csvn), các dân tộc có IQ – chỉ số thông minh – cao đều có đường cao tốc:

(Trích nguyên văn)

*Các nước có chỉ số IQ cao đều xây đường sắt cao tốc. Ra nước ngoài tôi đi thử rồi. Tốc độ nhanh, an toàn, trẻ em đi học, bà mẹ đi làm... Việt Nam không phải nước nghèo (?), với quyết tâm chính trị, tôi đề nghị phải xây*

— Đại Biểu QH Trần Tiến Cảnh (Hà Nam)

(hết trích)

Quốc hội nước CHXHCNVN thật tình có máu hài hước “siêu” cao, cho là dân tộc Việt đã có sẵn IQ cao rồi? Việt Nam vì cũng thông minh không kém thì phải có đường sắt cao tốc... Chuyện khôi hài XHCN loại tương tự như vậy không bao giờ thiếu...

### 3- Chương trình đưa người vào vũ trụ...

... và bây giờ, lãnh “đạn” csvn dờ hơi đang dự định lập chương trình “*vươn lên chinh phục... vũ trụ (?)*.” Nhân dân ta thấy chương trình này coi vậy mà thực tế... và chưa thấy thành phần “phản động” nào phản đối phản điếc cả? Bởi vì qua chương trình “hoành tráng” này, nhân dân ta sẽ có cơ hội đóng thùng gửi vài ủy viên (hay toàn bộ 15 “nhân sự” cho tiện sổ sách) Bộ chính “chị” trung ương vào vũ trụ (one-way trip) thì hạnh phúc ấm no cho tổ quốc dân tộc biết bao... Nhân tiện đây, tôi xin liệt kê sẵn sau đây toàn bộ danh sách 15 Ủy viên Bộ Chính trị để nhân dân ta nhớ mà cho vào “khâu” đầu tiên của “tên lửa” một lượt:

*Nông Đức Mạnh  
Trương Tấn Sang*

*Nguyễn Văn Chi  
Nguyễn Minh Triết  
Nguyễn Tấn Dũng  
Nguyễn Phú Trọng  
Phùng Quang Thanh  
Lê Hồng Anh  
Phạm Quang Nghị  
Lê Thanh Hải  
Tô Huy Rúa  
Hồ Đức Việt  
Nguyễn Sinh Hùng  
Phạm Gia Khiêm  
Trương Vĩnh Trọng*

### **Lời cuối:**

Có lẽ vì 1000 năm đô hộ của tàu và 100 đô hộ Tây làm tinh thần (và thể dạng) cho dân tộc ta nhỏ bé đi. Bây giờ là lúc cảm thấy cần phải “làm cho mình to” lên thì bên ngoài mới thấy mình “to” mà sợ (!) Đâu biết là càng to thì càng rộng, càng mất đi cái tỉ mỉ, cái trau chuốt, cái gọi là “chất lượng”... Oái oăm ở chỗ là cái to nhất thời, giai đoạn, rẻ tiền đã không làm cho mình trưởng thành, đáng phục mà chỉ là những trận cười, những cái nhìn khinh bỉ bên ngoài (tưởng người Việt đều phát khùng, mất trí!) Cứ thực tế, lấy xôi đậu lèn chặt dạ. Việt Nam chúng ta không cần phải làm những cái “hoành tráng,” “phô trương,” “rõng tuếch...” không ích quốc lợi dân... mà ngay bây giờ cần phải xây dựng những cái nhỏ vừa sức, vừa khả năng, vừa tâm tay; và cứ thông thả thực hiện từng bước một cho vững cho chắc trước cho dân đen được nhờ; Chẳng hạn như vấn đề cơm no áo ấm, nước sạch để uống, giải quyết nạn nhà ở ổ chuột, tiện nghi và vệ sinh công cộng, vấn đề giáo dục công dân, vấn đề nâng cao dân trí... Có hàng trăm hàng ngàn vấn đề cần thiết, cấp bách cần phải làm ngay bây giờ... Các vấn đề thực tế này đòi hỏi sự kiên nhẫn và cố gắng. Còn cái bánh dày cúng Tổ to kỷ lục



với một lớp bột mỏng bao phủ bên ngoài một đồng “mút xốp” ăn không được mà cũng không sử dụng được; thì cũng chẳng cần phải phí nhân lực và vật liệu làm gì...

*“Big shot is only a little shot that keeps shooting.”*

Sau kết quả của “*Sách lược trăm năm trông người,*” nhìn qua nhìn lại chỉ thấy toàn công an... Mà kể ra cũng không uổng công bác đã đề hoạch... Bộ công an là một “cơ quan” duy nhất trong nước có rất nhiều sáng kiến tuyệt vời (được cả thế giới nể phục!) về việc dàn dựng, bày bắt, sửa chữa hình ảnh tang chứng bằng kỹ thuật cao, đánh xập, rọ mồm rất hiệu quả các thành phần, các tiếng nói mà nhà nước csvn gọi là “phản động” vì dám cả gan “bài bác boác và đảng;” “chống lại chế độ cộng sản vinh quang văn minh đạo đức...” qua các hình thức “kêu oan vớ vĩnh,” “diễn biến hòa bình cuối,” “đòi đa đảng đa nguyên linh tinh,” “HS-TS của Việt Nam hời nào?” “chống khai thác bóc lột bóc lột...”

Sau những cố gắng làm cho thật “to,” số phận của con nhái trong câu chuyện ngụ ngôn La Fontaine như thế nào chúng ta đã đều biết rõ. Bây giờ, số phận của những con nhái csvn coi bộ cũng không có gì sáng sủa hơn con nhái của La Fontaine... chỉ vì con nhái csvn (vì hơi đàn) cho nên không biết đến đáy thôi. Csvn cần một làm thêm vài hơi “phô trương” nữa là xong phim... có hàng triệu triệu người dân khô rách áo ôm muốn nhìn thấy con nhái csvn này banh càng, càng sớm càng tốt, không để cho các lãnh đạo csvn có cơ hội tìm xong “bãi đáp an toàn,” hay xuống khỏi “lưng cọp” một cách yên ổn.

***“Thấy quan tài (Nicolae Ceaușescu Chủ tịch nhà nước Romania bị nhân dân cho đi bán muối) rồi mà vẫn chưa đổ lệ!”***

---

## **Tài liệu tham khảo:**

Các nguồn:

- <http://vn.360plus.yahoo.com/blog-bat...mid=125&fid=-1>
- <http://vietbao.vn/Van-hoa/La-co-lon-.../65073710/181/>
- <http://ngoisao.net/news/thoi-cuoc/2008/04/3b9c4521/>
- <http://vietnam.vnnet.vn/VNP/vi-VN/1...8/Default.aspx>
- <http://www.giaoducvietnam.vn/index.p...-tp&Itemid=534>
- <http://www.baomoi.com/Info/Buc-tranh...52/4737619.epi>
- <http://vnexpress.net/gl/xa-hoi/2010/10/3ba2165b/>
- <http://megafun.vn/channel/1922/20101...-ve-ai-103315/>

**(Viết ngày 9 tháng 11 năm 2010)**

## Văn hóa cầm nhâm

Tạm quên cúm heo, cúm gà, cúm bà... bệnh dịch nghiêm trọng của thời đại là bệnh “*cầm nhâm*.”

Thật ra “cầm nhâm” chỉ là một tiếng lóng không có liệt kê trong tự điển Việt Nam đứng đắn. Theo cá nhân tôi, “cầm nhâm” là một động từ được hiểu theo nghĩa bình dân giáo dục, bên ngoài lớp học là:

*“Vô tình (?) lấy làm của riêng những cái gì không phải của mình.”*

Cầm nhâm cũng được dùng như một lời giải thích thật dễ thương, vô tội, vì cái nghĩa “nhâm,” chỉ vô tình thôi chứ có phải cố ý (!) gì đâu mà làm ầm lên?”

Lời giải thích dễ thương này dễ dàng được thông cảm, dễ được tha thứ một khi hành động “cầm nhâm” bị phát giác, bị lật tẩy...

Trong khuôn khổ bài này, người viết xin bàn một cách giới hạn sự “cầm nhâm” các sáng kiến và tư tưởng trên lãnh vực tạm gọi là “sản phẩm nghệ thuật và trí tuệ,” cũng xin phép góp một vài ý kiến về việc “cầm nhâm tên tuổi” người khác.

Tùy giá trị (tính ra hiện kim hoặc giá trị tinh thần, tim óc...) của sự vật bị lấy đi làm của riêng không xin phép trước (hoặc đã có xin phép rồi nhưng sở hữu chủ đã từ chối, không bằng lòng cho phép sử dụng!) và cũng tùy hoàn cảnh, cách hành động và cường độ nghiêm trọng, “cầm nhảm” còn có các tên gọi khác từ lịch sử, thanh nhã, rất ngây thơ vô tội đến xuống xã trắng trợn như: đỡ nhẹ, thuổng, trộm, rình ầu, chôm, chia, đạo, ăn cắp, ăn cướp...

Để định nghĩa cho trọn vẹn hơn, tôi xin mạn phép được bổ túc thêm một chút vào ý nghĩa của chữ “cầm nhảm” như sau:

- *Sửa chữa hoặc thay đổi sản phẩm, sáng kiến hay tư tưởng của người khác.*
- *Trực tiếp “cóp-pi,” sử dụng, cho mục đích cá nhân, những sáng kiến, tư tưởng của người khác rồi lại mập mờ ám ố không liệt kê, không khai báo nguồn gốc cho rõ ràng.*
- *Đưa ra một vấn đề, một sản phẩm, một tác phẩm... rồi tự quảng cáo là “mới” và “nguyên thủy” nhưng thực ra đã sửa chữa từ sáng kiến hay tư tưởng đã có sẵn, đã được biết từ trước.*
- *Thuần túy ăn cắp; nếu võ lực có đi kèm theo sự ăn cắp thì được gọi là cướp, ăn cướp.*

Như vậy, “cầm nhảm” cũng chỉ là một hình thức ăn trộm tài sản, trí tuệ của người khác một cách lén lút nhưng không kém phần nghiêm trọng...

Trên phương diện pháp lý, “cầm nhảm” là một tội phạm (Crime) tương đương với “lừa gạt” (Fraud): Lấy của người khác một cách trái phép (Stealing); và sau đó khai gian, báo gian là của mình (Giving false report).

“Cầm nhảm,” nếu được khảo sát cho thật kỹ, là cả một công trình, sự tính toán, nghiên cứu kỹ lưỡng của hai giai đoạn: tiến (lấy trộm) và thoái (sắp đặt sẵn lời giải thích nếu bị phát giác).

Người biết cách “cầm nhâm” phải là người vừa thông minh, vừa gian xảo, vừa tham lam... Trong trường hợp không bị phát giác (rất hiếm!) người “cầm nhâm” giỏi sẽ trở thành nổi tiếng hoặc giàu có chỉ trong một thời gian ngắn vì đã đốt giai đoạn, đi đường tắt trên công sức và trí tuệ của người khác.

Thời buổi tân tiến này, nhờ các kỹ thuật khoa học điện toán dễ dàng, mau chóng và thuận tiện, vấn đề “cầm nhâm” còn sâu, dày và tràn lan hơn lúc trước khi cuộc cách mạng tin học ra đời. Chỉ cần một hai cái “tìm kiếm” (Googling search) và vài cái “bấm con chuột” (Mouse clicks) một tay “cầm nhâm” không cần phải chuyên nghiệp cũng có khả năng “cắt và dán” (Cut & Paste) vài ngàn trang giấy viết tay dễ như ăn “cơm sườn!”

Muốn đặt một nguyên tắc căn bản dùng để thẩm định vấn đề “cầm nhâm” tôi nghĩ không có gì chính xác hơn là nhìn vào các tài liệu có ghi chép các mốc thời gian sự xuất hiện lần đầu tiên của các “sản phẩm nghệ thuật và trí tuệ.” Từ các mốc đó, chúng ta có thể suy luận hay kết luận là “Cái nào là ‘gốc’? Cái nào là ‘đạo’?” “Ai ‘cầm nhâm’ của ai?”

## 1- Cầm nhâm Âm nhạc

Trước tiên, tôi đặt một câu hỏi nghe hơi lạ tai và xin quý vị đọc giả quan tâm cho thêm ý kiến: “*Người sáng tác nhạc cần phải có đạo đức hay không?*”

“Đạo” thơ viết thành nhạc, đạo nhạc (melody), đạo lời nhạc (lyrics)... thấy nhan nhản trong sinh hoạt âm nhạc, trong đời sống hàng ngày chung quanh chúng ta. Trong tiết mục “cầm nhâm thơ - âm nhạc” phải bàn về 3 nhân vật tiêu biểu: Phạm Duy, Diệu Hương và Bảo Chấn.

## Phạm Duy



Trên đĩa bàn sáng tác nhạc, có nhiều tình huống “cầm nhầm lời thơ” của người khác rồi “quên” không để tên tác giả vào... Nội cái mảng “cầm nhầm lời thơ” này thôi, có lẽ nhạc sĩ tên tuổi Phạm Duy nổi bật nhất.

Duyên Anh khi còn sống, đã có lần nói:

*"... đáng lẽ ra, Cụ Phạm Duy Tôn nên đặt tên cho ông con này của cụ là Phạm Duy Lợi, mới đúng!"*

Xin kể thêm, trong một dịp ăn trưa với Phạm Duy ở Orange County (có mặt cả Duy Cường con trai Phạm Duy), đồng môn trung học của tôi, nhạc sĩ Mai Anh Việt còn nhớ câu chuyện trao đổi với Phạm Duy 20 năm trước đây (trước khi Phạm Duy trở cờ, đổi màu) như sau:

Khi nghe Phạm Duy than phiền với Mai Anh Việt về sự thất thoát thính giả ở hải ngoại với loại nhạc do Phạm Duy sáng tác.

*"Việt ơi, phải làm sao cho bọn trẻ bên này nó tiếp tục cha chú nghe nhạc mình viết, chứ cái đà này..."*

Mai Anh Việt cũng chẳng biết nói gì, bèn an ủi:

*"Dù sao thì sự đóng góp về văn hoá của bác đã quá đủ, đâu cần..."*

Phạm Duy bực dọc, ngắt ngang:

*"Văn hoá cái con mẹ gì! Tôi chỉ làm thương mãi. Đĩa nào trả tiền thì tôi làm! (sic)"*

Nên biết, đầu thập niên '70 là giai đoạn mà miền Nam Việt Nam đang có những nỗ lực quân sự chống cộng rất sôi bồng; những bất trắc chiến tranh, ngõ ngàng về tương lai của tuổi trẻ thanh niên Việt Nam lên cao điểm; các bài hát nổi tiếng của Phạm Duy sáng tác được ưa chuộng rộng rãi và có ảnh hưởng văn hóa, chính trị sâu đậm trong dân gian, đều lọt vào thể loại "cầm nhảm lời thơ."

Đầu tiên Phạm Duy đã "đỡ nhẹ" gần như nguyên con bài thơ "Để trả lời một câu hỏi" của thi sĩ Linh Phương, rồi viết thành bản nhạc bất hủ "Kỷ vật cho em."

Bài thơ "Để trả lời một câu hỏi" khởi đăng trên trên trang thơ văn của tờ báo "Độc lập" của thi sĩ Trần Dạ Từ vào tháng 2 năm 1970.

Năm 1971, Phạm Duy đã "sáng tác" và "phổ biến" bài nhạc "Kỷ vật cho em" dùng lời thơ của bài "Để trả lời một câu hỏi" mà tên của thi sĩ Linh Phương không hề được đề cập đến. Nên biết chỉ trong vòng một năm, bài "Kỷ vật cho em" rất được ưa chuộng; bởi vì chiến tranh Việt Nam trở lên khốc liệt, lan rộng qua khỏi biên giới Việt Nam, có những cuộc hành quân qui mô đẫm máu như Lam Sơn 719 (ở Hạ Lào, tháng 2 và tháng 3, năm 1971), và hành quân tại phía Đông Cam-Bốt (Snoul – tháng 5 năm 1971). Tin tức chiến sự hàng ngày kèm theo các báo cáo về số chiến sĩ VNCH thương vong đáng kể trên chiến trường thì bài hát này không chỉ là đơn thuần là một bài hát về tình yêu đổ vỡ, định mệnh oan trái của con người mà còn gây lên một không khí phản chiến cao chưa từng thấy trước đây vì lời ca có nhiều đoạn được xem là "làm nản lòng chiến sĩ," "bất lợi cho chính nghĩa chiến đấu bảo vệ lãnh thổ..." trong cuộc chiến chống CS của quân dân miền nam Việt Nam.

Dĩ nhiên bài nhạc “*Kỷ vật cho em*” bán rất chạy. Phạm Duy không hề đề cập gì đến tên của thi sĩ Linh Phương trong lần đầu tiên xuất bản bài hát đã đành; mà đến ngay khi Phạm Duy xuất bản bài này trong tập nhạc “*Kỷ vật cho chúng ta*” (do nhà xuất bản “Gìn vàng giữ ngọc” phát hành); và sau đó bán bản quyền bài “*Kỷ vật cho em*” cho hãng đĩa Việt Nam, thì tên của thi sĩ Linh Phương vẫn bị gạt ra chẳng thấy đâu...

Nhiều tờ báo lớn, báo nhỏ như *Sóng*, *Lập trường*, *Sân khấu Truyền hình*... bắt đầu lên tiếng “bất mãn dùm” cho thi sĩ Linh Phương. Theo chính lời của thi sĩ Linh Phương trong “*Hồi ký Linh Phương*” thì một người bạn của thi sĩ là phóng viên Thiên Hải (?) đã đưa lên trang nhất của một tờ nhật báo (?) đại ý lên tiếng là thi sĩ tác giả của bài “*Để trả lời một câu hỏi*” sẽ kiện Phạm Duy ra tòa vì vi phạm tác quyền. Khi bị báo chí trực tiếp chất vấn Phạm Duy về sự “cầm nhầm” này, thì Phạm Duy trả lời là tỉnh bơ con sáo sậu là:

“... vì tôi không biết thi sĩ là ai? và không biết tìm ở đâu?”

Lời biện minh ngây thơ vô tội này của “bố già” Phạm Duy nghe không ổn vì bài thơ đã được đăng nhiều lần qua các báo với tên tác giả Linh Phương rành rành. Thi sĩ Linh Phương cũng cho biết là:

“... Cuối cùng đưa đến việc Phạm Duy trực tiếp tiếp xúc và đồng ý trả số tiền tác quyền 50 ngàn đồng (giá vàng lúc đó là 10 ngàn đồng một lượng).”

Sau đó các ấn bản của bài “*Kỷ vật cho em*” mới thấy có đề tên của Linh Phương đồng tác giả với Phạm Duy.

Mời quý vị đọc cho biết bài thơ gốc: “*Để trả lời một câu hỏi*” của thi sĩ Linh Phương đăng trên báo “*Độc lập*” vào tháng 2 năm 1970:

*Em hỏi anh bao giờ trở lại  
Xin trả lời mai một anh về  
Không bằng chiến thắng trận Pleime  
Hay Đức Cơ - Đồng Xoài - Bình Giả  
Anh trở về hàng cây nghiêng ngã*



*Anh trở về hòm gỗ cài hoa  
 Anh trở về bằng chiếc băng ca  
 Trên trục thặng sơn màu tang trắng  
 Mai trở về chiều hoang trốn nắng  
 Poncho buồn liệm kín hồn anh  
 Mai trở về bờ tóc em xanh  
 Vội vã chít khăn xô vĩnh biệt  
 ...*

Và sau đây là lời bài “*Kỷ Vật Cho Em*” (phát hành lần đầu) do Phạm Duy “sáng tác” như sau:

*Em hỏi anh, em hỏi anh bao giờ trở lại  
 Xin trả lời, xin trả lời mai một anh về.  
 Anh trở lại có thể bằng chiến thắng Pleime,  
 Hay Đức Cơ, Đồng Xoài, Bình Giả,  
 Anh trở về anh trở về hàng cây nghiêng ngã  
 Anh trở về, có khi là hòm gỗ cài hoa (1),  
 Anh trở về trên chiếc băng ca (2)  
 Trên trục thặng sơn màu tang trắng (3).*

*Em hỏi anh, em hỏi anh bao giờ trở lại  
 Xin trả lời xin trả lời mai một anh về.  
 Anh trở về chiều hoang trốn nắng  
 Poncho buồn liệm kín hồn anh (4)  
 Anh trở về bờ tóc em xanh  
 Chít khăn xô lên đầu vội vã... Em ơi! (5)*

*Em hỏi anh. Em hỏi anh bao giờ trở lại  
 Xin trả lời, xin trả lời mai một anh về  
 Anh trở lại với kỷ vật viên đạn đồng đen  
 Em sang sông anh cho làm kỷ niệm  
 Anh trở về anh trở về trên đôi nạng gỗ  
 Anh trở về, anh trở về bại tướng cụt chân.  
 Em ngại ngừng dạo phố mùa Xuân,  
 Bên người yêu tật nguyên chai đá.*

*Em hỏi anh, em hỏi anh bao giờ trở lại  
Xin trả lời, xin trả lời mai một anh về  
Anh trở về nhìn nhau xa lạ  
Anh trở về dang dở đời em  
Ta nhìn nhau ánh mắt chưa quen  
Có quên đi một lần trăng trời... Em ơi!  
Em hỏi anh em hỏi anh bao giờ trở lại  
Xin trả lời, xin trả lời mai một anh về*

---

### **Ghi chú:**

\* Lời thứ hai của bài hát sau khi Phạm Duy sửa lại (để khỏi bị chính phủ VNCH cấm hát):

- (1) Anh trở về có khi là một chiếc vòng hoa
  - (2) Anh trở về bằng khúc hoan ca
  - (3) Trên trục thẳng văng trời thanh vắng  
Em hỏi anh, em hỏi anh bao giờ trở lại  
Xin trả lời, xin trả lời mai một anh về  
Anh trở về chiều hoang trốn nắng
  - (4) Poncho từng phủ kín đời anh  
Anh trở về bờ tóc em xanh
  - (5) Chiếc khăn tay ngăn dòng lệ ứa...em ơi...
- ...

Phạm Duy đã có lần lộng ngôn là:

“... mọi người (?) chỉ hát các bài nhạc tôi viết trong lúc đi ỉa (!)”

Chuyện “đi ỉa” là chuyện đời tư và vệ sinh cá nhân của Phạm Duy, tôi không có lý do gì cần phải bàn thêm; nhưng cái sở trường “đánh hơi trong lúc đi ỉa” đặc biệt của thiên tài Phạm Duy mới là chuyện đáng nói. Cũng năm 1971, Phạm Duy còn đánh hơi, bắt

mạch được (thị trường) thị hiếu yêu nhạc của giới trẻ, tung ra một bản nhạc phổ thơ với triết lý “*Có còn hơn không*” của thi sĩ Nguyễn Tất Nhiên. Đó là bài “*Thà như giọt mưa.*”

Thật ra Phạm Duy đã “chôm” bài thơ “*Khúc tình buồn*” của thi sĩ Nguyễn Tất Nhiên nguyên văn như sau:

*Người từ trăm năm  
về qua sông rộng  
ta ngoắc mòn tay  
trùng trùng gió lộng  
(thà như giọt mưa  
vỡ trên tượng đá  
thà như giọt mưa  
khô trên tượng đá  
có còn hơn không  
mưa ôm tượng đá)  
Người từ trăm năm  
về khơi tình động  
ta chạy vòng vòng  
ta chạy mòn chân  
nào hay đời cạn  
(thà như giọt mưa  
vỡ trên tượng đá  
thà như giọt mưa  
khô trên tượng đá  
có còn hơn không  
mưa ôm tượng đá)  
Người từ trăm năm  
về như dao nhọn  
ngọt ngào vết đâm  
ta chết âm thầm  
máu chưa kịp đỏ  
(thà như giọt mưa  
vỡ trên tượng đá  
thà như giọt mưa*

*khô trên tượng đá  
có còn hơn không  
mưa ôm tượng đá)  
Thà như giọt mưa  
gieo xuống mặt người  
vỡ tan vỡ tan  
nào ta ân hận  
bởi còn kịp nghe  
nhịp run vội vội  
trên ngọn lông măng  
(người từ trăm năm  
vì ta phải khổ)  
("Khúc tình buồn" – Nguyễn Tất Nhiên)*

Rồi viết lại thành bài hát "*Thà như giọt mưa:*"

*Thà như giọt mưa vỡ trên tượng đá  
thà như giọt mưa khô trên tượng đá  
thà như mưa gió đến ôm tượng đá  
có còn hơn không, có còn hơn không  
có còn hơn không, có còn hơn không*

*Người từ trăm năm về qua sông rộng  
Người từ trăm năm về qua sông rộng  
ta ngoắc mòn tay, ta ngoắc mòn tay  
chỉ thấy sông lồng lộng, chỉ thấy sông chập trùng*

*Thà như giọt mưa vỡ trên tượng đá  
thà như giọt mưa khô trên tượng đá  
thà như mưa gió đến ôm tượng đá  
có còn hơn không, có còn hơn không  
có còn hơn không, có còn hơn không*

*Người từ trăm năm về khơi tình động  
người từ trăm năm về khơi tình động*

*ta chạy vòng vòng ta chạy mòn chân  
nào có hay đời cạn nào có hay cạn đời*

*Thà như giọt mưa vỡ trên tượng đá  
thà như giọt mưa khô trên tượng đá  
thà như mưa gió đến ôm tượng đá  
có còn hơn không, có còn hơn không  
có còn hơn không, có còn hơn không*

*Người từ trăm năm về như dao nhọn  
người từ trăm năm về như dao nhọn  
dao vết ngọt đâm ta chết trâm ngâm  
dòng máu chưa kịp tràn  
dòng máu chưa kịp tràn*

*Thà như giọt mưa vỡ trên tượng đá  
thà như giọt mưa khô trên tượng đá  
thà như mưa gió đến ôm tượng đá  
có còn hơn không, có còn hơn không  
có còn hơn không, có còn hơn không*

*(“Thà như giọt mưa” – Phạm Duy)*

---

### **Ghi chú:**

*\* Mời quý vị đọc lời của cả 2 bài trên để thấy và thưởng thức cái tài “ngươi” rồi “xào lại” của Phạm Duy như thế nào...*

Nhạc phẩm “*Thà như giọt mưa*” được phát thanh liên tục mỗi ngày trên đài phát thanh Sài Gòn và trở thành một “hiện tượng” chưa hề xảy ra trước đây trong giới thanh niên, học sinh sinh viên miền Nam tự do... Hoàn cảnh sáng tác của bài “*Thà như giọt mưa*”

cũng y hệt như hoàn cảnh của bài “*Kỷ vật cho em.*” (“Đánh hơi” lúc trong đi ỉa! và “xào lại” chút đỉnh). Thành ra trường hợp này, tôi suy luận ra câu trả lời “*dejà vu*” của Phạm Duy có lẽ cũng lại là:

“... vì tôi không biết thi sĩ là ai? và không biết tìm ở đâu?”

Nguyễn Tất Nhiên phải vất vả hơn Linh Phương rất nhiều. Thứ nhất, Nguyễn Tất Nhiên chỉ là một anh chàng thanh niên mới 18-19 tuổi khi bài thơ “*Khúc tình buồn*” bị “chôm.” Thứ hai, Nguyễn Tất Nhiên không quen biết nhiều với giới báo chí truyền thông cho nên không có ai huân để “bắt mẫn dùm” cho mình như trường hợp Linh Phương trước đây. Nguyễn Tất Nhiên phải chạy ngược chạy xuôi “đi gõ cửa cầu cứu với giới báo chí “(nguyên văn theo lời chị Nguyễn Thị Minh Thủy, vợ cũ của Nguyễn Tất Nhiên) về vấn đề tác quyền. Cũng may, có Chu Tử của báo Sống (và một số báo khác sau đó) đã đứng về phía thi sĩ có thơ bị “cầm nhảm” phát động lại phong trào tác quyền của người làm thơ và đồng thời gây áp lực với giới làm nhạc về vấn đề tác quyền này... Kết quả Phạm Duy đã tìm Nguyễn Tất Nhiên và lên thăm thi sĩ tại nhà ở Biên Hòa để “nói một vài lời phải quấy” theo kiểu “*jouer papa*” chứ chuyện bồi thường chưa hề được đề cập đến trong lần gặp gỡ này. Cuối cùng gia đình thi sĩ Nguyễn Tất Nhiên phải kiện Phạm Duy và hãng đĩa Việt Nam ra tòa. Kết quả phe nguyên cáo (gia đình Nguyễn Tất Nhiên) bãi nại và đồng ý nhận một số tiền bồi thường do hãng đĩa Việt Nam và Phạm Duy dàn xếp.

Sau hai vụ “cầm nhảm” lớn rồi đưa đến sự nhượng bộ của Phạm Duy này, một bài thơ nổi tiếng khác của thi sĩ Vũ Hữu Định được Phạm Duy phổ thơ mà tôi không (chưa tìm ra!) nghe thấy sự phàn nàn trực tiếp nào của thi sĩ Vũ Hữu Định. Đó là bài “*Còn một chút gì để nhớ.*” Phạm Duy “ngửi” thấy bài này và phổ nhạc thành bài “*Còn chút gì để nhớ.*” (Phạm Duy bỏ mất chữ “một” trong tựa bài). Bài hát này đã nổi tiếng và biến địa danh “Pleiku,” một thị trấn mới xa xôi ở cao nguyên sương mù, thành một nét đậm đáng ghi nhớ trên bản đồ Việt Nam:

*Phố núi cao phố núi đầy sương  
 Phố núi cây xanh trời thấp thật buồn  
 Anh khách lạ đi lên đi xuống  
 May mà có em đời còn dễ thương*

*Em Pleiku má đỏ môi hồng  
 Ở đây buổi chiều quanh năm mùa đông  
 Nên tóc em ướt và mắt em ướt  
**Da em mềm như mây chiều trong** (Phạm Duy sửa là “**Nên em...**”)*

*Phố núi cao phố núi trời gần  
 Phố xá không xa nên phố tình thân  
 Đi dăm phút đã về chốn cũ  
 Một buổi chiều nào lòng vẫn băng khuâng*

*Xin cảm ơn thành phố có em  
 Xin cảm ơn một mái tóc mềm  
 Mai xa lắc **bên đời** biên giới (Phạm Duy sửa là “**trên đời**”)  
 Còn một chút gì để nhớ để quên*

(“Còn một chút gì để nhớ” - Vũ Hữu Định)

Ngoài ra, còn một bài thơ nổi tiếng khác mà Phạm Duy đã phổ nhạc, (tôi lấy làm lạ là mà không thấy ai “ngửi” được cái mùi “cầm nhâm” lời thơ cổ hữu của Phạm Duy?), đó là bài “*Mùa thu chết*” (Nhạc Phạm Duy sáng tác năm 1970 - Thơ G. Apollinaire – Ca sĩ Julie).

*"Ta ngắt đi một cụm hoa thạch thảo  
 Em nhớ cho: Mùa Thu đã chết rồi!  
 Mùa Thu đã chết, em nhớ cho  
 Mùa Thu đã chết, em nhớ cho  
 Mùa Thu đã chết, đã chết rồi. Em nhớ cho!  
 Em nhớ cho,  
 Đôi chúng ta sẽ chẳng còn nhìn nhau nữa!*

*Trên cõi đời này, trên cõi đời này  
Từ nay mãi mãi không thấy nhau  
Từ nay mãi mãi không thấy nhau...*

*Ta ngắt đi một cụm hoa thạch thảo  
Em nhớ cho: Mùa Thu đã chết rồi!  
Ôi ngát hương thời gian mùi thạch thảo  
Em nhớ cho rằng ta vẫn chờ em.  
Vẫn chờ em, vẫn chờ em  
Vẫn chờ....  
Vẫn chờ... đợi em!"*

Vâng! Tôi xin nói cho rõ là Phạm Duy đã có “chua” là lời thơ của Guillaume Apollinaire:

(nguyên văn)

### **L'adieu**

Guillaume Apollinaire

*J'ai cueilli ce brin de bruyère  
L'automne est morte souviens-t'en  
Nous ne nous verrons plus sur terre  
Odeur du temps brin de bruyère  
Et souviens-toi que je t'attends*

... Nhưng lời phần lời Việt thì Phạm Duy “tạm xem” như của chính mình (!) Trong khi, trước đó (năm 1969 cho chính xác) Bùi Giáng đã dịch bài “L’Adieu ” như sau:

### **Lời vĩnh biệt**

*... Ta đã hái nhành lá cây thạch thảo  
Em nhớ cho, mùa thu đã chết rồi  
Chúng ta sẽ không tao phùng được nữa  
Mộng trùng lai không có ở trên đời*



*Hương thời gian mùi thạch thảo bốc hơi  
Và nhớ nhé ta đợi chờ em đó ...*

...

- Bản dịch của Bùi Giáng  
("Đi vào cõi thơ," trang 80-82, Ca Dao xuất bản, Sài Gòn, Việt Nam 1969).

"Chuyên dài phổ thơ thành nhạc của Phạm Duy" đang ở chương cuối cùng; bởi lẽ Phạm Duy, vì lý do tuổi tác và sức khỏe, không còn vào buồng tắm tự nhiên thông thả như lúc trai trẻ, đồng thời khứu giác chắc có lẽ cũng hết bén rồi!!!

## **Diệu Hương**



Ở hải ngoại, ca nhạc sĩ "gia đình HO" Diệu Hương bỗng nhiên trở thành một "hiện tượng âm nhạc. "

Thứ nhất, vì nhạc của Diệu Hương nghe "có hồn" mặc dù "lời nhạc" của Diệu Hương có ý nghĩa "mông lung" theo kiểu khó hiểu của tranh lập thể Picasso; và dùng hơi nhiều sáo ngữ (!) Tôi chỉ nghe độ 3-4 bài đầu trong CD "Tình Ca Diệu Hương 1" với chủ đề

“*Bài tình ca cho em*” (phát hành năm 2001) thì tôi đã ghi được một số chữ tạm gọi là “mông lung” như sau:

“*ôi xơ xác linh hồn tôi khắc khoải,*”

“*bóng tôi chia phôi,*”

“*trăm năm như ngàn năm, người cùng đá bắn khoăn*”

và một lô “sáo ngữ” như :

“*trào dâng,*”

“*pha phôi,*”

“*đày đọa,*”

“*xuyên xao,*”

“*hoang phế,*”

“*quanh hiu,*”

“*thét gào,*”

“*giọt buồn...*”

nghe thoáng qua thấy rất quen thuộc như đã nghe ở đâu đó rồi... giống như các từ ngữ đảo lộn ngớ ngẩn của vi-xi : “đảm bảo,” “triển khai,” “lược tóm,” “kiếm tìm...”

Thứ nhì, Diệu Hương được xem như là “hàng hiếm” trong ngành viết nhạc (cũng giống như trong ngành đầu bếp, trang điểm, thiết kế thời trang...) mà đại đa số “thợ” giỏi là nam giới.

Về loại chữ “mông lung” và “sáo” này, Trịnh Công Sơn trước đây đã dùng rất nhiều:

“*ôi tóc em dài đêm thân thoai,*”

“*ru em từng ngón xuân nồng,*”

“*rồi như đá ngậy ngô,*”

“*nắng thủy tinh...*”

... được rất nhiều người ưa chuộng và “cóp-pi” tứ tung ngũ hoành. Trịnh Công Sơn dùng những loại chữ “mông lung” như vậy khi chúng còn hoàn toàn mới lạ với tai người thường lãm; chúng được xem như là chữ “gốc;” bởi vì Trịnh Công Sơn không “cóp-pi” (? Hình như TCS cũng đã cóp-pi từ sách Tây? Tôi chưa kiểm chứng được đầy đủ!) của người khác.

*(Xin thưa nhận định này và những giòng kế tiếp về Trịnh Công Sơn là ý kiến chủ quan và theo sự hiểu biết giới hạn của cá nhân người viết; sẽ có một số độc giả không đồng ý với tôi về nhận xét chủ quan này!! Tôi xin phép được ghi nhận ý kiến của độc giả để học hỏi thêm).*

Thật ra, lời nhạc của Trịnh Công Sơn có rất nhiều đoạn nghe thoáng qua cứ tưởng là “mông lung” nhưng mãi về sau này có những người từng quen biết, gần gũi với Trịnh Công Sơn giải nghĩa thêm cho rõ ra, mới hiểu ra những lời “mông lung” đều có ẩn ý “thật” (real thing?) chứ không phải loại “mông lung” (unreal !) vớ vẩn, gượng ép. Thí dụ :

*Chiều nay em ra phố về  
Thấy đời mình là những chuyến xe  
Còn đây âm vang nào nề  
Ngày đi đêm tới trăm tiếng mơ hồ.*

...

*Nhớ một người tình nào cũ,  
Khóc lại một đời người quá ê chề.*

...

*Chiều nay em ra phố về  
Thấy đời mình là những quán không  
Bàn in hơi bên ghé ngồi  
Ngày đi đêm tới đã vắng bóng người  
(“Nghe Những Tàn Phai” - Trịnh Công Sơn)*

Tác giả bài “Văn hóa cảm nhảm” này đã có may mắn được nghe Khánh Ly trực tiếp nói (không phải qua sự ghi chép “tam sao thất bản” từ các nguồn trên mạng) là chính Trịnh Công Sơn cho Khánh

Ly biết bài “*Nghe Những Tàn Phai*” Trịnh Công Sơn viết về “tâm sự buồn” của một cô gái làng chơi đã về già, hết thời. Lời nhạc nào nùng thật chứ không phải là chuyện “mông lung” vớ vẩn như chúng ta nghĩ...

Hoặc:

*Hạt bụi nào hóa kiếp thân tôi  
Để một mai tôi về làm cát bụi*

....

*Ôi cát bụi phận này*

*Vết mực nào xóa bỏ không hay*

(“Cát Bụi” - Trịnh Công Sơn)

Thím “ô-tét-đờ-te” Đặng Tuyết Mai (vợ cũ của ông Nguyễn Cao Cây) trong một dịp gặp gỡ văn nghệ văn gừng nào đó (?), đã được Trịnh Công Sơn giải thích và mô tả sự khai sinh và khai tử (như được ghi lại trong bài hát “*Cát bụi*”) ở trong các làng xã xa xôi ở miền quê Việt Nam là:

*“Khi một đứa bé được sinh ra thì bố mẹ đứa trẻ báo cho làng xã biết. Người ta ghi tên đứa bé vào một cuốn sổ bằng viết mực... thế rồi khi đứa bé lớn lên sau lũy tre xanh, trưởng thành, già... nếu chết đi thì người nhà cũng báo cho làng xã biết; người ta cũng lấy cái bút gạch tên người chết trong cuốn sổ đình này là xong một đời người.”*

Chính vì vậy mà sau khi một cuộc đời được chấm dứt câu “*Vết mực nào xóa bỏ không hay*” là thật chứ không phải là chuyện “mông lung” như chúng ta vẫn nghĩ...

Hoặc:

*... Nhiều đêm thấy ta là thác đổ*

*Tỉnh ra có khi còn nghe.*

(“Đêm Thấy Ta Là Thác Đổ” - Trịnh Công Sơn)

Xin thưa, ông anh văn nghệ của tôi, Bác sĩ Đặng Trần Hào, một người đã tập thiền loại “thâm niên công vụ,” tức là thiền mỗi ngày vài giờ trong vài chục năm qua, khi hàn huyên với tôi, Bác sĩ Hào đã phải buột miệng khen Trịnh Công Sơn:

*“Trịnh Công Sơn phải là sư tổ môn thiền học mới ‘đạt’ được cái trạng thái ‘thác đổ’ này.”*

Vì chính bản thân Bác sĩ Hào, sau vài chục năm thiền, mỗi khi thiền xong, mở mắt ra nghe thấy trong đầu còn có “âm vang như có tiếng thác đổ.”

Thành ra “*Nhiều đêm thấy ta là thác đổ*” cũng là thật chứ không phải là chuyện “mông lung...”

Tôi e rằng bàn về nhạc Trịnh Công Sơn thêm một tí nữa sẽ lạc đề; chưa nói đến việc người viết có thể bị cho đội nón cối...

Bây giờ tôi xin trở lại sáng tác của Diệu Hương. Từ năm 2001 đến năm 2007, Diệu Hương phát hành liên tục một loạt 5 CD “*Tình ca Diệu hương 1-2-3-4-5*” gồm gần 60 bài hát mà bài nào nghe cũng rất “phê.” Nhưng (lại “nhưng!” Chữ “nhưng” thật tai hại!) dùng một cái, năm 2007 bắt đầu đã có tiếng “xì xèo” là Diệu Hương “đạo nhạc.”

Bài nhạc rất tiêu biểu (*a signature song*) được ưa chuộng của Diệu Hương là bài “*Vì đó là em*” (2001) có lời rất tha thiết, thành khẩn như sau:

*“Không cần biết em từ đâu.  
Không cần biết em ngày sau...  
Yêu em khi chỉ biết đó là em...”*

Bây giờ nghe lời nhạc mà nhóm Backstreet Boys hát trong bài “*As long as you love me*” (1997):

*I don't know who you are,*

*I don't care where you come from.  
As long as you love me...*

Sao thấy nó giống nhau chi lạ: cũng tha thiết và thành khẩn không sai tí ti ông cụ nào? Tư tưởng lớn luôn luôn gặp nhau là vậy?!

Về giai điệu (melody) thì có nhiều người đã quả quyết 100% là bài “*Tình vọng*” do Diệu Hương viết năm 2004 (Tuấn ngọc hát) nghe y chang như bài nhạc “*Caruso*” rất nổi tiếng của nhạc sĩ Ý đại lợi Lucio Dalla sáng tác năm 1986 (ca sĩ Lara Fabian hát). Quý vị nên tìm nghe cả hai bài (đề nghị dùng “Google search”) để thấy tại sao có người dám “quả quyết là giống 100%” như vậy.

Một số đọc giả của các diễn đàn Việt ngữ còn cho biết thêm là đã “khám phá” ra các bài nổi tiếng khác của Diệu Hương liệt kê sau đây đều có “đạo” không ít thì nhiều về nhạc (melody) hay lời (lyrics). Xin quý vị tìm xem và nghe lại để tự tìm hiểu và tự thẩm định:

- “*Bài tình ca của em*” sao giống y chang bài “*Đêm cô đơn*” của Ngọc Trọng.

- “*Lặng nhìn ta thôi*” giống bài “*Lời gọi thiên thu*” của Trịnh Công Sơn.

- “*Như một lần nhớ tiếc*” giống bài “*Hoa sữa*” của Hồng Đăng.

Ôi Diệu Hương ơi! “*Mình ơi!*” Có phải “*mình*” là “*hàng hiếm*” “*made in china!*” tìm thấy đâu đó ở “*Wal-Mart...*” hông???

**Bảo chấn**



Việt Nam (sau 1975) không có luật bảo vệ tác quyền (*copy rights*) cho nên “sự cố” “tình nghi” “cầm nhầm” “lan tỏa” rộng lớn trong mọi ngành sản xuất và sáng tác.

Riêng ngành sáng tác nhạc được các tay “nhạc sĩ” phần lớn là giới trẻ “cầm nhầm,” “cóp-pi,” “chôm...” tứ tung thiên địa từ nhạc “gốc” phần lớn từ nhạc Anh, Trung Hoa, Đại hàn, Nhật... Một khi bị phát giác hay có người tri hô lên là “cầm nhầm” thì cứ 10 ông nhạc sĩ trẻ có đủ 10 ông la làng theo cùng một bài ca (họ lại “cóp-pi” lẫn nhau ở phần trả lời báo chí mới oái oăm!) là:

*“giai điệu giống nhau là chuyện bình thường,”*

*“quá sốc,”*

*“bị áp đặt,”*

*“không có cơ sở...”*

Trang mạng “*ngoisao.net*” của Việt Nam trong ngày 19 tháng 1 năm 2005 đã liệt kê có ít nhất 70 ca khúc ở trong nước “bị tình nghi” là “đạo nhạc” từ “nhạc ngoại quốc.” Các “nhạc sĩ” ở thể loại này gồm cả những tên tuổi đương thời đang “ăn khách” ở Việt Nam như: Bảo Chân, Phương Uyên, Quốc Bảo, Quang Huy, Lê Quang, Võ Thiện Thanh...

Trong khuôn khổ giới hạn của bài nhận định này, tôi xin nói qua về một nhạc sĩ điển hình có tên tuổi trong đám thợ “cầm nhâm” này. Đó là nhạc sĩ Bảo Chấn.

Bảo Chấn đã “sáng tác” bài nhạc thơ mộng “*Tình thôi xót xa*” khi nào?

Năm 1997, bài “*Tình thôi xót xa*” được ca sĩ Lam Trường và Hồng Nhung hát... bỗng dưng bài hát này rất được ưa chuộng và cả bài hát lẫn nhạc sĩ đều nổi tiếng... Nhưng cũng ngay sau đó thiên hạ bắt đầu bàn tán rùm lên là Bảo Chấn “cóp-pi” nhạc (melody) từ bài “*Frontier*” của nữ nhạc công Piano và nhạc sĩ người Nhật đã nổi tiếng quốc tế tên Keiko Matsui (tác giả của gần 20 albums nhạc Jazz). Bài “*Frontier*” là một bản nhạc hòa tấu nằm trong album “*Chery blossom*” của Cô phát hành năm 1992. Liên ngay sao đó, Bảo Chấn đã đưa ra lời giải thích với giới truyền thông báo chí trong nước rất ngon lành, nghe qua thấy rất “hợp tình hợp lý” như sau:

*“Tôi cam đoan là không có chuyện ‘mượn’ giai điệu của nhạc Nhật (cho bài “Tình thôi xót xa”). Trong âm nhạc, sáng tác dựa theo ‘cảm xúc,’ và sự trùng hợp là chuyện rất bình thường. Tôi sáng tác bài ‘Tình thôi xót xa’ từ thập niên 80 dành cho bộ phim ‘Nước mắt học trò’ của đạo diễn Lý Huỳnh... Tôi không dám nghĩ là phía Nhật ‘lấy’ giai điệu của tôi (!); nhưng tôi khẳng định là không hề có chuyện tôi lấy giai điệu từ họ (ám chỉ nhạc của Keiko Matsui).”*

Lời giải thích thật hào sảng, oai hùng (có cả ngụ ý: “biết đâu Nhật đã ‘cóp-pi’ từ nhạc Việt!!!” Nếu lời biện minh của Bảo Chấn đúng thì thật vẻ vang cho nền âm nhạc Việt Nam...) Nhưng (lại chữ “nhưng” thật tai hại!) khi những người quan tâm nhìn kỹ vào các cuốn phim của Lý Huỳnh mà Bảo Chấn (và em là Bảo Phúc) viết nhạc nền như “*Nước mắt học trò*,” “*Cơn lốc cuộc đời...*” từ năm 1991 đến bây giờ thì chẳng thấy tăm hơi bài “*Tình thôi xót xa*” ở đâu cả??? Tìm kỹ càng hơn một tí nữa loanh quanh đâu đấy thì thấy bài “*Tình thôi xót xa*” được trình bày lần đầu tiên trong phim



“*Truy nã tội phạm quốc tế*” của hãng phim Phương Đông (hợp tác với Đài loan) sản xuất không phải năm 1991; mà là năm 1997 (cũng là năm mà Lam Trường và Hồng Nhung hát bài này). Sau các phát giác cụ thể dựa trên các mốc thời gian này thì Bảo Chấn “khai bệnh” vào nhà thương nằm “nghỉ” một thời gian vì “gặp phải năm hạn!” Thật xui xẻo cho nhạc sĩ trẻ tài hoa muốn nổi tiếng nhanh chóng trên công sức của người khác!!! Người gian lâu lâu mắc nạn vậy mà, có gì phải rảnh hơi to chuyện!!!

Đám “hót sĩ” trong nước như Đàm Vĩnh Hưng, Quang Linh, Đan Trường... cũng cùng nhau “vô tư” “rinh” nhạc Việt do “ngụy” sáng tác từ hải ngoại đem về nước rồi tự tiện đổi tên tựa bài hát, hoặc cả tên tác giả rồi thản nhiên cho vào các “albums” của họ... Chỉ có “nghệ nhân” của “đỉnh cao trí tuệ” mới có “khả năng” “làm việc” như vậy... Đảng và nhà nước ta đã đề xuất phương châm: “*Nhà ngụy ta ở! Vợ ngụy ta lấy...*” thì bây giờ “*Nhạc ngụy ta cũng lấy nốt*” thì có tội vạ gì??? Không chừng còn được đảng và nhà nước ta ban cho huân chương “nghệ sĩ nhân dân,” “nghệ sĩ ưu tú...” Các nhạc sĩ “phản động” ở hải ngoại chỉ có nước thờ dài. Chuyện kiện cáo các “hót sĩ” này có khác gì đi kiện củ khoai thôi; vì luật rừng của “nhà nước ta” không có khoản nào về “tác quyền” để bảo vệ tài sản trí tuệ của chính người của “cách mạng;” nói chi đến chuyện diều vợi bảo vệ tài sản trí tuệ của đám “ngụy sĩ...”

## 2- Cầm nhâm Văn chương / bài Khảo cứu

### Hồ Chí Minh

Đứng đầu danh sách đạo văn có tính cách lịch sử toàn cầu là Hồ Chí Minh.

“Boác” Hồ Chí Minh, lãnh đạo “kiệt xuất” của XHCNVN, đã phát minh ra kỹ thuật “Cắt và Dán” (Cut & Paste) từ năm 1945 (tức là gần 50 năm trước khi bác “Biu gét” làm ra Window 95). “Chính

sử của đảng cộng sản và nhà nước XHCN Việt Nam” đã khẳng định là “Bác Hồ” đã “tự ý soạn thảo” ra và đọc “*Tuyên ngôn độc lập nước Việt Nam dân chủ cộng hòa*” trên lễ đài sáng 2-9-1945 tại Quảng trường Ba Đình, Hà Nội như sau:

*“Hỡi đồng bào cả nước,*

*Tất cả mọi người đều sinh ra có quyền bình đẳng. tạo hóa cho họ những quyền không ai có thể xâm phạm được; trong những quyền ấy, có quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc...”*

(Trích “Hồ Chí Minh toàn tập”)

Trong khi bản “*Tuyên ngôn độc lập của Hoa kỳ*” công bố năm 1776 đã được viết là:

*“All the peoples on the earth are equal from birth; all the peoples have a right to live, to be happy and free.”*

(Declaration of Independence of the United States of America 1776)

Những ai biết đọc và viết Anh ngữ thì thấy 2 câu Việt ngữ và Anh ngữ, nếu đem để sát bên nhau, không phải là sự trùng hợp ngẫu nhiên... mà là một sự sao chép tinh vi của “đỉnh cao trí tuệ.”

Về vấn đề đạo thơ, Bác Hồ đã “cắt” 4 câu thơ khác nhau của 4 thi hào nổi tiếng thành và “dán” lại thành ra bài thơ “hay nhất thế kỷ” của “Bác:” Bài thơ “*Nguyên Tiêu*.” (Xin mời đọc thêm chi tiết “cắt và dán” này qua bài “*Đọc bài thơ Nguyên Tiêu của HCM*” cũng do TVG viết đăng trong vài websites sau đây:

[http://hon-viet.co.uk/TranVanGiang\\_DocBaiThoNguyenTieu\\_cuaHochoMinh.htm](http://hon-viet.co.uk/TranVanGiang_DocBaiThoNguyenTieu_cuaHochoMinh.htm)

Hoặc (bằng Unicode):

<http://www.vietnamexodus.org/vne/modules.php?name=News&file=print&sid=3454>

Giáo sư Lê hữu Mục còn biên khảo thành cả một cuốn sách dày tựa đề: “*Hồ Chí Minh không phải là tác giả Ngục Trung Nhật Ký*” (cũng bằng Unicode):

[http://groups.yahoo.com/group/NV\\_7/message/1085](http://groups.yahoo.com/group/NV_7/message/1085)

để chứng minh rằng:

*“Hồ Chí Minh chỉ là kẻ đạo văn, mượn đầu heo nấu cháo, ăn cắp nguyên con một cách lộ bịch và trơ trẽn tập ‘Ngục Trung Nhật Ký’ của một người bạn tù người tâu rồi để tên mình là tác giả...”*

### **Mục sư Tiến sĩ Martin Luther King Jr. (MLK)**

Sau khi bị ám sát năm 1968, MLK, một Mục sư da đen đấu tranh cho nhân quyền – nhất là sự bình đẳng của dân da màu - được dân da đen ở Hoa kỳ xem một như vị thánh tử đạo. Trên lãnh thổ Hoa kỳ, tất cả những cái không Chân, không Thiện và không Mỹ của MLK đều bị ếm nhem một cách có hệ thống...

Thực ra, đã có nhiều lời đồn đại phổ biến rộng rãi từ đầu thập niên 1980 về sự đạo văn của MLK; nhưng phải chờ các bài viết về MLK (đặc biệt nhất là của Theodore Pappas) xuất hiện trên văn đàn ở Anh quốc, dân Hoa kỳ mới có cơ hội biết rõ thêm về đời tư và sự thông minh thực sự của MLK.

MLK có phải là người liên tục đạo văn của người khác không?

Các tài liệu đang có sẵn đã chứng minh điều này là đúng. Thí dụ:

- Một bài “essay” của MLK tựa đề “*The Place of Reason and Experience in Finding God*,” viết lúc MLK theo học môn thần học tại trường Crozer (một “college” của dân da đen, nơi MLK theo học ban Cử nhân), đã “chôm” (pirated) rất nhiều đoạn từ công trình của nhà thần học Edgar S. Brightman, tác giả của cuốn sách “*The Finding of God*.”

- Một luận trình khác của MLK tựa đề “*Contemporary Continental Theology*,” viết chỉ một thời gian ngắn sau khi MLK nhập học trường Boston University, đã “chôm” (stolen) một phần lớn (largely) từ cuốn sách viết bởi Walter Marshall Horton.

- Năm 1955, MLK trình luận án tiến sĩ về thần học tựa đề “*A Comparison of the Conceptions of God in the Thinking of Paul Tillich and Harry Nelson Wieman*,” đã chôm hơn 50% nội dung của luận án tiến sĩ trình trước đó với tựa đề “*The Place of Reason in Paul Tillich's Concept of God*” của Dr. Jack Boozer. Sự đạo văn này còn rõ rệt một cách đáng sợ là MLK “cọp-pi” cả những câu đã “trích sai lầm” (citation errors) từ luận án đệ trình bởi Dr. Jack Boozer.

Tác giả Theodore Pappas đã lấy làm ngạc nhiên và sau đó nghi ngờ là hình như ban giảng huấn ở Boston University khi chấm luận án tiến sĩ của MLK đã không thực sự là đọc bản luận án này. Nói cách khác là họ cứ nhắm mắt cấp cho MLK bằng tiến sĩ. Bởi vì, theo ông Pappas, nếu có ít nhất một người trong ban chấm thi này đọc thôi, thì họ đã phải thấy ngay sự đạo văn này.

Vấn đề đạo văn của MLK không dừng lại ở các bài viết của MLK. Năm 1963, MLK đọc một bài diễn văn “lịch sử” nổi tiếng trong lịch sử Hoa Kỳ: Đó là bài “*I have a dream*.” Bài “*I have a dream*” thực ra của Mục sư da đen tên Archibald Carey đã đọc trước đại hội đảng Cộng hòa năm 1952.

Đây là chuyện của hai nhân vật nổi tiếng thế giới, một ở trong nước Việt Nam và một ở Hoa kỳ... Nhiều “tác giả” lớn, nhỏ ngày hôm nay tận dụng kỹ thuật “cắt và dán” để “chôm” các bài viết, bài

khảo cứu đã được phổ biến trước đây (sử dụng lại nguyên con nhiều khi có đủ cả dấu chấm, dấu phẩy, typo...) rồi hiên ngang để tên mình với chữ đậm nét ở cuối bài. Nếu có người nào cố tìm ra nguồn của các bài viết này; và hỏi họ thì họ đã có sẵn câu trả lời thật tiện nghi là “tôi quên!”

Các bài khảo cứu văn học, lịch sử hay khoa học của các “ông thầy” Việt Nam trong và ngoài nước có “học hiệu” cao như “giáo sư,” “tiến sĩ,” “thạc sĩ,” “bác sĩ...” cũng thường có liệt kê qua loa chiếu lệ trong mục “tham khảo” mà lỡ có ai hướn mở các tham khảo này thì hoàn toàn mù tịt, lạc hướng...

### 3- Cầm nhảm Tên tuổi

“Cầm nhảm Tên tuổi” đôi khi còn được gọi nôm na là “*thấy người sang bắt quàng làm họ.*”

Những con cá kèo, những “small fries,” vô danh nhưng nhiều thủ đoạn muốn “nổi” cho mau thường dùng kiểu “cầm nhảm” này: đi đường tắt bằng cách mượn một tên tuổi lớn có sẵn để quá giang cho tới bến cho mau chóng.

#### Nguyễn Ái Quốc

Đầu tiên, tên gọi “Nguyễn Ái Quốc,” theo chính sử của đảng cộng sản và nhà nước XHCN Việt Nam, vẫn được xem là tên riêng của một mình Nguyễn Tất Thành (sau đó đổi tên nhiều lần trở thành Hồ Chí Minh). Bản “*Yêu sách của người An Nam,*” viết bằng tiếng Pháp với tựa đề “*Revendications du peuple annamite,*” xưa nay vẫn được xem là công của một mình Hồ Chí Minh gửi lên Hội Nghị Versailles. Nhưng sử gia Sophie Judge-Quinn quả quyết “*Yêu sách của người An Nam*” năm 1919 ký tên “Nguyễn Ái Quốc” là của một mình Phan Văn Trường vì lúc đó Nguyễn Tất Thành

không thể có đủ trình độ viết và nói tiếng Pháp thông thạo như Phan Văn Trường (Luật sư).

Một trong những người đầu tiên xác định bút hiệu “Nguyễn Ái Quốc” là tên của chung nhiều người là sử gia Pháp Daniel Hémery, trong “*Ho Chi Minh, de l'Indochine au Vietnam*,” xuất bản năm 1990. Đồng thời sử gia Nguyễn Thế Anh trong “*L'intinéraire politique de Hồ Chí Minh*” đã ghi Phan Châu Trinh và Phan Văn Trường cũng đứng tên “Nguyễn Ái Quốc” (Nguyễn Thế Anh không có liệt kê tên ông Nguyễn Thế Truyền). Nhưng theo sử gia Daniel Hémery, những người đã dùng bút hiệu “Nguyễn Ái Quốc” gồm có Phan Châu Trinh, Phan Văn Trường, Nguyễn Thế Truyền và Nguyễn Tất Thành. Trong số 4 người dùng tên Nguyễn Ái Quốc chỉ có Nguyễn Tất Thành (Nguyễn Sinh Cung - Hồ Chí Minh) là học hành kém cỏi nhất - chưa học xong bậc tiểu học - còn 3 người còn lại của nhóm đều là khoa bảng lớn (Phan Văn Trường là Luật sư, Phan Chu Trinh là Phó Bảng, Nguyễn Thế Truyền có 2 bằng kỹ sư Hóa học và cử nhân Triết).

Mặc dù kém học, tài hèn nhưng vì có sẵn thủ đoạn, thấy tên Nguyễn Ái Quốc có vẻ “ăn khách” cho nên Nguyễn Tất Thành giữ luôn làm của riêng cho mình; dùng nó để làm bàn đạp thăng tiến sự nghiệp “Kách mệnh...”

## **Vũ Trọng Phụng**

Dân mít ta học đến bậc trung học thì có ai mà không biết tên tuổi của nhà văn Vũ Trọng Phụng, tác giả của những truyện xã hội nổi tiếng như *Giông tố*, *Số đỏ*, *Cơm thầy cơm cô*...

Gần đây có một nhân vật xuất hiện trên một chương trình phỏng vấn của đài truyền hình Việt Nam SBTN ở Nam California tự xưng là Đại tá biệt kích (?) Vũ Trọng Khanh, biệt hiệu là Vũ Lăng (?) tốt nghiệp khóa 4 võ bị Đà Lạt (?) là con trai của Vũ Trọng Phụng (?) Me xừ Vũ Trọng Khanh còn khai tới luôn là mẹ ông là em gái của Luật sư Trần Văn Tuyên (?)... Ối chà chà! Sao chẳng có ai

hay biết về ông Đại tá biệt kích này. Thật là một thiếu sót lớn lao!!!

Nhà văn Hoàng Hải Thủy cho biết chính ông và các bạn văn khác của ông đều biết là Vũ Trọng Phụng chỉ có một người con gái thôi, không có con trai. Năm 1975 đã có một người cả gan tự nhận là Vũ Trọng Khanh, con trai của Vũ Trọng Phụng đến gặp ông Hoàng Hải Thủy tại Sài Gòn qua sự giới thiệu của một bạn văn của Hoàng Hải Thủy tên Phù Hư. Hoàng Hải Thủy lần đầu tiên (1975) nghe tên “Vũ Trọng Khanh” đã nghi ngờ rồi. Tháng 3 năm 2008 nhìn hình ảnh của ông “Vũ Trọng Khanh” trên màn ảnh Truyền hình SBTN thì Hoàng Hải Thủy nhận thấy ông “Vũ Trọng Khanh” mới toanh này không phải là ông “Vũ Trọng Khanh” ông đã gặp năm 1975 (?)

Đồng thời, Luật sư Trần Từ Huyền, trưởng nam của luật sư Trần Văn Tuyên phải gọi cây đăng trên nhiều trang báo chí Việt ngữ một “thư ngỏ” của gia đình ông đại ý nói rằng gia đình ông Huyền không hề biết ông Vũ Trọng Khanh này; cũng như gia phả nhà ông Huyền không có dấu vết gì của mẹ xừ Vũ Trọng Khanh. Đại tá Vũ Lăng “quăng” xứng đáng được nhận một bằng tưởng lục “Có cố gắng!!!” (*Graded “E” – “E” for “Effort”*).

### **Hu-ke Đặng Văn Cử Ấu**

Cách đây khoảng 3 tuần lễ, có mẹ xừ Hu-Ke Đặng Văn Cử Ấu (?) nào đó tôi không rõ (xin quý vị niệm tình tha lỗi cho bệnh lãng trí cấp tính của tôi) đã cho phổ biến rộng rãi trên mạng một lá thư cá nhân loại “cử ấu” trên các diễn đàn Việt ngữ nhằm mục đích “giải độc” cho “kép độc” Nguyễn cao cây. Tôi xin trích nguyên văn 5-6 giòng đầu tiên của lá thư cử ấu như sau:

*“Thành phố Houston, Tiểu bang Texas, Hoa Kỳ, ngày 11 tháng 2 năm 2010.*

*Thưa anh Nguyễn Ngọc Linh,*

*Lâu lắm mới nhận được email của anh. Hôm Giáng sinh vừa qua, tôi gửi email báo tin cho anh Bùi Diễm, anh Tôn Thất Thiện và anh hay rằng anh tôi – anh Đặng Văn Châu – đã qua đời mà không thấy anh hồi đáp thì tôi nghĩ rằng anh có điều gì buồn phiền tôi...”*

Mới đọc 3 dòng đầu của lá thư thôi, bác “củ ấu” nhà ta đã quàng vào sơ sơ một lúc 3 cái tên lớn của Chính phủ VNCH: Nguyễn Ngọc Linh cựu Giám đốc Việt tân xã, Bùi Diễm cựu Đại sứ Việt Nam tại Hoa kỳ, Bác sĩ Tôn Thất Thiện cựu Tổng trưởng thông tin... để đọc hù dọa độc giả... 3 người này chỉ là “người trong nhà” của củ ấu... đấy nhá! Mãi bây giờ bàng dân thiên hạ mới biết kích thước củ ấu nhà ta to cỡ nào? Oai thật!

Củ ấu còn khoe là chỉ có một mình củ ấu là biết là quen lớn với kếp độc Nguyễn cao cây; vì vậy chỉ có củ ấu mới biết được Hoàng gia Mã lai (?) đã phong cho Nguyễn cao cây chức cà “Tũn.” Để làm bằng chứng cho cái danh vị cà “tũn” oai nghi này, bác củ ấu còn trưng một tấm ảnh của Nguyễn cao cây trong sắc phục oai phong như một anh bồi khiêng hành lý ở khách sạn (bell boy). Danh giá thiệt!!! Đúng là cà tũn!!!





(Nguyễn Cao Kỳ trong sắc phục “cà tũn”)

## Tả pín lù

Bây giờ đang có một phong trào rất rầm rộ “nhận vợ” là họ hàng, con rơi, người tình... đại loại “cầm nhảm” các tên tuổi của các nhân vật nổi tiếng hoặc hoàng gia, quý tộc...

Diệu Hương đã nhiều lần tuyên bố trong các buổi tiệc: *Diệu Hương là “người yêu” duy nhất của Trịnh Công Sơn. Trịnh Công Sơn không lấy được Diệu Hương thì nhất định không lấy ai (?)* Có người trong “circle” của Trịnh Công Sơn đã khai phản thùng TCS là Trịnh Công Sơn liệt... thì nếu Trịnh Công Sơn có lỡ đại yêu và lỡ lấy phải Diệu Hương cũng chỉ là chuyện “*rời như đá ngậy ngô*” thôi chứ “hung phấn” gì đâu mà đã vội hô hoán lên cho thiên hạ sợ???

Một nữ thi sĩ tài hoa khác là Bùi H.T. nào đó gốc gác ở Đà Lạt đã tự loan tin nữ thi sĩ là “con rơi” của thi sĩ Bùi Giáng (?) Trời đất! “Con rơi (!)” thì có gì vẻ vang danh giá đâu mà cũng cố gắng bắt quàng làm họ... Ngoài ra Bùi Giáng nghe đâu cũng liệt... như Trịnh Công Sơn thì lấy đâu mà nặn ra con rơi??? Give us a break!!!

Một nữ văn thi sĩ khác là Đặng T.T, mới đây (tháng 3/2010) xuất hiện tại một buổi ra sách “Cuối cùng” của nhà văn Võ Phiến tại Orange County, muốn chơi nổi, đã “nhờ” người MC giới thiệu là: “Nữ văn sĩ Đặng T.T liên hệ (?) với ‘Tự lực Văn Đoàn’ muốn lên phát biểu vài lời...” Phần lớn khách tham dự buổi ra sách này cũng hiểu biết ít nhiều về Tự Lực Văn Đoàn, rất ngạc nhiên vì khi nhìn niên tuế “nữ văn sĩ” tài hoa họ Đặng phải nhận ra ngay là vào thời của “Tự lực Văn Đoàn” thì đến ngay mẹ của nữ văn sĩ có lẽ cũng còn mang tã thì nữ văn sĩ liên hệ với Tự lực Văn Đoàn (?) là liên hệ ra nằm thao? Ngay sau đó, nữ văn sĩ họ Đặng khi nghe xì xào tiếng bác tiếng chì đã giải thích rất tiện nghi là “nữ văn sĩ là cháu ngoại ‘rơi’ của nhà văn Hoàng Đạo” và cho chắc ăn, thi sĩ

còn nhắc cho khách tham dự là “Hoàng đạo là em của Nhất Linh!”  
Ái chà chà! Nghe cũng có lý; bởi vì Hoàng Đạo dù chết rất trẻ  
nhưng không liệt.... thành ta cái liên hệ cầu vòng này kể cũng có  
“cơ sở” đấy nhỉ!!!

Bỗng nhiên cái phong trào “con rơi” rồi “cháu ngoại rơi” này tự  
nhiên trở thành thời trang hiện đại...

Tôi có một anh bạn tên Tôn Thất H. Thịnh thoảng anh H. cũng nói  
nửa đùa nửa thật rằng anh là một hoàng thân của hoàng gia họ  
Nguyễn. Tình cờ tôi thấy trên giấy tờ là anh H. sinh quán ở Quảng  
Ngãi. Tôi hỏi đùa anh H. là:

*“Tại sao mà mày là giòng họ hoàng tộc mà lại sinh ở Quảng Ngãi?”*

Anh bạn Tôn Thất H. trả lời là:

*“Có gì mà mày phải ồn ào? Tại vì ‘Vua’ đến thăm và ngủ lại ở  
Quảng Ngãi chỉ có một đêm thôi à!”*

Chỉ có vậy thôi (một đêm!) thì cũng chẳng nên “cầm nhầm” làm  
gì.

Có cố gắng!!!

**(Tháng 3 năm 2010)**

## Văn hóa ngôn



### Lời giới thiệu:

*Ngôn ngữ là một món quà quý báu mà thượng đế đã ban cho con người. Ngôn ngữ với một số ràng buộc (luật) khá phức tạp về cách phát âm, chính tả, và văn phạm cũng là một phần rất quan trọng của văn hóa. Qua cách dùng ngôn ngữ “đúng cách” (chuẩn, chính xác, đơn giản, dễ hiểu), con người không chỉ đạt được mục tiêu trình bày trọn vẹn ý tưởng; mà còn vô hình trung làm cho mọi người chung quanh biết thêm về trình độ học vấn, tư cách, địa vị (chỗ đứng) của người sử dụng nó trong xã hội.*

*Trước hết người viết cũng xin thành thật mong quý vị thấy mục đích của bài này là một tạp bút giới thiệu một số phương ngữ của vùng, miền; trình bày thêm những những khó khăn mà người sử dụng đã gặp lúc cần phải giao tiếp với người sống ở bên ngoài môi trường có hữu của mình. Một số thí dụ và các ghi chép tự nhiên không thêm bớt từ nhiều nơi (nghe sao thì ghi lại y như vậy) sẽ được đề cập chỉ có tính cách tượng trưng, chứ không hề có ngụ ý “pha tiếng,” hay để “chửi” ai cả... Người viết cũng muốn mạnh dạn và thận trọng nêu lên một số vấn đề phát âm, chữ viết vượt qua khỏi phạm vi giới hạn của địa phương cần được quan tâm cùng với các quan sát, nhận định rất chủ quan (và người viết chò mong sự chỉ trích của quý vị cao kiến) về sự phát âm khác biệt (nói nôm na bình dân học vụ là “ngọng”) theo vùng, miền của dân Việt nói chung và chính ngay gia đình cá nhân của người viết để chúng ta cùng góp thêm vào một giải thích, một phương cách khả dĩ có thể sửa chữa, làm thay đổi hoàn cảnh khó khăn trong lãnh vực thông tin, giao tiếp hiện nay.*

*Điểm đặc biệt đáng lưu ý là “phát âm khác biệt theo vùng” và “ngọng,” xét cho kỹ, là hai vấn đề khác nhau; nhưng để đơn giản hóa, người viết sẽ gom cả hai thể loại này thành một dạng để tiện phân biệt với dạng “chuẩn” ở bên kia lằn ranh. Cũng không khó khăn gì lắm, quý vị sẽ thấy rõ khi nào là “phát âm khác biệt” và khi nào là “ngọng” trong những dòng kế tiếp...*

**TVG**

\*



Ngọng thường xuất phát từ (địa) phương ngữ, thổ ngữ có nghĩa là chỉ chi phối, chỉ có ảnh hưởng giới hạn trong một miền, vùng, địa phương nào đó. Tuy nhiên trong thực tế, qua cuộc cách mạng tin học và với sự có mặt của một nền văn hóa xhcn “Mac Keno” không người lái, vinh quang vô địch... (trong cái văn hóa “Mac Keno” - mặc kệ nó – chủ trương ngu dân thì việc dân bị ngọng cũng là chuyện tốt thôi; miễn sao dân ngu cứ việc “ngu” và đừng “phản động, chống đối đảng và nhà nước” là được rồi!) Ngọng nói đã dần dà tràn lan qua ngọng viết và cả hai thứ ngọng trở thành quốc nạn hồi nào mà không hay. Hãy nghe và xem các thí dụ thật - không phải loại vu vơ chế nhạo để giải trí tiếng nói vùng miền trong các hài kịch rẻ tiền, vô trách nhiệm - Các “video clip” phỏng vấn các bác “nhân dân” trong nước, hoặc các tựa đề, các bài viết đứng đắn trên báo in và báo điện tử “lề phải,” băng rôn tuyên truyền của chính quyền cs, bảng chỉ dẫn lưu thông của “nhà nước,” bảng hiệu thương mại, quảng cáo của quần chúng toàn quốc trước mắt bàn dân thiên hạ, chúng ta không khỏi lo lắng ái ngại cho tương lai tiếng Việt.

Có lẽ chúng ta chưa hề thấy có thống kê chính thức nào cho toàn quốc Việt Nam về tỉ lệ dân chúng nói ngọng; nhưng theo cá nhân

tôi, phải có đến trên 50% dân số Việt Nam nói “ngọng” cách này hay cách khác.

## **Khái quát về phương ngữ ba miền**

Nói ngọng là “đặc sản” của địa phương, là chuyện bình thường; Tuy vậy, lúc nào cũng có ngoại lệ. Không phải bất cứ ai sống trong một vùng có người nói ngọng thì họ cũng đương nhiên phải nói ngọng. Có nhiều người người sinh ra và sống ngay trong vùng nói ngọng, chẳng hạn đa số dân Hà Nội không nói ngọng “l,n,” mà họ lại “dị ứng” với việc nói ngọng, đó chưa kể đến chuyện họ đôi khi tỏ vẻ “kỳ thị” (khinh thường) đồng bào nói ngọng (!)

Một lần nữa, những ghi chép sau đây chỉ có tính cách tượng trưng điển hình, không phải là tuyệt đối; tất nhiên còn cần nhiều bổ túc và sửa chữa.

### **1- Bắc kỳ**

Cơ bản sự “ngọng” của dân Bắc kỳ là phát âm “nhẹ” hẳn đi các phụ âm dẫn đầu mỗi chữ (như tr, r, s...) Các Ngôn ngữ gia khắt khe hơn thì cho rằng người Bắc “lười” không chịu khó uốn lưỡi một chút cho đúng âm mà lại chọn khuynh hướng đọc dễ dàng hơn: giảm bớt cái âm uốn cong hay cao lên của phụ âm đầu.

Dân Bắc kỳ nhất là các vùng Hưng Yên, Hải Dương, Hải Phòng, Quảng Ninh, Nam Định, Hà Nam, Bắc Ninh..v..v., và ngay cả dân cư đất “ngàn năm văn vật” - 13 huyện Hà Nội - rất “phổ thông” nói ngọng lú lo (và đặc biệt bị lưu tâm nhiều nhất) hai phụ âm “l,n.” Chẳng hạn:

*“Đi Hà lội mua cái lòi về lẩu con lép.”*  
(“Đi Hà nội mua cái nòi về nấu con nếp.”)

Hoặc là:

*“Chỗ lược lầy lông, lội được!”*  
(“Chỗ nước này nông, lội được!”)

Hay:

*“Thằng Nong nàm việc thì nếu náo; nhưng nòng nợn thì ló gấp nia gấp nĩa.”*  
(“Thằng Long làm việc thì lều láo; nhưng lòng lợn thì nó gấp lia gấp lĩa.”)

*“Mình không nàm thì có bảo mình không nàm; mà mình nàm thì ló nại bảo mình nàm nấy nệ.”*  
(“Mình không ‘làm’ thì có bảo mình không ‘làm’ mà mình ‘làm’ thì ‘nó’ lại bảo mình ‘làm lấy lệ.’ ”)

“Tự nhiên như người Hà lội.” Toàn bộ các chữ có “l” phang tới thành “n” và ngược lại (!)

Đại đa số dân Bắc kỳ (kể cả người viết và gia đình) còn nói trật nguyên âm “r, d, gi” (“rờ” thành ra “dờ” hay “giờ”):

*“Kính dâm.”*  
(Kính râm / kính mát.)

*“Máy giờ giời?”*  
(“Máy giờ rồi?”)

Một em xướng ngôn viên (bây giờ vi-xi gọi là “phát thanh viên”) của một chương trình truyền hình trên VTV ở Việt Nam loan báo tin thời tiết nghe mà muốn “dồn da gà” luôn như sau:

*“Có mưa dào dãi dác; nhưng dết da diết.”*  
(“Có mưa rào rải rác; nhưng rét (lạnh) ra riết.”)



*“Mưa dừng ơi mưa dừng.”*

(Như ông bạn Vũ Khanh của tôi ca lời bản nhạc “Mưa Rừng” của Huỳnh Anh)

Và nổi bật nhất và phổ thông nhất là sai nguyên âm “tr, ch:”

*“Mười lăm chăng chòn; mười sáu chòn chăng.”*

(“Mười lăm trăng tròn; mười sáu tròn trăng.”)

Hay là:

*“Đường xưa lối cũ có bóng che, bóng che che thôn làng  
Đường xưa lối cũ có ánh chăng, ánh chăng soi đường đi...”*

(Lời ca bài hát “Đường xưa lối cũ” của Hoàng Thi Thơ mà tôi nghe ca sĩ Quang Minh - dân Hải Phòng - hát).

Trong khi lời hát đúng phải đọc là:

“Đường xưa lối cũ có bóng ‘tre,’ bóng ‘tre’ che thôn làng



Đường xưa lối cũ có anh ‘trăng,’ ánh ‘trăng’ soi đường đi...”

Một số địa phương ở Bắc như Nam Định, Ninh Bình và Thái Bình... vẫn phát âm đúng các phụ âm “r, d và gi” trong khi phần lớn các vùng khác (ở miền Bắc) đều phát âm sai...

Nên để ý, thật oái oăm, nghịch lý ở đây là hai thứ ngọng (có lẽ vì lưỡi không chịu uốn lưỡi?!) rành rành “tr” thành “ch” và “r” thành “d, gi” của dân Bắc kỳ lại được đại chúng có khuynh hướng rộng lượng chấp nhận như là “dạng chuẩn” riêng trong vấn đề hát lời ca của ngành tân nhạc (?) Một vài ca sĩ không phải gốc Bắc kỳ như Ngọc Hạ (Đà Nẵng / Quảng Nam, miền Trung), và Phương Dung (Gò Công, miền Nam) khi hát tân nhạc đôi khi đã cố tình phát âm đúng chữ “tr” (trăng, trong, trời...) chứ không đổi sang “ch” như thông lệ thì nghe lại có vẻ rất căng thẳng (?) và ngượng ngạo (?) Thành ra vấn đề âm thanh ngọng (mà thuận tai?) được chấp nhận (hay không) còn tùy vào sự cảm nhận của đại chúng... Như vậy, không có gì gọi là “chuẩn” tuyệt đối cả.

Vùng Hải Hậu, Nam Định thì lại ngọng “tr, t” một cách khác:

*"Con trâu trắng nằm cạnh gốc te tụi giữa trưa hè."*  
 ("Con trâu trắng nằm cạnh gốc tre tụi giữa trưa hè.")

Tương tự, một số dân ở địa phương Thái Bình thì lại ngọng ngược lại với các vùng khác hai chữ “r, d” nghe rất lạ tai (ở đây “d” lại thành “r” – âm “dờ” thành ra “rờ”). Như bà hàng xóm của tôi (gốc Thái lỵ) là dân di cư 1954 ở Sài Gòn cứ gọi con ơi ới:

*"Rương ơi Rương! Ra đây mẹ cho miếng rưa."*  
 ("Dương ơi Dương! Ra đây mẹ cho miếng dưa.")

Hà Tây, Hà ta thì cũng “lười,” bỏ bớt dấu huyền của mỗi chữ cho nó đỡ vướng:

*"Con bo vang."*

(“Con bò vàng.”)

Hát là:

*“Nhìn chiều vàng đôi thông thưa thớt  
Lòng bồi hồi buồn trông theo bóng...”*

(“Nhìn chiều vàng đôi thông thưa thớt...

Lòng bồi hồi buồn trông theo bóng...”)

(Lời bản nhạc “Chiều Vàng” của Nguyễn Văn Khánh)

Người Bắc đọc sai tất cả chữ phụ âm “s” thành âm “x” hết ráo trọi; trong khi người miền Trung và miền Nam lại phân biệt “s, x” rất rõ ràng. Bắc kỳ đọc “s, x” như sau đây:

*“Xáng xóm xương xuống xào xạc; xã xệ xử soạn xuống xuống  
xang xông.”*

(“Sáng sớm sương xuống xào xạc; xã xệ xử soạn xuống xuống  
sang sông.”)

Mẹ tôi còn kể thêm là ở ngoài Bắc, có vùng còn ngọng nguyên âm “s, x” ra “th” mà tôi chưa kiểm chứng được xem ra loại ngọng này thuộc vùng nào (? Kính nhờ các bác uyên thâm bỏ túi dùm nhà cháu ở phần này):

*“Thúng hay thắm? Hay trẻ con thặm thàn.”*

(“Súng hay sấm? Hay trẻ con dậm sần.”)

## 2- Trung kỳ

Dân Trung kỳ (Huế và các xứ Quảng) hầu hết nói chéo (sai) hai đầu hỏi ngã:

*“Đễ kỹ niệm...”*

(“Đẻ kỹ niệm...”)

(Nhà văn PNN tiếp lời MC Nam Lộc trên một “Asia DVD” trong chủ đề “Vinh danh người lính QLVNCH”).

Hoặc đổi nguyên âm “t” thành “c” ở cuối chữ:

*“Làm lụng đầu tắt mặt tối.”*  
(“Làm lụng đầu tắt mặt tối.”)

Người Huế chính gốc “ớt hiểm, mắ m ruốc” còn chơi thêm dấu “nặng” vào hầu hết các các chữ; và đồng thời thêm “g” ở cuối chữ “không g.” Hiều như vậy thì quý vị cũng đừng ngạc nhiên khi một cô thợ hót tóc người Huế thơ mộng hỏi:

*“Anh muốn cắt dài hay cắt ngắn?”*

*“Hẩng” / “Hẩ”*

Huế, nhất là xứ Quảng, đôi khi xài sang, cho thêm nguyên âm “o, a” ở giữa chữ cho long trọng:

*“Đ(o)ám no(á)i / Đám nói”*

Hay:

*“Đ(o)ám ho(á)i / Đám hỏi.”*

Hoặc:

*“Lâu đ(o)ài tình (o)ái.” / Lâu dài tình ái.”*

*“Quê ch(o)a” / Quê cha.”*

Dân xứ Quảng (Nam) nói sai nguyên âm “a, ă, e, ê, iê:”

*“Nôm boa bữa không tэм một bữa.”*  
(Đọc số phone: “537-0817”)

Vùng Bình Định Qui Nhơn phát âm “hoi sai” nguyên âm “a, ă, e, ê, iê:”

*“Eng. Không eng thì tếc đèn đi ngủ.”*  
*(“Ăn. Không ăn thì tắt đèn đi ngủ.”)*

Hoặc:

*“Chó kếng / Chó cắn;” “Nghem / Nghiêm.”*

Dân Khánh Hòa, Phú Yên ngoài “a, ă, e, ê, iê...” (nhưng nghe sai có vẻ nhẹ nhàng hơn người Bình Định) còn đọc “ơ” thành ra “u” mới chết người. Gia đình thằng em cột chèo của tôi người Nha Trang (Khánh Hòa) nói thoải mái mời tôi:

*“Mời anh ở lại ăn cum. / ăn com.”*

### **3- Nam kỳ**

Dân Nam kỳ, đa số, có khó khăn khi phát âm các chữ bắt đầu bởi phụ âm “v, d.” Chẳng hạn:

*“Dâng dzê dê dzợ dâng dzâng. Dâng dzâng dzâng dâng dzê.”*  
*(“Anh lính Dân Vệ mê vợ của anh cán bộ của Ty Dân Vận Chiêu hồi. Làm cho anh cán bộ Dân Vận Chiêu Hồi giận hết sức!”)*

Hoặc:

*“Cười lên đi để dzăng dzàng sáng chói / Răng vàng.”*  
*(Lời hát nhái trong dân gian cho câu “Kìa thôn quê dưới trăng vàng bát ngát” từ bài “Khúc ca ngày mùa “ của Lam Phương).*

Hoặc:

*“Đi đâu chơi mới dzề hả? Dzui hông?...”*  
 (“Đi đâu chơi mới về hả? Vui không?”)

Và sai lẫn lộn phụ âm “t, c” ở cuối mỗi chữ, đồng thời đôi khi tiện tay bỏ bớt nguyên âm (a, e, i, o, u) ở giữa chữ:

*“Kéch chắc tình thàng hủ / Kết chặt tình thân hữu;”*

*“Cúi từng có giá đặc biệt. / Cuối tuần có giá đặc biệt.”*

Đồng bào “Nam bộ” ta cũng dùng chéo (sai) hai dấu “hỏi ngã” và thêm “g” vào chữ “không g” như các bác Trung kỳ:

*“Cho tui xinh nửa chéng com nửa.”*  
 (“Cho tôi xin nửa chén cơm nữa.”)

*“Tổ quắc ăng năng / ăn năn”*

Bà mẹ vợ tôi, người gốc Long Xuyên, khi nói đã tự ý đổi “y” thành “i” ở cuối chữ; đôi khi nghe cũng dễ bị hiểu lầm lắm (?):

*“Tiệm chúng tôi có bán đủ các loại đồng hồ đeo ‘tai’.”*  
*“Tiệm chúng tôi có bán đủ các loại đồng hồ đeo ‘tay’ ”*  
 (Như lóng rày ca sĩ BC làm quảng cáo cho tiệm đồng hồ Tic-Toc trên TV) .

Riêng dân vùng đồng bằng sông Cửu Long: Cần Thơ, Bạc Liêu, Sóc Trăng còn ngầu hơn, miệt này phát âm chữ “r” thành ra “g” nghe thoáng như lưỡi bị ngắn (?) hoặc giống tiếng Miên (?):

*“Bắt con cá gô bỏ gỏ, nó gục gịch gục gịch góc dzào gỏ gao gãm.”*  
 (“Bắt cá rô bỏ rô, nó rục rịch rục rịch rớt vào rô rau răm” ).

Tôi có rất nhiều bạn nói kiểu “*đi ga... chết gô!*” (“đi ra... chết rồi”) này. Nghe riết rồi cũng quen tai.

Ngoài ra, còn có hàng chục thổ ngữ nhỏ khác với cách phát âm và chữ dùng mà người vùng khác không tài nào hiểu nổi. Tuy nhiên bài viết ngắn này chỉ là một bài tạp bút không phải là một bài khảo cứu ngôn ngữ; cho nên, trong phạm vi giới hạn, không tiện kể ra hết cho hoàn tất, đầy đủ. Nếu hườn, quý vị có thể tự tìm hiểu thêm ... Có một điều đáng để ý là người miền Nam nói sao thì họ viết y như vậy cho nên người Nam dễ bị sai chính tả (ngọng viết) hơn là đồng bào miền Bắc và Trung – Người miền Bắc và Trung tuy phát âm sai nhưng phần lớn lại viết đúng chính tả!

### **Kinh nghiệm gia đình và cá nhân người viết**

Tôi sinh ra tại vùng ngoại ô của thành phố Hải Phòng vào năm 1950 và lớn lên ngay giữa trung tâm thành phố này – Thật ngẫu nhiên, Hải Phòng cũng là sinh quán của một số văn nghệ sĩ tên tuổi đương thời như: nhạc sĩ Văn Cao, Gia đình Lữ Liên (Lữ Liên, Thúy Liễu, Bích Chiêu, Tuấn ngọc, Khánh Hà, Anh Tú, Thúy Anh, Lưu Bích... cả tiểu đội!), kép cải lương Hùng Cường, minh tinh Thẩm Thúy Hằng, nhạc sĩ Ngô Thụy Miên, ca sĩ Thu Phương, Quang Minh... (người viết xin phép được tiện đây thấy người sang bắt quang làm họ một tí cho thay đổi không khí!) nhưng đồng thời tôi cũng tự phát giác ra Hải Phòng là “thủ đô nói ngọng” (loại “phản cảm,” “nhà quê” “có 102 - ‘một không hai’ ” “l,n”) của Việt Nam (xin lưu ý: Tôi thấy các “siêu sao” gốc Hải Phòng nổi tiếng mà tôi vừa liệt kê ở trên không có “sao” nào nói ngọng “l,n” cả mới là lạ!).

Gia đình nhỏ của bố tôi có 3 anh em trai, tất cả đều sinh ra tại Hải Phòng. Tôi cứ nhắm mắt mà vẫn yên tâm cam đoan là cả ba người (bố tôi và hai ông chú) đều nói ngọng lúc thiếu thời... Khi lớn lên, bố tôi và một ông chú nhỏ tuổi nhất làm “cách mạng kinh tế” phá

rào, vượt qua lũy tre xanh, rời xa khỏi địa bàn Hải Phòng, đi lính quốc gia... Kết quả, sau này hai người (Bố tôi và ông chú trẻ) nói và viết tiếng Việt không còn ngọng một tí ti ông cụ nào. Riêng ông chú tuổi kế bố tôi ở lại “bám trụ” Hải phòng ngay từ ngày đầu chú mới sinh ra cho tới tận bây giờ; thì ông chú này và 8 đứa con vẫn ngọng đặc cán mai. Năm 1948, bố tôi 24 tuổi từ Sài Gòn trở về Bắc làm cảnh sát Hải Phòng; và lập gia đình với mẹ tôi - mẹ tôi cũng là dân sinh quán Hải Phòng; và chính mẹ tôi cũng nói ngọng “l,n.” khá nặng. Tôi và 3 đứa em lớn được sinh ra tại Hải Phòng. Năm 1954 gia đình tôi (bố mẹ và 4 anh em tôi) tị nạn cs, theo làn sóng di cư vào Nam. Đến hôm nay, gia đình tôi có cả thảy 8 anh em ruột và gia đình ông chú trẻ của tôi có 5 đứa con; tất cả chúng tôi (tổng cộng 13 người con của thế hệ thứ nhì) không có một ai nói ngọng “l,n” (nên biết chúng tôi nói rặc tiếng Bắc 54 y chang như quý vị nghe giọng nói của ca sĩ Vũ Khanh và Ý Lan – hoàn toàn khác hẳn với giọng Bắc kỳ 75 của Bằng Kiều, Nguyễn Hồng Nhung).

Năm 2005 tôi có dịp về Việt Nam, ghé qua thăm quê quán Hải Phòng thì mới thấy là tất cả toàn bộ (“chăm phần chăm”) họ hàng bên nội bên ngoại của tôi đều ngọng “l,n” hết ráo. Một cô cháu gái của tôi, tuổi hai mươi mấy, trông dáng trắng da dài tóc xinh xắn, làm giáo viên tiểu học ở Hải Phòng, cũng ngọng “l,n” rất trầm trọng (có nghĩa là tất cả các chữ “l” đều đánh ra thành “n” và ngược lại); Ngọng lú lo (“l,n”) mà làm nghề mô phạm dạy trẻ con thì xem ra còn tệ hơn là đặc công khùng bố (văn hóa). Làm thiệt mạng (rất nhiều) người chứ chẳng phải chuyện đùa!

Qua kinh nghiệm của gia đình và cá nhân tôi thì sự phát âm sai (ngọng) phần lớn là vì ảnh hưởng của môi trường phát âm sai (Hải Phòng); không phân biệt được chữ đúng... Nếu có dịp đi ra khỏi môi trường ngọng này, như bố tôi chẳng hạn, và hội nhập vào môi trường phát âm đúng; hoặc có người chỉ dẫn như được học hành với thầy cô nói tiếng Việt chuẩn thì sự “ngọng” có thể dần dần sửa chữa được – Như vậy, “ngọng” là một bệnh nan y thật nhưng không phải là hoàn toàn hết thuốc chữa...

Điều đáng chú ý là ngoại trừ loại ngọng “phản cảm” “l,n;” hầu hết các loại ngọng hay phát âm sai bét khác đều được công chúng dễ dãi xí xóa thông cảm. Ngọng “l,n” đặc biệt bị phân loại là “sai cơ bản,” “bất bình thường” “không chấp nhận được.” Trong giao tiếp bình thường mọi ngày, người ngọng “l,n” đôi khi còn bị hiểu lầm và bị “đánh giá” thấp như “nhà quê,” “ít học,” “kém văn hóa...” Trời đất! Quê tôi!

### **Bàn thêm một chút về lý do ngọng**

Bên trong vòng đai lũy tre xanh, một cộng đồng khép kín, buổi sáng thức dậy đi làm ruộng, tối trở về nhà ăn uống nghỉ ngơi rồi ngày mai lại thức dậy đi làm ruộng tiếp thì với cuộc sống đơn giản như vậy, số người tiếp xúc hàng ngày chỉ loanh quanh là người trong gia đình làng xóm... Lời ăn tiếng nói hàng ngày và phong tục đã thấm sâu vào trong con người. Sự nói ngọng (phát âm sai) đã trở thành thói quen chung (cả làng đều ngọng cả), không ai thấy có nhu cầu hay tác động gì cần thiết phải sửa đổi.

Sau khi ra khỏi lũy tre xanh, gia nhập một cuộc sống phức tạp hơn, bon chen hơn, phải giao tiếp rộng rãi hơn với mọi người khác xứ; rồi qua phản ứng của họ (người khác xứ nghe mình nói ngọng thương hồng nổi!) người phát âm sai lúc đó mới cảm thấy được những cái bất lợi của việc phát âm sai của mình. Từ đó tác động vào ý muốn sửa chữa, vượt qua những lỗi phát âm.

Có một anh chàng “ngọng” đẹp trai vừa chân ướt chân ráo ra khỏi lũy tre xanh; vào một buổi đẹp trời phải lòng một em gái văn minh phố thị. Mặc dù anh biết cô em nhiều lần tỏ vẻ lạnh lùng không muốn thân thiện (phần lớn cũng chỉ vì kỳ thị tiếng nói ngọng), nhưng anh đẹp trai đã lỡ yêu rồi nên cũng liều, cố lấy hết can đảm viết ra một lá thư tình “ngọng.” Quý vị thử tưởng tượng xem khi đọc lá thư “phản cảm” này đại khái như dưới đây thì liệu cô nàng “xí xọn, khó tính” có mũi lòng rồi đổi ý hay không?



*“Em Nan ơi. Anh đã ‘nhiệt liệt’ no nǎng cho em đủ mọi chuyện thế mà em vẫn chưa hiểu cho nòng anh; Em vẫn tỏ vẻ nạnh nùng với anh. Bây giờ anh không biết phải làm thế nào để này được nòng em....*

*Nế.”*

Em Lan (“Nan”) vì đã “dị ứng” sẵn với sự ngọng của anh Lẽ cho nên tỏ vẻ cự tuyệt hơi quyết liệt. Em Lan dùng chính ngôn ngữ của anh “Nế” trả lời anh “Nể” vì mong anh “Nế” dễ hiểu rõ ý của em. Em Lan viết trả lời anh “Nế” đại khái như vậy:

*“Anh Nế làm em sợ nǎm. Em còn bé, không dám nghĩ đến chuyện tình cảm người nhón... Nếu anh không giận em thì xin anh vui lòng làm phúc ‘sơ tán’ qua vùng khác làm ăn để em còn yên chí học hành; no cho tương nai.*

*Lan.”*

Chuyện tình cảm tha thiết, thành thật, đứng đắn mà không may dùng phải chữ nghĩa ngượng ngạo của vi-xi; cộng thêm chữ viết ngọng thì là một thảm kịch chứ không giống hai người đang diễn hài (kịch)... Có lẽ anh Lẽ cần rất nhiều may mắn (và cả phúc đức nữa) mới có cơ may kết duyên với một em gái không ngọng.

Thiệt tình. Ai bảo cuộc đời này không bất công?

### **Làm sao sửa được tật nói ngọng**

Trước hết người nói ngọng phải tự ý thức được sự ngọng của mình thì vấn đề sửa đổi mới có hiệu quả - Cái mục này nói thì dễ lắm mà làm là chuyện vượt cả Trường Sơn Đông lẫn Trường Sơn Tây trong một buổi... Đối với một số người bảo thủ lý luận là: “*Đây là*

*tiếng mẹ đẻ; cha ông tôi đều nói như vậy. Tại sao phải thay đổi”* thì đành chịu.

Khoảng 5 tuổi trở lên, trẻ con bắt đầu hiểu được tiếng nói, và biết bắt chước cách phát âm tiếng mẹ đẻ. Nếu ngôn ngữ được uốn nắn ngay từ lúc này thì rất tốt (kể ra càng sớm càng tốt). Người đứng ra hướng dẫn và uốn nắn tốt nhất là thầy cô giáo vì ngay cha mẹ nhiều khi cũng đã ngọng sẵn rồi còn gì. Các cô giáo có than phiền là dù đã tương đối thành công sửa giọng ngọng của các em ở trong lớp; nhưng khi các em trở về nhà, sống giữa gia đình ông bà bố mẹ anh chị đều nói ngọng thì các em lại ngọng trở lại... Xem ra “sự nghiệp giải phóng dân tộc” còn dễ hơn là “sự nghiệp giải phóng ngọng!”

Muốn chữa nói ngọng thì phải nói cho chậm rãi để có thời giờ nghĩ và chỉnh các âm sai. Thầy giáo và bạn bè thân thiết có thể giúp đỡ rất hữu hiệu trong việc nhận diện các âm sai và sửa sai. Quan trọng nhất là sự kiên tâm, chịu khó luyện tập lâu dài. Ở Mỹ có những chuyên viên về sửa chỉnh ngôn ngữ (Speech Therapist / Speech Therapy) được đào tạo đặc biệt để giúp các công dân Mỹ có vấn đề phát âm Anh Ngữ như ngọng, cà lăm. Các tay chơi thể thao nổi tiếng như Bill Walton (basketball), Bo Jackson (football) bị cà lăm rất nặng khi họ mới xuất hiện trong các cuộc phỏng vấn từ của các đài truyền hình thể thao phát hình các trận đấu giữa các trường đại học hoặc thể thao chuyên nghiệp. Thế mà chỉ sau một thời gian ngắn, nhìn thấy rõ là họ đã có thể trở thành người ăn bình thường, trôi chảy khi họ đảm nhận các vai trò phân tích thể thao (sport analysts) cho truyền hình Mỹ trong các trận đấu.

Đã có nhiều ý kiến cấp tiến khá mạnh dạn cho rằng giải quyết vấn đề ngọng phải bắt đầu ngay từ lớp thấp nhất của trường tiểu học. Các trường sư phạm đào tạo thầy giáo, cô giáo tiểu học được đề nghị sẽ phải bắt buộc có điều kiện thu nhận khắt khe: Chỉ thu nhận thí sinh, sinh viên (làm thầy giáo trong tương lai) không ngọng. Có như vậy thì mới mong tìm ra lời giải, cách xuyên phá được vòng lẩn quẩn (dirty cycles), của bài toán “ngọng.” Tình trạng ngọng

hiện nay ở trong nước thật đáng bi quan: Nhiều trường học của các huyện nằm ngay trong thủ đô, cái nôi văn hóa, Hà Nội (huyện Đông Anh hay Mỹ Linh chẳng hạn) có đến 30-40% tổng số học sinh tiểu học nói giọng và 20-30% giáo viên giọng - mà cả thầy Hiệu trưởng và “Hiệu Phó” cũng giọng luôn thể!

*“Còn trời còn đất còn non nước  
Có lẽ ta đâu (ngọng) mãi thế này.”*



# 30 Tháng 4

\* Để mãi mãi nhớ ngày 30 tháng 4 năm 1975.  
TVG



**Ai vui ? Ai buồn ?**

Ngày 30 tháng 4, ngày có "hàng triệu người vui, hàng triệu người buồn" như lời nhận xét của "cựu thủ tướng" cs Võ Văn Kiệt, "người" này cũng giống như một số "người" lãnh đạo csvn khác,

phải chờ đến buổi xế chiều của cuộc đời thì bỗng dung phải gió rồi trở giọng “phản động.” Phải chi mấy “người” này tỉnh táo một chút vào lúc đang còn quyền cao chức rộng thì đám dân đen cũng được nhờ (!) và đã nhiều sinh mạng không phải chết oan.

CS vẫn tiếp tục hân hoan vui mừng “nhiệt liệt” hợp ca cái điệp khúc “*ngày chiến thắng huy hoàng*”, “*là một (ngày) thắng lợi vĩ đại nhất, hiển hách nhất trong lịch sử hàng nghìn năm dựng nước và giữ nước của dân tộc ta.*” (sic) (Lời của Đại tướng gốc thợ may Văn Tiến Dũng).

Kỷ niệm chiến thắng, bắn “pháo hoa.” “diễu binh” ăn mừng ngày 30/4, mà ngay bên lề đường còn nhiều đám dân đen xếp hàng kêu oan bị cướp mất đất, bà già run rẩy ăn xin, em bé bỏ học bán vé số... Ăn mừng ngày đánh “*Mĩ cút nguy nhào.*” Oái oăm, ngày này cũng là ngày ăn mừng “đổi mới,” trải thảm đỏ mời đón Mỹ trở lại đầu tư vì “đảng ta” vừa mới định hướng kinh tế thị trường XHCN và cảm thấy “bị tư bản bóc lột” là chuyện “tiên tiến, tốt” phải làm trong giai đoạn phát triển kinh tế quốc gia. Ngày này cũng là ngày các lãnh tụ csvn vĩ đại kêu gọi “khúc ruột ngàn dặm” về xây dựng quê hương vì sau mấy chục năm chiến thắng vinh quang “đảng ta” vẫn chỉ giỏi ở cái mảng phá hoại và tham ô.

Đám chăn trâu, thợ thiên heo, ở đợ, cướp cạn, thất học... đi bộ từ trong rừng ra với áo không lành giầy không vớ “ăn mừng” vì bỗng nhiên một sớm một chiều trở thành tiến sĩ, đại gia, cán bộ cao cấp lèo lái “con thuyền không bến” Việt Nam đến vinh quang vô địch (?)

Ăn mừng vì “thép đã tôi thế đấy (là thế ‘lào’?),” đội ngũ cán bộ lãnh đạo (từ chính quyền trung ương đến cơ sở chính quyền địa phương) thành một lũ vô cảm, đứng đưng trước những đau khổ quằn quại của đồng loại; coi thường dân, không dám can đảm nhận chịu trách nhiệm về những sai trái; Ăn mừng vui vì “tụi nó” cướp của người khác chứ không (chưa) cướp đến của nhà mình?!

Ngược lại, cũng có nhiều người ở cùng chiến tuyến với cs rất buồn vì đã tự “giác ngộ.” Họ mới nhìn ra là họ đã bỏ phí cả thời xuân xanh, tài sản để chạy theo cs rồi bây giờ sau mấy chục năm rông mới thấy cái ngu xuẩn của mình và ngu xuẩn của chính sách cs; Mặc dù họ mới chột “phản tỉnh” và tuyên bố “phản động” này nọ nhưng cũng chỉ làm cho có chuyện, làm để lấy tiếng ngu vì cô thế (người quốc gia còn bán tín bán nghi, không buồn để ý đến họ), sức đã mòn, chợ đã chiều... không thay đổi cái quái gì được nữa!

Có những “cựu” cảm tình viên cs, “hòa” viên cs (loại này rất đông đảo – Họ hầu như mù tịt về cs nhưng lại thích làm dáng cs; loại “*Nếu là chim tôi sẽ là bồ câu trắng / Nếu là hoa tôi sẽ là hoa hướng dương / Nếu là người tôi sẽ là người cộng sản...*” Người quốc gia cỡ phó thường dân thôi cũng hiểu là cs không phải là bồ câu trắng; và cs cũng chẳng có ưa gì hoa hướng dương, hoa hướng âm gì ráo trọi! Họ thích và mơ tưởng thiên đường bánh vẽ cs; ăn cơm quốc gia thờ ma cs. Đám đông này trước đây rất ồn ào, đã từng nhảy múa điên cuồng theo nhịp đập trống bịp bợm của cs rồi bây giờ rất buồn; đành phải im lặng vì cái thực tế cs quá bẽ bàng làm họ không thể nói và làm gì hơn để biện minh cho cái sự kiện “bé cái làm” của mình.

Có những gia đình gồm nhiều thế hệ dù không bao giờ chấp nhận cs nhưng không tìm được lối thoát thân. Họ rất buồn vì phải đón chịu tất cả những trận đòn thù hận, tù đày, bao vây kinh tế... từ mafia cs.

Có trên 3 triệu người tị nạn ở hải ngoại rất buồn, nhìn về ngày 30/4 như một ngày quốc hận, một tháng Tư đen; một ngày đau đớn cay đắng nhiều nước mắt nhất trong suốt 4000 ngàn năm lịch sử dân tộc Việt.

**Ai thắng ? Ai thua?**

Sau một cuộc chiến tranh thì phải có kẻ chiến thắng, người bại trận. Cứ theo như luận điệu như csvn đang “ăn mừng” thì mọi người phải hiểu là “*Mĩ và Ngụy đã thua?!*” Mà có thiệt như vậy không hà?

Hãy nhìn nước (“đế quốc”) Mỹ từ ngày 30/4/1975 cho đến hôm nay. Họ không có tỏ cái vẻ một tí gì là một nước bại trận. Họ vẫn là một cường quốc mà các lãnh đạo csvn lần lượt thay phiên nhau xin đến thăm viếng (sau cấm vận!) Các chuyến thăm viếng của lãnh tụ csvn vẫn được báo lề phải cs tường trình như một niềm hãnh diện “*Chủ tịch, Thủ tướng nước ta được Tổng thống Mỹ tiếp đón tại Nhà trắng, tại phòng Bầu dục, tại vườn Hồng...*” Rõ ràng là các Tổng thống Mỹ Clinton, Bush đã đến Việt Nam mà vẫn được dân chúng Việt Nam niềm nở háo hức tiếp đón... Họ không hề đến Việt Nam để ký giấy đầu hàng hay xin xỏ csvn bất cứ chuyện lớn chuyện nhỏ gì?!

“Ngụy” (một danh từ có nghĩa xấu mà cs đã gán cho tất cả người dân, chính quyền hay bất cứ sự kiện gì có dính dáng đến “đế quốc Mỹ!”) có thua thiệt không? Chiến tranh đã chấm dứt nhưng sự tranh đấu của “Ngụy” đâu đã thấy chấm dứt! Thực ra, sự tranh đấu của “Ngụy” mỗi ngày mỗi mạnh hơn; nhất là từ hải ngoại. Cờ vàng vẫn tung bay hiên ngang oai hùng trước công đường thế giới trong khi cờ đỏ cs phải lén lút đi vào cửa sau. Cơ hội “Ngụy quân, Ngụy quyền” trở lại Việt Nam (khi csvn bị giải thể) không còn là chuyện “không tưởng.” Người dân Việt Nam (nhất là dân miền Nam) đâu còn dẫu diêm e dè gì khi họ cần tỏ thái độ là “thà sống với Mỹ làm ‘Ngụy’ như người Nhật, Đức, Nam hàn, Đài loan... vẫn còn hơn là ‘vinh quang’ cúi đầu dưới “4 cái tốt” và “16 chữ vàng” của kẻ tử thù truyền kiếp Trung Cộng. Chẳng thà sống lưu vong làm ‘Ngụy’ hơn là sống dưới cái nhà tù lớn CSVN lập ra.”

Cs một mặt kêu gọi "*hòa giải và hòa hợp dân tộc*" mà tại sao mặt khác, bao nhiêu năm trôi qua, vẫn gọi những người “phía bên kia chiến tuyến” là “*ngụy quân, ngụy quyền?*” Vẫn gọi Mỹ là “đế quốc



tư bản” mà thích gởi con cháu họ sang Mỹ du học để được học... cách bóc lột của đế quốc tư bản?

Ôi cộng sản Việt Nam!!! Một sự nghịch lý lố bịch cuối cùng còn sót lại trên hành tinh này!

### **Ai giải phóng ai? Giải phóng cái gì?**

Theo tự điển tiếng Việt, chữ “Giải phóng” có nghĩa là *“Làm cho thoát khỏi tình trạng bị nô dịch, bị chiếm đóng. Làm cho được tự do; thoát khỏi sự ràng buộc bất hợp lý.”*

Sau ngày 30 tháng 4 năm 1975, hàng trăm ngàn người dân miền Nam lại bị cưỡng chế nô dịch (đi tù, đi kinh tế mới, bị quản chế, bị cô lập, hoàn toàn mất tự do, mất quyền công dân...) Người dân miền Nam có cần được cs Bắc Việt giải phóng họ hay không? Nếu gọi là “đã được giải phóng” thì đời sống của họ phải khá hơn, tốt đẹp hơn lúc chưa “được giải phóng.” Hãy nhìn, đọc những con số không biết nói dối. Bác sĩ Nguyễn Văn Tuấn - rời Việt Nam năm 1981 sang định cư tại Úc năm 1982 là Giáo sư Đại học New South Wales (Úc) - đã trình bày một cách cụ thể kết quả (bằng số) trước và sau ngày “giải phóng” 30 tháng 4 năm 1975 như sau:

(Trích nguyên văn – tuy hơi dài nhưng đáng đọc; đáng đồng tiền bát gạo)

*Tính từ ngày 30/4/1975. Nhân dịp đọc một cuốn sách cũ, tôi thấy có vài thông tin về kinh tế của miền nam Việt Nam trước 1975 cũng có ý nghĩa so sánh nào đó ...*

*Về thu nhập bình quân, theo “số liệu kinh tế - GDP” bình quân, ở miền Nam vào thời trước 1975 là 150 USD. Thu nhập này tuy chưa cao mấy thời đó, nhưng cao hơn ở các nước Thái Lan, Bangladesh, Ấn Độ, và Pakistan. Ba mươi sáu năm sau, GDP bình quân đầu người của Việt Nam là khoảng 1100 USD, thua xa Thái Lan (khoảng 4000 USD).*

*Về giáo dục đại chúng, theo Tiến sĩ Nguyễn Tiến Hưng, năm 1973, tỉ lệ dân số biết đọc, biết viết là 70%, rất cao so với các nước Á châu láng giềng hồi đó. Hiện nay, tỉ lệ dân số biết đọc và viết là 90%. Ba mươi sáu năm, chỉ tăng 20%?*

*Hôm nọ, khi tôi viết rằng thời trước 1975, du học sinh Thái Lan sang đại học miền Nam học, còn bây giờ thì mình sang đó... du học. Chẳng có gì xấu hổ. Người ta giỏi hơn mình thì mình học người ta. Nhưng nói ra sự thật ấy làm tôi nao lòng và buồn về sự đổi đời. Có người từ miền Bắc hỏi tôi có bằng chứng gì giáo dục miền Nam tốt hơn bây giờ? Tôi nói chính tôi là sản phẩm của nền giáo dục thời trước 1975 đây. Còn hàng vạn "sản phẩm" của nền giáo dục trước 1975 đang ở nước ngoài và họ cũng thành danh, thành tài. Đó là một bằng chứng của nền giáo dục trước kia.*

*Về trình độ của giới cầm quyền, 36 năm sau nước (CHXHCN) ta đã có 50% bộ trưởng có văn bằng tiến sĩ. Thời trước 1975, tôi không có con số chính xác, nhưng chỉ nhớ số bộ trưởng có bằng tiến sĩ chỉ đếm đầu ngón tay. Ngay cả ông Hoàng Đức Nhã với bằng thạc sĩ (MS degree) nhưng được giới báo chí và công chúng nể lắm rồi. Nhưng theo Giáo sư Đặng Phong thì tuy họ học không cao, nhưng trình độ thật thì cao và đáng nể: “Cần phải phân biệt rõ: nền chính trị thối nát (không phải tôi nói, mà người Mỹ và người trong giới chính trị Sài Gòn nói) với bộ máy kinh tế chuyên nghiệp. Những cấp cao nhất, tổng thống, phó tổng thống, thủ tướng... phần lớn là dân võ biên, là lính sang làm chính trị như Thiệu, Kỳ, Khiêm ... Nói chung, họ không có mấy kinh nghiệm để điều hành một xã hội dân sự văn minh. Nhưng điều đặc biệt là cấp dưới của họ (bộ trưởng, tổng trưởng...) và các chuyên gia hàng đầu đều là những người có học vấn, kiến thức kinh tế - xã hội rất giỏi để vận hành khối lượng tiền, hàng cực lớn. Bằng chứng là Nam VN khi đó đã có hệ thống ngân hàng, hệ thống thuế, bảo hiểm... trình độ quốc tế, hoạt động toàn cầu. Dân đã xài séc (checks), các công cụ tín dụng, công sở xài máy tính IBM, tổ chức*

*nền kinh tế đã sử dụng các phương tiện hiện đại, mà bây giờ chúng ta mới chấp chững tiến vào.”*

*Ngày xưa (thời VNCH) cũng có tham nhũng, nhưng hình như bản chất hơi khác với thời nay. Ngày xưa, giới quan chức VNCH tham nhũng chủ yếu là ăn chặn tiền tài trợ của Mỹ. Thật ra, tham nhũng của VNCH là có lợi cho “cách mạng,” vì lợi dụng đó mà du kích mới có tiếp viện! Tham nhũng thời VNCH theo Gs Đặng Phong là “một nguồn hậu cần quan trọng giúp chúng ta thành người chiến thắng.” Còn ngày nay, cứ như báo chí phản ảnh thì quan chức ăn chặn tiền của... dân. Họ cũng ăn chặn (hay ăn cắp?) tài nguyên đất nước. Hình thức tham nhũng nào cũng nguy hiểm, nhưng ăn chặn tiền dân và tài nguyên quốc gia thì đúng là nguy hiểm và [...]. Giáo sư Đặng Phong nói: “Tham nhũng cũng là một cách ra đời tầng lớp hữu sản cho nên đạo lý kém hơn, chụp giật hơn, lưu manh hơn.”*

*Ngày 30/4 thường được nhắc đến như là một “ngày chiến thắng,” “ngày giải phóng miền Nam.” Đứng trên quan điểm kẻ thắng người thua, thì chắc cũng có lí do để gọi đó là ngày chiến thắng. Nhưng thử hỏi với cả 4 triệu (?) người phải bỏ mạng trong cuộc chiến đó, cộng thêm hàng trăm ngàn bỏ mạng trên biển, và 3 triệu người lưu vong, thì chiến thắng đó có vẻ vang không? Chẳng lẽ ăn mừng chiến thắng trên xác người? Còn giải phóng thì có nghĩa là giải phóng từ nô lệ, gông cùm của bọn đế quốc, nhưng trong thực tế ngày xưa đâu có nô lệ, và bọn đế quốc Mỹ cũng đâu có gông cùm gì; chúng vẫn phát triển giáo dục tốt, hệ thống y tế tốt, kinh tế gia đình khá no ấm, học trò lễ phép, báo chí nói khá thoải mái (diễn cợt ông Thiệu, ông Kỳ liên miên). Do đó, hai chữ “giải phóng” e rằng không thích hợp với thực tế của những con số vừa trình bày.*

(nguồn Nguyễn Văn Tuấn Blog)

(hết trích)

Như đã trình bày hơi dài dòng, “giải phóng” là thay đổi cái (chế độ chính trị) cũ bằng một cái khác tốt đẹp hơn. Ai cũng biết nhạc sĩ thân cộng Trịnh Công Sơn, sáng ngày 30 tháng 4 năm 1975 đã lên đài phát thanh Sài Gòn kêu gọi “*anh em văn nghệ sĩ và học sinh sinh viên miền Nam Việt Nam*” như sau:

(Tôi xin ghi lại nguyên văn từ tài liệu audio của “youTube”)

Nguồn:

<http://www.youtube.com/watch?v=KSnXiyymIKk&feature=related>

*“Tôi nhạc sĩ Trịnh Công Sơn rất vui mừng và cảm động được gặp và nói chuyện với tất cả anh em văn nghệ sĩ ở miền Nam Việt Nam này (!). Hôm nay (ngày 30 tháng 4 năm 1975) là cái ngày mơ ước của tất cả chúng ta. Đó là ngày mà chúng ta đã ‘giải phóng’ hoàn toàn đất nước Việt Nam; cũng như những mơ ước của các bạn (?) bấy lâu về sự độc lập, tự do và thống nhất... Hôm nay chúng ta đã đạt được tất cả... Chúng tôi đang ở đài phát thanh Sài Gòn... Tôi xin hát lại cái bài ‘Nói vòng tay lớn...’ Hôm nay thật sự ‘cái vòng tay lớn’ đã được nối kết... Rừng núi dang tay nói lại biển xa... ta đi vòng tay lớn mãi để nói sơn hà..”(sic)*

Cũng “*cái ngày hôm nay,*” ai đã từng nghe bài “*Em còn nhớ hay em đã quên*” của con vẹt TCS thì chắc phải nhớ câu hát “*Em ra đi nơi này vẫn thế.*” Trịnh Công Sơn viết:

*“Em ra đi nơi này vẫn thế  
Lá vẫn xanh trên con đường nhỏ.”*

Hay nhỉ? “*Nơi này vẫn thế*” là thế nào? Tại sao lại có sự mù lòa lạ lùng như vậy? Chuyện “*Lá vẫn xanh*” là chuyện dễ hiểu, tất nhiên. Bao quyền và chủ nghĩa cs đâu có tài thánh nào đổi màu lá cây từ xanh sang đỏ được? “*Nơi này vẫn thế*” là thế nào? Chỉ một thời gian ngắn sau khi lên đài phát thanh Sài Gòn “*kêu gọi và hát*” “*rừng núi dang tay nói lại biển xa...*” để “*mừng ngày chúng ta giải*

*phóng hoàn toàn đất nước*” thì Trịnh Công Sơn đã phải trở ra sống ở Huế và “tham gia” vào những chuyến lao động trồng khoai sắn trên những cánh đồng còn đầy rẫy mìn ở Cồn Thiên, gần vĩ tuyến 17 chứ đâu có còn được các tướng tá của chính phủ Sài Gòn che chở cho sống ung dung trốn lính và tự do đi hát nhạc phản chiến ở Sài Gòn...

Sau ngày 30 tháng 4 năm 1975, nếu toàn dân miền Nam được sống một cuộc sống “*vẫn thế*” thì đâu có hàng triệu người dân Việt phải liêu mạng vượt biên vượt biển đi tị nạn ở nước ngoài (Ày! Đến ngay cả cô “*Em*” nào đó của TCS cũng phải “ra đi” một cách “phản động.”) Người ở lại đã và đang sống một cuộc sống thê thảm nhất trong lịch sử dân tộc chứ đâu có cái chuyện “*Nơi này vẫn thế?*” Thật là chuyện trơ trẽn! Ôt dột!

### **Anh là ai? Ai là anh?**

Trong chiến tranh, anh (cs) tự cho anh là anh hùng vì anh có can đảm ném lựu đạn, gài bom plastic, pháo kích vào chỗ đông dân lành tự nhiên như “người Hà Nội.” Anh tự hào là anh rất giỏi về môn phá hoại cầu cống, đắp mô đường xá. Anh tự hào có can đảm cầm súng bắn, ám sát, thủ tiêu, thảm sát hàng trăm hàng nghìn người không có cái gì để tự vệ. Anh vẫn cho anh là anh hùng là vô địch vì anh đã đứng lên, đã thành công trong việc giải phóng dân tộc trong khi các nước láng giềng của anh không cần có lãnh tụ kiệt xuất như HCM và cũng chẳng cần một cuộc cách mạng giải phóng dân tộc vinh quang như của anh mà dân họ vẫn độc lập âm no tự do hơn dân tộc anh!...

Sau chiến tranh anh (cs) chứng tỏ anh là một thằng hèn nhất lịch sử. Anh đem đất liền và đảo của tiền nhân dâng nhượng cho TQ rồi anh bảo đó là chuyện nhỏ. Anh không dám phản kháng và anh cũng cấm dân của anh biểu tình lên tiếng bày tỏ phản kháng khi TQ chiếm đất lấn biển. Anh làm ngơ khi dân anh bị TQ tàn sát ở ngoài biên, ở biên giới. Anh làm ngơ để các đối tác TQ đánh đập dân anh ngay ở quanh các vùng nội địa mà anh cho phép họ khai

thác tài nguyên quốc gia. Anh rất hèn khi anh cưỡng bức tài sản, đất đai của dân nghèo. Anh rất hèn hạ bịt mồm, đánh xập các tiếng nói oan ức chính đáng của dân.

Chẳng sớm thì muộn, anh sẽ đền tội với dân... Chân lý đó chỉ là vấn đề thời gian. Anh cũng biết thừa là cái bánh xe thời cuộc sẽ phải lăn theo chiều hướng không còn thuận lợi cho chính sách cướp bóc sát nhân của anh... Cho nên trong lúc này, khi còn nắm chút quyền hành, anh cố vơ vét tham nhũng càng nhiều càng tốt và anh dự định xây sẵn một cái ống cống để anh có cơ hội chui, vượt thoát...

Tương lai của các anh có lẽ cũng chẳng sáng sủa gì hơn kết cuộc của con chuột Gaddafi.

---

### **Phụ chú:**

Xin mời quý vị đọc thêm hai bài thơ được tôi ghi lại từ một “phản hồi” (reply) trên trang mạng “Đàn Chim Việt:”

Ngoài Bắc có một anh điên điên khùng khùng đi đến đền Kiếp Bạc (đền thờ Đức Thánh Trần Hưng Đạo thuộc địa phận hai thôn Dục Sơn và Vạn Kiếp, xã Hưng Đạo, thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương) xướng bài thơ ngạo mạn như sau :

*Bác anh hùng tôi cũng anh hùng  
Tôi, Bác cùng chung nghiệp kiếm cung  
Bác thắng quân Nguyên thanh kiếm bạc  
Tôi trừ giặc Pháp ngọn cờ hồng  
Bác đưa một nước qua nô lệ  
Tôi dắt năm châu đến đại đồng  
Bác có linh thiêng “đù” một tiếng  
Rằng tôi cách mạng đã thành công.*

Bài thơ trên được lưu truyền đến tai một cô gái giang hồ. Cô ta ôm mặt khóc rờn rờn; than thở là đã bất hạnh không được sinh cùng thời với tác giả bài thơ trên. Lời than của cô nàng được thi sĩ dân gian ghi lại như sau:

*Bác tôi, tôi bác cũng là người  
Mà đã là người “cũng thế thôi!”  
Tôi, GÁI GIANG HỒ, vang khắp nước  
Bác, TRAI TỨ CHIẾNG, cộm muôn nơi  
Bác đưa cây cáo lên bàn đọc  
Tôi dắt nai tơ đến... chợ trời  
Ví thử chúng mình cùng thế hệ  
Đẹp duyên Ròng Phượng Bác và Tôi.*





## Tội ác và Xã hội Chủ nghĩa



Vào cuối thế kỷ 19, Karl Marx (và cả Federick Engels) đổ tất cả các vấn đề tội tệt của xã hội, nhất là tội ác (crime) lên đầu tư bản (theo “Theory of Alienation” và “Theory of Conflict” của Karl Marx).

Marx viết:

*“Chủ nghĩa tư bản là nguồn gốc của mọi tội ác (Crime is brought about by capitalism) bởi vì tư bản đã khuyneh loát các giá trị và luân lý cơ bản của xã hội. Luật được làm ra đáng lẽ phải phản ánh nguyện vọng của người dân (nghèo); nhưng thực ra chỉ để phục vụ quyền lợi của giới tư bản giàu có thế lực. Giới cai trị giàu có chỉ làm và thông qua các đạo luật với mục đích làm lợi cho họ...”*

Nói vậy mà không phải vậy. Đó là bản chất mắ môm, tương thối chung của cộng sản ngay từ ngày đầu. Biết rồi khổ lắm... “*Đừng nghe những gì cs nói; mà hãy nhìn kỹ những gì cs làm.*” Bây giờ hãy nhìn vào hiện trạng tội ác, vấn đề an ninh trật tự xã hội ở các nước cộng sản nói chung và đặc biệt tại Việt Nam thì lời nói của Karl Marx mô tả thật đúng ngay chóc chế độ cộng sản đương thời. Ai tai! Người Mỹ họ gọi cái “Phản ứng ngược; Gậy ông đập lưng ông; Cộng sản ‘nhiệt liệt’ chửi bố cộng sản” này là “*boomerang effect.*” Trí thức thân cộng làm gì mà không thấy? Sự việc sáng tỏ như ban ngày. Trong lời lẽ văn hoa của Karl Marx, chỉ việc thay hai chữ “*tư bản*” thành hai chữ “*cộng sản*” thì ngay dân ngu khu đen, bần nông ít học cũng nghiệm ra ngay; chẳng khó khăn gì lắm!

Chưa hết. Karl Marx còn đi xa hơn, hấn coi tội ác là “*món quà*” mà tư bản đã dành cho dân nghèo làm của riêng (sic):

*“Có hai loại tội ác (do chế độ tư bản gây ra!): Một là, phá hoại tài sản công cộng, sát hại nhân mạng (giết người) là vì dân (nghèo) họ muốn bộc lộ sự bất mãn vì đã bị ‘chế độ tư bản’ chèn ép, bóc lột quá nặng nề; Hai là, trộm cắp cướp bóc, gian lận, tham nhũng là vì lòng tham – Tham tiền, tham của, tham chức vị (greeds) – cũng lại do chế độ tư bản đã tạo ra?!”*

Hay nhỉ? Bây giờ thế giới chỉ còn lèo tèo ba bốn nước cs còn có sống lây lất, vài anh cs cao cấp cố bám trụ vơ vét thật nhiều trước khi lịch sử sang trang... Việt Nam thì “*Mĩ đã rút, Nguy đã nhào*” rồi... còn lấy đâu ra “*đế quốc tư bản*” mà bán cái, mà đổ lỗi cho... Cứ nhìn, đọc các tin tức hàng ngày ở Việt Nam thì thấy rõ rệt hôm nay dưới “*xã hội chủ nghĩa vinh quang,*” tội ác và cộng sản như hai miếng “*Velcro,*” như “*hai con chó thág sáu*” dính chặt với nhau giữa ban ngày ban mặt, giữa chợ đông người thật trơ trẽn; ốt dột hết chối cãi.

Cộng sản tạo dựng quyền lực bằng mọi phương tiện bạo lực, thanh trừng, và giết người hàng loạt, tập thể (serial / mass murdering) để đạt mục đích là nắm quyền cai trị độc tài tuyệt đối; và hoàn toàn

không chấp nhận đối lập dưới mọi hình thức. Ngay sau khi “cướp” chính quyền xong, HCM và đồng đảng đã hiện nguyên hình thú vật khát máu, độc ác, tàn bạo y hệt như những lãnh tụ cs khác (Stalin, Mao Trạch Đông, Kim Nhật Thành và sau này là Polpot...) Nhiều người yêu nước từng tham gia các phong trào kháng chiến của HCM gồm có nhiều nhà văn, thi sĩ, nhạc sĩ... đến khi họ biết rõ chân tướng của HCM thì đã muộn; muốn thoát ly, chuồn, tẩu thoát không kịp. Muốn toàn mạng, họ phải sống ép mình dưới chế độ cs, bị theo dõi, đe dọa, kiểm thảo; bị trừng phạt, thanh trừng bằng những biện pháp chỉ có dưới chế độ cs như: thủ tiêu, cắt cổ thọc tiết, cho mò tôm; nhẹ hơn thì cắt tiêu chuẩn lương thực (tem, phiếu), tù đầy cải tạo, học tập lột xác. Nhiều văn nghệ sĩ tài hoa đã trở thành bồi bút, nhạc nô viết các bài văn, thơ nhạc ca ngợi sự tàn bạo, khát máu của HCM và chế độ cs.

Đứng đầu danh sách văn nghệ nô dịch là “đại thi hào nô bộc” Tố Hữu, một thợ làm thơ, một chuyên viên “ass kissing” thượng đẳng, xuất sắc nhất của chế độ cs. Tố Hữu hình như đã mất hết nhân tính, không hề biết hổ thẹn là gì (!). Để cổ võ cho phong trào diệt chủng, hắn đã làm thơ cổ động phong trào “Cải Cách Ruộng Đất” (rập khuôn sát nhân đồng chủng của Trung cộng – Mao Trạch Đông) với các lời biểu lộ không ngượng mồm bản chất khát máu sát nhân của cs như sau:

*“Giết, giết nữa, bàn tay không phút nghỉ  
Cho ruộng đồng mau tốt, thuế mau xong  
Cho đảng bền lâu, cùng rập bước chung lòng  
Thờ Mao chủ tịch, thờ Stalin... bắt diệt”*  
(Trăm hoa đua nở trên đất Bắc- trang 37)

Kế đến là Xuân Diệu. Ôi Xuân Diệu, một nhà thơ nổi tiếng lãng mạn, lãng mạn đến độ hơi “pê-đê” đã từng viết mấy câu thơ trữ tình có thời làm ngẩn ngơ hồn vía bao nhiêu thanh niên thiếu nữ như:

*Hôm nay trời nhẹ lên cao,  
Tôi buồn không hiểu vì sao tôi buồn...  
Lá hồng rơi lặng ngổ thuôn  
Sương trinh rơi kín từ nguồn yêu thương.  
Phát phơ hồn của bông hường,  
Trong hơi phiêu bạt còn vương má hồng.  
Nghe chùng gió ý qua sông,  
E bên lau lách thuyền không vắng bờ  
Không gian như có dây tơ  
Bước đi sẽ đứt động hồ sẽ tiêu  
Êm êm chiều ngẩn ngơ chiều  
Lòng không sao cả, hiu hiu khẽ buồn.  
(Bài thơ "Chiều" của Xuân Diệu)*

Chung cuộc, bác “pê-đê” Xuân Diệu vì một ít tem phiếu gạo thit mà bác đã xoay chiều từ những vần thơ tình lãng mạn thành ra những lời thơ thật khủng khiếp kêu gọi bạo lực sắt máu giết chóc để phục vụ cách mạng(!):

*"Máu kêu máu trả thù  
Súng đâu anh em đâu  
Bắn nó thùng yết hầu  
Bắn tĩa bắn dài lâu..."*

Kẻ ra cũng thật oái oăm cho thân phận “thi nô” của “pê-đê” Xuân Diệu. Hẳn là một trí thức không thuộc giai cấp bản cố nông, không hề có chút thù oán gì với những người dân có ruộng. Vậy mà Xuân Diệu đã làm nên được những vần thơ đầu tở khát máu, phục vụ cho phong trào “Cải Cách Ruộng Đất” do Hồ Chí Minh phát động, một phong trào kỳ lạ vô tiền khoáng hậu đã giết hàng (20) chục vạn mạng sống dân Việt một cách dã man (chôn sống, treo ngược, ném đá, đánh đập, tuột cây nứa đã chẻ đôi... cho đến chết) những người dân mắc phải cái tội là có vài sào ruộng và những người bị đảng kết tội bằng những chữ mơ hồ, tùy tiện, giải nghĩa ra sao cũng đặng như: “có tư tưởng lừng chùng” – có nghĩa

là không tích cực ủng hộ cách mạng?” “Chủ quan (?)” “tư duy tiêu tu sản(?)” “phản động...”

Hãy xem, bác “pê-đê” Xuân diệu bỗng dung một sớm một chiều, nhờ “đạo đức cách mạng,” ơn dạy dỗ của bác và đảng, cũng đã trở thành một tay thợ làm thơ, đã bẻ cong ngòi bút để phục vụ chế độ cs một cách trơ trẽn qua các vần thơ “nâng bi, đội đĩa” và “tàn bạo” như sau:

*Mỗi lần tranh đấu gay go  
Chúng con lại được Bác Hồ tới thăm  
Nghe lời bác dạy khuyên răn  
Chúng con ước muốn theo chân của người...  
Chúng con thề nguyện một lời  
Quyết tâm thành khẩn... lột người từ đây.  
Anh em ơi, quyết chung lưng  
Đấu tranh tiêu diệt tàn hung tử thù  
Địa hào, đối lập ra tro  
Lưng chùng phản động đến giờ tan xương  
Thắp đuốc cho sáng khắp đường  
Thắp đuốc cho sáng đình làng đêm nay  
Lôi cổ bọn nó ra đây  
Bắt quỳ gục xuống, đọa đày chết thối.*

Trong lĩnh vực nhạc, có Văn Cao, một nhạc sĩ có tài. Văn Cao đã từng sáng tác những dòng nhạc tiền chiến êm ái thơ mộng như “Buồn tàn thu (1939)...” “Thiên thai (1941),” “Bến xuân (1942),” “Suối mơ (?)...” Nhưng cũng vì lẽ chân theo cs, bị kẹt giò, Văn Cao đã bị cs thúc đẩy viết bài quốc ca của csvn mang tựa đề “Tiến quân ca” (1945) với lời bài hát (Lời 1) nghe man rợ ngoài sức tưởng tượng. Xin được ghi lại như sau:

*Đoàn quân Việt Nam đi [nguyên thủy câu này là: Đoàn quân Việt Minh đi.]  
Chung lòng cứu quốc  
Bước chân dồn vang trên đường gập ghềnh xa*

*Cờ in máu chiến thắng mang hồn nước,  
Súng ngoài xa chen khúc quân hành ca.  
Đường vinh quang xây xác quân thù, [nguyên thủy câu này là: **thề  
phanh thân uống máu quân thù.**]  
Thắng gian lao cùng nhau lập chiến khu.  
Vì nhân dân chiến đấu không ngừng,  
Tiến mau ra sa trường,  
Tiến lên, cùng tiến lên.  
Nước non Việt Nam ta vững bền.*

Thử hỏi một người ngoại quốc nào đó được nghe bài quốc ca Việt Nam với câu “*Thề phanh thân uống máu quân thù,*” (sau khi được dịch ra Anh ngữ hay Pháp ngữ) thì họ nghĩ sao về văn minh của dân tộc Việt Nam? Người Việt Nam có phải là một thứ mọi bán khai ăn thịt người không hơn không kém? Thật xấu hổ!

Nên biết thêm, sau bài “*Tiến quân ca*” thì thiên tài Văn Cao im hơi lặng tiếng, vắng bóng... một cách khó hiểu; rồi chỉ một thời gian ngắn sau đó bị trừ dập thê thảm qua vụ án “Nhân văn giai phẩm...”

Thực tế của ngày hôm nay cho thấy csvn đã dần dà chuyển thể một xã hội Việt Nam từ một xã hội nguyên thủy có đạo đức (làm lành tránh dữ), có tôn ti trật tự (kính già yêu trẻ), bản chất hiền lành chân thật, thích đời sống đơn giản tiện túc, không màng danh vọng và không tham của cải tài sản của người khác thành một xã hội cộng sản với “đạo đức cách mạng vô địch” như:

- **Vô cảm:** Hoàn toàn đứng đưng trước những đau khổ, hoàn cảnh thương tâm của những người thân, sơ, đồng bào ruột thịt sống chung quanh mình.

- **Tàn bạo:** Sẵn sàng và có nhiều sáng kiến thầy chạy đày đọa, bắt bớ tù đày, giết chết ngay hay giết dần dà, cướp của tài sản trắng trợn... đồng bào mình mà không cần phải có lý do thích đáng. Miễn sao hành động ác ôn thỏa mãn thú tính cs, theo đúng chính sách ngược đời cs (“*Cái gì tốt cho đảng là đạo đức.*” – HCM)...

Hành vi tàn bạo này cũng đã thấy xã hội đen, đảng cướp mafia hay các con thú vật hung bạo hành sử man rợ như vậy.

- **Phô trương, giả dối, dỏm:** Bệnh thành tích, thích huy chương, giấy ban khen, thích có bằng cao (?), tìm mọi cách để phá các kỷ lục ruồi bu... Nhiều viên chức cán bộ cao cấp nhà nước cs đã bị phát giác phanh phui là xài bằng cấp giả mà tuyệt nhiên không hề thấy chính quyền csvn có chế tài gì? Họ vẫn phây phây lên chức...

- **Thiếu tinh thần trách nhiệm:** Sẵn sàng chạy tội với các lý do ngớ ngẩn đến độ si nhục sự thông minh của dân chúng (loại lý luận lấy thúng úp voi), đổ lỗi, bán cái loạn xạ ngẫu (em chả ?) cho xong việc chứ không bao giờ dám thẳng thắn nhận lỗi, nhìn nhận sai lầm đã sờ sờ, nhãn tiền...

- **Tôn thờ vật chất một cách vô liêm sỉ:** Tham tiền, thích hàng ngoại, nuôi dưỡng tham những đứng cướp cạn tiền của dân nghèo trắng trợn giữa ban ngày ban mặt...

Dưới con mắt và nhận xét của các nhà tâm lý học Tây phương, con người cộng sản đích thực tiêu biểu cho những kẻ người điên cuồng (emotionalllly / mentally cold disorders).

Ngày hôm nay, đã có nhiều bằng chứng cho thấy cái “đạo đức” theo kiểu “đạo đức HCM” và chủ nghĩa cs tai hại ở Việt Nam đã đem lại cho xã hội Việt Nam những sự việc vô luân, tàn bạo chưa từng thấy trong lịch sử 4000 năm:

## Học đường

Nơi đào tạo những người “tổ quốc mong cho mai sau” nổi nghiệp sự nghiệp cách mạng “tiên tiến, vô địch, vinh quang!”:

- Bao lực học đường đang bùng phát và gia tăng đến mức báo động. Vài tháng gần đây, hàng chục “video clips” (YouTube) quay cảnh nữ sinh đánh nhau được tung lên mạng. Có nhiều cảnh

4-5 nữ sinh mặc còn đồng phục hè nhau thẳng tay đánh hội chợ một cô bạn học một cách dã man vì ghen tương ngay trước mặt bức tượng Lý Thái Tổ ở Hà nội; Có nhiều cảnh nữ sinh đánh hội chợ bạn học, sau đó xúm vào đè nghiền nạn nhân xuống cắt tóc, cắt xé áo quần cho lòi, phơi ra nguyên con những bộ phận kín thiếu nữ mới lớn một cách thô bạo!?! (Chỉ cần gõ hàng chữ “nữ sinh đánh nhau” trên “Google Search” là thấy đầy đủ nhiều clips).

- *Hiệu trưởng, thầy giáo mua trinh nữ sinh: Đầu tháng 9/2009, ông Sầm Đức Xương, nguyên Hiệu trưởng trường THPT Việt Vinh, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang bị tố cáo và sau đó bị bắt tạm giam vì hành vi mua dâm nữ sinh (“người chưa thành niên”). (theo BBC)*

- *Nữ sinh đòi tình lấy điểm: Lúc trước dưới XHCN, đã nghe nhắc đến việc thầy giáo “ăn tiền” là chuyện thường tình. Bây giờ lại nghe thầy giáo “gạ tình lấy điểm” mới động trời. Chẳng hạn, vụ “gạ tình lấy điểm” của ông Đỗ Tư Đông - Phó trưởng khoa Báo chí Trường Cao đẳng PT-TH TƯ 1 – đối với em Vũ Thị Vân Anh bị lòi ra ánh sáng (theo Dân trí – ngày 05/08/2006).*

### **Hình sự / sát nhân:**

- **Giết cha đẻ, chặt xác ra làm nhiều mảnh vì thiếu tiền chơi “games”:**

*Khoảng 22h30 ngày 6/5/2009, Nghiêm Viết Thành, sinh ngày 20/4/1991, là học sinh trường THPTDL Thành Đông (TP Hải Dương) đi học về và bị bố là ông Nghiêm Viết Yên, sinh ngày 20/4/1958, quát mắng về việc về muộn, mãi chơi “game.” Thành dùng dao “inox” (loại chặt xương) chém nhiều nhát và nhiều lần vào đầu khiến ông Yên chết tại chỗ. Thành mở két sắt lấy được hơn 8 triệu đồng.*

*Để phi tang xác chết, Thành đã tìm một con dao nữa mang vào nhà tắm mài sắc để chặt xác. Sau khi phân xác bố ra làm nhiều*



*mảnh, Thành 3 lần chở các phần thi thể ra cầu Hải Tân (TP Hải Dương) cách nhà khoảng 3 km vớt xuống sông phi tang. Thành dùng tiền lấy được đi trả nợ và nhiều lần nạp vào các tài khoản “game” trên mạng để tiếp tục chơi.*

*5h30 ngày 9/5/2009, các bộ phận thi thể ông Yên được phát hiện. Khi công an tiến hành vớt xác, Thành đã ra xem. Đến 21h cùng ngày, hung thủ trốn sang TP Nam Định và đến ngày thì bị bắt giữ. (Theo Hải Dương online)*

### **- Chặt bạn gái ra thành 16 khúc vì ghen tương vu vơ:**

*Bị cáo Nguyễn Hữu Trục (42 tuổi, Q.Tân Phú) bị TAND TP HCM tuyên y án tử hình trong phiên xử phúc thẩm sáng nay.*

*Nguyễn Hữu Trục đã có vợ và 2 con nhưng vẫn sống “già nhân già non vợ chồng” với chị Nguyễn Thị Tuyết Mai. Hai kẻ tình nhân thuê phòng trọ ở 62/3 Trương Phước Phan (phường Bình Trị Đông, Q.Bình Tân) chung sống. Trong những ngày tháng “đầu ấp tay gối” với Mai, Trục vẫn về thăm vợ con ở xã Phú Riềng, huyện Phước Long, tỉnh Bình Phước.*

*Ngày 18/12/2008, Trục đưa Mai đi mua xe máy trả góp rồi tạm biệt Mai để về Bình Phước thăm vợ. Nhớ Trục, Mai thường xuyên nhắn tin kêu Trục quay về sống tiếp với nhau nhưng Trục không đồng ý. Thấy gã “chồng hờ” không còn tha thiết gì với mình, Mai gọi điện bảo Trục xuống Sài Gòn lấy đồ về.*

*Ngày 10/1/2009, Trục bắt xe khách từ Bình Phước xuống Sài Gòn. Mai đi ăn tất niên cùng bạn nên Trục ở phòng trọ một mình. Đến 22h30 cùng ngày, Mai gọi điện cho Trục nói xe bị lủng bánh và kêu Trục tới đón. Trục tới, Mai không chịu về mà kéo Trục vào quán nhậu tiếp. Trong quán nhậu, đôi bên xảy ra cãi vã về việc Trục không sống cùng Mai.*

*2h sáng ngày 11/1/2009, đôi tình nhân tiếp tục cự cãi tại phòng trọ của Mai. Mai một mực bắt Trục bỏ vợ con về sống cùng. Trục tức giận dùng hai tay bóp cổ chị Mai đến chết.*

*Trục bình tĩnh đi ngủ mặc kệ xác chị Mai nằm lạnh lẽo trong phòng. Sáng hôm sau Trục thản nhiên đi mua đồ ăn sáng và nhâm nhi café. Khoảng 9h sáng cùng ngày, Trục lôi xác chị Mai vào nhà tắm. Trục dùng dao cưa xẻ nạn nhân ra làm 16 khúc.*

*Sau khi “chia” xong xác nạn nhân, Trục dội nước cho máu trong nhà tắm trôi hết đi rồi bỏ các phần xác của chị Mai vào 8 bao ni lông, dùng xe của nạn nhân chở xác tới kênh Tân Hóa (Q.11) và kênh Tân Hiệp (Q.6) phi tang. Thủ tiêu xong, Trục đem xe máy của chị Mai về Bình Phước bán lấy tiền tiêu xài. (theo 24h.com)*

**- Giết bạn gái cũ, chặt đầu, cắt 10 ngón tay đem vứt xuống sông:**

*Ngày 17/5/2010, trên tầng thượng chung cư G4, khu đô thị Trung Yên (Hà Nội). Xác chết được phát hiện trong trạng thái đang phân hủy, đầu và 10 ngón tay đã mất. Bằng các biện pháp nghiệp vụ, cơ quan cảnh sát điều tra đã lần tìm ra nơi xảy ra vụ án mạng nằm tại phòng 1101, tầng 11 của tòa nhà.*

*Chỉ sau 1 ngày điều tra (vào đêm 18/5), hung thủ của vụ án là Nguyễn Đức Nghĩa (Sinh năm 1984) đã bị tóm gọn khi hắn đang lẩn trốn tại nhà một người bà con trên thành phố Thái Nguyên. Nạn nhân sau đó cũng đã được xác định là Nguyễn Phương Linh, bằng tuổi Nghĩa (sinh năm 1984) và là người yêu cũ của hung thủ khi hai người đang còn học chung tại trường Đại Học Ngoại Thương Hà Nội.*

*Nguyễn Đức Nghĩa, là thủ phạm, được xác nhận đã gây ra vụ giết người yêu cũ và chặt đầu phi tang ở khu chung cư Cầu Giấy bằng cách vứt túi nilon đựng đầu, quần áo và 10 ngón tay của nạn nhân*

*Nguyễn Phương Linh trên một khúc sông Cẩm, thuộc địa phận tỉnh Quảng Ninh.*

*Vụ việc đã gây chấn động dư luận và trở thành hàng tin chính trên nhiều tờ báo tại Việt Nam trong vài tháng qua. (theo Vietnamnet)*

**- Giết người hàng loạt, tập thể (serial / mass killings) không thù oán, không góm tay, thiếu nhân tính, không có tỏ vẻ gì hối hận khi bị bắt:**

*Đôi tượng Lê Văn Luyện (Sinh năm 1993 – chưa đủ 18 tuổi - trú tại thôn Sân Đình, xã Thanh Lâm, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang) khai cần một số tiền để làm ăn lớn. Theo bản khai, vào khoảng 2 giờ sáng ngày 24/8/2011, Luyện leo từ tầng 1 lên tầng 3 tiệm vàng Ngọc Bích tại số 45 phố Sàn, xã Phương Sơn (huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang) bằng cửa chính.*

*Khi đột nhập cướp tiệm vàng, đôi tượng bỏ 1 con dao bấm trong túi quần vào giắt một dao phở dài vào thắt lưng. Luyện bỏ dép vào ba lô và vào nhà vệ sinh tầng 3, lấy đèn pin soi tìm kiếm nhưng không tìm được gì. Luyện tiếp tục xuống tầng 2, cũng vào nhà vệ sinh lấy đèn pin soi.*

*Sau đó, Luyện vào phòng khách mở ngăn kéo lục lợi với mục đích tìm kiếm tiền nhưng cũng không phát hiện ra tiền. Khi đó, Luyện nằm thừ vào giường ở phòng khách khoảng 30 phút rồi mới xuống tầng 1 ngắt điện cầu dao và “camera.”*

*Đôi tượng lên tầng 2 là phòng ngủ của gia đình chủ nhà thì thấy có dấu hiệu chị Đinh Thị Chín (vợ chủ tiệm vàng) trở dậy, Luyện lại leo lên tầng 3 nằm khoảng 15 phút.*

*Đến khoảng 5 giờ 30, anh Trịnh Thành Ngọc (chủ tiệm vàng) bê chậu quần áo lên tầng 3 để phơi.*

*Sợ bị lộ, đối tượng cầm dao mang theo đâm liên tiếp vào người nạn nhân. Anh Ngọc cướp dao và kêu lớn. Chị Chí nghe tiếng vội chạy lên. Thấy vậy, Luyện đâm tiếp bà chủ tiệm vàng nhiều nhát. Ngay lập tức, anh Ngọc cướp được dao và đâm lại.*

*Hai bên giằng co nhau, Luyện rút được dao phớ cửa cổ chủ tiệm và quay lại lấy tay bóp cổ chị Chín đến chết. Sau đó, Luyện đá anh Ngọc lăn xuống tầng 2. Đi xuống, thấy nạn nhân còn cử động, Luyện tiếp tục lấy dao chém ông chủ tiệm vàng liên tiếp cho tới chết.*

*Khi đó, Luyện thấy cháu Bích (8 tuổi), con gái lớn của anh Ngọc đang cầm điện thoại mập mé ở cửa phòng, y cầm dao phớ chém cháu bé 2 nhát. Cháu Bích khóc thét lên, bàn tay đứt rời, Luyện tưởng cháu Bích đã chết, toan quay đi thì lại nghe thấy tiếng cháu Thảo (18 tháng tuổi) khóc trong nhà.*

*Luyện vào bên trong bảo ngủ đi nhưng cháu Thảo không ngủ, tên sát nhân tiếp tục “xuống tay” dùng dao phớ cắt cổ cháu Thảo rồi lấy ba lô thu dọn dao, đi xuống tầng 1.*

*Luyện lấy đèn pin soi, tháo cửa kính lấy vàng (gần 100 lượng?) mở cửa bép đi ra ngoài. (Theo baomoi.com)*

Điểm đáng chú ý là những kẻ phạm tội man rợ phần lớn là học sinh, sinh viên, tuổi trẻ tương lai đất nước (?); và hơn thế nữa các vụ hình sự khủng khiếp này phần lớn đều xảy ra ở miền bắc Việt Nam nơi đã thấm nhuần đạo đức HCM và cách mạng vô sản “vinh quang, vô địch” của cs.

Tóm lại, “tiền khai,” “đạo đức cách mạng” và “chính sách trăm năm trồng người” của HCM và đảng csvn đã đến giai đoạn gặt hái kết quả thực sự (theo luật nhân quả - gieo hạt đắng thì làm sao gặt được trái ngọt?). Nếu phải nói “csvn là một tai họa lớn lao vô tiền khoáng hậu đã xảy đến cho dân tộc Việt Nam” thì cũng không có

gì quá đáng. Bây giờ chưa phải là lúc cần dẹp bỏ ngay cái tại họa cs tà trời này thì phải chờ đến bao giờ? Dân tộc ta thật quá tội nghiệp... Cứ như con giun bị xéo triền miên mà vẫn không biết quần...! Lạ thật!

---

### **Ghi chú để đọc thêm:**

*Csvn dùng vũ khí Tàu, Nga, Tiệp khắc giết dân mình một cách không thương tiếc; nhưng đối với đám Tàu cộng tàn bạo thì csvn lại nhũn nhặn kính trọng một cách rất nhục nhã. Đây là hai thí dụ điển hình xem rất thôi:*

*Hồ Chí Minh (chủ tịch nhà nước VN) ôm hôn thăm thiết Mao Trạch Đông (chủ tịch nhà nước Trung cộng) trong chuyến thăm Trung cộng ngày 3/6/1955. Nên biết bác sĩ riêng của Mao Trạch Đông là bác sĩ Lý Chí Thỏa đã viết trong một hồi ký của ông ta là Mao rất ít khi tắm rửa và gần như không bao giờ đánh răng (!) Hàm răng của Mao có một lớp bựa màu xanh rất dày?! HCM ôm hôn bên trái, Mao quay đầu có vẻ hơi vẹo qua bên phải, HCM vít đầu Mao để hôn qua bên phải mà không thấy gợn cái mùi thôi của răng bựa xanh?! Có gì lạ không? Câu trả lời là “Không và Có:” “Không” là vì loài chó đâu có ghét hay sợ mùi (kít) thôi... “Có” là vì HCM có vẻ thích hôn thăm thiết bạn trai!*

*Xin mở và xem cái “clip” hôn thăm thiết của HCM dưới đây mà phải ón da gà:*

*HCM ôm hôn Mao Trạch Đông*

<http://www.youtube.com/watch?v=rT2NEfnjNR0>

*- Đỗ Mười (lại thêm một chủ tịch nhà nước Việt Nam) cũng bắt chước y chang bài bản hôn hít bạn trai thăm thiết của HCM. ĐM*

*ôm chằm lấy Giang Trạch Dân (TBT đảng cs Trung hoa thời bấy giờ) và hôn thắm thiết trong chuyến thăm Trung cộng ngày 5/11/1991 làm Giang Trạch Dân phải sững sờ, khi để ra mặt?!*

**(Ngày 17 tháng 9 năm 2011)**

## Từ Nọc Nạn đến Công Rộc

*“(cs) làm như c..., nói nứt trời...”*

(Về dân gian)

### 1- Lời mở đầu

*Gần đây chính quyền huyện Tiên Lãng đã hành động trái luật (?) trên vấn đề quyền sở hữu đất đai của người dân, đặc biệt là nông dân dẫn đến vụ nổ mìn và bắn súng hoa cải (loại vũ khí tự chế biến) của gia đình ông Đoàn Văn Vươn ở Công Rộc, huyện Tiên Lãng, Hải Phòng, chống lại sự cưỡng chế. Đây là một hành động can đảm chưa hề có tiền lệ dưới chế độ toàn trị cs, làm rúng động dư luận trong và ngoài nước. Tôi thấy đã có trên ngàn trang mạng và báo in bàn luận về sự cưỡng chế này... Tuy nhiên, đây là vấn đề thời sự còn nóng đã xảy ra ngay bên sân nhà... Chặng qua quê nhà tôi thuộc huyện Kiến Thụy, giáp ranh với huyện Tiên Lãng (chỉ cách bởi con sông nhỏ tên Văn Úc); tôi cảm thấy cần góp thêm một tiếng nói với quyết tâm giữ ngọn lửa Tiên Lãng tiếp tục đốt cháy chế độ bạo quyền cs; để nêu rõ hơn bộ mặt gian xảo, tàn nhẫn, thất nhân tâm, bóc lột của tập đoàn man rợ cs.*

**TVG**

\*

## 2- Từ Nọc Nạn(g) [1]



*(Hình tượng diễn lại cảnh của vụ án Nọc Nạn)*

Nọc Nạn là một vụ án tranh chấp đất đai lớn, xảy ra năm 1928 tại làng Phong Thạnh, quận Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu (nay là ấp 4, xã Phong Thạnh B, huyện Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu) giữa hai bên: Một bên là gia đình nông dân chăm chỉ, lương thiện, cô thế Biện Toại, cùng các em trai, em gái, em dâu đem mạng sống ra để giữ lấy số đất 50 ha đất mà bố ông Biện Toại là Hương chánh Luông đã khổ công khai phá khẩn hoang từ năm 1908 thành đất canh tác; Bên kia là giới địa chủ cường hào ác bá gồm cả Hoa kiều giàu có thế lực như Mã Ngân; quan chức chính quyền cảnh sát thực dân Pháp tên Tournier, Bouxou cùng tham quan tri phủ Ngô Văn Huân của Nam triều làm tay sai thân Pháp.

Hương chánh Luông và người bố nông dân đã chống chọi với thiên nhiên, khai phá khẩn hoang rồi đệ đơn xin đo đạc và xin cấp giấy chứng nhận sở hữu. Ngày 7 tháng 8 năm 1916, Chủ tỉnh Bạc Liêu chính thức chấp nhận và cấp bằng khoán tạm (số 303) cho Hương Chánh Luông và cũng giao cho Hương chánh Luông một bản đồ phân đất.

Đến khi thấy mảnh đất hoang có thể đem hoa lợi thì Hoa kiều Mã Ngân, là người rành về luật lệ, biết đất của Biện Toại chỉ có bằng khoán tạm, hấn đứng ra mua phần đất giáp ranh với đất của Biện Toại từ bà Nguyễn Thị Dương. Trong hợp đồng mua đất này, ranh



giới miếng đất lại cố ý bao trùm luôn đất của Biện Toại đang sử dụng.

Biện Toại đã bốn lần kiện vấn đề khai thác 50 ha đất của hai thế hệ thuộc gia đình ông lên quan tỉnh Bạc Liêu và bốn lần lên Thống đốc Nam kỳ. Biện Toại có kiện cả lên toàn quyền Đông dương. Biện Toại vẫn kiên nhẫn chờ đợi được phân xử... Đùng một cái, lần lượt Thống đốc Nam kỳ ra nghị định, rồi tri phủ Ngô Văn Huân cấp bằng khoán (giấy sở hữu chủ) đất của Biện Toại đang chờ phân xử cho Hoa kiều Mã Ngân (?)... Mã Ngân là một thương gia đầy mảnh khỏe và gian xảo. Ngay sau khi được cấp bằng khoán mảnh đất mà gia đình Biện Toại vẫn đang sinh sống và canh tác; hắn bán ngay 50 ha này cho bà Hà Thị Trân là mẹ vợ của anh trai ông quan phủ Ngô Văn Huân. Năm 1927 bà Trân được lệnh án của tòa cho phép tịch thu tất cả lúa mà gia đình Biện Toại thu hoạch trên đất tranh chấp. Ngày 13 tháng 2 năm 1928, một số mã tà (cảnh sát tây) dẫn đầu bởi hai ông Cò tây Tournier và Bouzou đến Nọc Nạn để thực thi bản án và thu tô thì vụ xung đột giữa nông dân với giáo mác và cảnh sát tây với súng đạn bùng nổ.

Vụ án Nọc Nạn làm cho 4 người của gia đình Biện Toại bị bắn chết (3 người chết là em ruột của Biện Toại: Mười Chức, Nhẫn, Nhịn; 1 người em dâu là bà Nghĩa vợ của Mười Chức). Thật ra, nói cho đúng, gia đình Biện Toại bị chết hết tổng cộng 5 người vì bà Nghĩa lúc chết đang có bầu. Phía cảnh sát thực dân có Cò Tournier bị Mười Chức đâm chết...

Vì sợ sự phân uất của nông dân Bạc Liêu sẽ gây bất ổn xã hội, tòa Đại hình Cần thơ của thực dân có xử trắng án (về hình sự - chống chính quyền, công lực) cho Biện Toại, Nguyễn Thị Liễu (em út Biện Toại), Tia (con trai Biện Toại). Cô Nguyễn Thị Trọng (em gái Biện Toại, cũng là người đầu tiên trong gia đình nhẩy ra tấn công Cò Tournier) bị sáu tháng tù và ông Miểu (chồng cô Liễu) 2 năm tù (vì ông Miểu đã có tiền án)... Tuy tòa án có chỉ định luật sư tây biện hộ miễn phí cho gia đình Biện Toại; và dư luận dường như được xoa dịu nhưng gia đình Biện Toại, nói chung, vẫn hoàn

toàn thiệt thòi vì là họ là nông dân ít học không hiểu tiếng Pháp, không rành các thủ tục rườm rà ở tòa án... Kết quả, các khoản đất tranh chấp bị mất đi vẫn không hề được bồi hoàn thỏa đáng dù gia đình Biện Toại đã hy sinh hết 5 nhân mạng và mất bét ngàn khoản đất mà hai ba thế hệ đã khổ công khai phá...

Nọc Nạn là một ví dụ điển hình của chính sách phân chia và quản lý ruộng đất bất công ngang ngược của thực dân Pháp và đám tay sai tại Nam Kỳ dưới thời thuộc Pháp. Nên biết thêm là các Hoa kiều giàu có ở Bạc Liêu còn chiêu mộ cả giới anh chị gang hồ (bây giờ gọi là xã hội đen) để hăm dọa áp lực gia đình Biện Toại phải buông miếng đất tranh chấp; tuy nhiên giới gang hồ đã từ chối vì sợ mang tiếng là tay sai cho tây.

Sau này, thật oái oăm, vụ Nọc Nạn được chính quyền ăn cướp CS tôn vinh như một biểu hiện của *“tinh thần dũng cảm, khí phách của những nông dân tay lấm chân bùn ở vùng cực Nam Tổ quốc, đứng lên chống ách thống trị của bọn thực dân Pháp và bọn quan lại cường hào...”* (theo báo “lề phải” trong nước). Nọc Nạn được cs công nhận là *“di tích lịch sử cấp quốc gia.”* Chính quyền cs đâu có bỏ lỡ cơ hội tốt có thật này (Quý vị còn nhớ vụ Lê Văn Tám láo lếu của Trần Huy Liệu mà cs còn làm cho nổi đình nổi đám!); đã cho trùng tu và nói rộng khu mộ phần của gia đình Biện Toại lên 3ha, làm nhà tưởng niệm, nhà trưng bày, dựng tượng người với kích thước lớn bằng người thật để mô tả, diễn lại trận đánh đẫm máu giữa gia đình Mười Chúc và cảnh sát tây... Vi-xi còn lập ra cái gọi là *“Lễ hội Đồng Nọc Nạn tỉnh Bạc Liêu là hoạt động nằm trong chương trình năm Du lịch Quốc gia Mekong, vào tháng 2 / 2008.”* (phần này cũng chép lại từ báo “lề phải”). Csvn tài thiệt!

Ây! Xin quý vị cứ tạm thời *“khoan khoan ngồi đó chờ ra”* vội nếu quý vị chưa nghe rõ câu...*“Đừng nghe những gì cs nói. Và cũng đừng nhìn những gì cs làm.”* Một câu do tôi nhái lại lời TT Nguyễn Văn Thiệu, cần được đọc đi đọc lại mỗi lần thấy cs định dờ thêm trò bỉ ổi! Những gì cs nói và cs làm đều thối ngang ngửa như nhau!!!

### 3- Đến Công Rộc



*(Ông Đoàn Văn Vươn)*

Từ năm 1993, theo “Luật Đất Đai 1993” [2] (Cái gì? Cs chuyên ăn cướp đất mà cũng có xài luật đất đai hả giờ?), chính quyền cs giao đất rừng, đất hoang dã, đất đầm bồi ven sông ven biển (không phải là thổ cư) cho dân khai phá, trồng cây, nuôi thủy sản... các mảnh đất này đều có ghi là thuê của nhà nước trong 20 hoặc 50 năm (theo Điều 20 – “Luật Đất Đai 1993,” xem chi tiết ở phần phụ chú bên dưới).

Gia đình ông Đoàn Văn Vươn cũng được giao đất đầm bồi ven sông ở Công Rộc, xã Vinh quang, Huyện Tiên lãng vào thời điểm 1997. Theo ông Vươn thì đất thuê của ông chưa đáo hạn (cũng theo Điều 20). Ông Vươn không đồng ý với lệnh thu hồi đất của UBND huyện Tiên lãng. Thực tế thì miếng đất đầm này ông Đoàn Văn Vươn, một Kỹ sư Nông nghiệp, và gia đình đã đổ xương máu (ông Vươn có một đứa con gái 3 tuổi chết đuối ở chính cái bãi đầm

Cống Rộc này) và mô hôi để mau chóng biến thành một vùng đất có giá trị kinh tế (trồng cây ăn trái và nuôi thủy sản sắp có thu hoạch đáng kể). Chính quyền xã Vinh quang (xã trưởng là Lê Văn Liêm) và Huyện Tiên lãng (Chủ tịch UBND huyện là Lê Văn Hiền, anh ruột của xã trưởng Lê Văn Liêm) bày trò tước đoạt đất của gia đình ông Vươn với mục đích chia chác cho nhau chứ không phải vì công ích hay an ninh quốc phòng quái gì (xem Điều 26 và 27 ở phần phụ chú).

Từ năm 2007, gia đình ông Đoàn Văn Vươn và một gia đình khác là ông Vũ Văn Luân (2 gia đình trong số 19 gia đình nằm trong vùng có đất bị lệnh thu hồi) khởi kiện các quyết định thu hồi đất của UBND huyện Tiên lãng lên Tòa án nhân dân (TAND) Huyện. Yêu cầu này của họ bị tòa sơ thẩm (TAND huyện) bác. Hai ông Vươn và Luân kháng án lên TAND thành phố Hải phòng. Tại đây, đại diện chính quyền Huyện Tiên lãng đã thỏa thuận với tòa án nhân dân Hải phòng là sẽ *“tạo điều kiện cho hai nguyên đơn tiếp tục thuê đất và nuôi trồng thủy sản nếu nguyên cáo rút đơn kháng cáo.”* Kết quả, ông Vươn (và ông Luân) đã rút đơn kháng cáo. Nhưng ngay sau đó, UBND huyện Tiên lãng (Lê Văn Hiền) cố tình lật lọng, liên tục ra công văn, hỏi thúc các “hộ” dân (chủ đầm) phải *“nghiêm chỉnh thi hành lệnh thu đất.”* Ông Vươn vẫn tiếp tục chống đối lệnh thu hồi.

Ngày 5/1/2012 “nhà chức trách” đã điều động một lực lượng an ninh đông đảo gần 100 người gồm cả cảnh sát cơ động (công an chống bạo động), bộ đội (“quân đội nhân dân”), cảnh sát chống ma túy (Ma túy nào vào đây? Hay là họ đến đây để sẵn sàng vu oan gia đình ông Vươn có tang trừ ma túy cho tội nặng hơn?) đến để cưỡng chế thu lại 50 ha đất đầm của ông Đoàn Văn Vươn ở Cống Rộc, Tiên lãng. Gia đình ông Đoàn Văn Vươn đã chống cự mãnh liệt, bằng cách cho nổ mìn tự chế và bắn súng với đạn hoa cải vào các nhân viên an ninh làm 6 người bị thương. *“Sau 12 giờ bao vây và kêu gọi, Chủ đầm Đoàn Văn Vươn và các thành viên của gia đình ông bỏ trốn, bị tụy nã và bị bắt,”* Báo “Người Lao động” viết *“... cơ quan CSĐT đã tạm giữ 6 đối tượng liên quan đến vụ sử*

*dụng bom tự chế, súng chống trả lại lực lượng thi hành công vụ gồm: Chủ Đầm Đoàn Văn Vươn, Đoàn Văn Tịnh (con trai), Đoàn Xuân Quỳnh (con trai), Đoàn Văn Vệ (cháu), Nguyễn thị Thương (vợ Vươn), Phạm thị Hiền (em dâu Vươn).”*

Lực lượng an ninh sau đó san bằng các gian nhà gạch của ông Vươn xây cất trên đất đầm; không hề đề cập đến chuyện bồi hoàn vì, theo lời các cơ quan truyền thông “lề phải” đã che dấu các chi tiết câu chuyện dẫn đến sự chống đối, chỉ cho biết anh Vươn là “*một kẻ trốn thuế, côn đồ hung hãn, dùng súng giết người, và định giết cả các cán bộ công an chiến sĩ thi hành công vụ.*” Với cái tội danh như vậy thì Ông Vươn và các con, em ông ta sẽ “đi cải tạo” mút mùa lá rụng; Ở đó mà chờ đi lãnh tiền bồi hoàn?

Sau gần một thế kỷ, lịch sử lại tái diễn tại Công Rộc Tiên lãng. Vụ Công Rộc đã làm cho cs lộ rõ bộ mặt gian lận, mị dân, khoác lác, nói lấy được, đê tiện trơ trẽn gấp mấy chục lần thực dân... Sau những chi tiết dẫn đến sự cưỡng bức 50 ha đất bãi bồi và đập phá thành bình địa nhà của gia đình ông Vươn, ông Phó chủ tịch TP Hải phòng Đỗ Trung Thoại đổ cho là “*vì nhân dân bức xúc, không đồng tình với ông Vươn, đứng về phía chính quyền tự ý xông vào đập phá tan nhà ông Vươn chứ không phải chính quyền!*” Thì ra nhân dân Việt nam bây giờ tiến bộ hơn các dân tộc văn minh khác. Nhân dân ta tự ý thức đứng lên ủng hộ chính quyền để đập phá nhà nhân dân hàng xóm... (?) cho đỡ tức... Đây có lẽ là một “*dòng thác cách mạng thứ tư*” đang thành hình!? Chà chà! Chỉ có cs mới đủ “*tư cách và dũng cảm*” nói lên cái lý luận gàn, nói lấy được, kiêu cả vú lấp miệng em nghịch lý kỳ lạ như vậy. Thiệt tình!

#### **4- ... Và còn đến tận đâu nữa ?**

Nếu phải lập một cái danh sách để liệt kê đầy đủ các vụ cs cướp đất của dân trên giấy trắng (từ bây giờ trở về thời điểm cách mạng tháng 8) thì không biết đến bao giờ mới làm xong! Ngày hôm nay,

nếu quý vị có chút thời giờ đi qua khu vực trước phòng tiếp dân tại 110 Cầu Giấy, Hà Nội hay ở số 210 đường Võ Thị Sáu tại thành Hồ, thì sẽ thấy có những người dân đến từ 62 tỉnh trên toàn quốc đang ngày này qua ngày khác cầm đơn để khiếu nại về những oan khuất mà họ quả quyết do chính quyền từ cấp địa phương gây nên cho họ. Có lúc số dân oan đông lên gần 500 người đến từ 20 tỉnh (tháng 7 năm 2007 trước văn phòng quốc hội cs). Thế nhưng sau gần một thời gian giảng biểu ngữ và nằm ăn vạ tại đó, chính quyền cs đã huy động mọi lực lượng an ninh đến giải tán, và cưỡng bức đưa dân oan thuộc tỉnh nào về tỉnh đó yên chuyện. Biện pháp này cũng chẳng khác mấy khi chính quyền dẹp cuộc biểu tình của người nông dân tỉnh Thái Bình, Vĩnh phúc, Lâm đồng, Tiền giang..., đồng bào thiểu số ở Cao nguyên... Tuy vậy, trong số đó vẫn có những người cương quyết “bám trụ” tại Hà Nội để kêu oan, dù phải đói khát, sống ngủ lây lất ở các vườn hoa; hằng ngày đi làm thuê, làm mướn hay nhặt rác, xin ăn. Những người chịu cảnh oan không chỉ là dân thường, mà còn là gia đình liệt sĩ, thương binh quân đội cs. Cả những cơ sở tôn giáo cũng gặp trường hợp tương tự không kể đất nhà thờ, dòng tu (Thái hà, Dòng Chiêm, Còn Dầu, dòng Thánh Phao lô Vĩnh long) hay nhà chùa (Mai vĩnh – Huế; Nghĩa Hòa – Nha trang, Hàm long – Hà nội)...

## 5- LỜI KẾT

Quá trình hình thành đảng csvn chỉ cần ghi vắn vện, tóm lược lại một chữ: “**Cướp**.” Cướp chính quyền, cướp đất của địa chủ (nhiều người chỉ có vài sào đất cũng bị liệt và hàng “địa chủ”), cướp tài sản của giới công nghiệp, thương mại (tư sản mại bản)... cs gọi các thành phần bị cướp này là địa chủ, cường hào ác bá, và tư bản bóc lột. Sau đó, công cuộc “cướp” này tiếp tục; nhưng bây giờ là cướp đất đất của dân nghèo, nông dân, công nhân hạng tép riêu thấp cổ bé họng... không có đền bù (hoặc đền bù với giá thật rẻ mạt).

Lý thuyết và cương lĩnh ngoạn mục của cs là một bình phong che chở cho một tổ chức ăn cướp (mafia - organized crime) đứng ra cướp tài sản xương máu mồ hôi của dân lành để thỏa mãn lòng tham riêng của họ. Bọn Mafia dù có ăn cướp nhưng họ vẫn còn sợ công an cảnh sát và luật pháp... Đảng cs là một băng đảng đáng được “đánh giá cao” là bậc thầy của Mafia. Csvn là một tổ chức ăn cướp công khai ban ngày chẳng cần phải sợ ai cả bởi vì cũng chính họ là công an cảnh sát... Csvn vẫn tồn tại dài dài vì cs củng cố chính sách làm cho dân hèn đi (vì đói), kém thiếu suy nghĩ (do nền giáo dục kiểu cs), tiêu cực tránh né trách nhiệm (vì sợ hãi trường hợp bị tù đày, tra tấn, cô lập) của đại đa số quần chúng.

Sở dĩ có cái tiền đề “*đừng nghe những gì cs nói*” vì không hề bao giờ có một “thế giới cs đúng như nghĩa nguyên thủy của nó” (nên biết chữ “Cộng sản – Communist” có nguồn gốc từ chữ “la tinh” nghĩa là “shared - chia sẻ,” “belonged to all - của chung”)... Người dân từ trước tới bây giờ (trước ngày 5/1/2012) chỉ biết kêu oan, viết kiến nghị... kết quả đều chìm xuống chẳng đi đến đâu cả. Lần này, khác hẳn, anh em ông Vươn (cũng như anh em Biện Toại, Mười Chức ở Nọc Nạn) đã phản công lại bằng vũ lực với bom mìn tự chế, (Nọc Nạn thì với giáo mác) gây thương tích và thiệt mạng cho giới quyền thế chủ trương áp bức. Tôi biết chắc là nhà cầm quyền csvn sẽ cố gắng đóng kịch đả bôi, hy sinh một vài con cừu tế thần để xoa dịu dư luận quần chúng qua vụ Công Rộc, Tiên Lãng... và cs hy vọng vụ này rồi cũng chìm như các cái xuống kêu oan khác thôi! Nhưng tiếng vang của đạn “bông cải” có thể sẽ là một tiền lệ, biết đâu, đưa đến một sự đối kháng, chống đối toàn diện. Đây là lúc khởi đầu dẫn đưa đến sự khai trừ chế độ cs khỏi đời sống chính trị của dân tộc Việt...

Như đã thấy, sự phẫn uất của gia đình ông Đoàn Văn Vươn bùng nổ thành sự chống đối có nổ súng (hoa cải) và mìn (tự chế) đâm máu. Tuy chưa có ai chết (chỉ có 6 công an, bộ đội bị thương qua loa, băng bó vết thương, uống thuốc rồi ra về trong ngày) nhưng đã là một tiền lệ chưa từng xảy ra trong lịch sử gần 70 năm từ ngày cướp chính quyền, cướp đất nông dân của chế độ csvn. Kể ra, ông

Đoàn Văn Vươn cũng hơi xui xẻo không được sống vào thời kỳ đấu tranh “*chống bọn thực dân ác độc*” mà lại phải sống ở thời buổi “*tự do độc lập hạnh phúc*” đấu tranh với cái “*chính quyền của dân vì dân và do dân*” với “*chính nghĩa chói lòa, vô địch không có thế lực phản động nào dám động đến...*”

Như đã nhìn thấy, csvn đàn áp sự phản kháng của nông dân còn “quyết liệt” hơn cả thực dân Pháp... Không biết sau này có đồng chí cán bộ cao cấp TƯ đảng nào (về hưu) bớt hèn dám đứng lên làm tượng đài kỷ niệm vụ cưỡng chế Công Rộc, Tiên Lãng.

### **Phụ chú**

(\*) *Những chữ in nghiêng trong bài viết là những chữ được trích từ các trang báo “lề phải” trong nước.*

[1]- *Nọc Nạn hay Nọc Nạng?*

*Theo một số người am hiểu về địa danh “Nọc Nạn” thì hai chữ “Nọc Nạn” không có nghĩa gì cả. Chữ thứ hai phải viết có “ng” ở cuối thành “Nạng” thì hai chữ “Nọc Nạng” mới có nghĩa.” Nọc lá cái cọc để cắm làm mố; hoặc để cây nạng là thứ cọc dài có chạc hình chữ “Y” ở đầu trên mà nông dân thường cắm trong đất để treo một số vật dụng mang theo lúc đi làm. Tóm lại hai chữ “Nọc Nạng” hợp lý hơn vì diễn tả được công việc đồng áng.*

*Người viết xin mạn phép nêu lên chi tiết này để quý vị tham khảo thêm.*

[2]-*Trích các điều liên quan trực tiếp đến hoàn cảnh của ông Đoàn Văn Vươn trong “Luật đất đai 1993” của quốc hội vi-xi để quý vị tham khảo thêm:*

**“LUẬT ĐẤT ĐAI 1993**

**(SỐ 24-L/CTN NGÀY 14/07/1993 CỦA QUỐC HỘI)**



...

**Điều 20**

Nhà nước giao đất cho các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân sử dụng ổn định lâu dài.

Thời hạn giao đất sử dụng ổn định lâu dài để trồng cây hàng năm, nuôi trồng thủy sản là 20 năm, để trồng cây lâu năm là 50 năm. Khi hết thời hạn, nếu người sử dụng đất có nhu cầu tiếp tục sử dụng và trong quá trình sử dụng đất chấp hành đúng pháp luật về đất đai thì được Nhà nước giao đất đó để tiếp tục sử dụng.

Nhà nước giao đất sử dụng lâu dài cho hộ gia đình, cá nhân để làm nhà ở và chỉ thu hồi trong các trường hợp quy định tại Điều 26 và Điều 27 của Luật này.

Thời hạn giao đất sử dụng ổn định lâu dài đối với các loại đất khác do Chính phủ quy định.

...

**Điều 26**

Nhà nước thu hồi toàn bộ hoặc một phần đất đã giao sử dụng trong những trường hợp sau đây:

- 1- Tổ chức sử dụng đất bị giải thể, phá sản, chuyển đi nơi khác, giảm nhu cầu sử dụng đất mà không thuộc các trường hợp quy định tại Điều 30 của Luật này; cá nhân sử dụng đất đã chết mà không có người được quyền tiếp tục sử dụng đất đó;
- 2- Người sử dụng đất tự nguyện trả lại đất được giao;
- 3- Đất không được sử dụng trong thời hạn 12 tháng liền mà không được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền quyết định giao đất đó cho phép;
- 4- Người sử dụng đất cố ý không thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước;
- 5- Đất sử dụng không đúng mục đích được giao;
- 6- Đất được giao không theo đúng thẩm quyền quy định tại Điều 23 và Điều 24 của Luật này.

**Điều 27**

Trong trường hợp thật cần thiết, Nhà nước thu hồi đất đang sử dụng của người sử dụng đất để sử dụng vào mục đích quốc phòng,

*an ninh, lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng thì người bị thu hồi đất  
được đền bù thiệt hại.*

**(Ngày 7 tháng 3 năm 2012)**

## Khóc thi đua...

(hay “Đời đời nhớ Ông”)



*(Kim Chính Nhật)*

*“...Thương cha thương mẹ thương chồng  
Thương mình thương một thương ông thương mười...”*  
(Tố Hữu khóc Stalin trong bài "Đời Đời Nhớ Ông!")

Lại một lần nữa, nhân cái chết của Kim Chính Nhật qua các “video” được ghi lại, chúng ta thấy rõ hơn cái mà csvn vẫn gọi là “định hướng xã hội chủ nghĩa...” Thật là một cái chết có nhiều kẻ khóc, nhiều người cười – Một bi hài kịch thời sự “tự biên tự diễn.”

Những vở kịch khóc “Lãnh tụ vĩ đại” (Great Leader), “Lãnh tụ kính yêu” (Dear Leader) “Cha già dân tộc...” nhìn quá lố bịch của dân Bắc Hàn làm cả thế giới phải một lần nữa phì cười: Dân chúng gồm cả 2-3 thế hệ cầm tay nhau, đàn ông đàn bà trẻ con sơ sinh..., đứng thành tập thể lớn có hàng ngũ rồi khóc vật vã, ngả nghiêng kêu gào, đập tay đập chân, đập đầu, đập mông... trông có vẻ đau đớn mà không biết họ có khóc thật không vì không thấy nước mắt?! (có lẽ có công an đứng đâu đó “chỉ đạo” bài bản “khóc thi đua” này?!) Trong đám tang thật thường ngày của người có bố mẹ đẻ qua đời, chúng ta cũng không thấy họ khóc đến tức tưởi như vậy. Mà quang cảnh khóc này đâu có gì mới lạ (!) Cộng sản ở đâu thì cũng thế thôi. Quý vị cứ tìm đọc lại bài "*Đời Đời Nhớ Ông*" mà thi sĩ nâng bi thương đảng Tố Hữu nhà ta đã khóc tên đồ tể Stalin chết thì rõ: Cũng lại là một bài bản thô kệch diễn đi diễn lại – Dejà-vu.

Tôi đã xem cái “video clip” đám tang HCM năm 1969 thì cũng y chang, có gì khác hơn là cái chết của Kim Chính Nhật: Phạm Văn Đồng vầu hai tay ôm mặt khóc nức nở như cha mới chết; Lê Duẩn tay trái cầm điều khiển vặn đọc chữ mất chữ còn, tay phải cầm khăn không kịp lau nước mắt trào ra; các em nhi đồng quàng khăn đỏ đứng thành hàng khóc ngất xỉu lên ngất xỉu xuống; mấy bà nông dân răng đen khóc vật vã... như trâu chết... Đó là đặc thù văn hóa “Xã hội chủ nghĩa!” (Các lãnh tụ cs ôm hôn nhau thăm thiết trước máy ảnh của thông tin viên quốc tế cũng thối y như vậy!) Thiệt tình!

Riêng tôi, tôi không cười nổi vì tôi thấy thương hại cho những con người bất hạnh phải sống dưới bóng tối của chế độ cs. Họ bị bịt mắt, bị bịt tai, bị tẩy não đến tận xương tủy; không biết chính cái “xác” mà họ đang thương khóc nức nở đã từng là “con người

(?)” gieo bao nhiêu tang thương lâm than cho đất nước, làng xóm và chính bản thân họ và gia đình họ... Chính cái “xác” ngay đờ này lúc còn sống thờ, vì chủ nghĩa cs quốc tế, đã “giải phóng,” đã “cắt mạng” bao nhiêu sinh mạng là cha, chồng, con, chú, bác, thân nhân của họ mà họ không có dịp chôn cất cho yên mồ yên mả... Họ không khóc được một giọt nước mắt thật tình... chỉ vì chủ thuyết cs đã biến họ thành những con người “vô cảm” sẵn sàng đổ những giọt nước mắt thi đua vô nghĩa, nghịch lý, tro trên, tội nghiệp....

Chẳng hạn, Học giả Phạm Quỳnh đã bị cán bộ Việt Minh, một mặt trận ngoại vi của đảng Cộng Sản Đông Dương, cắt tiết rồi vùi xác sơ xài phi tang năm 1945 chỉ vì HCM và csvn triệt để thi hành chủ trương giết tiệt lực người quốc gia, ngấm thủ tiêu rất nhiều thanh niên sinh viên hoạt động chính trị, đã giết hầu hết những nhân tài không đi theo đường lối của họ ngay sau cs “cướp” được chính quyền (1945). Ấy! Thế mà ông con trai yêu quý của Học giả Phạm Quỳnh là tên Phạm Tuyên tro tráo đã viết một bài hát “bất hủ,” sáng tác một “tác phẩm lớn để mừng ngày chiến thắng (?) 30/4/1975:” “*Như có Bác Hồ trong ngày vui đại thắng.*” Tên con trai vô tình, mau quên này được “Chủ tịch Hội đồng Nhà nước” Trường Chinh đích thân ký giấy tặng huân chương ghi nhận những công lao đóng góp một “*thành tích xuất sắc trong việc sáng tác bài hát*” rất thối này... Nhìn sự kiện, hiện tượng “Phạm Tuyên” thì chúng ta suy luận ra sự tầy nã của cs thành công đến mức độ nào rồi?!

Chế độ cs chưa xụp đổ hoàn toàn thì những nghịch lý tương tự như vậy sẽ còn tái diễn dài dài...

Có một bác phó thường dân đã phải buột miệng so sánh:

*“Chế độ nhà Kim của Bắc Hàn tiến bộ hơn chế độ XHCN của Việt Nam: Khóc thôn thức, khóc ai oán được 1 ký gạo. Khóc thê lương, khóc oán than thì 2 ký gạo. Khóc tức tưởi, khóc tủi hờn 5 ký gạo. Khóc đau thương, khóc đờn đau 10 ký gạo. Hời “bác Hồ” chết,*

*dân khóc than, đến viếng lăng cũng chỉ được phát có một ổ bánh mì chó gặm phải gãy răng!”*

Bây giờ hãy nhìn lại hình ảnh Kim Chính Nhật lúc còn sống; một hình ảnh mà báo chí tây phương không ngớt chế diễu. Anh củ cải Kim chi này vì hơi thiếu thước tấc (chỉ cao có 5ft2) cho nên luôn luôn phải mang giày đế cao (“elevated shoes”) chênh vênh. Anh ta không bao giờ xuất hiện trước công chúng mà thiếu cái kiếng mát phụ nữ và mái tóc xù sơ xác như người uống “Viagra” quá ‘đô’; hay mới bước ra từ một quang cảnh đánh ghen... Nhiều người khó tính nói là anh ta nhìn giống như “một mụ lesbian đang giận dữ” (one angry lesbian?! OMG!)

Chỉ trong vòng vài năm sau khi củ cải Kim Chính Nhật “kính yêu” lên nắm chính quyền thay thế anh bố “vĩ đại” Kim Nhật Thành bắt ngờ ngòm củ tỏi (1994) thì Bắc Hàn trải qua 3 năm đói liên tiếp làm cho gần 2 triệu dân Bắc Hàn bị xóa sổ vì chết đói. Trong 17 năm trị vì, đ/c Kim Chính Nhật thanh trừng 80 viên chức cao cấp của chính quyền và đảng cs cầm quyền trong đó có cả anh rể và vài thân nhân của hắn. Bởi vì họ dám lên tiếng phản đối hay tỏ thái độ thiếu phục tùng... Tự nhiên họ biến mất như bị người ngoài hành tinh bắt cóc, không để lại dấu vết gì cả!? Tài thật!

Ngày hôm nay, ngay lúc đ/c kính yêu Kim Chính Nhật hui nhị tì, Bắc Hàn vẫn còn là một quốc gia nghèo và đói thê thảm. Vệ tinh viễn thông của Tây phương từ trên không gian nhìn xuống thấy Bắc Hàn vào ban đêm là một mảng gì đó đen thui (chỉ có lác đác vài cơ sở quân sự là có điện). Người dân đen hoàn toàn không có các phương tiện tối thiểu như “computer,” “internet,” điện thoại, tủ lạnh, lò ga, nhật báo... Truyền hình thì chỉ những gia đình bè thế có liên hệ đến chính quyền cs mới có; và họ khỏi mất công đòi đài chi cho một vì “nhà nước” chỉ có một hệ thống phát hình duy nhất, 1 “channel” duy nhất (và dĩ nhiên chỉ có các chương trình tuyên truyền chính sách của chính phủ).

Vào tháng Sáu năm 2009, đ/c Kim Chính Nhật chính thức chỉ định đưa con trai út là Kim Chính Vân (Kim Jong-un), thằng em vừa mới hết tuổi dậy thì ăn no ngũ kỹ (26 tuổi), làm người kế vị (Great Successor). Không ai biết tên Thái tử này là người thế nào? Chỉ biết hần hơi xấu trai (giống Bố) nhìn béo phì, và tướng tá hơi đàn độn! Bây giờ hần nghiễm nhiên là “chủ tị” nhà nước Bắc Hàn và nguy hiểm nhất là hần có quyền sờ vào cái nút phóng phi đạn nguyên tử của Bắc Hàn mới dễ khóc?

Bi giờ đại thi sĩ Tố Hữu đã bán muối rồi... Nước ta chưa có thi sĩ nhân tài thứ hai có cùng khả năng nâng bi “kiss ass” như thi sĩ “đòi đòi nhớ ông” này; Thôi thì tạm thời tôi phải thay mặt cho “Nhà nước” CHXHCNVN chế một bài thơ nhái thật “lịch sự” để khóc đ/c Kim Chính Nhật như sau:

*“... Kim đi bỏ lại con đường  
Bờ xa cỏ dại vô thường nhớ Kim  
Kim đi... Kim đi  
Kim đi bỏ lại dặm trường  
Ngàn dâu cô quạnh, muôn trùng nhớ thêm...”*  
(“Đòi đòi nhớ Kim” – Lời Nhạc nhái, Trần Văn Giang)

**(Ngày 22 tháng 12 năm 2011)**





## Lậm vắn sai (!)



*MC Ngô Mỹ Uyên và bác Lậm vắn sai  
trong buổi “liên hoan” đầu tiên  
Phim Quốc Tế tại Việt Nam (VNIFF)...*

Cuối tuần tôi rảnh rỗi ngồi nhặt sạn “thư giãn” một chút thì thấy một cục “kít bò” (bull sht..) to tởm: đó là cái “*video clip*” dài 4 phút từ “*Youtube.com*” của một người bạn “pho quốc” (*forwarded*) cho tôi về “em xi nhân dân” Lại Văn Sâm (tên thật, không nói lái) của VTV “chuyên ngữ” lời phát biểu của diễn viên Ngô Ngạn Tổ trong buổi “liên hoan” đầu tiên Phim Quốc Tế tại Việt Nam (VNIFF)... Thật là đáng đồng tiền bát gạo, không bỏ công nhặt sạn vì đã có được một trận cười (miễn phí) gần té ghế. Bác Lậm văn sai xứng đáng được nhận thêm một cái huy chương “chuyên ngữ nhân dân” và cần được “tiếp thu” ngay về phủ chủ tịch để làm cố vấn (kiêm “người chuyên ngữ”) cho chú Triết lùn. Liên danh Triết – Lậm văn sai mà ra tranh cử trong tương lai thì phải vô địch... Nhân dân ta có dịp “hồ hởi” sống vui cười một nghỉ tạm quên bão lụt, giá vàng, giá xăng, giá gạo, giá mì gói ăn liền... cũng được vài năm chứ không ít (cho đến khi hai bác theo thanh Gióng “về trời vui thú điền viên....”) Thật *bótay.com*.

Trước khi nói qua về bác Lậm Văn Sai, tôi kính mời quý vị mở xem cái “*video clip link*” tôi kèm dưới đây và đọc bản chép tay lời dịch “kiệt xuất” của “em xi nhân dân” Lậm văn sai (cũng) dưới đây để khỏi nghi ngờ là tôi có ác ý, “áp đặt,” “phịa” chuyện ruồi bu vô căn cứ để “bôi bác chế độ!”

[http://www.youtube.com/watch?v=XZ2UOB3Miis&feature=player\\_embedded](http://www.youtube.com/watch?v=XZ2UOB3Miis&feature=player_embedded)

Phần “audio” ghi lại nguyên con như sau:

**Ngô Ngạn Tổ:** *“Good evening Lady and Gentlemen. I just want to say what a pleasure and honor being to take place, take part in the first Vietnam international film festival in this beautiful city of Hanoi on its 1000 birthday.”*

**Lại Văn Sâm** (dịch bổ láo): “Vâng. Ngô Ngạn Tổ có gửi tới lời chào tới tất cả những người biết anh, hâm mộ anh qua những tiếng reo hò khi anh xuất hiện. Cảm ơn tất cả mọi người đã chào đón anh ở thủ đô Hà Nội. Nơi mà anh cũng biết rất nhiều qua báo đài.”

**Ngô Ngạn Tổ:** *“I think this week has been full of new and interesting challenges for everyone, but what true is a passion of films is very much alive here.”*

**Lại Văn Sâm:** “à...ơ... và anh ấy... cũng rất phấn khởi khi được mời tới dự liên hoan phim quốc tế lần đầu tiên tổ chức tại Việt Nam và anh ấy tin tưởng rằng với đà này thì sự phát triển của điện ảnh Việt Nam.. sẽ có tương lai rất sáng.”

**Ngô Ngạn Tổ:** *“I think the goal of any film festival is not only to bring world cinema to local audiences but also bring local cinema to world audiences and I think that’s certainly’s been achieved here.”*

..... hình như có một người nào đó sau cánh gà đang cố ngăn cản sự quá đà của bác Sâm... nhưng họ đã không thể!!!

**Lại Văn Sâm:** “... và anh nói rằng ở Hà Nội trong những ngày qua thì anh cũng đã được chứng kiến những dòng người đổ đến các rạp để xem các phim trình chiếu trong liên hoan phim quốc tế như thế nào. Xin cảm ơn. Then kiu ve ri mót. Then kiu ve ri mót.”

**Ngô Ngạn Tổ:** *“Thank you.”*

Theo kịch bản thì đã hết; nhưng không ngờ anh Ngô Ngạn Tổ phá bài, muốn nói thêm. Bác Sâm hoảng thấy rõ, liền hỏi:

**Lại Văn Sâm:** “À, dà. du oanh tu say sãm xinh mo ?”

**Ngô Ngạn Tổ:** *“Last one...”*

Nhất quyết muốn chứng tỏ trình độ tiếng Anh của mình bác Sâm lại chặn họng Ngô Ngạn Tô.

**Lại Văn Sâm:** “Ô kê, ô kê, bờ lít, du quan câm, câm.”

**Ngô Ngạn Tô:** *“I just want to say that I wish the best of luck for the future of the Vietnam international film festival and I hope I will have a opportunity to come back again, thank you.”*

Bởi vì không còn có gì trong giấy để phóng... quá “đột xuất” cho nên bác Sâm kêu eng éc như heo nọc đang “làm việc thiện,” cầu cứu một đồng nghiệp tên “Ly” nào đó ở phía trong!!!

**Lại Văn Sâm:** Ly à! Ly ơi!

**Ly:** “Vâng, thưa quý vị! Anh đã chúc cho liên hoan phim một thành công tốt đẹp nhất.”

**Lại Văn Sâm / Lậm Văn Sai là ai?**

Theo *Wikipedia (free encyclopedia)* liệt kê là:

(Trích)

*“Bác Lậm sinh năm 1957, du học 12 năm tại Liên xô về ‘khoa’ Ấn độ (Hinduism? Môn học lạ nhĩ!!!). Làm ‘host’ cho nhiều chương trình TV (Game shows) và là một trong những người sáng lập ra đài truyền hình VTV3.”*

(Hết trích).

Người Ấn độ thờ bò; như vậy chương trình học 12 năm của bác Lậm thế nào chả có phần tắm bò và “hốt kít” bò (cow dung). Nhiều du sinh Việt (phần lớn là con cháu cán bộ cao cấp của đảng CSVN) đi học ở Liên xô đã thú nhận là suốt học trình 5-10 năm ở

Liên xô chỉ thuần túy học lấy bằng “hốt-kít” (nuôi heo, nuôi bò, hốt kít...); và đến ngày đến tháng sẽ được Liên xô vĩ đại cấp đầy đủ bằng cấp không cần phải nói sõi tiếng Liên xô (vì đã có người nói hộ rồi! Tiện lợi thật!) Nói chi đến Anh ngữ - ngôn ngữ của bọn tư bản ác ôn... thành thử bác Lậm ngọng không dịch Anh ngữ ra tiếng Việt được cũng chẳng có gì lạ đâu.

Dưới sự lãnh đạo văn minh của đảng CSVN, nước Việt ta đã có sẵn nhiều em chân dài nhưng đảng cs chỉ thích các bác chân ngắn (lùn mã tử) “nằm việc nãnh đạo” mới oải... Bác Lậm (và chú Triết) không phải là ngoại lệ.

Trong “video clip,” bác Lậm nhìn vừa xấu giai vừa ngắn (đứng chỉ đúng tới nách em “em xi” Ngô Mỹ Uyên! Xin xem ảnh). Trông thoáng qua, thấy bác Lậm dáo dác giống y như một anh “lái lợn” (chưa đủ tài để thiến lợn đâu). Ấy thế mà bác đã “dẫn” nhiều “game shows” nổi tiếng của Việt Nam mới chết người. Chẳng hạn như: Đấu trí (bắt chước “*PokerFace*”), Chiếc nón kỳ diệu (bắt chước “*Wheel of Fortune*”), Hãy chọn đúng giá (bắt chước “*The Price is Right*”) Ai là triệu phú (bắt chước “*Who wants to be millionaire?*”)...

“Em-xi” không biết Anh ngữ thì cũng không có gì lạ phải nói; nhưng trong trạng huống này nhìn rõ ràng vị trí của bác Lậm là người “dịch” (*translator*) chứ thấy có ai khác đâu!? Bác cứ nghĩ là chuyện tằm bò, hốt kít còn làm được thì “chuyên ngữ” đâu có phải là chuyện vượt “trường sơn” hay “đường mòn HCM” mà phải làm to chuyện! Chỉ tội nghiệp cho anh chàng đẹp giai Ngô Ngạn Tổ. Anh Tổ nói vài câu ngắn gọn bằng Anh ngữ rất hay lại bị bác Lậm dịch nhăng dịch cuội biến thành trò hề. Hay nhê! Bác Lậm là người có tài “dẫn chương trình” (Game shows) thì cứ thông thả để cho bác tiếp tục “dẫn game shows” đã sao? Bộ hết người rồi hay sao mà để bác Lậm đứng chuyên ngữ và vô lễ phép cắt ngang “bài nói” (bằng câu “Then kiu ve ri mót!”) của khách làm xấu hổ cả làng nước... Thật ngu như lợn. Bà ngoại của mấy đứa con tôi đã 83 tuổi mà phát âm tiếng “ăng lê” còn “choáng” hơn bố Lậm lùn

mã tử này. Trước mặt diễn viên và truyền thông “tâm cỡ” quốc tế thì đây là một cái nhục lớn cho cả nước. Mà nghĩ lại, nhà nước ta sáng suốt lắm đâu có người nào “kém lãnh đạo” đâu... có lẽ hôm ấy bác Lạm uống nhiều thuốc (overdosed) đau trĩ cho nên gây thần kinh trĩ nó va phải gây thần kinh ở mồm bác đấy... chứ bình thường bác Lạm ăn nói thông thoáng lắm (!) làm các em gái chân dài chân ngắn choai choai ở trong nước mê như điên đảo! Hay là bác nghĩ là người nước ngoài làm sao hiểu được tiếng Việt; thì làm gì mà phải dịch “linh tinh” cho nó tối nghĩa...

Thành thật mà nói, kể từ hôm nay cả nước đều biết tổng là bác dốt rồi chứ không phải có một mình tôi là “người xấu” ghen tị với bác mà nói cảm ràm về bác đâu. Bác nên nghỉ làm “người dẫn chương trình” một thời gian (như bác thỉnh thoảng vẫn ráo) để đi học thêm một ít “inh lít pho tu nai;” (“*English For Tonight*”) đồng thời cũng để nhân dân có dịp quên cái dốt của bác rồi hăng hay... tiện cả đôi đường.

Phải chi cái tài dịch ngoại ngữ của bác Lạm đem dùng để dịch bài diễn văn của đồng chí Krushchev, tổng bí thư của đảng CS Liên xô, tại Liên hiệp quốc năm 1960 thì phước đức cho hòa bình của toàn thế giới biết là bao nhiêu.

Cơ sự là Liên xô bí mật lập căn cứ phóng hỏa tiễn (missiles) tại vịnh con Heo (Bay of Pigs) ở Cuba (từ năm 1956). Năm 1960, Hoa kỳ nhờ điều tra không ảnh mới phát giác ra căn cứ hỏa tiễn này. Hoa kỳ nghi ngờ là Liên xô âm mưu dùng căn cứ này với hỏa tiễn có đầu đạn nguyên tử để đe dọa an ninh của Mỹ. Chính phủ Kennedy đã quyết liệt yêu cầu Liên xô phải gỡ bỏ căn cứ hỏa tiễn này... nếu không Hoa kỳ sẽ có phản ứng quân sự mạnh... ngay cả việc ám chỉ sẽ có đệ III thế chiến với vũ khí nguyên tử với Liên xô. Cuối cùng Liên xô nhượng bộ cho tháo gỡ hỏa tiễn chở về lại Liên xô. Ngày 12 tháng 10 năm 1960, trong một phiên họp của ủy ban Thường vụ Liên Hiệp Quốc ở New York, Krushchev, TBT đảng CS liên xô, đã lên diễn đàn tỏ vẻ giận dữ, cúi xuống gỡ một chiếc giấy và đập lên bàn rồi nói :

(theo lời thông dịch viên Liên xô)

- *“Chúng tôi (Liên xô) sẽ chôn sống các anh (các nước tư bản!)*  
(We will bury you!)

Chắc có lẽ anh thông dịch viên người Liên xô này học cùng khoa “Hinduism” với bác Lậm ở “mút cu va” cho nên dịch lằng nhằng để cố (hay vô) tình gây chiến tranh lạnh (cold war) kéo dài vài thế kỷ sau đó; Chứ thực ra bố Krushchev đập một chiếc giầy lên bàn rồi giận dữ nói là :

- *“Không biết thằng khốn nào ăn cắp của tao hết một chiếc giầy*  
*...”*  
(Some bastard stole one of my shoes).

Ái chà chà! Dịch sai trước công chúng quốc tế nguy hiểm đến thế đấy bác Lậm à.

Cần “chợng”!!!

**(Ngày 25 tháng 10 năm 2010)**





## 33 người thợ mỏ Chí lợi



Toàn thế giới, từ các nguyên thủ quốc gia, lãnh đạo tôn giáo đến thường dân... đều theo dõi từng giây từng phút diễn tiến của cuộc giải cứu vô tiền khoáng hậu 33 người thợ mỏ bị kẹt dưới hầm mỏ vàng đồng (San Jose Mine) ở Copiapo Chí lợi đã bị xập nhẽn lồi ra sâu 2000 ft dưới lòng đất từ ngày 5 tháng 8 năm 2010 (tổng cộng 69 ngày).

Ngay từ khi người thợ mỏ đầu tiên, ông Florencio Avalos 31 tuổi, được kéo ra lên mặt đất an toàn thì báo chí, truyền hình, các diễn đàn quốc tế tranh luận một cách kịch liệt hai vấn đề lớn:

- **Tín ngưỡng.**
- **Luật an toàn (Safety Regulations) của công nghiệp khai thác mỏ (mining industries) dưới lòng đất trong quá khứ và những ngày sắp tới.**

## 1- Tín ngưỡng

Về vấn đề niềm tin, tín ngưỡng sự bất đồng lên cao đến mức độ gần như sắp có một cuộc thánh chiến (chiến tranh tôn giáo) sẽ xảy ra nay mai:

Các phe gọi là tín hữu (Believers) của 3 tôn giáo lớn gồm Thiên chúa giáo, Hồi giáo và Ấn độ giáo không ngớt ca tụng “thượng đế;” cùng một lúc cho là kết quả sự giải cứu 33 thợ mỏ là phép lạ, là hồng ân của thượng đế của riêng tôn giáo họ chứ không phải “thượng đế” của tôn giáo khác (!)

Chẳng hạn:

- Các giáo phái theo Thiên chúa (Tin lành, Công giáo La mã, Jehovah Witness, Born Again Christians...) đồng loạt cho rằng đây chính là ơn sủng của Thiên chúa Jesus Christ - đáng tối cao ngự trị muôn loài... Bất cứ sự thể diễn tiến như thế nào, thành công hay thất bại, xảy đến cho những người thợ mỏ đều nằm trong bàn tay, trong sự quyết định của Thiên chúa. Chúng ta phải ca ngợi vinh danh Thiên chúa để có vạn sự lành... “Born Again Christian” còn nhân tiện cơ hội này cố gắng mời (converting) thêm tín hữu mới gia nhập (new followers) vì “phép lạ” đã và đang xảy đến cho riêng nhóm / phái của họ!

- Người Hồi giáo nói: “Vinh danh thượng đế cao cả, độc tôn Allah, “Allah is Great!” Giáo chủ Muhammad đã thương xót mà cứu vớt các tên ngoại đạo (infidels) để họ biết và vinh danh Allah.

- Ấn độ giáo (Hinduism) thì quả quyết chính thần Đầu Voi (The Elephant-Head God - Thần may mắn / che chở) Ganesh đã ban phước lành may mắn cho các thợ mỏ. Lậy tạ ơn Ganesh...

(Cho tới giờ này tôi chưa ghi được lời của tín đồ Phật giáo và Do thái giáo về biến cố này!)

Còn phe vô thần (non - Believers, Atheists) thì, ngược lại, nói là:

*“Thượng đế và phép lạ nào đã khoan cái lỗ / giếng (shaft) nhỏ sâu đến tận sát nơi đám thợ mỏ tập trung dưới lòng đất để tiếp tục cung cấp cho họ thực phẩm và nước trong suốt 69 ngày qua? Thượng đế nào đã khoan cái giếng sâu thứ hai để kéo thợ mỏ lên khỏi mặt đất? Tất cả đều do bàn tay con người và kỹ thuật hiện đại cũng của con người...”*

*Nếu đây thực sự là phép lạ của thượng đế thì những lần trước đây như 65 thợ mỏ bị chết chôn vùi sâu dưới lòng đất khi mỏ tại Pasta de Conchos, Mexico xập ngày 19 tháng 2 năm 2006; hoặc là 29 thợ mỏ của Mỹ chết ở Montcoal, West Virginia khi mỏ bị nổ ngày 5 tháng 4 năm 2010... thì tại sao không thấy có phép lạ gì cả? Có phải là không có đủ người cầu nguyện cho những người xấu số này mà phép lạ không đến hay sao?*

*Thật ra không hề có thượng đế hay quỷ ‘sa tăng’ nào ở đây; chỉ có người thật làm việc thật ngày và đêm để cứu người mà thôi...”*

Sự thật như thế nào (tin hay không tin vào phép lạ mà thượng đế đã ban?) thì tôi không biết rõ; Thành thử không dám có nhận định cá nhân về vấn đề này... Tôi chỉ thấy rõ ràng là có 33 mạng người được cứu sống. Đó là tin mừng (Good news).

## **2- Vấn đề qui luật an toàn của việc khai mỏ ở Chí lợi**

Đã có nhiều lời bình luận công khai qua truyền thông quốc tế là dù cho Tổng thống Chí lợi Sebastian Pinera luôn luôn có mặt bên cạnh toán thợ giải cứu ở mỏ San Jose (nhưng TT Pinera lại không làm gì cả khi Chí lợi bị động đất nặng nề vào đầu năm 2010);

nhưng đáng lẽ tai nạn này không nên xảy ra ở Chí Lợi; hoặc ngay từ ngày đầu khi hầm bị xập, 33 thợ mỏ đã có cơ hội thoát hiểm rồi! Chính quyền Chí Lợi không thực sự là một chính quyền vì dân, biết lo lắng cho sự an sinh của dân Chí Lợi. Bằng chứng là mặc dầu có ban hành nhiều quy chế an toàn (Mining Safety Regulations) nhưng lại hoàn toàn lơ là trong vấn đề nghiêm chỉnh kiểm soát và thi hành (stricter enforcements) các quy chế an toàn của nghề khai thác mỏ tại Chí Lợi.

Các chuyên viên về hầm mỏ quốc tế quan sát mỏ đồng San Jose thấy mỏ này chưa thiết lập xong (chưa hoàn tất) cái thang cấp cứu (emergency ladder) song song với việc thiết kế đường thoát hơi (ventilation shaft) thì các viên chức điều hành hãng mỏ đã cho phép thợ xuống sâu dưới đất để làm việc rồi.

Ngay sau khi con đường hầm chính bị xập, 33 người thợ đã leo dọc theo cái thang cấp cứu (emergency ladder / evacuation exit) cất bên cạnh đường ống thoát hơi (ventilation shaft). Nhưng họ chỉ leo lên được 1/3 đường thì hết đường đi lên bởi vì cái thang cấp cứu này làm chưa xong (chỉ mới có 1/3 đường dài được hoàn tất). Đây không phải là phép lạ... Trong vấn đề tiêu chuẩn an toàn hầm mỏ, chính phủ Chí Lợi chỉ kiểm soát cho chiếu lệ và sau đó để chủ hãng mỏ tùy tiện áp dụng thì tai họa xảy ra chỉ là vấn đề thời gian thôi.

### **3- Vài con số**

Sau đây để giúp quý vị ít theo dõi tin tức, có thể hiểu rõ hơn về tai nạn mỏ 69 ngày ở San Jose Chí Lợi, tôi xin thu góp vài con số mà tôi nghĩ tự nó (các con số) sẽ nói lên tất cả các vấn đề cần lưu tâm (The numbers will speak for themselves):

- Ngày 5 tháng 8 năm 2010, một đường hầm chính của mỏ đồng San Jose bị xập bít lối ra của 33 thợ mỏ đang làm việc 2000 ft dưới lòng đất.

- Ngày 6 tháng 8 năm 2010, Tổng thống Chí lợi Sebastian Pinera tuyên bố chính phủ của ông sẽ làm mọi cách để cứu 33 người thợ mỏ.
- Ngày 22 tháng 8, (tức là 17 ngày sau khi mỏ bị sụp) lần đầu tiên toán giải cứu (rescue team) liên lạc được với nhóm thợ mỏ bị kẹt qua lỗ thông hơi (ventilation duct).
- Ngày 23 tháng 8, đợt thức ăn và nước uống đầu tiên được chuyển đến thợ mỏ qua đường ống thông hơi (đường kính bằng cỡ đường kính của quả bưởi!) Nên biết thợ mỏ khi xuống ca chỉ mang theo thức ăn đủ cho 48 tiếng. Họ đã thu xếp sống với số lương thực này trong 17 ngày!
- Ngày 30 tháng 8, toán giải cứu bắt đầu khoan thử một lỗ (pilot hole) đường kính 30 centimét (12 inches) từ mặt đất nhắm vào chỗ tụ trung (shelter) của thợ mỏ ở dưới đất.
- Ngày 4 tháng 9, lỗ khoan thử chạm tới “shelter” của thợ mỏ.
- Ngày 18 tháng 9, bắt đầu khoan mở rộng cái “pilot hole” ra.
- Ngày 30 tháng 9, 29 gia đình của 33 thợ mỏ nộp đơn kiện hãng khai thác mỏ.
- Ngày 9 tháng 10, lỗ khoan chính (main rescue shaft) mở rộng tiến đến chỗ thợ mỏ tập trung.
- Ngày 13 tháng 10 năm 2010, người thợ mỏ đầu tiên được kéo ra khỏi mặt đất.
- Trong vòng 23 giờ, tất cả 33 thợ mỏ, lần lượt từng người một, được kéo từ lòng đất sâu 2041 ft (622 mét) lên mặt đất an toàn.
- Toán giải cứu dự đoán là đến lễ Giáng sinh (25/12/2010) mới đào

đến chỗ thợ mỏ tập trung - như vậy đã làm 73 ngày sớm hơn dự trù.

- Toán giải cứu dự đoán là phải mất ít nhất 48 tiếng đồng hồ thì họ mới kéo hết 33 người thợ lên; nhưng thực sự chỉ mất 22 tiếng 39 phút. – 25 giờ nhanh hơn dự định.

- Phải mất 22 phút để cái lồng (cage) cáp cứu đi từ mặt đất đến chỗ thợ mỏ và trở lại (22 minutes for one complete round trip). Sau mỗi chuyến, các dây cáp và bánh xe phải được kiểm soát lại tình trạng khả dụng và cho dầu mỡ trơn trước khi lồng cáp cứu lại được thả xuống, tiếp tục cứu người kế tiếp.

- Đường giếng giải cứu (rescue shaft) sâu 2041 ft (tức là 622 mét, dài hơn ½ kilômét).

- 33 thợ mỏ bị kẹt; và được kéo lên ngày 10/13/10 (cộng lại cũng là 33!)

- Người thợ già nhất là 63 tuổi; người thợ trẻ nhất là 19 tuổi.

- Lương tháng của mỗi thợ của mỏ vàng đồng này là \$1600.00

- Chi phí giải cứu tốn khoảng 20 triệu đô-la. Một phần ba do các nhà hảo tâm đóng góp, hai phần ba do công ty Codelco (của chính phủ) chủ mỏ bị xấp trả.

- Nếu 33 thợ mỏ bị kẹt như trường hợp này vào 25 năm trước thì chắc chắn 100% họ đều chết vì kỹ thuật của mũi khoan (drill heads) hôm nay tiến bộ rất xa. Mũi khoan và thợ khoan của toán giải cứu đều là của Hoa kỳ.

- Người cuối cùng, ông Luis Urzua, trưởng toán thợ, khi lên khỏi mặt đất đã nói là: “ ‘Ca’ làm việc vừa rồi của tôi kéo dài 70 ngày. Thật là một ‘ca’ khá dài.” Công ty Codeco có lẽ phải trả tiền giờ phụ trội (‘Overtime’) mệт nghỉ.

- Trong 33 người có 2 anh em ruột (Florencio Avalas và Renan Avalas).

- Lợi tức do việc khai mỏ trên toàn quốc Chí lợi đem lại 40% tổng sản lượng của quốc gia Chí lợi.

- Ngay sau khi hầm mỏ vàng đồng tại San Jose bị xập, chính phủ Chí lợi đã ra lệnh đóng cửa 18 mỏ kim khí khác đang hoạt động vì các điều kiện an toàn dưới tiêu chuẩn (tương tự như tình trạng tại mỏ San Jose!)

- Từ năm 2000, trung bình mỗi năm có 34 thợ mỏ ở Chí lợi thiệt mạng; riêng năm 2008 có 48 người bị thiệt mạng.

#### **4- Trông người lại nghĩ đến ta**

##### **- Người:**

Người cần phải nói nhiều nhất trong đám 33 người thợ mỏ là ông Luis Urzua 54 tuổi. Ông là người chỉ huy của toán thợ bị kẹt dưới đất trong suốt 69 ngày. Ông Urzura đã bình tĩnh và dùng sự khôn ngoan, tài chỉ huy của mình để dẫn dắt 32 sinh mạng đang tuyệt vọng trong bóng tối, đói khát, chật hẹp; đối mặt với tử thần trong sự đoàn kết và trật tự. Nên biết, toán thợ mỏ không liên lạc được với mặt đất trong suốt 17 ngày đầu; và rồi đương nhiên, với một tư cách lãnh đạo anh dũng như vậy, ông Luis Urzura là người cuối cùng được kéo lên mặt đất.

##### **- Ta:**

Chủ nghĩa cộng sản vô thần và các lãnh đạo ngu xuẩn như Stalin, Mao Trạch Đông, HCM, Pol pot, Kim Nhật Thành... đều coi sinh mạng con người như cỏ rác. CS đã giết tổng cộng trên 100 triệu người đồng chủng một cách không thương xót; thì chuyện CS bỏ

công ra cứu 33 nhân mạng phải là chuyện tề thiên đại thánh... không có trong cương lĩnh của đảng CS.

CSVN có thể sẵn sàng giết (“giết làm hơn tha làm”) trên 7000 người dân vô tội ở Huế, hàng trăm ngàn người qua vụ Cải Cách Ruộng Đất, bức tử và giết lầm mòn hàng trăm ngàn Quân Cán Chính miền Nam Việt Nam sau 1975 thì vấn đề phải cứu 33 nhân mạng không phải là vấn đề mà họ phải quan tâm.

CSVN sẵn sàng tiêu 4-5 tỉ đô la để phô trương những cái “nhất” của Hà nội, để được ghi vào sách kỷ lục thế giới (“The Guinness Book of World Records”); nhưng còn lâu lắm họ mới để ý đến đám dân đen của các vùng lũ lụt. May mắn lắm thì sau khi cả nhà phải đứng trên nóc nhà chờ được nhà nước cấp cứu; họ nhận được của Bác và đảng vài gói mì tôm ăn liền là quý hóa lắm rồi... Dưới chế độ CS, từ chuyện lớn đến chuyện nhỏ, người dân phải tự xoay sở, tự lo liệu lấy; đừng có mà trông vào chính phủ (như đồng chí Bí thư thành ủy Hà Nội Phạm Quang Nghị đã dạy dỗ dân Hà nội qua trận mưa lụt ngày 31 tháng 10 gây thiệt hại nặng nề về sinh mạng và tài sản tại Hà Nội). Dân cứ “vô tư” tự lo hạnh phúc và ấm no; nhà nước còn đang bận “diễu binh” cho lễ “Ngàn năm Thăng Long.” Đảng và nhà nước phải “diễu” 10 ngày mới xong!

Về phía phe ta VNCH, nhân dịp này cũng có nhiều chuyện để suy gẫm. Một số lớn các tư lệnh quân đội bỏ rơi lính bơ vơ giữa đàng rồi đem vợ con chạy trước. Tương tự, một số lớn các quan lớn chính phủ bỏ thuộc cấp ở các bộ, phủ, sở rồi cũng đem vợ con chạy trước... Nhìn cách ứng xử của trưởng toán Luis Urzura có lẽ họ (tôi muốn nói những cấp chỉ huy bỏ hàng ngũ chạy trước thuộc cấp) phải hổ thẹn. Nhưng không hiểu họ có biết “hổ thẹn” là gì hay không? Bây giờ lại nghe nhiều cựu tướng lãnh (đã nhanh chân) và cựu quan lớn chính phủ (mau lạnh cẳng) lập hội, đoàn, nhóm và tuyên bố, nhận định rất hăng say! Nói thì dễ, làm là chuyện khác... Lúc có đầy quyền lực và quân đội trong tay thì không làm ra chuyện... đến bây giờ hàng tháng đang chờ lãnh không thiếu một



check “social security benefit” nào của chính phủ Mỹ mà tính chuyện phục quốc? Nghe cũng như nghe kể chuyện vui...

***“Talking is always cheap!”***

**(Ngày 25 tháng 10 năm 2010)**



## Tiên sư BỐ!



*(Nguyễn Cao Kỳ trên truyền hình vi-xi nhân dịp 30 năm kết thúc chiến tranh Việt Nam - 30/4/2005)*

Ông Nguyễn Cao Kỳ (NCK) đã hui nhị tì từ ngày 23/7/2011 (trên hai tháng rồi còn gì!) vậy mà chuyện đi theo sau cái chết của ông loại “*chó chết hết chuyện*” vẫn chưa thể hết chuyện... Đã từ lâu lắm rồi, tôi không hề quan tâm đến chuyện ông NCK sống như thế nào; thì nay chuyện ông ta chết cũng y như chuyện ông ta sống vậy thôi; Nhưng vì lẽ “*cây muốn lặng mà gió không để yên.*” “*Phe nhà ta*” cứ liên tục thay phiên nhau quăng lên mạng (internet) những câu chuyện khá buồn cười, đánh bóng “*thành tích*” của ông NCK. Thật ra, chuyện “*phe nhà ta*” đánh bóng nhau (giới bình dân gọi là “*gấp mắmm cho nhau*”) kể cho cùng cũng chẳng có chết thằng tây nào! Nhưng oan trái là ở chỗ “*phe nhà ta*” lại nhân cái chuyện “*hui nhị tì*” và “*đánh bóng*” này quàng thêm những lời chửi xiên chửi

xéo cộng đồng tị nạn cs thì tôi thấy hơi “quá độ.” Tôi đã đọc liên tục 5-6 bài loại này (xin xem bảng liệt kê ở phần tham khảo). Mặc dù tôi không nói rành tiếng Đan Mạch (ĐM); thế mà bây giờ tôi đành phải tìm cách học thêm tiếng Đan Mạch để biết còn cách dùng ngôn ngữ đặc biệt này mà góp vài tiếng vào dòng dư luận chung; trước hết để “gọi là” (so called) tỏ tình thần “đoàn kết cộng đồng tị nạn cs” sau đó để giới thiệu vài mẫu “sự thật” mong “on trên” nhắn nhủ “phe nhà ta” bớt hung hăng con bọ xít...

Và lời chào tiếng Đan Mạch mở hàng cho bài viết này là:

***“Tiên sư Bố nó?!”***

Một mặt “phe nhà ta” cứ ra rả “*nghĩa tử là nghĩa tận;*” “*phải biết tha thứ,*” “*không nhốt mình trong tù đầy căn hận,*” (\*) trong khi mặt khác vợ cũ, con gái, con trai, con rể, và đám đàn em tà loọc... cứ thay phiên nhau chơi đòn “*sấm động nam bang*”: Liên tiếp thả bom thối nỏ rất to giữa đám đông trời sáng làm thối um cả trời đất chẳng giống con giáp nào; không còn nể mặt nể mũi ai? Các bài viết “nỗ sảng” có chung một công thức đánh bóng ông bố “Bú đà chai” (Buddha’s Child) tới bến - chỉ còn một tác nữa là tới trời... Nhưng “sự thật” cho thấy là chưa tới trời (chẳng đi đến đâu cả!) vì vẫn chỉ còn thiếu đúng một tác.

Bà vợ hơi cũ – vì ông NCK có bà vợ còn cũ hơn bà vợ cũ này! - người vợ mà bàn dân thiên hạ được biết là người đẹp “hoa soạn bên thêm cũ,” chính “người” này, không biết vô tình hay cố ý, đã mĩa mai binh chủng Không quân, dùng binh chủng oai hùng của QLVNCH như một cái “catwalk” biểu diễn thời trang qua các bộ đồ bay may thật chèn vào thân thể, khăn quàng cổ màu tím (?) hoa cà, mắt kiếng mát “à la mode” và giày da dạ hội. Bà ta đã ly dị ông NCK từ năm Ất Dậu nào (hu ke?), đã có lần bà tuyên bố tuyên mẹ những lời “*Điệp ơi Lan đã cắt đứt dây chuông,*” khá cặn tàu ráo máng như “*...chính tôi đã bỏ anh! Tim còn nặng trĩu giận hờn, thù nghịch,*” “*đã cảm thấy quá mệt mỏi; ngỡ ngàng đến thù hận*” hay “*giọt nước cuối cùng đã trào khỏi ly!...*” Lúc này bà ta lại đem cái

“máng” cũ đi rửa lại; đổ bớt nước trong cái ly cũ đầy nước ra và ca rỗng (?):

“Anh ơi anh đâu dzồi...’*Đã mát anh thật dzồi (!)*’ ”

Bà vợ hơi cũ đánh bóng ông chồng cũ thì chuyện đó, có thể vì thông lệ ngoại giao trước mặt công chúng, cũng không có gì lạ. Chẳng hạn như:

*“Anh Kỳ có lỗi riêng với tôi. Nhưng riêng về lý tưởng và lòng yêu nước của anh vẫn chiếm trọn sự ngưỡng mộ của tôi.”*

Tuy vậy, bà vợ hơi cũ cũng nhân cái dịp “hui nhị tì” của ông NCK, khai chuyện riêng tư là:

*“Tôi thật sự ao ước, có một lần nào đó, gặp lại anh và cho anh biết là tôi đã hết giận hờn.”*

Lý do bà khai như vậy chỉ tại vì thấy ông NCK lúc gần đây đã có những “thay đổi” làm bà thấy mát lòng mát dạ, nhưng lại làm cộng đồng người Việt tị nạn thấy rõ khuôn mặt thật của ông NCK sau bao nhiêu năm ông chịu khó “nín thở qua sông”:

*“...quay về bắt tay với người ngày xưa ở bên kia chiến tuyến, đã chĩa mũi súng vào anh...,” “anh đã chủ trương hòa giải,” “nên xin trả lại sự thật cho sự thật.”*

(Xin xem thêm về cái “sự thật của sự thật” của ông NCK sẽ đề cập ở phần dưới).

Cô con gái út “rượu” – cái tên do ông chồng “cũng hơi cũ” của cô đặt cho cô Nguyễn Cao Kỳ Duyên (KD) - KD có lẽ là người hăng tiết vọt và muốn ăn thua đủ nhất! Bởi vì, thứ nhất, cô KD là người có học (học luật?) và là một “em-xi” nổi tiếng có duyên (chưa nói đã cười!) Cô ta lại có một trang mạng cá nhân riêng (KyDuyen house) cho nên cô tha hồ “múa gậy vườn hoang.”

Trong “*Điều văn cho Bố*” mà cô đọc trước đám tang ở Mã lai ngày 27/7/2011, ngay sau khi nói vài lời ngoại giao cảm ơn mọi người, cô nhanh tay không bỏ lỡ cơ hội đánh bóng ông bố NCK:

“... *chúng con thấy rất hãnh diện về lý tưởng, về lòng yêu nước cũng như ‘tinh thần khởi bước hòa bình’ của bố.*”(?)

(Người viết sẽ viết thêm về cái vụ “*tinh thần khởi bước hòa bình của bố*” cũng ở phần dưới).

Cô KD đã nêu ra một vấn đề dễ gây tranh luận, chỉ nghe thôi đã thấy không ổn chút nào:

“*Bố đúng hay sai, sau này sử xanh sẽ phán xét.*”

Vào thời buổi “mì ăn liền,” “thức ăn nhanh” “drive thru services” này, thiên hạ đâu có hờn mà chờ đến “ngày sau, năm sau, sau này...” Hãy nghe chú Lưu Trọng Văn một văn công cs, con trai của bác “Tiếng thu” Lưu Trọng Lư, từng “giải bày” về cái vụ “*sau này*” là:

“... *thôi*

*Làm gì có trăm năm mà đợi*

*Làm gì có kiếp sau mà chờ...*”

(“Về thôi” – Lưu Trọng Văn)

Chưa kể với “cách mạng tin học,” tin tức được truyền đi rộng rãi khá chính xác và sự kiện được ghi lại bằng hình ảnh và âm thanh rất rõ ràng trắng đen không phải phí thời giờ võ đoán chi cả đến bàn dân thiên hạ chỉ trong một vài giây đồng hồ... “*Bố đúng hay sai?*” thì các “video clips” bố láo của bố đã cho câu trả lời nhãn tiền rồi còn gì nữa? Sử xanh nào (?) (ngoại trừ cái loại sử xanh “Lê Văn Tám” của cs) vào đây mà phán xét bố nó sau này?

Khoảng cuối tháng 8/2011, khi Thầy Thích Minh Mẫn của chùa Huệ quang (thuộc thành phố Westminster, Orange County,

California, USA) từ chối làm lễ giỗ 49 ngày cho ông NCK, thì cô KD cho báo chí biết là gia đình ông NCK đã in giấy mời với thời giờ và địa chỉ (chùa Huệ Quang) về buổi giỗ này đến quan khách rồi. Thầy Minh Mẫn cũng giải thích (và xác nhận) với nhật báo “Người Việt” như sau:

*“Lý do phải hủy bỏ lễ cầu siêu của bác Kỳ vì khóa tu học tại chùa trong dịp lễ Lao Động đã kéo dài tới hôm Thứ Hai. Sau đó thì các thầy cô phải trở lại trường học hoặc đi làm. Chùa không có đủ nhân sự để làm lễ cầu siêu và lo thức ăn chay cho 200 người.*

*Chúng tôi (Chùa Huệ Quang) đã đề nghị với anh Nguyễn Cao Đạt, con trai của ông Nguyễn Cao Kỳ, rằng nếu gia đình làm ở chùa Tây Lai hay mượn hội trường công cộng nào đó, thầy sẽ làm lễ cầu siêu cho bác Kỳ. Ngày nào cũng được, không nhất thiết là phải đúng 49 ngày. Nhưng cho đến nay, gia đình chưa cho biết gì về ý kiến này.”*

Thầy Minh Mẫn đã có “nhận lỗi” với cô KD:

*"Thầy không làm lễ cho ông cụ là Thầy thấy tự hổ thẹn với lương tâm lắm rồi... "*

Cô KD cho là, theo báo Người Việt, “*bỏ qua vấn đề chính trị,*” chùa đã nhận đặt cọc \$1000.00 từ gia đình cô, thì đây là chuyện vi phạm luật pháp:

*“...khi Thầy tự ý ‘cancel’ mà không có một lý do chính đáng (!) thì Thầy đã vi phạm luật gọi là ‘in breach of oral contract.’ ”*

Nếu cô KD bớt nóng giận, dừng lại ở lời nói này thì thật đẹp đẽ; có lẽ sẽ có không ít người chịu khó tạm “*bỏ qua vấn đề chính trị,*” đồng ý với cô KD là chùa “*có vấn đề*” vì đã không thi hành cái mà cô KD gọi là “*oral contract*”... Nhưng (chữ “*nhưng*” tai hại!) cô KD đã nổi dóa, “*cả giận mất khôn,*” hơi vội vã xô ra tiếp theo một lô các danh từ “*luật (?)*” khá cầu thả chứng tỏ rõ ràng cô KD là luật

sur không (hề) hành nghề luật sư đã lâu (!) Cô KD “*có cái cảm tưởng*” thật tài tình, phong phú, đầy vẻ sáng tạo như sau:

*“Không biết có Phật tử nào trong chùa (?) hay một thế lực nào đó (?) trong cộng đồng làm áp lực nên Thầy phải hủy bỏ. Tôi có cảm tưởng (!) như một ‘undercover mafia’.”*

Bá ngọ! Giá mà cô KD là luật sư (thiệt hôn?) mà nói vung vít với quan tòa là cô “*không biết*” rõ nhưng lại đưa ra “*cái cảm tưởng*” loại này thì cô và vụ kiện của cô chắc chắn sẽ ăn một bát kim chi no nê (nếu cô đưa chùa ra tòa). Luật sư của chùa sẽ “rebut” cái “*cảm tưởng*” kỳ lạ “*hearsay*” này và chùa sẽ thắng kiện dễ dàng... Đó là chưa kể là có thể sẽ có một số Phật tử “*fanatic*” (tôn giáo nào mà chẳng có một số không ít tín hữu loại “*quá tích cực*” này! Chẳng hạn, tín hữu hồi giáo còn dám đeo cả bom trong người giữa đám đông cho nổ banh càn mọi người chung quanh, có kể gì mạng sống của chính mình!) của chùa Huệ quang cảm thấy họ bị hạ nhục. Ai biết đâu nào? Họ có thể cũng sẽ liều mình bất chấp, “*bỏ qua vấn đề luật pháp*” đòi “*làm việc*” với cô cho ra trò thì kẻ cũng hơi phiền cho cô... Lớn cả rồi; chớ đại dột!

Vâng, thưa cô KD! Xin tạm “*bỏ qua vấn đề chính trị*,” và “*bỏ qua vấn đề luật pháp*,” người viết có một đề nghị nho nhỏ: Khi gửi thiệp mời, hay loan báo qua báo chí cho các buổi lễ sắp tới của gia đình cô (giỗ 100 ngày, giỗ đầu của bố cô chẳng hạn...) xin cô KD làm phước thêm một hàng nhỏ vào đầu đó trên thiệp mời một cái danh sách chữ nổi mạ vàng tên các quan chức của lãnh sự quán csvn, những người cũng được gia đình cô mời tham dự hôm đó, để một số người Việt quốc gia tị nạn cs thành tâm còn chút tình riêng với ông NCK biết trước mà tránh cái cảnh “*bẽ bàng*,” “*khó xử*,” “*lúng túng*,” “*ngỡ ngàng*...” như đã từng xảy ra trong lần lễ truy điệu ông NCK tại khu nghĩa trang Rose Hill, California ngày Chủ nhật 7/8/2011 nhe Cô...

Kế tiếp, đến lượt cậu ấm Nguyễn Cao Trí rõ thật là cao trí. Nhân ngày giỗ 49 ngày của bố “*Bú đà chai*” NCK (vào ngày 8/9/2011),



sau khi theo thông lệ sẵn có của gia đình Nguyễn-Cao, đánh bóng bóng như sau:

*“Bố đã tận tụy cả đời cho tổ quốc. Cho đến lúc chết bố vẫn còn trong sạch (?)”* (Chời đất! Thiệt hôn?)

Và:

*“Bố đã tận hết sức với mấy chục triệu người Việt và chúng con cũng hãnh diện là Bố đã làm như thế (?)”* (Hết biết!)

Nếu cậu Cao trí này cứ thong thả dùng bút *“un-point-final”* ở đây thì mọi người dầu sao cũng thông cảm cho vai trò con cái, lúc nào / con ai cũng vậy, cần phải biểu lộ sự kính trọng đối với đấng sinh thành; Nhưng (lại nhưng!) đảng này, cậu lại *“ngựa con háu đá”*; tính phóng một cú đá giòi vào chỗ vị trí nằm khoảng bên dưới thắt lưng cộng đồng tị nạn cs – một cộng đồng khá phức tạp xưa nay vốn dĩ không có nhiều thiện cảm cho lắm với ông bố NCK:

*“Thưa Bố, con thấy một số nhỏ người Việt ở đây ‘hèn hạ’ lắm Bố ơi (!)”* (OMG!?)

Chờ một chút (*“Wait a minute!”*) Cậu Cao trí có hiểu nghĩa của chữ “hèn” là gì không? Cậu hình như đã quên bẵng đi là “bố nó” đã công khai giữa ban ngày ban mặt đưa, đây ý nghĩa của chữ “hèn” này lên một đẳng cấp mới... Nếu lỡ cậu chưa có dịp, hay “không biết” thì xin cậu làm ơn mở xem lại cái “video clip” “sự thật” đã được thu hình từ lâu rồi mà bây giờ sau khi “bố nó đã đi dzôi,” chính quyền Hà nội (qua đài truyền hình vi-xi) vừa mới cho phát tán trên mạng:

<http://www.youtube.com/watch?v=3GzYOkgs-fw&feature=related>

Nếu phải che cái màn ảnh nhỏ TV đi, không xem hình mà chỉ nghe âm thanh thôi (phần audio) thì người nghe, nếu không lảng tai, sẽ

nghe thật đúng, thật rõ ràng các ngôn từ, bài bản mà chính quyền csvn vẫn ra rả chửi người Việt tị nạn cs ở ngoài nước; chứ có ai tin đó là lời nói của một ông cựu tướng lãnh QLVNCH, một ông cựu thủ tướng, một ông cựu phó tổng thống của chính phủ VNCH???

Ông NCK đã không thềm đấm sau lưng mà ông NCK đã ngang nhiên đấm vào ngay trước ngực những người dân, quân, cán chính đã hy sinh cả cuộc đời họ để ông được sống lâu thêm, lấy thêm vợ, có dịp về Việt Nam sửa bậy. Ông NCK tự bôi đen mặt mình, không hề ngượng mồm (mà lại còn làm mặt với giọng nói tỏ vẻ tức giận cho thêm “án tượng”!!!) Ông NCK gọi những người bị ông đấm (trước ngực) là “*một lũ côn đồ, một lũ phản quốc, hám danh hám lợi, lường gạt???*” rồi sau đó ông xin vi-xi cho phép cho ông được tham gia vào việc “*hòa giải dân tộc...*” Nhìn lại, cho đến khi ông hui nhị tì, ông NCK đã về Việt Nam hơn 7 năm; Ông NCK đã làm được những gì mà vợ con ông đã vội “đánh bóng” là: “... *đã chủ trương hòa giải, “tinh thần khởi bước hòa bình???”* chết tiệt của ông?

Nếu gọi ông NCK là “hèn” thì đây là một sỉ nhục lớn cho những người thật sự “hèn” vì ông còn “xuống cấp” thấp hơn cái cấp “hèn...” bình thường.

Sau chót, nhưng chưa phải là hết chuyện! Có anh chàng con rẻ luật sư hơi cũ Trịnh Hội (vì còn có anh con rẻ cũ hơn anh này nữa kìa – thiệt tình! gia đình ông NCK sao có nhiều đồ cũ quá há?) viết một bài “*trái lòng mình*” nhưng thực ra cũng lại để “đánh bóng” ông bố vợ cũ rất tuyệt với tựa đề là “*Bố Kỳ*.” Theo phong tục, người Việt thường xem rẻ là người ngoài, nhất là rẻ đã “legally” ra rìa rồi, có nghĩa là ngoài của bên ngoài? thì rẻ có nói trời nói đất về bên nhà vợ cũng khó lấy được sự thông cảm (credits) của nhà vợ cũ. Nên biết chính cái bài “*giải độc*” của anh chàng lục sự (typo?) này viết mà anh gọi là “*muốn viết đôi dòng cho những ai chưa hiểu về Bố!*” là “*giọt nước làm cho ly nước đầy*” của tôi (người viết) tràn... Anh Trịnh Hội đem “*4 năm làm con rẻ bố*” ra so sánh với trên 30-40 năm và một chục cái “video clips” mà dân tị nạn cs đã biết bố anh ta, rồi nói:

*“Tôi nghĩ đối với bất cứ trường hợp nào chính chúng ta phải sống và phải trải qua những kinh nghiệm của người mà chúng ta muốn phê phán, chúng ta phải bước qua những khổ đau của họ, phải biết khóc cười với thân phận của chính họ từ lúc họ mới ra đời cho đến ngày họ trưởng thành, thấy những gì chỉ có họ đã thấy, nghe những câu chuyện chỉ có họ được nghe, chỉ đến khi ấy tôi nghĩ họa chăng chúng ta mới có thể hiểu được tại sao và trong hoàn cảnh nào họ đã chọn con đường mà họ đã chọn, xử sự theo cách mà chỉ có họ mới có đủ thẩm quyền để quyết định cho riêng họ.*

*Còn không thì tất cả chỉ là đoán... mò.”* (Ậy! Láo lếu vừa vừa thôi cha nội lục sự!)

Muôn “spin,” giải độc, hay chữa lửa miễn phí thì cũng biết điều, biết người biết ta một tí. Tôi cũng “đoán mò” là lúc này anh Trịnh Hội đang thất nghiệp, có nhiều thời giờ rảnh thì thế nào chẳng có dịp xem mấy cái “video clips” của “Bố Kỳ?” Nếu có xem và nghe rồi thì nhìn lại bản thân anh... có lẽ anh Trịnh Hội cũng nhận ra phần nào chính anh là một trong những thành viên của cái “*lũ côn đồ, một lũ phản quốc, hám danh hám lợi, lờng gạt???*” mà ông Bố cũ đã gọi đám người tị nạn cs. Phần anh, anh cũng đã từng bị bàn dân tị nạn ác ý vin cho cái tội “hám” cái danh hão nhảy bàn độc mà phí đi cả một cái tương lai sán lạn cá nhân anh để lấy cô con gái út rượ đã có cái “resumé” hơi dài rồi.

Sau phần giải độc thì anh Trịnh Hội không quên đánh bóng ông Bố cũ một phát cho nó có vẻ thâm nhuần văn hóa nhà vợ (cũ):

*“... tôi thật sự khâm phục cái ‘Dũng’ (viết hoa) ở nơi bố. Đó là ông dám làm, dám nói.”* (Tuyệt chiêu!)

Thật buồn cười. “*Dám làm và dám nói*” chuyện phải thì mới khá... chứ nói bậy và làm bậy thì, như ông anh vợ cũ Cao trí đã nói ở trên rồi (*‘hèn hạ’ lắm Bố ơi!*) chữ “*Dũng*,” có vẻ hơi kẹt đạn...

Nói tóm lại qua hình ảnh và âm thanh sống thực đã được ghi lại, chúng ta thấy không còn có lý do gì an toàn để biện hộ cho ông NCK nữa. Ông ta chỉ là một người phản bội, hèn hạ, vô liêm sỉ, một thứ cặn bã của người Việt quốc gia chống cs. Già đầu cỡ này mà ông vẫn còn chẳng hiểu “*son mother*” gì ráo! Vẫn còn quá khờ khạo tin là ông có thể cảm hoá, có thể hòa giải được với cs. Ông có cần được ở “tù cải tạo” một thời gian để có thể khôn hơn không? Mẹ kiếp! Miền Nam có Tư lệnh Không quân. Thủ tướng, Phó tổng thống mà như vậy hèn chi đám dân đen miền Nam Việt Nam “*see mother*” gần hết ráo trời...

Riêng “phe nhà ta” thật sự còn nghĩ đến bố NCK thì chuyện đâu còn có đó, cứ thông thả để cho “bố” nó nằm yên trong “lọ tro cốt” đặt ở chùa Tây lai (Hsi Lai Temple), hằng ngày được nghe kinh tàu; đừng có đại mà lôi cái lọ (tro cốt) mà đánh bóng để người ta lại có dịp phải chửi ông thêm nữa có tội.

Cầu mong linh hồn ông NCK tiếp tục “bám trụ” chùa Tây lai cho đến ngàn thu; vì ở “*cuối trời thiên thang...*” nào đó đang có cái đám người mà ông đã gọi là “*một lũ côn đồ, một lũ phản quốc, hám danh hám lợi, lòng gạt...*” đã vắn số hơn ông; và những người quân cán chính VNCH đã bỏ mình ngoài mặt trận cũng như tại những nhà tù cs; những người đi tị nạn cs đã chết trên đường tìm tự do đang xếp hàng chờ ông từng giây từng phút để họ sẽ thay phiên nhau “làm việc” với ông ???

*Trên trời có... Tiên*  
*Ở chùa có ... sư*  
*Ở chùa (tàu) cũng có... Bố*  
*Ở đây chỉ có... nó!!!*

Thiện tai... thiện tai... Hay là cứ mặc kệ nó... cho đỡ đau đầu?

Cẩn cáo.

---

**Ghi chú:**

(\*) Những chữ in nghiêng trong ngoặc kép được trích “nguyên văn” từ các bài viết truy cập trên mạng.

---

**Tài liệu tham khảo:**

Qua các bài viết sau đây (đọc giả có thể tìm đọc thêm trên mạng – dùng “Google search” cái tựa bài):

- “*Đã mất anh thật rồi*” – Đặng Tuyết Mai.
- “*Điều Vãn của Nguyễn Cao Kỳ Duyên đọc cho Bố Nguyễn Cao Kỳ*” - Nguyễn Cao Kỳ Duyên.
- “*Kỳ Duyên phát biểu về việc chùa không cho làm giỗ 49 ngày tương Nguyễn Cao Kỳ*” – Nhật báo người Việt.
- “*Cửa Chùa Khép Kín*” – Nguyễn Cao Kỳ Duyên.
- “*Ngày sinh nhật của Bố`*” – Nguyễn Cao Trí.
- “*Bố Kỳ*” – Trịnh Hội.

**(Ngày 30 tháng 9 năm 2011)**



## Huy Chương Chì



Trong các cuộc tranh đua thể thao, người ta chỉ trao cho người thắng 3 loại huy chương: Vàng - hạng nhất, Bạc - hạng nhì, và Đồng - hạng ba... Kết thúc trận đấu mà đứng “hạng 4” thì phải về tay không; bởi vì chưa có ai nghĩ ra chuyện có nên làm thêm cái “huy chương Chì” (? hay Thau?) để trao cho người về “hạng 4...” Nhưng đây lại là cái huy chương bẽ bàng mà trên con đường kinh

tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa siêu việt, phái đoàn lực sĩ - vi-xi bây giờ gọi là “Vận Động Viên” - nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam vô địch tham dự Thế vận hội 2012 tại Luân đôn đã mang về cho Việt Nam.

Trong kỳ thế vận 2012 tại Luân Đôn lần này phái đoàn thể thao Việt Nam dẫn dắt bởi Tổng cục Thể dục Thể thao, trước khi khai mạc tranh tài, đã tự phá cái kỷ lục của chính họ (vi-xi gọi theo kiểu “chém gió” là “*đã làm lịch sử,*” hay là “*một bước tiến lịch sử*”) về số người đi tham dự: 56 thành viên trong đó có 18 lực sĩ - (nên biết thêm ở Sydney 2000 có 2 lực sĩ, Athens 2004 có 5 lực sĩ, và Bắc Kinh 2008 có 8 lực sĩ).

Ây! Xem cho kỹ lại con số người tham dự một chút:

*56 thành viên trong đó có 18 lực sĩ.*

Tức là một tập hợp mà *quan (38 người) nhiều hơn lính (18 người)*? Mỗi lực sĩ cần được 2 quan nhà nước kẹp hai bên nách cho yên tâm? Số quan gấp đôi số lính mà lại chỉ có 1 bác sĩ (BS Nguyễn Văn Phú)... “Đồng chí” Lâm Quang Thành, Phó tổng cục trưởng Tổng cục Thể dục Thể thao, Trưởng đoàn thể thao Việt Nam dự Thế vận hội 2012, giải thích ngon ơ theo kiểu “định hướng xhcn” là:

*“Tỉ số quan 2, lính 1 là ‘chuyện bình thường.’ Số người của ‘chúng ta’ đi lần này không phải là nhiều mà là ‘hợp ní,’ rất ‘cụ thể’ đã được Ban tổ chức (?) cho phép và quy định (?!)”*

Đ/c Lâm Quang Thành, còn khai thiết (rất hiếm khi!) là trong danh sách của phái đoàn Việt Nam được liệt kê, đã trình cho Ủy ban Thế vận 2012, có cả 3 cán bộ / công an nhà nước (với phận sự cũng đã được ghi rõ ràng trên danh sách tháp tùng phái đoàn này...) Má ơi! Sao “căng” quá vậy! Sau kỳ thế vận 2012 này mà nếu có được một (01) lực sĩ Việt Nam nào đó can đảm “trèo tường lửa,” liềm mạng vượt qua được khỏi hàng rào an ninh công an cs để xin tị nạn chính



trì thì xem ra công việc “vượt rào” này còn khó hơn là đoạt huy chương Vàng thế vận... Thiệt tình!

Nên biết thêm, các khoản tiền (hứa?) thưởng dành cho các lực sĩ, theo quy định của “nhà nước” và doanh nghiệp, là 1 tỉ đồng cho huy chương Vàng, 600 triệu đồng cho huy chương Bạc và 400 triệu đồng cho huy chương Đồng... còn cho “huy chương Chì” (cho hạng 4) thì vẫn là một ly nước lã cộng chút muối và ớt hiểm... Có lẽ đi cho đông để có mặt mà chia tiền!?

Sau đây là danh sách 18 lực sĩ Việt Nam tham dự 11 bộ môn khác nhau mà tôi chạy “Google search” gần muốn chết qua hơn 20 trang web mới ghi lại tạm đây đủ để trình đến quý vị:

1- Nguyễn Tiến Nhật: Đấu kiếm (Fencing).

2- Nguyễn Thị Ánh Viên: Bơi lội (Swimming).

3- Hoàng Xuân Vinh: Bắn súng (Shooting).

Lê Thị Hoàng Ngọc: Bắn súng.

4- Trần Lê Quốc Toàn: Cử tạ (Weightlifting).

Nguyễn Thị Thúy: Cử tạ.

5- Phan Thị Hà Thanh (trẻ nhất chưa tới 16 tuổi): Thể dục dụng cụ (Gymnastics).

Đỗ Thị Ngân Thương: Thể dục Dụng cụ.

Phạm Phước Hưng: Thể dục Dụng cụ.

6- Nguyễn Tiến Minh: Vũ cầu (Badminton).

7- Dương Thị Việt Anh: Điền kinh (Nhảy cao / High Jump).

Nguyễn Thị Thanh Phúc: Điền kinh (Đi bộ 20 Km / Walking).

8- Nguyễn Thị Lua: Đô vật (Wrestling).

9- Văn Ngọc Tú: Nhu đạo (Judo).

10- Chu Hoàng Diệu Linh (17 tuổi): Thái cực đạo (Taekwondo)  
Lê Huỳnh Châu: Thái cực đạo.

11 - Phạm Thị Thảo: Chèo thuyền (Rowing).  
Phạm Thị Hải: Chèo thuyền.

Hôm nay là ngày thứ 10 (6 tháng 8) của Thế vận hội mà tôi tìm đở hai con mắt qua khắp các các hệ thống truyền hình có sẵn (NBC, ESPN, Star Sport...) cũng không tài nào tìm ra xem “*bi giờ em (lực sĩ Việt Nam) ở đâu?*” “*em đang thi đua, tranh tài ra sao?*” Sau đó mới vỡ lẽ ra lý do là vào cuối ngày thứ hai của thế vận hội, tức là ngày Chủ nhật 29 tháng 7 năm 2012, ba phần tư (3/4) số lực sĩ Việt Nam đến tham dự thế vận hội 2012 đã bị loại ra ở vòng loại (*qualifier round*). Họ đã sẵn sàng “*âm thầm đóng lại hành lý*” đáp chuyến máy bay cho sớm sủa (kể cũng tiện, đỡ phải mất công chen lấn vào giờ tắt lửa thế vận) trở về nước. Các “*video clips*” mà tôi lục lọi tìm thấy trên “*Net*” (của lực sĩ Phan Thị Hà Thanh, Phạm Phước Hưng... chẳng hạn) chỉ thấy trên “*YouTube*” qua sự ghi lại một cách sơ sài vội vàng của các cá nhân khán giả người Việt may mắn có cơ hội dự xem cuộc tranh tài... Còn “*mainstream media*” thì hoàn toàn sỗ toẹt!

***Kết quả của cuối ngày thứ hai thế vận (Chủ nhật 28 tháng 7 2012) ghi lại bởi “dtinews” được tôi tóm lược lại như sau:***

- Giác mơ thế vận của võ sĩ Nhu đạo (Judo) Văn Ngọc Tú đột nhiên thành ác mộng sau trận tranh tài mở màn (*first fight*) với võ sĩ Sarah Menedez của Ba Tây. Văn Ngọc Tú ghi “0” (*zero*) điểm trong khi Menedez ghi được 2 điểm.

- Xạ thủ Hoàng Xuân Vinh lên trường bắn tranh đua tầm bắn 10m súng trường hơi Nam vòng loại. Hoàng Xuân Vinh bắn được tổng cộng 582 điểm xếp hạng 9 (thua Xạ thủ Nam Hàn Jin Jongoh – 588 điểm). Hoàng Xuân Vinh bị loại trong thể bắn tầm 10m này vì chỉ có 8 xạ thủ được vào vòng thi kế tiếp. Kế đến, ở tầm bắn 50m súng ngắn trong cùng ngày, Hoàng Xuân Vinh qua được vòng loại với 563 điểm; nhưng trong lần tranh chung kết ngày 5 tháng 8, Hoàng Xuân Vinh chỉ ghi được 658.5 điểm và xếp hàng 4 (huy chương Chì – chỉ thua có 0.1 điểm sau người xếp hạng 3 huy chương Đồng). Nên biết, trong 50m súng ngắn, Jin Jongoh Nam hàn ghi 662 điểm huy chương Vàng, Cho Young Rae cũng từ Nam hàn ghi 661.5 điểm huy chương Bạc, và Wang Zhiwei Trung cộng ghi 658.6 điểm huy chương Đồng.

Nữ Xạ thủ Lê Thị Hoàng Ngọc chỉ ghi được 379 điểm trong tầm bắn 10m súng trường hơi Nữ vòng loại và xếp hạng 21 trên số 49 tuyển thủ; cũng bị loại ngay vòng đầu.

- Trong đợt tranh đua vòng loại Thể dục dụng cụ (Gymnastic qualifier) Nữ, cả 2 tuyển thủ Việt Nam Đỗ Thị Ngân Thương và Phan Thị Hà Thanh đều bị loại ở ngay vòng đầu. Đỗ Thị Ngân Thương ghi được 11.466 điểm trên “Đòn so le” (Uneven bars) và 11.966 trên “Đòn dài” (Beam). Đỗ Thị Ngân Thương vì bị thương ở chân trong các cuộc tranh tài trước đây đành đứng hạng chót (thứ 80 trên số 80) trong số các tuyển thủ Nữ (?) Đồng thời, Phan Thị Hà Thanh ghi 13.533 môn “Nhào lộn trên ngựa” (Vault) và 12.466 điểm môn “Nhào lộn trên sàn phẳng” (Floor exercise). Cả hai đành chào tạm biệt cuộc tranh tài kế tiếp.

Ngay sau đó nam tuyển thủ môn Thể dục dụng cụ Phạm Phước Hưng cũng bị loại ngay ở vòng đầu.

- Môn cử tạ hạng “óc tiêu” (hạng 56kg) lực sĩ Trần Lê Quốc Toàn, người mà đoàn lực sĩ thể vận Việt Nam có hy vọng nhiều nhất (số 1) cho một huy chương thể vận lần này, chỉ nhắc (lifting) được

tổng cộng 293Kg (1kg thấp hơn bình thường của anh) và Trần Lê Quốc Toàn về hạng 4 (mang về thêm 1 “huy chương Chì” cho phái đoàn Việt Nam) sau Valentine Hristov Snezhev của Azerbaijan hạng 3 - huy chương Đồng, Wu Jinbao của Trung Cộng hạng 2 - huy chương Bạc, và Om Yun Chon của Bắc Hàn về hạng 1 - huy chương Vàng.

Cũng môn cử tạ hạng “hột tiêu” 53Kg Nữ, lực sĩ Nguyễn Thị Thúy không đạt tới trọng lượng 200Kg (chỉ nhắc được tổng thể 195Kg). Nguyễn Thị Thúy xếp được hạng thứ 8 trên 18 tuyển thủ ở cuối trận tranh tài môn cử tạ hạng “hột tiêu” này, và bị loại.

### ***Ngày tranh đua đầu tiên (thứ Bảy 28 tháng 7 năm 2012):***

- Lực sĩ Nguyễn Thị Ánh Viên trong môn bơi thể loại 400m tự do (*free style*) ghi được 4:50:32 và bị loại trong tầm bơi này vì các lực sĩ Mexico, Phần lan và Pakistan ghi từ 4:31 đến 4:42. Nguyễn Thị Ánh Viên còn một cuộc đua 200m Bơi nhái (Breaststroke) vào ngày 2 tháng 8; nhưng rất tiếc tôi không tìm thấy một kết quả khả dĩ nào (ở các vòng bán kết) được ghi lại sau ngày 2 tháng 8 về “*siêu kinh ngư*” (như báo “lề phải” nước ta đặt tên cho lực sĩ này) Nguyễn Thị Ánh Viên.

- Cầu thủ Vũ cầu Nguyễn Tiến Minh, người có cái vinh dự cầm cờ (thủ kỳ) cho phái đoàn Việt Nam trong buổi “diễn binh” khai mạc thể vận hội 2012 Luân đôn), thắng Tan Yuhan của Bỉ ở vòng loại (tỉ số 21-17, 14-21 và 10-21)... Trong vòng thứ hai ngày 31 tháng 7, tay cầu Nguyễn Tiến Minh thua tuyển thủ Ấn độ Kashyap Parupalli với tỉ số rất cách biệt trong hai “sets” (tỉ số 21-9 và 21-14).

- Môn “Chèo thuyền cặp đôi Nữ loại nhẹ” (*Women’s Lightweight Double Sculls*), hai tay chèo Nữ Phạm Thị Hải và Phạm Thị Thảo chèo về hạng chót (7:50:06) ở vòng loại và dĩ nhiên bị loại.

- Riêng chỉ còn môn Thái cực đạo (Taekwondo) và Đô vật (Wrestling) đã được sắp xếp tranh đua trẻ trong tuần thứ 2 cho nên phái đoàn Việt Nam còn có vài lực sĩ phải ở lại thêm vài ngày tại Luân Đôn để chờ... bị loại. Còn lại đa số lực sĩ Việt Nam kể như đã xong phận sự khi quen thuộc với hai chữ ngắn “bị loại” (was eliminated / was ended). Có một số lực sĩ Việt Nam đã về đến Sài Gòn (Văn Ngọc Tú, Trần Lê Quốc Toàn và Đỗ thị Ngân Thương)...

### *Lời cuối*

Nếu tự bào chữa là các quốc gia như Mỹ, Trung cộng... có nhiều người (dân số đông) cho nên họ tìm ra nhiều người tài giỏi trong thể thao thì nghe cũng không ổn chút nào!? Việt Nam là một nước lớn ở Đông Nam Á kể cả về diện tích (330 ngàn cây sông vuông) và dân số (Wikipedia mới nhất ghi 91.5 triệu dân); vả lại các lãnh đạo csvn với kiến thức nông cạn vẫn huênh hoang, vẫn luôn mồm tự phụ “một tấc nữa tới trời,” “phá các kỷ lục trời ơi đất hỡi,” tự cho mình là “... vô địch, không có một thế lực phản động nào dám đe dọa (!?)” Nhưng qua kỳ Olympic 2012 này nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam trên sân chơi quốc tế không mang về nổi 1 huy chương thật (không phải “huy chương Chi”) thì tất cả các thực tế rõ như ban ngày đã nói lên cái thực chất bổ láo của chủ nghĩa cs với một chính sách giáo dục, huấn luyện đầy tính cách phô trương gian xảo, đi đường tắt, có nhiều lỗ thủng cần được vá lại - hoặc tốt hơn cho đất nước là đã đến lúc phải thay (eliminate) toàn thể cái lãnh đạo cs tã lót cũ kỹ đầy phân càng sớm càng tốt. Các nước lân bang lớn nhỏ của Việt Nam họ không cần một cuộc cách mạng dân tộc và chủ nghĩa cs chết tiệt đều hãnh diện mang về một số huy chương như:

*Thái lan: Boxing (1 vàng 1 Bạc); Taekwondo (1 Bạc); Mã lai: Võ cầu (1 Bạc); Nam Dương: Cử tạ (1Bạc, 1 Đồng); Thậm chí hai*

*nước bé tí là Singapore (chỉ có 5 triệu dân): Bóng bán (1 Đồng); Hồng Kông (7 triệu dân): Đua xe đạp (1 Đồng).*

Các anh lãnh đạo, cán bộ cs vẫn còn cố giải thích qua thành tích hai cái vé “hạng 4” này là “*các em (“Vận Động Viên”) đến Thế vận hội là để học hỏi (?)*” Trời đất! Chỉ csvn mới có những cái giải thích nghịch lý trơ trẽn, loại sĩ nhục thông minh con người như vậy. Thừa các đồng chí. Lực sĩ thể giới đến thế vận hội để tranh giải; không phải để học hỏi... Học hỏi là chuyện ở nhà, chuyện về lâu về dài... Bây giờ (ngày thứ 10) báo chí “lề phải” tường trình về thế vận 2012 Luân Đôn chỉ còn vớt vát lấy lệ kiểu “*thấy người sang bắt quàng làm họ*” một số thành quả của người Việt hải ngoại đã hãnh diện đoạt một số huy chương cao quý cho quốc gia tạm dung (nhưng đã cố tình không kèm theo cái lý lịch tị nạn cs của họ), Chẳng hạn như Marcel Nguyễn của Đức quốc được huy chương Bạc môn Thể dục dụng cụ (nên biết, Mẹ của Marcel Nguyễn tên Heidi người Đức, và Bố của Marcel Nguyễn là ông Nguyễn Văn Lạc, cựu học sinh trường Trung học Nguyễn Trãi Sài Gòn, một sinh viên du học của VNCH, trước ngày các bác vô đây, 1975) – Báo “lề phải” vi-xi phía trắng tron Marcel Nguyễn là con của một phụ nữ Việt đi xuất cảng lao động ở Đức (? Xạo hết chỗ nói; Thầy phải chạy luôn!).

Tóm lại người dân Việt nào, dù bất cứ đang sống ở đâu, đều nhận thấy các lực sĩ Việt Nam thật sự là những thành phần ưu tú của đất nước. Họ đã làm hết sức, đã đem hết khả năng, tâm trí của họ ra cho các cuộc tranh tài y như một giống cây tốt cố gắng vươn lên từ một cái ly nhựa (foam) cs. Có cố sức lắm thì cũng cao hơn cái ly nhựa (foam) một chút là cùng, không thể hơn được. Tất cả kỳ vọng của kỳ thế vận hội 2012 này dừng chân ở hai cái huy chương “hạng 4” bẽ bàng... Các lực sĩ đã sinh ra và lớn lên trong cái hoàn cảnh xã hội không hề đặt nặng vấn đề huấn luyện và giáo dục. Ở cái xã hội mà mơ ước lớn nhất của thanh thiếu niên tương lai của đất nước là khi lớn lên được làm... công an thì thi thế vận hội được “hạng 4” cũng là chuyện to tát lắm rồi... Csvn sau bao nhiêu năm theo đuổi chính sách “*trăm năm trồng người*” có một không hai

trên hành tinh, đã chỉ gieo, trông toàn hạt đặng thì làm sao mà mong gặt hái trái ngọt. Cộng sản có tin vào phép lạ hay không!?

Cứ mỗi 4 năm lại có một kỳ Thế Vận hội. Cứ 4 năm Việt Nam lại có dịp “học hỏi” thì kể ra cũng không có gì mà cần phải vội vàng.. Hãy xem csvn đang từ từ tiến từng bước lên xã hội chủ nghĩa vinh quang. Nhưng mà với cái thời cuộc toàn cầu thay đổi rất nhanh chóng hiện nay, không biết csvn (hay bản đồ nước Việt Nam) còn có mặt trên quả đất này trong kỳ thế vận kỳ tới vào năm 2016 tại thành phố Rio de Janeiro của Ba Tây (Brazil) hay không?

(còn tiếp...)

**Mùa Thế Vận Hội 2012 – Luân Đôn**

Ngày 6 tháng 8 năm 2012





# Tình Cha

*(Thư viết cho con)*



**Trần Văn Giang**

## Vai trò của người Cha trong gia đình

Với tình trạng ly dị và con rơi (trẻ con đẻ ngoài vòng hôn phối / out-of-wedlock) mỗi ngày mỗi ngày một gia tăng, quan niệm cổ truyền về giá trị gia đình (sự liên hệ vợ chồng, cha con, mẹ con...) thay đổi rất nhiều... thêm vào đó, vì tình trạng kinh tế triệt thoái, tỉ lệ mất việc cao cũng làm lung lay các truyền thống gia đình; làm thay đổi ý nghĩa của các tiêu chuẩn gương mẫu, hạnh phúc; làm vấn đề nuôi con gọi là “chu đáo, đến nơi đến chốn” trở nên một vấn đề xã hội đáng quan tâm... Áp lực xã hội này dường như đè nặng hơn trên người “chủ gia đình” – hay người cha trong gia đình.

Làm cha (không phải là linh mục!) trong thế kỷ 21 không còn dễ dàng như ông cha chúng ta ngày trước... Các bác trai không chỉ là người “lo kiếm cơm” cho gia đình mà con phải tích cực tham gia vào công việc nhà, việc nội trợ (rửa chén, giặt quần áo, lau nhà...) và nhất là săn sóc (cho con bú, thay tã, ru con ngủ...), dậy dỗ (đưa đón con đến trường, chỉ dạy con làm bài tập ở nhà...) con cái mà rất ít khi bà nội, bà ngoại các bác kể lại là ông nội, ông ngoại ngày trước phải thức dậy giữa đêm để thay tã, cho con bú sữa, hay ru con đang khóc... Tuy rằng còn có nhiều bác vẫn chưa cảm thấy “sẵn lòng” (willingly) tham gia các công việc mà xã hội của thế kỷ 21 đặt lại tiêu chuẩn, nhưng cũng phải công nhận các bác trai đã không ít thì nhiều gặp nhiều chuyện căng thẳng trong gia đình khi phải đương đầu với các vai trò, các nhiệm vụ mới.

Từ sau cuộc khủng hoảng kinh tế năm 1929, sự thay đổi của luật lao động căn cứ trên phái tính, và cuộc phát động phong trào giải phóng phụ nữ... phụ nữ bắt đầu gia nhập lực lượng công nhân, thợ thuyền, tham gia các vai trò quản lý, và trợ lý trong thị trường việc làm một cách rộng lớn; đàn ông bị đặt vào cái thế không thể tránh được là: “*phải chia sẻ trách nhiệm gia đình con cái với người phối ngẫu (vợ).*”

Không cần thiết phải dài dòng thêm, trách nhiệm người cha của gia đình rất lớn; nhưng trẻ con thực ra không đòi hỏi nhiều từ người

cha. Chúng chỉ mong được thấy mặt bố; muốn bố dành thêm một ít thời giờ với chúng; muốn bố là một người mà chúng ngưỡng mộ, muốn được đến gần bố. Bố lúc nào cũng muốn hãnh diện vì con cái nhưng trước hết nên nhớ là con cái cũng muốn được hãnh diện vì ông Bố của chúng nữa (!)

Việc dành thời giờ với con cái sẽ kết chặt cái “tình cha con” (bonding) mà gia đình có thể đang thiếu (hay không có?) Thay vì cố gắng đóng vai trò một ông bố đạo mạo khó tính, khắt khe, bắt lỗi bắt phải v.v.. hãy sống gần gũi các con, cho con cái thấy bố của chúng cũng chỉ là một con người bình thường có những cái hay cái tốt để học hỏi và (chỉ cho con) những cái không hay, cái xấu (hút thuốc, cờ bạc, nhậu nhẹt tán phét, nổ súng...) để con biết cách tránh, biết cách đối phó. Cả hai khía cạnh tốt xấu đều có ích lợi cho sự trưởng thành và cho tương lai ngày sau lớn lên của con... Cuộc đời bố sẽ từ từ biến thành một phần (rất lớn) cuộc đời con cái sau này.

Theo sự tự nhiên của trời đất, người mẹ có sẵn sự chăm sóc con cái chu đáo hơn người cha về mặt tình cảm và gọi là “tới nơi tới chốn...” Nhưng vai trò không thể thiếu của người cha là dạy cho con cái cách sinh tồn trong đời sống thật, đầy sợ hãi bất trắc và cam bẫy. Dưới mái ấm gia đình, người mẹ thường thiên về sự bảo vệ con cái chặt chẽ, đôi khi quá đáng. Tâm tâm của Mẹ cốt ý cho con tránh, không phải đụng chạm với những sai lầm và rủi ro... Sự kiện này vô hình chung làm giảm đi khả năng sinh tồn của con cái. Bố là người rất tốt góp mặt để lấp cái hố bất lợi này bằng cách chỉ cho các con làm sao biết sống hùng sống mạnh (và phải sống dai), mạnh giỏi với những sự thất vọng (chẳng hạn như không nhận được món quà giáng sinh, sinh nhật vừa ý...), những cái mà mình không thích, không bằng lòng, không vừa ý chút nào (thua một trò chơi, thua một trận đấu thể thao, thi rớt, thất tình...). Dạy cho con biết là: thua lần này nhưng chắc chắn sẽ làm tốt đẹp hơn (để thắng) trong lần tới, sắp đến.. Dạy cho con biết giá trị quý báu của những “bài học” thua cuộc, thất bại. Con cái không thể nào là những công dân tốt, hiền hách, làm nên đại sự (thi đậu bằng cấp cao là

chuyện rất tầm thường của trẻ con Á châu) nếu chúng không biết cách học sự thất bại của chính mình hay của người khác.

Cái ý tưởng “*winning is not just only thing; but it is everything!*” là một sự giáo dục một chiều nguy hiểm, một chương trình tự sát tập thể trong yên lặng...

Tôi không bao giờ muốn nói người mẹ không làm được chuyện dạy cách sinh tồn cho con; phải để công việc này cho bố... Nhưng bản chất phụ nữ là bác ái và dịu dàng hơn nam giới... Phụ nữ không muốn con cái phải đụng chạm các vấn đề khó xử, vấn đề thương tâm... Cái bản chất dịu hiền của Mẹ đôi khi có ảnh hưởng không hẳn là tốt đến con cái; làm con cái nghiêng về khuynh hướng tránh né hơn là can đảm đương đầu trực tiếp với thực tế lợi bất cập hại.

Riêng đối với con gái, hình ảnh, vai trò, và cách ứng xử của người cha sẽ mãi mãi là khuôn khổ, vóc dáng, kỳ vọng về người đàn ông trong suốt cuộc đời của đứa con gái sau này qua cách các bác trai đối xử với vợ mình, và phải kể thêm cả cách đối xử của bác với các phụ nữ khác mà các bác phải tiếp xúc hàng ngày... Hãy dừng lại một phút và nghĩ là: Bác muốn con gái bác sẽ lấy người chồng như thế nào? Nếu bác sử xử như một kẻ vũ phu, ích kỷ, vô tình thì, cơ hội rất lớn, con gái bác sẽ gặp và yêu một người y hệt như bác vậy!!! Bác là người duy nhất phải chịu trách nhiệm về sự “không may” này... Theo tôi, “Số phận” chỉ là trả lời của một sự chạy tội tiện lợi thôi...

### **Vài lời cho con**

Đến mùa lá rụng này, Bố đã 62 tuổi, đầu hai thứ tóc, có lẽ muối nhiều hơn tiêu, và sức khỏe bắt đầu có nhiều vấn đề đáng quan tâm... Với cái chặng đường “*em ơi, 62 năm cuộc đời,*” Bố cũng đã trải qua khá đầy đủ các cay đắng, tiêu trưởng của cuộc đời... Hôm

nay là “Ngày của Cha,” (“Father’s Day”) Bố lần đầu tiên viết riêng cho con một vài hàng để con luôn luôn nhớ là:

*Bố rất hãnh diện vì con.*

*Bố luôn luôn nghĩ đến con.*

*Bố muốn nắm thật chặt bàn tay của con.*

*Bố luôn luôn nhớ con dù cho bố đang ở đâu.*

*Bố chỉ muốn ôm con vào lòng.*

*Bố muốn luôn luôn được ở bên cạnh để che chở con.*

*Bố muốn con lúc nào cũng vui vẻ hồn nhiên.*

*Bố sẽ sẵn sàng làm mọi chuyện và đi bất cứ đâu để con được hạnh phúc, vui sướng.*

*Bố không bao giờ muốn con phải lâm vào những hoàn cảnh khó khăn, khó xử vì bất cứ lý do gì.*

*Bố muốn mọi chuyện khó khăn của con rồi sẽ cuối cùng trở nên xuôn xẻ tốt đẹp.*

*Bố biết là con thích ăn “donuts.” Bố sẽ ăn phần ở giữa cái “donut” để dành cho con ăn phần bên ngoài.*

*Bố muốn chia sẻ những mơ ước lớn cũng như bé của con.*

*Bố luôn luôn tin tưởng và đặt hết niềm tin vào khả năng cũng như tư cách của con.*

*Bố luôn luôn thương yêu con vì một lý do đơn giản: con là con của Bố.*

*Bố mong sao sau này con lớn lên, con sẽ gặp được người bạn tri kỷ, bạn đời cũng thương yêu quý mến con như Bố thương yêu quý mến con.*

*Bố không muốn con phải khóc khi đọc những giòng chữ này vì bố còn lại một ít nước mắt, và Bố đã khóc hộ cho con rồi.*

.. và sau cùng:

*“Dưới bầu trời bao la này, bố chỉ là một con người nhỏ bé... nhưng đối với con bố sẽ cố gắng giang hai tay thật rộng thành cả một bầu trời chung quanh con...”*

---

## Phần đọc thêm:

### Câu chuyện người cha nông dân

Người nông dân đó tên là Flemming, một nông dân nghèo ở Anh quốc.

Khi ông Flemming đang làm việc ngoài đồng để nuôi gia đình thì ông nghe những tiếng kêu cứu thất thanh của một đứa trẻ phát ra từ một cái đầm bùn (“bog”) ở gần đó. Ông Flemming vội buông cái cuốc trong tay, chạy nhanh tới cái đầm bùn thì thấy một cậu bé với khuôn mặt đầy sợ hãi, đang bị lún bùn đến ngang thắt lưng. Cậu bé vừa kêu cứu, vừa vùng vẫy để cố thoát ra vũng bùn lún một cách tuyệt vọng. Hôm đó, nếu không có nông dân Flemming giải cứu thì chắc chắn cậu bé sẽ chết lún, chôn vùi giữa vũng bùn... qua một cái thật chết chập và rùng rợn...

Hôm sau, có một cỗ xe ngựa sang trọng dừng trước căn nhà tồi tàn, ọp ẹp của nông dân Flemming. Một nhà quý tộc xuống xe, đến gõ cửa xin gặp nông dân Flemming và tự giới thiệu ông ta là cha của đứa trẻ mà nông dân Flemming đã cứu sống ngày hôm qua.

*“Tôi muốn trả ơn bác. Cái ơn mà bác đã cứu mạng sống của con trai tôi ngày hôm qua.”*

Nông dân Flemming phân trần:

*“Không. Không. Tôi không thể nhận bất cứ món quà gì của ngài. Vì đây chỉ là chuyện tôi, hay bất cứ một người cha nào khác phải làm thôi...”*

Ngay lúc đó, cậu con trai của nông dân Flemming lò dò bước từ phía bên trong nhà đi ra.

“*Đó có phải là con trai của bác không?*” Nhà quý tộc kia hỏi nông dân Flemming.

Nông dân Flemming trả lời một cách hãnh diện:

“*Thưa ngài đúng như vậy. Đây là đứa con trai duy nhất của tôi*”

Nhà quý tộc liền đề nghị:

“*Thôi thì thế này: Xin bác nhận lời cho tôi được phép giúp cậu con trai của bác được đi học và học ở các trường học tốt nhất nước Anh. Tôi tin tưởng cháu trai là con một công dân tốt, khí khái như bác cũng sẽ phải là một người phi thường... cậu bé chắc chắn sẽ làm cho bác phải hài lòng.*”

Và nông dân Flemming bằng lòng.

Sau này, con trai của nông dân Flemming tốt nghiệp Bác sĩ y khoa từ trường St. Mary's Hospital Medical School ở Luân đôn, và trở thành một vị bác sĩ nổi tiếng toàn cầu. Đó là Bác sĩ Sir Alexander Flemming - người đã sáng chế ra thuốc trụ sinh Penicilline.

Những năm sau đó, nhà quý tộc bị bệnh thương hàn (pneumonia) rất nặng. Chính thuốc Penicilline đã lại cứu mạng sống của ông ta.

Nhưng mà nhà quý tộc mà chúng ta đang nói đây là ai vậy? Đó là Lord Randolph Churchill. Đứa con trai của ông ta bị lún bùn suýt chết ngày trước là Sir Winston Churchill, một vị Thủ tướng tài ba của Anh quốc trong thời Đế nhị thế chiến.

Như vậy, khi làm việc phải thì chúng ta không cần được mang ơn... Vì mọi chuyện sau đó sẽ đến một cách tốt đẹp.

“*Ngày của Cha*” sắp đến nơi rồi. Các bác trai hãy cùng tôi “nối vòng tay nhỏ” và làm ngày này là một ngày long trọng không thua kém gì ngày “Mother's Day.”

“Happy Father’s Day” tất cả các bác trai...

Thân mến,

*(Viết nhân ngày lễ Father’s Day 2011)*



## Mẹ tôi



*(Mẹ của tác giả – Circa 1954)*

“Mẹ” trong tiếng Việt là một chữ ngắn, đơn giản nhưng kỳ diệu.

Mẹ không riêng để chỉ một người đàn bà đã sinh ra chúng ta, cho chúng ta đời sống mà còn là những gì cao cả thiêng liêng mà thơ, văn, sách báo, phim ảnh... không thể nào diễn tả cho đầy đủ ý nghĩa.

Mẹ là tình cảm dạt dào, là sự hy sinh vô bờ bến cho các con qua bao ngày tháng. Con có thể quên đi thù hận, ân huệ, hạnh phúc, bất hạnh, đói khát... của cuộc đời; nhưng con không thể quên Mẹ. Bởi vì Mẹ là biểu tượng của gia đình, của tổ tiên giòng họ, của quê hương, của lịch sử, của dân tộc... là tất cả những gì quý giá nhất của con.

Mẹ là sự kiên nhẫn, là bài học của sự chịu đựng, của sự hy sinh.

Mẹ là nguồn an ủi khi con thất vọng, là sự nâng đỡ khi con vấp ngã, thất bại.

Mẹ luôn luôn xứng đáng là người được tôn trọng và biết ơn không phải chỉ trong ngày “Mother’s Day” mà cả 365 ngày một năm.

Con không hiểu tại sao Mẹ lại có nhiều nghị lực và tài quán xuyến để làm tất cả các vai trò, các công việc to tát cùng một lúc: Mẹ là vú em, là đầu bếp, là thầy giáo, là bác sĩ, là y tá, là cố vấn, là tài xế, là lao công dọn dẹp... Con chỉ cố gắng làm một công việc của Mẹ mà cũng cũng không xong? Mẹ chẳng những đã làm trọn bổn phận mà còn thu xếp được thời giờ để chơi đùa với con? Ngay cả khi con cần có sự giúp đỡ của Mẹ, con chỉ gọi là có Mẹ đến bên cạnh ngay lập tức!!!

Hôm nay, con đã lớn khôn rồi, có gia đình, có con cái, con nhìn lại thời thơ ấu thì con mới và hiểu được công lao, sự tận tụy hy sinh, tình thương bao la và... nước mắt của Mẹ; Con mới thấy rõ hình dáng bộ óc, trái tim, ý chí và tâm hồn... mà Mẹ đem ra hết để cho con trong những ngày tháng con lớn lên một cách vô tình. Mẹ đã cho con sức mạnh, sự bảo vệ cho đến khi con thực sự bước vào cuộc đời thật của con. Mẹ luôn luôn sẵn sàng thức trắng đêm đứng chờ con trước cửa để xoa dịu vết đau hay lau khô nước mắt của con khi cuộc đời đối xử không tốt đẹp với con của Mẹ.

Không có Mẹ, thì hiển nhiên không có con. Tình thương, sự săn sóc và hướng dẫn của Mẹ đã làm cho con thành một người như ngày hôm nay. Không có Mẹ, con đã đi lạc đường, đã đi dọ dẫm không mục đích giữa cuộc đời đầy chạm bầy... Mẹ đã chỉ cho con con đường phải đi tới. Không có Mẹ, trước mặt con chỉ là một khoảng không vô nghĩa; dù có cố gắng, con cũng không dễ gì tìm thấy hạnh phúc và sự bình yên.

Đôi khi con gặp sự khó khăn, con nhìn lại hình ảnh Mẹ, con thấy có sự nhiệm màu, sự an ủi, sự khuyến khích, sự tha thứ, sự khôn ngoan, sự can đảm... Những lúc có Mẹ còn sống ở ngay bên cạnh mà con vẫn cứ vô tâm không biết giá trị của một món quà vô giá thượng đế đã ban cho... Hôm nay không có mẹ, nhưng con vẫn biết là tình thương và sự che chở của Mẹ vẫn theo chân con cho đến hết con đường...

Con không muốn có người Mẹ nào khác hơn là Mẹ của con.

Cám ơn Mẹ.

Cám ơn sự nhiệm màu.

Cám ơn ngàn lần...

Mẹ mãi mãi là người Mẹ mà con vẫn hằng mong ước.

*(Viết nhân ngày lễ Mother's Day 2011)*



## Năm Thìn nói chuyện Rồng



*(Con Rồng Việt Nam)*

Dân Việt, cũng như các dân tộc chịu ảnh hưởng văn hóa Trung Hoa, xem Rồng (xin phép được viết “Rồng” với chữ hoa trong bài này) như một linh vật đứng đầu Tứ linh (Long, Lân, Quy, và Phượng) có quyền lực vô biên, được thờ phụng và kính trọng; trong khi văn hóa Tây phương lại xem Rồng như một quái vật dị hình có thể phun lửa và khói; hay là một ác thần sinh ra sấm chớp; chủ trương phá hoại hơn là xây dựng.

Từ xưa, qua lịch sử Á đông nói chung, con Rồng đã là biểu tượng của vương quyền, sức mạnh vô địch, sự thiện mỹ, lòng can đảm, sự thiêng liêng... Tất cả những câu chuyện, vật dụng, ngôi thứ có liên quan đến Rồng đều là chuyện cao cả, tốt đẹp và hạnh phúc. Rồng được tin là đem lại sự trường sinh, sung túc, ấm no và an vui cho mọi người. Rõ rệt, Rồng có ảnh hưởng rất lớn trong đời sống hàng ngày cũng như văn hóa dân Việt từ lúc lập quốc. Hình tượng Rồng được đặt, khắc, chạm một cách công phu và trang trọng trong các kiến trúc văn hóa, cung điện hoàng gia, nơi công cộng cũng như nơi trang nghiêm thờ phượng (bàn thờ gia tiên, đình, chùa, miếu...)

Hình dạng Rồng cũng là một đề tài lớn được bàn cãi. Theo huyền thoại, Rồng hình dạng giống một con rắn lớn có đầu to, chân ngắn và ngón chân có móng. Chúng ta thấy Rồng có (hoặc không có) sừng, Rồng có cánh, Rồng có vây, Rồng có râu, Rồng có móng, Rồng có đuôi... Rồng chân có 5 ngón (theo sách Trung Hoa) như đã được ghi chép:

*“Từ đời Hán Cao Tổ, con Rồng 5 móng là biểu tượng cho uy quyền nhà vua – thiên tử. Hình tượng Rồng có ở trên áo bào, ngai vàng và các vật khác. Hoàng tử, con trai trưởng kế vị ngai vàng cũng được sử dụng hình tượng Rồng 5 móng.”*

(“Mỹ thuật đình làng đồng bằng Bắc Bộ,” Tiến sĩ Nguyễn Văn Cung – NXB Văn hóa Thông tin, trang 216).

Trong khi Rồng Đại Hàn chân có 4 ngón; Rồng Nhật Bản chân có 3 ngón. Rồng Việt Nam, theo tôi tìm hiểu (?), là loại Rồng chân có 3 ngón như Rồng Nhật Bản... bởi vì hình Rồng Việt Nam (chân có 3 ngón) được thấy trạm khắc trên bệ tượng Phật A-di-đà chùa Phật Tích tại huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh (chùa này được công nhận là di tích lịch sử văn hóa cấp quốc gia; Theo tài liệu cổ thì chùa Phật Tích được khởi dựng vào năm Thái Bình thứ 4 - năm 1057 - thời nhà Lý); và Rồng gốm men trắng trang trí trên lan can tại Hoàng Thành Thăng Long (không rõ xuất xứ năm nào?) cũng có chân 3 ngón...

Về màu sắc: Rồng vàng, Rồng xanh, Rồng đỏ, Rồng đen, Rồng “multi-color” (bụng màu đỏ, lưng đen và màu xanh, hông màu vàng...) Việt Nam ta chuộng Rồng vàng (Golden Dragon) hơn cả.

Mặc dù không có cánh, nhưng người ta tin là Rồng bay được như trong cảnh, các bức tranh Rồng bay giữa trời và mây. Đôi khi, Rồng cũng được vẽ có cánh (“Phi Long”). Đây là một hình ảnh thiêng liêng mà chúng ta cũng thường thấy tiên, thiên thần... cũng có cánh.

### **Rồng trong phép Phong Thủy**

Rồng tượng trưng cho sức mạnh và sự thống trị (nam giới) được xếp đặt, được vẽ chung với Phượng tượng trưng cho sự thanh cao của phẩm cách, sự trang nhã của học vấn cũng có dáng vẻ ngang tàng, kiêu hãnh (nữ giới). Hình ảnh Rồng-Phượng (cặp song ca Long-Phụng) như một biểu hiệu của sự kết hợp hoàn mỹ, sự thịnh vượng và trường cửu mà mọi người hoài vọng. Riêng hình Rồng còn được vẽ (hay chạm) thành hai con (Rồng) quay đầu về hai hướng khác nhau tượng trưng cho sự trường sinh và theo đúng phép âm-dương (?)

Con Rồng còn đóng phần trong việc khảo sát nghiên cứu phương vị (vị trí) tốt xấu của dương trạch (nhà và đất) ảnh hưởng đến vận số của những người sống trong (hay chung quanh) căn nhà hay thửa đất nào đó.

Đứng trong nhà nhìn ra thì bên tay trái của căn nhà được gọi là “Con Rồng Xanh” (Thanh Long). Căn nhà hay cơ sở thương mại mà bên trái có đồi, cây cối hùng vĩ thì vượng về “Thanh Long.” Nếu “Thanh long” sụp lún, thấp lổm là tượng suy thoái. Phía Thanh Long có con sông hay dòng nước chảy bao ôm vòng thì rất tốt (phong thủy gọi là thế “Rồng quẫy nước”). Nếu dòng sông chảy lệch xa ra thì gia chủ khó hưng vượng về tiền tài. Ngoài dòng

nước, mảnh đất nơi phía Thanh Long (phía trái) mà bị hao mòn là tượng hao tán tiền bạc; suy yếu về sức khỏe; Phía Thanh Long của căn nhà nếu có chợ thì bất lợi cho người con trai trong nhà đó (?) Bàn học, bàn làm việc của con trai không nên đặt quay ra hướng (có chợ) này... Nếu phía trái căn nhà có một dãy cao ốc mà ở cuối dãy cao ốc này tự nhiên có một kiến trúc nhô cao lên (hình tượng đuôi Rồng nổi lên) thì các nhà Phong thủy cho là dấu hiệu báo trước sự kiện người con trai út trong gia đình sẽ phải liên lụy để vấn đề luật pháp, tranh tụng; phải cẩn thận.

Cũng nên biết, một số sách Phong thủy của các tác giả như Đoàn Văn Thông, Nguyễn Phúc Vĩnh Tung... có đề cập đến huy hiệu (“logo”) của trường Võ Bị Quốc Gia Đà Lạt (QLVNCH) ngày trước với hình con Rồng vàng và cây kiếm vàng (xem ảnh kèm).



*(Huy hiệu của trường VBQG)*

Nhìn trên hình vẽ thì huy hiệu này giống như một con Rồng bị thanh kiếm đâm xuyên qua đầu (?) (Xin lưu ý, nhận xét này có thể không chính xác! Còn tùy cách nhìn của mỗi người!) Nhưng theo họ nhận định thì do biểu tượng huy hiệu đó (con Rồng bị thanh kiếm đâm xuyên qua đầu) mà hầu hết (?) các sĩ quan thủ khoa xuất thân từ trường ra (trước năm 1975) tử trận rất sớm (?)...



(Xin mở “link” sau đây để đọc thêm chi tiết về các sĩ quan tốt nghiệp thủ khoa các khóa của trường Võ Bị Quốc Gia Đà Lạt: [http://nguyentin.tripod.com/tuonglanh\\_gocvobi-u.htm](http://nguyentin.tripod.com/tuonglanh_gocvobi-u.htm))

Tương tự, việc lựa chọn “logo” cũng có ảnh hưởng không nhỏ đến vận may của một công ty, một doanh nghiệp. Thiết kế “logo” ngoài việc lựa chọn dạng hình nên có hình tròn và đường cong thì an toàn hơn những thiết kế có những hình nhọn, sắc bén, nhiều góc cạnh; thiết kế còn có thể sử dụng hình ảnh các con thú (trong “logo”) để chỉ sự dũng cảm, sức mạnh, sự nhanh nhẹn và chính xác của chúng, và cũng để lợi dụng ý nghĩa Cát tường của chúng trong phép Phong Thủy. Trong đó, Rồng là con vật thường được người ta chuộng nhất trong khi chọn biểu tượng - do tư tưởng sùng bái Rồng của văn hóa Á Đông; vì Rồng tượng trưng cho uy quyền tột đỉnh như Vua chúa ngày xưa; vì Rồng là đứng đầu trong Tứ Linh; vì Rồng là biểu tượng hợp Thủy mà Thủy là tiền tài vậy, vì Rồng là một biểu tượng Cát lành trong Phong Thủy... Con Rồng nên thiết kế bay vút lên cao, giương nanh múa vuốt thể hiện cái nét “*Tiềm Long thăng thiên.*” Rồng bay tỏa sức vẫy vùng, thần uy hiển hiện, tượng cho tham vọng và sự thăng tiến của công ty, của doanh nghiệp. Không nên nhốt Rồng lại trong các hình dạng chật hẹp - hàm ý bị vây kín, bị cầm tù rất xấu theo thuật Phong Thủy; do Rồng thật vốn có tính linh động, cần không gian rộng mở để tự do bay lượn mà làm mưa tạt Phúc.

### **Con Rồng Việt Nam**

Con Rồng Việt Nam mang bản sắc riêng biệt Việt Nam, theo trí tưởng tượng riêng của người Việt không giống như Rồng Trung Hoa (và các quốc gia khác) trong các trang trí kiến trúc, điêu khắc và hội họa hình Rồng,

Các di tích về con Rồng Việt Nam còn lại khá ít do các biến động lịch sử qua thời gian và sự Hán hóa của từng triều đại phong kiến cho mãi đến nhà Nguyễn.

Từ thời xa xưa, người Việt thích sống quanh các vùng sông nước nên họ đã tôn sùng cá sấu như một con vật linh thiêng (vào thời kỳ này vùng đất người Việt sống còn rất nhiều cá sấu). Cá sấu tượng trưng cho sự trù phú và sức mạnh, người Việt đã thần thánh hóa loài cá sấu lên thành con “*Giao Long*” mà người Trung Hoa gọi sau này. Một cách thức tô điểm cho hình hài con cá sấu nhiều chi tiết tưởng tượng và cũng nhiều ý nghĩa hơn, rất có thể từ con *Giao Long* này mà người Trung Hoa đã tạo ra con *Rồng Trung Hoa* của họ.

Con *Rồng* tồn tại cùng tâm thức của người Việt suốt từ thời Văn Lang - Âu Lạc. Trong cả ngàn năm bị đô hộ bởi Trung Hoa, trong hoàn cảnh chung của chính sách Hán hóa, hình ảnh con *Rồng* Việt Nam phát triển ít nhiều theo các ảnh hưởng, các xu hướng giống với con *Rồng* của người Hán. Đến khi giành được độc lập, thời kỳ nhà Lý lên nắm quyền, đặt tên nước là Đại Việt (để sánh ngang với Đại Tống của Trung Hoa), Việt Nam đã có con *Rồng* cho riêng mình và khác với con *Rồng* Trung Hoa. Văn hóa (Đại Việt) nói chung, trong đó có mỹ thuật đã khẳng định được cấp bậc và tính độc lập trong nghệ thuật thể hiện của mình. Xuất hiện từ việc trang trí kinh thành cung điện lộng lẫy, chùa chiền đồ sộ..., con *Rồng* Việt Nam được tạo từ bản chất văn hóa dân tộc, kết hợp với yếu tố văn hóa Chăm và văn hóa Trung Hoa.

*Rồng* Việt Nam có những đặc trưng Việt Nam rõ ràng như sau:

**Thân *Rồng*** uốn hình “sin” 12 khúc, đại diện 12 tháng trong năm, biểu trưng cho sự thay đổi thời tiết năm tháng, sự trù phú và phồn vinh của nền văn hóa nông nghiệp lúa nước. Thân mềm mại uốn lượn thể hiện sự biến hóa và khả năng thay đổi, dịch chuyển thiên nhiên của con *Rồng* – một linh vật cai quản thời tiết, mùa màng. Trên lưng có vây nhỏ liền mạch và đều đặn.

**Đầu *Rồng*** là phần rất đặc biệt, hoàn toàn khác *Rồng* Trung Hoa. *Rồng* Việt Nam có bờm dài, râu cằm, không sừng (như *Rồng*

Trung Hoa). Mắt lồi to, hàm mở rộng có răng nanh ngất lên, đây là điểm hoàn toàn khác với các con Rồng khác của các nước. Đặc biệt là cái mào ở mũi, ngọn sóng đều đặn (có người gọi là “mào lửa”) chứ không phải là cái mũi thú như Rồng Trung Hoa. Lưỡi mảnh rất dài.

**Miệng Rồng** luôn ngậm viên châu (ngọc). Ở Nhật Bản, Hàn Quốc và Trung Hoa Rồng hay cầm, nắm ngọc bằng chân trước. Viên châu tượng trưng cho tính nhân văn, tri thức và lòng cao thượng. Đầu Rồng luôn hướng lên như đón lấy viên ngọc thể hiện tinh thần tôn trọng các giá trị nhân văn cao quý, theo đuổi sự uyên bác và tinh thần cao thượng.

Những điều đặc biệt, đã nêu ở trên, được đặt lên trên tất cả các giá trị khác kể cả sức mạnh và sự thống trị thường thấy của một con Rồng phương Đông. Toàn thân Rồng toát lên sự uyên chuyên và một sức đàn hồi rất lớn từ cái vượn chân dài, đầu ngẩng cao, dáng đầu rực lửa thể hiện cho khí thế hùng hực muốn tiến chinh phục các giá trị văn minh nhất của phương Đông cổ.

Rồng Việt Nam là một hình tượng hoàn hảo về mỹ thuật, có cá tính rõ ràng và đặc trưng cho dân tộc Việt. Tiếc rằng nó đã bị vùi lấp bởi sự sùng bái văn hóa Hán của các triều đại phong kiến cuối cùng và sự hủy diệt văn hóa đã xảy ra khi nhà Minh xâm lược Việt Nam.

*(theo wikipedia Việt ngữ)*

Về thời điểm, mốc lịch sử và ý tưởng của nhà điêu khắc gửi gắm qua các tác phẩm Rồng đá, có nhiều giả thuyết khác nhau. Song về thời điểm lịch sử qua hình tượng Rồng Việt Nam, sách đã từng chép như sau:

**Rồng thời Lý** “Mào, mũi và bờm là những thành phần cơ thể được cấu tạo rất sinh động, bằng những nét độc đáo và được mang theo một ý thức nhất định: Mào thoát ra từ môi đến đường sống quỵện với răng nanh, xoắn xuýt, rung rinh bốc lên như ngọn lửa; bờm ở

*sau gáy cuộn cuộn bốc lên nhiều đợt từ cổ họng, cùng với túm râu ở hàm dưới đều uốn lượn nhịp nhàng như làn sóng và bay lướt tựa lá cờ đuôi nheo được gió, mũi cấu tạo bằng những đường cong xếp chồng nhau nhấp nhô gây ra ấn tượng về nguồn nước...”*

**Rồng Thời Trần** “Thành phần cấu tạo của đầu Rồng không chặt chẽ như trước: Vảy dạng xoắn ốc đôi không thể vắng ở bất cứ con Rồng nào thời Lý, thì nay mất dần, bờm và râu kém nhịp nhàng, mào không linh lợi, dần mọc thêm cái tai và cặp sừng cùng kiểu với cái mũi biến dạng đều thuộc về loại thú bốn chân.”

**Rồng thời Lê** “Đầu to, bờm tóc thô dày, mũi lớn, nhiều sợi ria, tai thú, sừng vượn xoắn ốc rồi chẻ chạc, chân gân guốc xòe rộng các ngón.” Rồng thời Cảnh Hưng 1740-1786 (Nhà Hậu Lê – vua Lê Hiển Tông 1717-1786,) “Thể hiện yếu ớt, mảnh khảnh, đi vào công thức cân đối khô khan kết hợp với chạm nông, nên hình bẹt và cứng, lại bị biến dạng rắc rối. Râu Rồng thường bố trí đều đặn, đuôi cong xoắn lại hình xoáy ốc.” Có nhiều con Rồng thời Hậu Lê còn có dáng uể oải như đang buồn ngủ. Đó là dấu hiệu của thời đại vua nhà Lê bị chúa Trịnh đàn áp, tiếm hết quyền hành.

**Rồng thời Nguyễn** “Gượng gạo, ngơ ngác, chấp vá, vụn vặt, cố làm ra vẻ nghiêm chỉnh mà không đường hoàng được, bộ mặt trở thành góm ghiếc, đe dọa... thường xuất hiện với phượng, lân, rùa để hợp thành bộ “Tứ linh.”

(“Mỹ thuật Lý Trần – Mỹ thuật Phật giáo,” Chu Quang Chứ – NXB Mỹ thuật 2001, trang 307, 309, 310, 314, 315).

Như vậy, ở mỗi giai đoạn phát triển con Rồng có một tính cách riêng, phù hợp yêu cầu thời điểm lịch sử xã hội. Nó chính là thứ ngôn ngữ nghệ thuật tạo hình, giúp chúng ta nhận biết tương đối chính xác thời khắc ra đời của các công trình kiến trúc, điêu khắc, và hội họa được sáng tạo không ghi niên hiệu.

Con Rồng trong dân gian gắn với cội nguồn nòi giống “Con Rồng cháu tiên.” Dân Việt, theo truyền thuyết cũng như văn hóa, qua tất

cả các sử liệu được ghi chép lại, mặc dù có nhiều mâu thuẫn, đều khẳng định một cách vững vàng, đã tự xem mình là con cháu của giống Rồng (và Tiên!) và luôn luôn tự hào về sự liên hệ thiêng liêng mơ hồ khó giải thích này. Chẳng hạn:

Các bộ sử lâu đời nhất của nước ta nước ta còn lưu giữ được cho đến nay, (ngoại trừ “Đại Việt sử lược” tác giả khuyết danh, viết dưới thời nhà Trần - khoảng cuối thế kỷ 14), đều chép tương tự nhau về Kỷ Họ Hồng Bàng, Kinh Dương Vương và Lạc Long Quân, như “*Đại Việt sử ký toàn thư*” do Lê Văn Hưu, Phan Phu Tiên, và Ngô Sĩ Liên soạn thảo năm 1272 thời Trần, chép về Kinh Dương Vương như sau:

*"Xưa, cháu ba đời của Viêm Đế họ Thần Nông là Đế Minh sinh ra Đế Nghi, sau Đế Minh nhân đi tuần phương Nam, đến Ngũ Lĩnh lấy con gái Vụ Tiên, sinh ra vua... phong cho vua làm Kinh Dương Vương, cai quản phương Nam, gọi là nước Xích Quỷ... Vua lấy con gái Động Đình Quân tên là Thần Long sinh ra Lạc Long Quân."*  
 (“Đại Việt Sử ký Toàn thư,” phần Ngoại Kỳ, quyển I, tr. 3).

*"Lạc Long Quân tên húy là Sùng Lãm, con trai của Kim Dương Vương. Vua lấy con gái Đế Lai là Âu Cơ, sinh ra trăm con trai (tục truyền sinh ra trăm trứng) là tổ của Bách Việt. Một hôm vua bảo Âu Cơ rằng: Ta là giống rồng, nàng là giống Tiên, thủy hỏa khắc nhau, khó lòng đoàn tụ. Bèn từ biệt nhau, chia 50 con theo mẹ về núi, 50 con theo cha về miền Nam (có bản chép về Nam Hải). Phong con trưởng làm Hùng Vương nối ngôi vua..."*  
 (“Đại Việt Sử ký Toàn thư,” quyển I – NXB Văn học, tr. 63).

Trong các bộ sử cận đại cũng ghi lại chuyện “con Rồng cháu Tiên.” Như sử gia Phạm Văn Sơn viết:

*"Lạc Long Quân lấy Âu Cơ sinh ra một bọc có trăm trứng nở ra 100 con trai, nửa theo mẹ lên núi, nửa theo cha xuống bể Nam Hải, vì mẹ là giống Tiên, và cha là giống Rồng."*  
 (theo “Việt Sử Toàn Thư” tr. 38)

Rồng còn là sự che chở, bảo vệ; có khả năng vùng vẫy ngoài biển khơi, bay bổng lên thượng giới (thiên đàng), nằm cuộn trên mặt đất qua hình dáng của các dòng sông lớn (sông Cửu Long, sông Hồng), rặng núi dài. Dân Việt còn lập Miếu thờ Rồng dọc theo các con sông lớn nhỏ, mạch nước, bờ biển, vì vẫn tin là Rồng thuộc “đương” cai quản, làm chủ khí hậu và tất cả các nguồn nước chảy như sông, thác, biển; và các nguồn gió mạnh như bão (storms) “lốc” (tornado, twisters). Rồng liên quan đến nước, hàm chứa ý nghĩa của sự phồn thực, những mong mưa thuận gió hoà; Rồng phun nước tưới cho cây trồng tốt tươi, bởi cư dân nông nghiệp, đề cầu mong Rồng sẽ giúp dân về vấn đề thủy lợi cho mùa màng ngành canh tác hay ngăn cản gió bão cho nghề đánh cá ngoài biển. Nơi nào có Rồng che chở thì nơi đó được yên ổn làm ăn sinh sống.

Ý nghĩa xã hội của con Rồng trong dân gian dần dần mờ nhạt, khi mà ý thức hệ nho giáo phong kiến giữ địa vị độc tôn thì vua chúa lấy con Rồng làm biểu tượng uy nghiêm của ngôi báu, điều này được các sách chép, như sau:

*“Con Rồng truyền thống Việt Nam bị ức chế, phải tiếp nhận nhiều chi tiết ở Rồng Trung Hoa và lộ rõ tính tượng trưng cho uy quyền nhà vua.”* (“Mỹ thuật Lý Trần – Mỹ Thuật Phật giáo,” Chu Quang Chứ – NXB Mỹ Thuật, trang 309).

Các triều đại phong kiến Việt Nam không bao giờ cần phải e dè trong việc lạm dụng chữ Rồng (“Long”) qua mọi hoàn cảnh, hình thức liên quan đến vua chúa. Từ Long nhan (sắc diện vua, chữ ‘màu mè’ này còn được dùng để làm chữ tau vua thay cho chữ “Bệ hạ, Thánh thượng”), Long thể (mình, thể lực, sức khỏe của vua), Long bào (áo vua mặc), Long sàng (giường vua nằm), Long xa (xe vua đi)... Rất oái oăm, đôi khi vua cũng bị “tổ trác” về chuyện Rồng chẳng hạn như vào những năm mất mùa gặp hạn hán hay tai họa lớn vì mưa bão lụt thì dân bất mãn mất tín nhiệm vua (đôi khi dân nổi loạn, truất phế vua); vì cho rằng vua thiếu đức độ (?) cho nên thần “Rồng” nổi giận giáng họa cho dân tình... Trong mùa

hạn hán hay lụt lội, các chức sắc làng xã và đôi khi có cả sự tham dự của các quan triều đình do vua chỉ định tổ chức cúng bái, dâng tế lễ để cầu xin mưa, hoặc cầu xin hạ bớt bão lụt... Ngoài ra hàng năm, sau các vụ mùa (hay các lễ hội lớn) vua vẫn thường ra lệnh dân chúng phải cử hành các nghi lễ liên quan đến Rồng như: múa Rồng, đua thuyền Rồng, diễn hành / rước hình tượng Rồng... với chủ ý (dĩ đoan?) làm mọi cách cho Thần Rồng được hài lòng (?) và có như thế vua nhà ta được yên chí ngồi tại ngôi vị mà trị dân (!).

### **Còn người Tuổi Thìn (tuổi con Rồng) thì sao?**

Con Rồng là một chi thứ 5 của 12 con giáp. Con Rồng là một trong những con giáp hùng mạnh nhất.

May thay tuổi Rồng vị tha, thông minh, và bền bỉ. Biết chắc mình muốn gì và quyết tâm đạt cho bằng được.

Hơn thế nữa, tuổi Rồng tạo ảnh hưởng trên bạn bè dễ dàng và thường là trung tâm điểm gây chú ý trong những cuộc họp mặt giao tế. Như thế chưa đủ, tuổi Rồng lại đào hoa nữa chứ lì!

Bạn bè lúc nào cũng chú tâm lắng nghe theo Tuổi này xúi giục và khi tới lúc cho ý kiến, tuổi Rồng nắm phần chủ thắng.

Rồng thì lúc nào cũng mô tả lớn hơn sự thật.

Tuổi Rồng kiêu hãnh bao nhiêu thì lại xuất sắc bấy nhiêu về mặt khởi công cũng như đốc thúc cho công việc được trôi chảy.

Tuổi Rồng nghĩ rằng mình sinh ra là để dẫn đầu!

Cả đời cũng không nghèo, nếu không muốn nói là khá giả hơn người, mặc dầu chẳng bao giờ. Tuổi này bị mãnh lực đồng tiền kích động.

Tuổi Rồng thà ôm súng bắn không đạn chớ không chịu buông súng. Nói vậy có nghĩa là tuổi Rồng biết lợi dụng thời cơ, luôn luôn tìm cách củng cố sức mạnh đáng kể của mình.

Dũng mãnh như vậy cho nên khi lâm cảnh bực bội thua thiệt, tuổi này vẫn vững vãi không biết chịu thua là gì.

Có vấn đề? Cần câu trả lời? Cứ hỏi người tuổi Rồng! Thật ra Tuổi này chỉ muốn có một vai trò: lãnh đạo, làm vua, ra lệnh (thiệt tình!)

Họ là người có tài lãnh đạo thật sự, tự biết mình phải làm gì để được ngồi cao hơn hết.

Qua mặt tuổi Rồng thì không nên làm - Coi chừng bị phun lửa phỏng da!

Lời khuyên cho tuổi Rồng:

*“Khôn ngoan là nên hấp thu những nguyên tắc về tùy thời, cảm thông và tha thứ. Cao hơn, mạnh hơn, tưởng như được người trọng nể, nhưng cũng khiến Tuổi này sống một cuộc sống không trọn vẹn.”*

*Nếu như tuổi Rồng biết cân bằng giữa ước vọng thành công và biết tán thưởng chuyện nhỏ nhặt, họ sẽ sống một cuộc sống đáng sống hơn.”*

**Tam Hạp:** Tuổi Rồng hạp với tuổi Tí (con Chuột) và tuổi Thân (con Khỉ).

**Tứ Xung:** Tuổi Rồng khắc / kỵ tuổi Sửu (con Trâu), tuổi Mùi (con Dê) và tuổi Tuất (con Chó).

Tóm lại, người nào sinh vào năm Thìn có đầy đủ các cá tính nổi bật của con Rồng như: có sức khỏe, giàu có, trường thọ; và tự tin



vào khả năng của mình (đôi khi không chịu nghe ý kiến của người khác), tự đặt tiêu chuẩn thành đạt cho chính mình, bất khuất không chịu thua dễ dàng, cố gắng một mình vượt qua tất cả các trở ngại để đi đến thành công.

*(theo Quý Cốc tiên sinh).*

---

**Tham khảo:**

- “Con Rồng Việt Nam” theo Wikipedia chữ Việt.
- “Con Rồng Việt Nam qua tác phẩm điêu khắc nghệ thuật ‘Ông Rồng,’” Nguyễn Thượng Luyện.

**Xuân Nhâm Thìn - 2012**



# Chân dung người phụ nữ Việt Nam qua lịch sử



*(Hiện nội Võ Thị Bích Hạnh)*

Người phụ nữ và sắc đẹp là đề tài vô tận của văn thi nhạc sĩ, sử gia; của mọi thời đại, mọi dòng lịch sử... Nhiều phụ nữ (có cả đẹp lẫn xấu theo nghĩa đen lẫn nghĩa bóng) đã là nguyên do của các cuộc tranh giành, trao chuyển quyền lực chính trị ở tầm quốc gia cũng như các cuộc chiến tranh giữa các gia đình, phe phái, triều đại một cách tàn bạo đẫm máu; Nhưng cũng có nhiều phụ nữ đã hy

sinh hạnh phúc hay sinh mạng của cá nhân mình để đem ra đánh đổi lấy hòa bình cho dân tộc, để bảo vệ sự tồn vong quốc gia; để đóng góp lớn lao cho sự xây dựng mở rộng bờ cõi, hay đã đóng góp vào kho tàng văn hóa; đã nêu cao các gương đức hạnh cho dân tộc...

Sau đây người viết xin được ghi lại một số phụ nữ qua dòng lịch sử Việt Nam để chúng ta thấy và cùng nhau suy gẫm các gương oanh liệt, các đóng góp tài hoa về thi phú và đức công dung ngôn hạnh; cũng như gây ra những tai họa thê lương cho đất nước qua các triều đại phong kiến: các bà Hoàng dùng sắc đẹp của mình để khuynh loát triều chính của các vị vua, chúa yếu long hào sắc trong các hoàn cảnh ép vua phế con trưởng, lập con thứ; hoặc tư thông, lấy ông này bỏ ông kia rồi ra gây họa cho đất nước.

## **A- Nữ anh hùng, liệt nữ dân tộc**

### **1- Có công cứu nước**

#### **1.1- Hai Bà Trưng**

Hai Bà Trưng (mất ngày mùng 6 tháng 2 năm Quý Mão 43) là tên gọi chung của Trưng Trắc (chữ Hán: 徵側) và Trưng Nhị (徵貳), hai chị em - nhiều tài liệu nói là hai bà là chị em sinh đôi (?) - là anh hùng dân tộc Việt Nam. Hai Bà Trưng khởi binh chống lại quân Hán, lập ra một quốc gia đặt kinh đô tại Mê Linh và tự phong là Nữ vương. Sau khi cuộc khởi nghĩa này bị quân Hán dưới sự chỉ huy của Mã Viện đánh bại, tục truyền rằng vì không muốn chịu khuất phục, hai Bà đã nhảy xuống sông tự tử. Đại Việt Sử ký Toàn thư coi Trưng Trắc là một vị vua trong lịch sử Việt Nam.

#### **Sự nghiệp**

Thi Sách, chồng Bà Trưng trắc, là một Lạc tướng Mê Linh có ý chống lại sự cai trị tàn bạo của Thái thú Tô Định. Tô Định bèn bắt giết Thi Sách để trấn áp tinh thần người Việt.

Tháng 2, năm Canh Tý (năm 40), vì thù chồng và bất mãn pháp luật trói buộc của Tô Định, Trưng Trắc cùng với em gái là Trưng Nhị nổi binh đánh Tô Định. Tô Định chạy về nước. Các quận Nam Hải, Cửu Chân, Nhật Nam, Hợp Phố đều hưởng ứng. Hai bà lấy được 65 thành ở Lĩnh Nam. Trưng Trắc tự lập làm vua, xưng là Trưng Nữ Vương.

Ngày 30 tháng 2 năm Tân Sửu (năm 41), nhà Hán thấy bà xưng vương dấy quân đánh lấy các thành ấp các quận biên thù, phong cho Mã Viện làm Phục Ba tướng quân, Phù Lạc hầu Lưu Long làm phó đem quân từ các quận Trường Sa, Hợp Phố và Giao Châu sang xâm lược nước ta (Giao chỉ).

### **Chi tiết chiến tranh chống nhà Hán của Hai Bà Trưng**

Tháng Giêng năm Nhâm Dần (năm 42), Mã Viện tiến theo đường ven biển, san núi làm đường hơn nghìn dặm, đến Lãng Bạc (ở phía tây Tây Nhai của La Thành) đánh quân Hai bà. Quân Nam bấy giờ ô hợp, rất nhiều thủ lĩnh không phục hai vua là đàn bà, lớp tan rã, lớp tự ly khai. Hai bà thấy thế giặc mạnh lắm, không chống nổi, bèn lui quân về giữ Cẩm Khê (sử chép là Kim Khê).

Năm Quý Mão (năm 43), Hai Bà Trưng chống cự lại với quân nhà Hán, thế cô bị thua, đều tử trận tại xã Hát Giang, huyện Phúc Lộc (nay ở Hát Môn, huyện Phúc Thọ, tỉnh Hà Tây). Mã Viện đuổi theo đánh quân còn sót lại huyện Cư Phong thì tàn quân đầu hàng, Mã Viện bèn dựng cột đồng (tương truyền ở trên động Cổ Lâu châu Khâm) làm giới hạn cuối cùng của nhà Hán, và khắc lên đó dòng chữ: “Cột đồng gãy thì Giao Chỉ diệt” (Đồng trụ chiết, Giao Chỉ diệt). Từ đây, nước Việt lại thuộc quyền kiểm soát của nhà Hán. Người dân đã dựng đền thờ Trưng Nữ Vương ở xã Hát Giang, huyện Phúc Lộc (tỉnh Hà Tây).

## Đánh giá Hai Bà

Sử gia Lê Văn Hưu viết:

*“Trung Trắc, Trung Nhị là đàn bà, hô một tiếng mà các quận Cửu Chân, Nhật Nam, Hợp Phố, cùng 65 thành ở Lĩnh Ngoại đều hưởng ứng, việc dựng nước xưng vương dễ như trở bàn tay, có thể thấy hình thế đất Việt ta đủ dựng được nghiệp bá vương. Tiếc rằng nối sau họ Triệu cho đến trước họ Ngô, trong khoảng hơn nghìn năm, bọn đàn ông chỉ cúi đầu bó tay, làm tôi tớ cho người phương Bắc, há chẳng xấu hổ với hai chị em họ Trưng là đàn bà hay sao? Ôi! Có thể gọi là tự vứt bỏ mình vậy.”*

Sử gia Ngô Sĩ Liên viết:

*“Họ Trưng giận thái thú nhà Hán bạo ngược, vung tay hô một tiếng mà quốc thống nước ta cơ hồ được khôi phục, khí khái anh hùng há chỉ lúc sống dựng nước xưng vương, mà sau khi chết còn có thể chống ngăn tai họa. Phàm gặp những việc tai ương hạn lụt, đến cầu đảo không việc gì là không linh ứng. Cả bà Trưng em cũng thế. Vì là đàn bà mà có đức hạnh kẻ sĩ, cái khí hùng dũng trong khoảng trời đất không vì thân chết mà kém đi. Bọn đại trượng phu há chẳng nên nuôi lấy cái khí phách cương trực chính đại ấy ư?”*

Vua Tự Đức viết trong Khâm định Việt sử thông giám cương mục:

*“Hai Bà Trưng thuộc phái quân thoa, thế mà hăng hái quyết tâm khởi nghĩa, làm chấn động cả triều đình Hán. Dầu rằng thế lực cô đơn, không gặp thời thế, nhưng cũng đủ làm phẫn khởi lòng người, lưu danh sử sách. Kìa những bọn nam tử râu mày mà chịu khép nép làm tôi tớ người khác, chẳng những mặt dày thẹn chết lắm ru!”*

Các danh xưng của hai bà (Trung Trắc, Trung Nhị, Trung Vương, Hai Bà Trưng) còn được đặt cho nhiều trường học, đường phố, quận... ở Việt Nam.

Đại Nam quốc sử diễn ca có đoạn kể về cuộc khởi nghĩa của Hai bà Trưng đã trở thành quen thuộc đối với người Việt:

*Bà Trưng quê ở Châu Phong  
Giận người tham bạo thù chồng chẳng quên  
Chị em nặng một lời nguyện  
Phát cờ nương tử thay quyền tướng quân  
Ngàn tây nổi áng phong trần  
Ầm ầm binh mã xuống gần Long Biên  
Hồng quân nhẹ bước chinh yên  
Đuổi ngay Tô Định, dẹp yên biên thành  
Kinh kỳ đóng cõi Mê Linh  
Lĩnh Nam riêng một triều đình nước ta  
Ba thu gánh vác sơn hà  
Một là báo phục hai là Bá Vương  
Uy danh động tới Bắc Phương  
Hán sai Mã Viện lên đường tấn công  
Hò Tây đưa sức vẫy vùng  
Nữ nhi địch với anh hùng được sao!  
Cầm Khê đến lúc hiểm nghèo  
Hai Bà thất thế cùng liều với sông!  
Trước là nghĩa, sau là trung  
Kể trong lịch sử anh hùng ai hơn.*

Hàng năm, vào ngày 6 tháng 2 âm lịch, là ngày giỗ hay là lễ hội tưởng nhớ Hai bà (cũng là Ngày Phụ nữ Việt Nam tại miền Nam trước kia) được tổ chức tại miền Nam Việt Nam trước năm 1975 và hiện nay tại nhiều nơi trong nước Việt Nam cũng như cộng đồng người Việt tại nước ngoài.

## 1.2- Bà Triệu

Bà Triệu (chữ Hán: 婆趙), còn được gọi là Triệu Âu (趙嫗), Triệu Trinh Nương (趙貞娘), Triệu Thị Trinh (趙氏貞), Triệu Quốc Trinh (225–248), là một trong những vị anh hùng dân tộc trong lịch sử Việt Nam.

Sử gia Ngô Sĩ Liên ở thế kỷ 15 viết:

*"Triệu Âu (tức Bà Triệu) là người con gái ở quận Cửu Chân, họp quân trong núi, đánh phá thành ấp, các bộ đều theo như bóng theo hình, dễ hơn trở bàn tay. Tuy chưa chiếm giữ được đất Lĩnh Biểu như việc cũ của Trưng Vương, nhưng cũng là bậc hùng tài trong nữ giới."*

Sử nhà Nguyễn ở thế kỷ 19 cũng đã chép:

*"Con gái nước ta có nhiều người hùng dũng lạ thường. Bà Triệu Âu thật xứng đáng là người sánh vai được với Hai Bà Trưng. Xem thế thì há có phải chỉ Trung hoa mới có đàn bà danh tiếng như chuyện Thành Phu Nhân và Nương Tử Quân mà Bắc sử đã chép đâu?"*

## **Bối cảnh**

Năm 226, Sĩ Nhiếp mất, vua Đông Ngô là Tôn Quyền bèn chia đất từ Hợp Phố về Bắc thuộc Quảng Châu dùng Lữ Đại làm Thứ sử; từ Hợp Phố về Nam là Giao Châu, sai Đại Lương làm thái thú, và sai Trần Thì làm Thái thú quận Giao Chỉ. Lúc bấy giờ, con của Sĩ Nhiếp là Sĩ Huy tự nổi ngôi và xưng là Thái thú, liền đem binh chống lại.

Thứ sử Lữ Đại bèn xua quân sang đánh dẹp. Do nghe lời chiêu dụ, Sĩ Huy cùng năm anh em ra hàng. Lữ Đại giết chết Huy, còn mấy anh em thì đem về đất Ngô làm tội. Dư đảng của Sĩ Huy tiếp tục



chống lại, khiến Lữ Đại mang quân vào Cửu Chân giết hại một lúc hàng vạn người.

### **Cuộc đời và sự nghiệp**

Bà Triệu sinh năm Ất Tỵ (năm 225) tại miền núi Quan Yên (hay Quan Yên), quận Cửu Chân (nay thuộc xã Định Công, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa). Thừa nhỏ cha mẹ đều mất sớm, Bà Triệu đến ở với anh là Triệu Quốc Đạt, một hào trưởng ở Quan Yên. Lớn lên, bà là người có sức mạnh, giỏi võ nghệ, lại có chí lớn. Đến độ 20 tuổi gặp phải người chị dâu (vợ ông Đạt) ác nghiệt, bà giết đi rồi vào ở trong núi Nưa (nay thuộc xã Tân Ninh huyện Triệu Sơn, Thanh Hoá), chiêu mộ được hơn ngàn tráng sĩ.

Năm Mậu Thìn (năm 248), thấy quan lại nhà Đông Ngô (Trung hoa) tàn ác, dân gian khổ sở, Bà Triệu bèn bàn với anh việc khởi binh chống lại. Lúc đầu, anh bà không tán thành nhưng sau chịu nghe theo ý kiến của em.

Từ hai căn cứ núi vùng Nưa và Yên Định, hai anh em bà dẫn quân đánh chiếm quận lỵ Tư Phố nằm ở vị trí hữu ngạn sông Mã. Đây là căn cứ quân sự lớn của quan quân nhà Đông Ngô trên đất Cửu Chân, đứng đầu là Tiết Kính Hàn. Thừa thắng, lực lượng nghĩa quân chuyên hướng xuống hoạt động ở vùng đồng bằng con sông này.

Đang lúc ấy, Triệu Quốc Đạt lâm bệnh qua đời. Các nghĩa binh thấy bà làm tướng có can đảm, bèn tôn lên làm chủ. Khi ra trận, Bà Triệu mặc áo giáp vàng, đi guốc ngà, cài trâm vàng, cưỡi voi và được tôn là Nhụy Kiều tướng quân, Lệ Hải bà Vương.

Được tin cuộc khởi nghĩa lan nhanh, vua Ngô là Tôn Quyền liền phái tướng Lục Dận (cháu của Lục Tốn), sang làm Thứ sử Giao Châu, An Nam hiệu úy, đem theo 8.000 quân sang đàn áp cuộc khởi nghĩa. Đến nơi, tướng Lục Dận liền dùng của cải mua chuộc

một số lãnh tụ địa phương để làm suy yếu và chia rẽ lực lượng nghĩa quân.

Những trận đánh ác liệt đã diễn ra tại căn cứ Bồ Điền. Song do chênh lệch về lực lượng và không có sự hỗ trợ của các phong trào đấu tranh khác nên căn cứ Bồ Điền bị bao vây cô lập, và chỉ đứng vững được trong hơn hai tháng.

Theo Trần Trọng Kim trong Việt Nam sử lược, Bà chống đỡ với quân Đông Ngô được năm sáu tháng thì thua. Bà Triệu đã tuần tiết trên núi Tùng (xã Triệu Lộc, huyện Hậu Lộc, Thanh Hóa) vào năm Mậu Thìn (năm 248), lúc mới 23 tuổi.

Nước Việt lại bị nhà Đông Ngô đô hộ cho đến năm 265.

### **Câu nói nổi tiếng của Bà Triệu**

Năm 19 tuổi, đáp lời người hỏi Bà về việc chồng con, Bà Triệu nói:

*”Tôi chỉ muốn cưỡi cơn gió mạnh, đạp luồng sóng dữ, chém cá kình ở biển Đông, đánh đuổi quân Ngô, giành lại giang sơn, cởi ách nô lệ, chứ không chịu khom lưng làm tì thiếp cho người!”*

### **Tưởng nhớ**

Về sau vua Lý Nam Đế (tức Lý Bí) khen Bà Triệu là người trung dũng sai lập miếu thờ, phong là: "Bật chính anh liệt hùng tài trình nhất phu nhân."

Hiện nay, nơi núi Tùng (xã Triệu Lộc), vẫn còn di tích lăng mộ của Bà. Cách nơi bà mất không xa, trên núi Gai ngay sát quốc lộ 1A (đoạn đi qua thôn Phú Điền, xã Triệu Lộc, cách thành phố Thanh Hóa 18 km về phía Bắc) là đền thờ bà. Hằng năm, vào ngày 21 tháng 2 (âm lịch), người dân trong vùng vẫn tổ chức tế giỗ bà. Tại nhiều tỉnh thành trong nước Việt Nam, tên bà cũng đã được dùng

để đặt tên cho nhiều trường học và đường phố; riêng tại Hà Nội, có một con đường mang tên phố Bà Triệu.

### **Giai thoại**

Vùng Bồ Điền, Triệu Lộc ngày nay, hiện còn nhiều di tích và truyền thuyết (rất khó tin) liên quan đến Bà Triệu và cuộc khởi nghĩa của bà chẳng hạn như bà mới sinh ra còn sơ sinh đã có vú, sau này vú dài ba thước (?), voi trắng một ngà rất hung dữ hay đến phá hoại mùa màng, mọi người đều kinh sợ. Để trừ hại cho dân, Bà đến thu phục voi... voi thấy Bà phải quỳ xuống phục tòng... Sau này bà cưới con voi này ra trận.

### **Thơ ca, câu đối ca tụng Bà Triệu**

Trong Đại Nam quốc sử diễn ca, có đoạn Bà Triệu Âu đánh Ngô, khái quát rất sinh động:

*Binh qua trái bẩy nhiều ngày.  
Mới sai Lục Dận sang thay phiên thân.  
Anh hùng chán mặt phong trần,  
Nữ nhi lại cũng có lần cung đao.  
Cửu chân có ả Triệu kiều,  
Vú dài ba thước tài cao muôn người*

*Gặp con thảo muội cơ trời,  
Dem thân bồ liễu theo loài bông tang.  
Đầu voi phát ngọn cờ vàng,  
Sơn thôn mấy cõi chiến trường xông pha.  
Chông gai một cuộc quan hà ,  
Dù khi chiến tử còn là hiển linh.*

Tương truyền quân Ngô khiếp uy dũng của Bà Triệu nên có câu:

*“Hoành qua đương hổ dị,  
Đối diện Bà vương nan.”*

Dịch:

*“Múa giáo đánh cọp dễ,  
Đối mặt Vua Bà thì thực khó.”*

Trong dân gian hiện cũng còn truyền tụng nhiều câu thơ ca và câu đối liên quan đến bà như sau:

*Ru con con ngủ cho lành,  
Để mẹ gánh nước rửa bành ông voi.  
Muốn coi, lên núi mà coi,  
Có bà Triệu tướng cười voi, đánh công.  
Túi gấm cho lẫn túi hồng  
Têm trầu cánh kiếm cho chồng ra quân.  
Tùng Sơn nắng quyện mây trời, sử xanh.*

*“Cửu Chân trăm trận gan hơn sắt,  
Lục Dận Nhiều phen mắt đã vàng.”*

*“Trông bành voi, Ngô cũng lắc đầu, sợ uy Lệ Hải Bà Vương,  
những muốn bon chân về Bắc quốc;  
Ngồi yên ngựa, khách đi hoài cổ, tưởng sự Lạc Hồng nữ tướng, có  
chăng then mặt đấng nam nhi.”*  
(Khuyết danh)

*“Một đầu voi chống chọi với quân thù, sau Trưng nữ rạng danh bà  
Lệ Hải;  
Ba thước vú tử sinh cùng đất nước, cho Ngô hoàng biết mặt gái  
Giao Châu.”*  
(Dương Bá Trạc)

Ngoài ra, trong Hồng Đức quốc âm thi tập, và trong các tập thơ của các danh sĩ như Nguyễn Đôn Phục, Nguyễn Đôn Dự... đều có thơ khen ngợi Bà Triệu.

## Và vấn đề khác có liên quan đến Bà Triệu

### Đoạn cuối cuộc khởi nghĩa

Lâu nay sử sách đều biên chép cuộc khởi nghĩa Bà Triệu thất bại, và bà đã tự vẫn năm 248. Tuy nhiên, GS. Lê Mạnh Thát đã dẫn Thiên Nam ngữ lục và Ngụy chí để kết luận rằng Bà Triệu đã không thua bởi tay Lục Dận, trái lại đã đánh bại viên tướng này. Lục Dận chỉ chiếm được vùng đất nay thuộc Quảng Tây. Và Bà Triệu đã giữ được độc lập cho đất nước đến khi Đặng Tuân được Tôn Hựu sai sang đánh Giao Chỉ vào năm 257. Tuy nhiên, ý kiến mới mẻ này còn phải được xét lại kỹ lưỡng hơn...

### Tên gọi

Những bộ sử cổ chỉ gọi Bà là Triệu nữ (cô gái Triệu), Triệu Âu (sẽ nói sau). Những tên gọi Triệu Trinh Nương, Triệu Thị Trinh, Triệu Quốc Trinh... theo Văn Lang thì rõ ràng là mới đặt gần đây. Tác giả cho biết vấn đề tên gọi này (cũng như tên gọi của Bà Trưng) thuộc phạm trù ngôn ngữ Việt cổ và cách đặt tên người ở thời gian đầu Công nguyên, còn đang được nghiên cứu.

Ngoài ra, Bà Triệu còn được người đời tôn là Nhụy Kiều tướng quân (vị tướng yêu kiều) và Lệ Hải Bà vương (vua Bà ở vùng biển mỹ lệ).

Riêng cái tên Triệu Âu (趙嫗), thấy xuất hiện lần đầu trong Nam Việt chí, Giao Châu ký (thế kỷ 4, 5) rồi đến Thái bình hoàn vũ (thế kỷ 10) chua dưới mục Quân Ninh (tức Quân Yên cũ).

Trước đây, Hồng Đức quốc âm thi tập, Đại Việt sử ký toàn thư, Thanh Hoá kỷ thắng, Khâm định Việt sử Thông giám cương mục...đều gọi Bà là Triệu Âu . Sau, sử gia Trần Trọng Kim khi cho tái bản Việt Nam sử lược đã không giải thích mà chỉ ghi chú rằng: Bà Triệu, các kỳ xuất bản trước đề là Triệu Âu. Nay xét ra nên đề là Triệu Thị Chinh (tr. 52).

Kể từ đó có nhiều lý giải khác nhau, như:

- Sử gia Phạm Văn Sơn: *Vì người Tàu căm giận nên đặt tên là Triệu Âu (Âu có nghĩa là mẹ) để tỏ ý khinh mạn (tr. 205).*
- Nhóm tác giả sách Lịch sử Việt Nam (trước thế kỷ 10, quyển 1, tập 1): *Sách sử Trung Quốc gọi bà là Triệu Âu với nghĩa xấu (người vú em) (tr. 109).*
- Một số người lại giải thích “âu” nghĩa là con mẹ họ Triệu, là bà già, hoặc là “nữ tù trưởng họ Triệu.”

### **Hình tượng vú dài**

Sách Giao Chỉ chí chép:

*“Trong núi ở quận Cửu Chân có người con gái họ Triệu, vú dài ba thước (?), không lấy chồng, họp đảng cướp bóc các quận, huyện, thường mặc áo ngắn màu vàng, chân đi giày mũi cong, ngồi đầu voi mà chiến đấu, sau chết làm thần.”*

Sách “Những trang sử vẻ vang” giải thích:

*Phụ nữ khổng lồ, vú dài... là huyền thoại về bà Mẹ-Đất (terre-Mère, Déesse-Mère). Sau hình tượng đó được khoát cho bất kỳ một phụ nữ hiệt kiệt nào (tr. 129). Các tác giả sách Lịch sử Việt Nam (tập I) cũng đều cho rằng huyền thoại về một người phụ nữ có "vú dài ba thước" vốn rất phổ biến ở phương Nam, từ Hợp Phố đến Cửu Chân. Như truyện "Tây thị phu nhân," "Tiểu quốc phu nhân" đều nói họ là những phụ nữ cao to và có vú dài đôi ba thước... Có thể, vì bà Triệu cũng là một người phụ nữ kiệt xuất, nên dân gian đã dùng hình tượng này khoát lên cho bà (tr. 345).*

### **1.3- Công chúa An Tư**

Trong lịch sử Việt Nam, Công chúa An Tư (?-?) là con gái vua Trần Thái Tông, em gái út của vua Trần Thánh Tông, thuộc nhà Trần.

### **Bối cảnh lịch sử**

Cuộc đời của An Tư, sử Việt chép rất sơ lược, như Đại Việt sử ký toàn thư của Ngô Sĩ Liên chỉ ghi:

*“Tháng 2 (năm Ất Dậu)... Sai người đưa công chúa An Tư (em gái út của Thánh Tông) đến cho Thoát Hoan, ý là muốn loạn nước bốt căng thẳng. Đây là một hình thức tương tự như trường hợp nàng “Vương Chiêu Quân” bị vua Hán Nguyên Đế (49 TCN-33 TCN) của Trung hoa đem cống cho rợ Hồ (Hung nô) vậy.”*

Ở Việt sử tiêu án của Ngô Thì Sĩ cũng chỉ ghi:

*“Thoát Hoan lên sông Nhĩ Hà, cột liền bè vào làm cầu, cho quân qua sông; quân ta theo hai bên sông lập đồn để cự lại, không được; ngày đã về chiều, quân giặc qua được sông vào kinh thành, Vua sai đưa Thiên Tư Công chúa cho chúng, để thư nạn cho nước.”*

Tóm tắt câu chuyện:

Đầu năm Ất Dậu (năm 1285), quân nhà Nguyên đã đánh tới Gia Lâm vây hãm Thăng Long. Thượng hoàng Thánh Tông và vua Nhân Tông đã đi thuyền nhỏ ra vùng Tam Trĩ, còn thuyền ngự thì đưa ra vùng Ngọc Sơn để đánh lạc hướng đối phương. Nhưng quân Nguyên vẫn phát hiện ra. Ngày 9 tháng 3 cùng năm, thủy quân Nguyên đã bao vây Tam Trĩ suýt bắt được hai vua.

Chiến sự buổi đầu bất lợi. Tướng Trần Bình Trọng lại hy sinh ở bờ sông Thiên Mạc. Trước thế mạnh của đối phương, nhiều tôn thất nhà Trần như Trần Kiện, Trần Lộng, kể cả hoàng thân Trần Ích

Tắc đều qui hàng. Chi hậu cục thủ Đỗ Khắc Chung được sai đi sứ để làm chậm tốc độ tiến quân của Nguyên, nhưng không có kết quả. Trong lúc đó, cần phải có thời gian để củng cố lực lượng, tổ chức chiến đấu, bởi vậy, Thượng hoàng Trần Thánh Tông bắt buộc phải dùng đến kế mỹ nhân, tức sai người dâng em gái út của mình cho tướng Thoát Hoan để tạm cầu hòa.

Sau, quân Trần bắt đầu phản công, quân Nguyên đại bại. Trần Nam vương Thoát Hoan, con trai của Hốt Tất Liệt đã phải "chui vào cái ống đồng để lên xe bắt quân kéo chạy" về Tàu.

Chiến thắng, các vua Trần làm lễ tế lăng miếu, khen thưởng công thần, nhưng không ai nói đến An Tư. Không rõ công chúa còn hay mất, được mang về Trung hoa hay đã chết trong đám loạn quân.

Trong cuốn An Nam chí lược của Lê Tắc, một thuộc hạ của Trần Kiện theo chủ chạy sang nhà Nguyên, sống lưu vong ở Trung hoa có ghi:

“Trước, Thái tử (chỉ Thoát Hoan) lấy người con gái nhà Trần sinh được hai con. Người con gái họ Trần này có thể là công chúa An Tư, tuy nhiên chưa có chứng cứ rõ ràng khẳng định điều này.”

## **Ghi công**

Trong Từ điển nhân vật lịch sử Việt Nam, mục từ An Tư:

*“... Một ngày trong tháng 2 năm 1285, Trung Hiếu hầu Trần Dương nhận lệnh đi thương thuyết giảng hòa, rồi sai quan hầu cận là Đào Kiên đưa công chúa An Tư sang dinh tướng Mông Nguyên (Thoát Hoan). Chẳng bao lâu, dưới sự chỉ huy kháng chiến của Trần Quốc Tuấn, quân Nguyên Mông bị dẹp tan. Trong chiến công này rõ ràng là có sự đóng góp của công chúa An Tư, người đã hy sinh vì nạn nước.”*



GS. Phạm Đức Dương, Chủ tịch Hội Khoa học Đông Nam Á Việt Nam, viết:

*“Nhà Trần trở thành triều đại vinh quang nhất trong lịch sử Đại Việt vì đã ba lần chiến thắng quân Nguyên, một đội quân đã từng làm mưa làm gió khắp Á - Âu. Trong chiến công chung đó người ta ghi nhận sự đóng góp, sự hy sinh thầm lặng của những người phụ nữ, trong số ấy có công chúa An Tư.*

*Người con gái “lá ngọc cành vàng” ấy vì nợ nước đã ra đi không trở lại. Nhưng trở trêu thay, sau chiến thắng quân Nguyên, tháng 7 năm 1285, vua trở về kinh thành hân hoan khen thưởng những người có công, nhưng không ai nhắc tới công chúa An Tư.”*

Và trên “website Vietsciences” trong một bài viết, không ghi tên tác giả, cũng có đoạn:

*“Dù triều Trần và sử sách có quên nàng thì các thế hệ đời sau vẫn dành cho nàng sự kính trọng, thương cảm. Khoảng trống lịch sử sẽ được lấp đầy bằng tình cảm của người đời sau...”*

### **Công chúa An Tư qua văn học**

Khoảng năm 1943, câu chuyện về người công chúa này đã được nhà văn Nguyễn Huy Tưởng viết thành cuốn tiểu thuyết lịch sử An Tư.

Theo nội dung truyện, công chúa An Tư có người yêu là Chiêu Thành Vương Trần Thông, con cả của Thái úy Khâm Thiên Đại Vương Trần Nhật Hiệu.

Và sau khi "người chồng" là Thoát Hoan trốn chạy, “nàng xuống ngựa thấp hương, rồi đập đầu trên nắm đất (ngôi mộ của Trần Thông) mà khóc rữ dươi...” Rồi dưới "ánh trăng bàng bạc, nàng mê man như ngày ruỗi ngựa cùng chàng vào Thanh. Nàng đã đến bên bờ sông Cái, và không ngần ngại gieo mình xuống nước...”

Bàn về nhân vật này, TS. Nguyễn Bích Thu viết:

*“Trong tiểu thuyết... An Tư tượng trưng cho cái đẹp biết dân thân, mang một ý nghĩa lớn lao có thể lay chuyển hàng binh thế trận... Nguyễn Huy Tưởng bằng tình cảm và lòng ngưỡng mộ của mình đã ghi nhận và tôn vinh sự hi sinh thầm lặng nhưng quyết liệt của An Tư, một nữ trung hào kiệt trong tiểu thuyết như một chiến công sánh ngang với Trần Quốc Toản, Trần Bình Trọng và trường hợp của nàng đáng được lưu danh như tên tuổi các bậc tiền nhân nhà Trần.”*

#### **1.4- Bà Bùi Thị Xuân**

##### **Cuộc đời**

Bà Bùi Thị Xuân, người ở thôn Xuân Hòa, phía Nam sông Côn, thuộc tổng Phú Phong, huyện Tuy Viễn, phủ Quy Nhơn (nay thuộc thôn Phú Xuân, xã Bình Phú, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định). Bà là con gái của Bùi Đắc Chí, gọi Bùi Đắc Tuyên bằng chú, gọi Bùi Thị Nhạn bằng cô.

Sinh trưởng trong một gia đình khá giả, Bùi Thị Xuân sớm được học văn và học võ. Tương truyền, bà là người có nhan sắc, khéo tay và viết chữ đẹp. Đến khi theo học võ với Đô thống Ngô Mạnh, bà cũng nhanh chóng thành thạo, nhất là môn song kiếm. Nhờ vậy sau này, bà đã dùng kiếm để giải nguy cho Trần Quang Diệu khi vị tráng sĩ này bị một con hổ dữ tấn công. Và cũng từ lần gặp này mà hai người trở thành vợ chồng khi ông Diệu đến ở nhà bà để trị thương, rồi cùng nhau về tòng quân dưới ngọn cờ Tây Sơn ở chiến khu Phú Lạc.

##### **Theo Tây Sơn**

Với tài nghệ (ngoài tài kiếm thuật, Bà còn giỏi bắn cung, cưỡi ngựa và luyện voi) cộng với lòng dũng cảm, Bùi Thị Xuân cùng chồng nhanh chóng trở thành những tướng lĩnh trụ cột, góp công lớn trong công cuộc đánh đuổi khoảng 2 vạn quân Xiêm trên đoạn sông Rạch Gầm - Xoài Mút (Tiền Giang) năm 1785, trận đại phá quân Mãn Thanh vào đầu xuân Kỷ Dậu 1789.

Trong những năm tiếp theo, Bà cùng chồng cầm quân đi đánh dẹp các phe chống đối vương triều mới (nhà Tây Sơn), trong số đó có lực lượng của hoàng thân nhà Lê là Lê Duy Chỉ cầu kết với Tù trưởng Bảo Lạc (Hà Tuyên)...

Giữa lúc nhà Tây Sơn đang từng bước ổn định tình hình trong nước, thì đột ngột vào ngày 29 tháng 7 năm 1792, vua Quang Trung (Nguyễn Huệ) băng hà. Kể từ đây vương triều này bắt đầu suy yếu do vua Cảnh Thịnh (Nguyễn Quang Toản) còn nhỏ, lại bị người cậu ruột là Thái sư Bùi Đắc Tuyên chuyên quyền.

Thời gian này, Bùi Thị Xuân được cử vào trấn thủ Quảng Nam, còn chồng bà (Trần Quang Diệu) thì được cử vào Diên Khánh chống ngấn quân Nguyễn. Đến khi nghe tin cha con Bùi Đắc Tuyên bị tướng Võ Văn Dũng bắt giết, Trần Quang Diệu cả sợ, phải kéo quân về kinh đô đóng ở bờ Nam sông An Cựu, thì bà cũng nhận được lệnh hồi triều.

Nghe mật thám báo tin nội bộ nhà Tây Sơn đang lục đục, Nguyễn Phúc Ánh liền tổ chức ngay những cuộc tấn công. Nhưng quân Nguyễn vừa tiến vào thành Quảng Nam, thì bị đánh một trận toi bời. Tức tối vì thua mưu trí đàn bà, chúa Nguyễn thề sẽ sớm rửa mối nhục. Thấy Chúa Nguyễn rút lui hết, đến lúc ấy, Bùi Thị Xuân mới kéo quân về Phú Xuân để cùng chồng dàn xếp việc triều chính...

Mùa xuân năm 1802, vua Cảnh Thịnh sai em là Nguyễn Quang Thùy vào trấn giữ Nghệ An, còn tự mình cầm quân đi đánh chiếm

lại Phú Xuân. Trong chiến dịch này, Bùi Thị Xuân được lệnh đem 5.000 quân đi hộ giá.

Thấy thế trận ngày càng bất lợi, Bùi Thị Xuân cưỡi voi liều chết đánh riết vào lũy Trấn Ninh, nơi Nguyễn Phúc Ánh đang cố thủ, từ sáng đến chiều, máu và mồ hôi ướt đầm áo giáp. Rồi bà còn giành lấy dùi tự tay thúc trống liên hồi. Lúc bảy giờ chúa Nguyễn cùng tướng tá đã hốt hoảng vội chia quân vượt sông Linh Giang đánh bọc hậu hòng mở đường máu thoát thân. Nào ngờ vua Cảnh Thịnh thấy quân Nguyễn tràn qua nhiều, tướng nguy khôn liền cho lui binh. Bùi Thị Xuân bèn nắm áo ngự bào của nhà vua để khuyên cố đánh. Nhưng khi nghe tin tướng Nguyễn Văn Trương phá tan thủy binh Tây Sơn ở cửa biển Nhật Lệ (Quảng Bình), cướp được hầu hết tàu thuyền và tướng giữ cửa Nguyễn Văn Kiên cũng đã đầu hàng; thì đội quân của Bà hốt hoảng bỏ cả vũ khí, đạn dược để tháo chạy...

Đây có thể nói là trận chiến đấu oanh liệt cuối cùng của bà để hòng cứu vãn tình thế. Nhưng ngờ đâu nhà Tây Sơn, sau trận này trên đà suy vong, không sao gượng lại được nữa...

### **Bà bị voi dày**

Được tin đại quân Tây Sơn thua to ở Trấn Ninh, Tư đồ Vũ Văn Dũng và chồng Bùi Thị Xuân là Thái phó Trần Quang Diệu, dù biết không thể giữ được Quy Nhơn, nhưng vẫn gắng gượng đến tháng 3 cùng năm trên mới rời bỏ thành, đem binh tượng đi đường thượng đạo qua Ai Lao ra Nghệ An, ý là để hội quân với vua Cảnh Thịnh cùng lo chống giữ.

Sử gia C. B. Mabon kể:

*“Trần Quang Diệu cùng vợ và con gái, dẫn theo một số tàn quân chạy ra Bắc bằng đường thượng đạo Ai Lao. Đến châu Quy Hợp, Diệu xuống Hương Sơn thì biết tin Nghệ An đã mất. Quân sĩ của Diệu bỏ cả rồi, mấy hôm sau vợ chồng Quang Diệu đều bị bắt*

*cả...Vua Cảnh Thịnh cùng hai em và vài tướng tá vượt qua sông Nhị Hà, tính trốn lên vùng Thượng du cũng bị dân chúng bắt và đóng cũi nộp cho quân Nguyễn...”*

Trước khi trích dẫn tài liệu của một giáo sĩ phương Tây tên là De La Bissachère (người có dịp chứng kiến buổi hành hình) được viết năm 1807, mô tả lại cái chết của mẹ con bà Bùi Thị Xuân, sử gia Phạm Văn Sơn đã có lời giới thiệu như sau:

*“Mẹ con Bà Bùi Thị Xuân, người ta (ý nói đến vua Gia Long) cũng rất căm thù, nên cũng dùng hình phạt dã man nhất. Nguyên nhân là Bà đã điều khiển binh sĩ đánh vào lũy Trấn Ninh hết sức kịch liệt, đã làm cho chúa Nguyễn và các tướng sĩ có phút phải thất thân, tưởng chừng nguy khốn đến nơi.”*

Trích tài liệu của giáo sĩ De La Bissachère:

*“Đứa con gái trẻ của bà (Bùi Thị Xuân) bị lột hết y phục. Một thớt voi từ từ tiến đến. Cô gái biến sắc rồi mặt trắng bệch như tờ giấy. Nàng ngoảnh nhìn mẹ, kêu thất thanh. Bà Xuân nghiêm mặt trách: Con phải chết anh dũng để xứng đáng là con của ta!... Đến lượt bà, nhờ lớp vải ở bên trong quần kín thân thể, nên tránh khỏi sự lỏa lồ. Và Bà rất bình thản bước lại trước đầu voi hét một tiếng thật lớn khiến voi giật mình lùi lại. Bọn lính phải vội vàng bắn hỏa pháo, đâm cây nhọn sau đít con vật để nó trở nên hung tợn, chạy bỏ tới, giờ vòi quần lấy bà tung lên trời... Nhưng trái với lệ thường, nó không chà đạp phạm nhân như mọi bận mà bỏ chạy vòng quanh pháp trường, rống lên những tiếng đầy sợ hãi khiến hàng vạn người xem hoảng hốt theo...”*

### **Bà được ca ngợi**

Công luận bình phẩm, hầu hết đều khen ngợi oai danh và tiết tháo của Bùi Thị Xuân. Theo sử liệu, sử dĩ được vậy là vì trong cuộc đời Bà có mấy sự việc đáng chú ý sau:

## **Có tấm lòng thương dân**

Gặp năm mất mùa, nhiều phủ huyện ở trấn Quảng Nam sinh loạn, quan quân địa phương không kiềm chế nổi. Triều thần lập tức tiến cử Bà Bùi Thị Xuân ra nơi đó làm Trấn thủ. Đến nơi, Bà tự mình đi thị sát khắp các hạt, rồi cho mở kho phát chẩn. Thấy viên quan nào chiếm công vi tư, ăn của hội lộ... Bà đều thẳng tay cách chức, chọn người tài đức lên thay. Ngoài ra, Bà còn ra lệnh bãi bỏ các cuộc truy lùng những nhóm người nổi dậy, và mạnh dạn ra tuyên cáo rằng: Ai vác cây bừa, nông cụ thì được coi là dân lành... Vì thế nạn trộm cướp và chống đối ở Quảng Nam (nhất là ở huyện Quế Sơn) nhanh chóng chấm dứt, dân chúng lại được yên ổn làm ăn...

## **Không vì tình riêng**

Thái sư Bùi Đắc Tuyên, người làng Xuân Hòa, huyện Tuy Viễn, là cậu của vua Cảnh Thịnh, và là chú của Đô đốc Bùi Thị Xuân. Năm 1795, vì ông bị Võ Văn Dũng giết chết vì tội chuyên quyền. Bây giờ, có nhiều người nghi ngại Bùi Thị Xuân, vì bà là cháu ruột của Đắc Tuyên. Nhưng khác với những gì xầm xì, Bà đã không hề thù oán người giết chú ruột mình, cũng như lợi dụng sự rối ren đó mà đi theo đối phương hay tìm nơi cát cứ...

## **Nỗ lực đến giây phút cuối cùng**

Đề cập đến tinh thần quyết chiến thắng của Bà Bùi Thị Xuân trong trận Trấn Ninh (1802), trong bài thơ dài “Bùi phu nhân ca” của danh sĩ Nguyễn Trọng Trì (1854-1922) có đoạn:

*Xuân hàn lãnh khí như tiên đao  
Xuân phong xuy huyết nhiễm chinh bào  
Hoàng hôn thành đốc bi già động  
Hữu nhân diện tử phù dung kiêu  
Phu cô trợ chiến Lương Hồng Ngọc  
Mộc Lan tòng quân Hoàng Hà Khúc  
Thùy ngôn cân quốc bất như nhân?*

*Dĩ cổ phương kim tam đỉnh túc.*

Nghĩa là:

*Khí xuân lạnh như khí lạnh nơi lưỡi dao bén thoát ra.  
Gió xuân thổi máu bay đẫm tẩm chinh bào  
Nơi góc thành tiếng tù và lay động bóng hoàng hôn  
Có người dung nhan kiêu diễm như đóa hoa phù dung  
Thật chẳng khác Lương Hồng Ngọc đánh trống trợ chiến cho ba  
quân.  
Và nàng Mộc Lan xông trận nơi sông Hoàng Hà  
Ai bảo khăn yếm không bằng người?  
Từ xưa đến nay vừng vàng thế ba chân vạc.*

### **Bại trận vẫn hiên ngang**

Ngoài thái độ hiên ngang khi bị hành hình, người ta còn truyền rằng khi nghe Bà Bùi Thị Xuân bị bắt, chúa Nguyễn bèn sai người áp giải đến trước mặt rồi hỏi với giọng đặc chí:

- Ta và Nguyễn Huệ ai hơn?

Bà trả lời:

- Chúa công ta, tay kiếm tay cờ mà làm nên sự nghiệp. Trong khi nhà người đi cầu viện ngoại bang, hết Xiêm đến Tàu làm tan nát cả sơn hà, cùng đều bị chúa công ta đánh cho không còn manh giáp. Dem so với chúa công ta, nhà người chẳng qua là ao trời nước vũng.

Chúa Nguyễn gằn giọng:

- Người có tài sao không giữ nổi ngai vàng cho Cảnh Thịnh?

Bà đáp:

- Nếu có một nữ tướng như ta nữa thì cửa Nhật Lệ không dễ lạnh.  
Nhà người khó mà đặt chân được tới đất Bắc Hà...

## Kết

Sử gia Phạm Văn Sơn, viết:

“Người ta cảm phục Bà Bùi Thị Xuân chẳng riêng chỗ Bà có nhan sắc hơn người, mà còn ở chỗ có gan dạ và trí lược của một đại tướng. Người ấy đã có công gây dựng một phần sự nghiệp của chồng và của ba anh em vua Tây Sơn, đã bao phen xuất nhập chiến trường, vào sinh ra tử...”

Cảm phục Bà, một người (không rõ tên), đã làm bài thơ sau:

*Vận nước đang xoay chuyển  
Quần thoa cũng vậy vùng  
Liều thân lo cứu chúa  
Công trận quyết thay chồng.  
Kháng khái khi lâm nạn!  
Kiên trinh lúc khốn cùng  
Ngàn thu gương nữ liệt  
Gương sáng hãy soi chung.”*

## 2- Có công mở mang bờ cõi

### 2.1- Huyền Trân Công Chúa

Huyền Trân (chữ Hán: 玄珍; 1287 - 1340), một công chúa đời nhà Trần, là con gái của vua Trần Nhân Tông và là em gái vua Trần Anh Tông. Năm 1306, Huyền Trân được gả cho vua Chiêm Thành (Champa) là Chế Mân (tiếng Phạn: Jaya Sinhavarman III) để đổi lấy hai châu Ô, Lý (từ đèo Hải Vân, Thừa Thiên đến phía bắc Quảng Trị ngày nay).



## Sử sách

Bà sinh vào năm 1287 Vào năm 1293, vua Trần Nhân Tông thoái vị, hoàng thái tử Trần Thuyên lên nối ngôi (tức là Hoàng đế Trần Anh Tông). Vua Trần Nhân Tông trở thành Thái thượng hoàng, lên tu ở núi Yên Tử. Năm 1301, Thái thượng hoàng Trần Nhân Tông nhận lời mời, du ngoạn vào Chiêm Thành, được vua Chiêm Thành là Chế Mân tiếp đãi nồng hậu, có ở lại trong cung điện Chiêm Thành gần 9 tháng. Khi ra về, Trần Nhân Tông có hứa gả con gái là Huyền Trân cho Chế Mân, mặc dù khi đó Chế Mân đã có chính thất là hoàng hậu Tapasi, người Java (Nam Dương ngày nay). Sau đó nhiều lần Chế Mân sai sứ sang hỏi về việc hôn lễ, nhưng triều thần nhà Trần phản đối, chỉ có Văn Túc Vương Đạo Tái và Nhập nội hành khiển Trần Khắc Chung chủ trương tán thành.

Năm 1306, Chế Mân dâng hai châu Ô, Rý (còn gọi là Lý) làm hồi môn, vua Trần Anh Tông đồng ý gả Huyền Trân cho Chế Mân. Huyền Trân về Chiêm Thành, được phong làm hoàng hậu “Paramecvari.” Một năm sau đó, khi hoàng hậu người Đại Việt vừa sinh xong hoàng tử Chế Đa Đa, thì tháng 5 năm 1307, quốc vương Chế Mân băng hà. Thế tử Chiêm sai sứ sang Đại Việt báo tang. Theo tục nước Chiêm, khi vua chết hoàng hậu phải lên giàn hỏa để tuẫn tang. Vua Trần Anh Tông biết tin, sai Trần Khắc Chung vờ sang viếng tang, tìm cách cứu Huyền Trân. Trần Khắc Chung bày kế thành công, cứu được Huyền Trân đưa xuống thuyền, đưa Huyền Trân về Đại Việt bằng đường biển. Cuộc hải hành này kéo dài tới một năm và theo Đại Việt Sử ký Toàn thư thì Trần Khắc Chung đã tư thông với công chúa.

Tháng 8 năm Mậu Thân (1308), Huyền Trân về đến Thăng Long. Theo di mệnh của Thượng hoàng Nhân Tông, công chúa đầu gia Phật giáo ở núi Trâu Sơn (nay thuộc Bắc Ninh) vào năm (1309), dưới sự ấn chứng của quốc sư Bảo Phát. Công chúa thọ Bồ tát giới và được ban pháp danh Hương Tràng.

Cuối năm Tân Hợi (1311), Hương Tràng cùng một thị nữ trước đây, bấy giờ đã qui y đến làng Hồ Sơn, huyện Thiên Bản (nay thuộc Nam Định), lập am dưới chân núi Hồ để tu hành. Sau đó, am tranh trở thành điện Phật, tức chùa Nộm Sơn hay còn gọi là Quảng Nghiêm Tự.

Bà mất ngày mùng 9 tháng giêng năm Canh Thìn (1340). Dân chúng quanh vùng thương tiếc và tôn bà là "Thần Mẫu" và lập đền thờ cạnh chùa Nộm Sơn. Ngày Bà mất sau này hàng năm trở thành ngày lễ hội đền Huyền Trân trên núi Ngũ Phong ở Huế.

Các triều đại sau đều sắc phong Bà là thần hộ quốc. Vua triều Nguyễn ban chiếu đền ơn công chúa "trong việc giữ nước giúp dân, có nhiều linh ứng," nâng bậc tặng là "Trai Tĩnh Trung Đẳng Thần."

## **Nhận định**

Tuy nhiên, một số người đời sau cho rằng câu chuyện này có phần thêm dật, chuyện nêu lý do công chúa phải lên giàn hỏa chỉ là có do sách Việt sau này viết thêm. Theo tiến sĩ Po Dharma, công chúa Huyền Trân không thể hội đủ điều kiện để xin lên giàn hỏa vì nếu theo truyền thống Champa xưa, đây là một vinh dự và chỉ có bà hoàng hậu chính thức mới được phép hủy thân trên giàn hỏa với chồng của mình. Trong kinh điển theo đạo Bà La Môn đều không nhắc đến tục lệ này của người Champa, chưa chắc đã có tục lệ như thế. Cho dù có tục lệ đó đi nữa, thì việc hỏa táng phải tổ chức trong vòng 7 ngày sau khi chết, vì khí hậu nhiệt đới không cho phép giữ thi hài được lâu hơn, đến khi tin đưa về Đại Việt và dù Trần Khắc Chung có lên tàu sang ngay cũng không thể nào kịp, trong điều kiện giao thông thời đó. Chuyện Trần Khắc Chung tư thông với Huyền Trân có thể là vì bị gièm pha, đồn thổi vì sự chênh lệch tuổi tác quá lớn và Trần Khắc Chung được tiếng đạo đức, trên tàu còn rất nhiều người khác cùng đi, như là An Phủ Sứ Đặng Vân (Đặng Thiệu), không dễ dàng hành động.

- Sử thần Ngô Sĩ Liên trong Đại Việt Sử ký Toàn thư chê trách chuyện này:

*“Ngày xưa Hán Cao Hoàng vì nước Hung Nô nhiều lần làm khổ biên cương, mới lấy con gái nhà dân làm công chúa gả cho Thiên vu. Kết hôn với người không cùng giống nòi, các tiên nho đã từng chê trách, song dụng ý là muốn binh yên, dân nghỉ, thì còn có thể nói được. Nguyên Đế thì vì Hồ Hàn sang châu, xin làm rể nhà Hán, nên lấy nàng Vương Tường mà ban cho, cũng là có cớ. Còn như Nhân Tông đem con gái gả cho chúa Chiêm Thành là nghĩa làm sao? Nói rằng nhân khi đi chơi đã trót hứa gả, sợ thất tín thì sao không đổi lại lệnh đó có được không? Vua giữ ngôi trời mà Thượng hoàng đã xuất gia rồi, vua đổi lại lệnh đó thì có khó gì, mà lại đem gả cho người xa không phải giống nòi để thực hiện lời hứa trước, rồi sau lại dùng mưu gian trá cướp về, thế thì tín ở đâu?”*

- Theo nhà sử học Phạm Văn Sơn trong Việt sử toàn thư:

*“Duy việc Trần Khắc Chung lập mưu đưa Huyền Trân trở về nước sau khi Chiêm Vương qua đời, dù muốn sao ta cũng phải nhận là một việc bất tín đối với Chiêm Thành. Thì phản ứng của nước Chiêm là lẽ dĩ nhiên và chính đáng.*

*Còn người Việt đã thắng một canh bạc không lương thiện lắm lại còn ra bộ nã nùng xót xa!”*

### **Huyền Trân trong thi ca nghệ thuật**

Câu chuyện về Huyền Trân đã trở thành một đề tài trong thi ca, nghệ thuật.

Trong dân gian, có lẽ vì thời đó người Việt coi người Chăm là sắc tộc thấp kém nên đã có câu:

*Tiếc thay cây quế giữa rừng*

*Để cho thẳng Mán thẳng Mường nó leo.*

Tương truyền là bài "*Nước non ngàn dặm*" theo điệu Nam Bình, có người cho rằng chính công chúa đã soạn ra trong lúc đi đường sang Chiêm quốc:

*Nước non ngàn dặm ra đi...*

*Mối tình chi!*

*Mượn màu son phấn*

*Đền nợ Ô, Ly.*

*Xót thay vì,*

*Đương độ xuân thì.*

*Số lao đao hay là nợ duyên gì?...*

Một số tác phẩm có nói đến Huyền Trân như:

## **Âm nhạc**

- Trường ca Con đường Cái Quan của Phạm Duy

*Năm tê trong lúc sang Xuân*

*Tôi theo Công chúa Huyền Trân tôi lên đường*

*Đường máu xương đã lắm oán thương*

*Đổi sắc hương lấy cõi giang san*

*Tôi đi theo bước ái tình*

*Đi cho trăm họ được hòa bình ấm no*

*Đèo núi cao nghe gió vi vu*

*Thổi phấn son bay tới kinh đô....*

- Tiến biệt Huyền Trân của Phạm Duy phổ thơ Đào Tiên Luyện

- Huyền Trân Công chúa của nhạc sĩ Nguyễn Hiền

- Nhớ của nhạc sĩ Châu Kỳ

- Tình sử Huyền Trân của Nam Lộc

- Sương gió Chiêm Thanh - cổ nhạc

## **Thơ**

- Công chúa Huyền Trân của Hoàng Cao Khải (?)

*Đôi chác khôn ngoan khéo nực cười,  
Vốn đà không mất lại thêm lời,  
Hai châu Ô Lý vương ngàn dặm,  
Một gái Huyền Trân của mấy mươi...!*

- Tiễn biệt Huyền Trân của Đào Tiến Luyện

## 2.2- Công nữ Ngọc Vạn / Công Nữ Ngọc Khoa (?)

Công nữ Ngọc Vạn (公女玉萬), họ tên đầy đủ Nguyễn Phúc Ngọc Vạn (阮福玉萬), gọi tắt là Ngọc Vạn, không rõ năm sinh năm mất, là con gái thứ hai của chúa Sãi Nguyễn Phúc Nguyên (ở ngôi: 1613-1635). Nhiều tài liệu trước đây thường ghi tước vị của Bà là công chúa, nhưng thực sự là công nữ, vì Bà chỉ là con của chúa Nguyễn.

Năm Canh Thân (1620), Bà được gả cho vua Chân Lạp là Chey Chetta II. Nhờ có cuộc hôn phối này mà tình giao hảo giữa hai nước được tốt đẹp, để chúa Nguyễn có thể dồn lực lại hùng đối phó với chúa Trịnh ở Đàng Ngoài, đồng thời cũng tạo thêm cơ hội cho người Việt mở rộng lãnh thổ về phía Nam.

### Cuộc đời

Chúa Sãi lên ngôi chúa năm 1613, và để củng cố vị thế của mình, vị chúa này đã tìm cách giao hảo với các nước phương Nam khi đó là Chiêm Thành và Chân Lạp.

Khoảng thời gian đó, triều đình Xiêm La gần như trực tiếp thống trị Chân Lạp. Vì vậy, khi lên ngôi vua, Chey Chetta II (ở ngôi: 1618-1628), liền cho xây dựng kinh đô mới ở Oudong (Vũng Long

hay Long Úc) và cầu thân với chúa Nguyễn để chống lại sự khống chế của Xiêm La.

### **Làm vương hậu Chân Lạp**

Năm 1620, theo lời cầu hôn của vua Chey Chetta II, chúa Sãi thuận gả Ngọc Vạn cho ông, và bà trở thành Hoàng hậu nước Chân Lạp với tước hiệu là “Somdach Prea Peaccayo dey Preavoreac.” Vừa đẹp người, đẹp nét xinh đẹp, nên Bà được vua Chey Chetta II rất yêu quý. Nhờ vậy, mà nhà vua đã cho một số người Việt đi theo Bà giữ những chức vụ quan trọng trong triều đình Chân Lạp, cũng như cho nhiều người Việt lập hãng xưởng và buôn bán ở gần kinh đô.

Lợi dụng mối quan hệ này, năm 1623, chúa Sãi còn cử một sứ bộ, đem theo thư cùng nhiều tặng phẩm, tới Oudong để tỏ tình thân hữu và bảo đảm sự ủng hộ của triều đình Huế. Trong quốc thư, chúa Nguyễn cũng đã yêu cầu vua Chey Chetta II cho lập một đồn thuế ở Prei Kor (tức vùng Sài Gòn) và lập một dinh điền ở Mô Xoài (gần Bà Rịa ngày nay. Đây là dinh điền chính thức đầu tiên trên đất Chân Lạp). Nhờ sự vận động của Ngọc Vạn, nên cả hai việc trên đều được vua Chey Chetta II chấp thuận.

Vai trò của Hoàng hậu Somdach (tức Ngọc Vạn), đã có nhiều tác giả đề cập đến, như:

- G. Maspéro:

*“Vị vua mới lên ngôi là Chey Thettha II cho xây một cung điện tại Oudong, ở đây ông làm lễ thành hôn với một công chúa con vua An Nam. Bà này rất xinh đẹp, về sau có ảnh hưởng lớn đến vua. Nhờ Bà mà một phái đoàn An Nam đã xin và được vua Chey Thettha II cho lập thương điểm ở miền nam Cao Miên, nơi này nay gọi là Sài Gòn (trích trong cuốn ‘L’ Empire Khmer’).”*

- Moura:

*“Tháng 3 năm 1618, Prea Chey Chessda được phong vương với tước hiệu Somdach Prea Chey Chessda Thiréach Réaméa Thupphdey Barommonpit. Lúc đó vua An Nam gả một người con gái cho vua Cao Miên. Công chúa này rất đẹp, được nhà vua yêu mến và lập làm hoàng hậu tước hiệu Somdach Prea Preaccac Vodey Prea Voreac Khsattey (trích trong cuốn ‘Royaume du Cambodge’).”*

- Henri Russier:

*“Chúa Nguyễn lúc bấy giờ rất vui mừng thấy Cao Miên muốn giao hảo bèn gả công chúa cho vua Cao Miên. Công chúa xinh đẹp và được vua Miên yêu quý vô cùng... Năm 1623, sứ bộ Việt từ Huế đến Oudong yết kiến vua Cao Miên, dâng ngọc ngà châu báu, xin người Việt được khai khẩn và lập nghiệp tại miền Nam... Hoàng hậu xin chồng chấp thuận và vua Chey Chetta đã đồng ý (trích trong cuốn ‘Histoire sommaire du Royaume de Cambodge’).”*

- A. Dauphin Meunier:

*“Năm 1623, Chey Chetta, người đã cưới công chúa Việt Nam, được triều đình Huế giúp đỡ để chống lại quân Xiêm... Một sứ bộ Việt Nam đã tới bảo đảm với Chey Chetta về sự ủng hộ của triều đình Huế. Sứ bộ xin phép cho dân Việt Nam tới lập nghiệp Việt Nam tới lập nghiệp ở các tỉnh phía Đông Nam Vương Quốc. Vua Cao Miên cho phép lập một phòng thu thuế tại Prey Kôr để tài trợ việc định cư (trích trong cuốn ‘Le Cambodge’).”*

- Nguyễn Văn Quế:

*“Chey Chetta II dời đô từ Lovéa Em đến Oudong năm 1620 và cưới công chúa Việt Nam được phong làm hoàng hậu và rất được yêu quý nhớ đức hạnh và vẻ đẹp mỹ miều. Vì đã giúp đỡ cho vua Cao Miên chống lại những cuộc xâm lăng của Xiêm nên chúa Sãi mới xin vua Cao Miên cho phép những người Việt di cư vào Nam*

*được khai khẩn đất đai, trồng trọt, buôn bán và trả thuế ở Sài Gòn, Biên Hòa và Bà Rịa. Vua Cao Miên chấp thuận đề nghị của nhạc phụ. (trích trong cuốn ‘Histoire des Pays de L’union Indochinoise.’)*

- Phan Khoang:

*“Từ thế kỷ 17 đã có nhiều người Việt Nam đến hai xứ Đồng Nai và Mũi Xuy của Chân Lạp (tức Biên Hòa, Bà Rịa ngày nay), để vỡ đất làm ruộng. Vua Chân Lạp Chey Chetta II muốn tìm một đối lực để chống lại lân bang Xiêm La nguy hiểm kia, đã xin cưới một công nữ con chúa Nguyễn làm hoàng hậu, trông mong sự ủng hộ của triều đình Thuận Hóa và chúa Hy Tông (chúa Sãi) có mưu đồ xa xôi, năm 1620, đã gả cho vua Chân Lạp một công nữ. Cuộc hôn nhân này có ảnh hưởng lớn lao đến vận mạng Chân Lạp sau này. Bà hoàng hậu đem nhiều người Việt đến, có người được giữ chức hệ trọng trong triều, bà lại lập một xưởng thợ và nhiều nhà buôn gần kinh đô. ”*

Đến năm 1623, một sứ bộ của chúa Nguyễn đến Oudong yêu cầu được lập cơ sở ở Prey Kôr tức Sài Gòn ngày nay và được ở đây một sở thu thuế hàng hóa. Vua Chey Chetta chấp thuận và triều đình Thuận Hóa khuyến khích người Việt di cư đến đây làm ăn rồi lấy cớ để giúp chính quyền Miên gìn giữ trật tự, còn phải một tướng lãnh đến đóng ở Prey Kôr nữa. Khi Chey Chatta mất, vùng đất từ Prey Kôr trở ra Bắc đến biên giới Chiêm Thành (tức là Sài Gòn, Bà Rịa, Biên Hòa ngày nay), đã có nhiều người Việt đến ở và khai thác đất đai (trích trong cuốn ‘Việt sử xứ Đàng Trong,’ phần ‘Chúa Nguyễn gây ảnh hưởng trên đất Chân Lạp.’

Đổi lại, chúa Sãi hai lần giúp con rể (Chey Chetta II) đẩy lui quân Xiêm sang xâm lược. Giáo sĩ người Ý tên Christopho Borri ở Quy Nhơn đã nhìn thấy viện binh từ Đàng Trong tiến sang Cao Miên, nên đã ghi lại trong cuốn Hồi ký của mình (xuất bản năm 1631) như sau:



Chúa Nguyễn luôn luyện tập binh sĩ và gởi quân đội giúp vua Cao Miên, tức chàng rể chồng của con chúa. Chúa viện trợ cho vua Cao Miên thuyền bè, binh lính để chống lại vua Xiêm...

### **Ở giữa chốn tranh chấp đẫm máu**

Năm 1628, vua Chey Chetta II từ trần, triều đình Chân Lạp liên tục xảy ra các cuộc tranh chấp ngôi giữa những hoàng thân. Nhiều nhà vua bị anh em họ, rể, cháu... giết chết một cách thê thảm.

Theo Biên Hòa sử lược toàn biên (Quyển 2) thì Ngọc Vạn sống với vua Chey Chetta II, đã sinh được một trai là Chan Ponhóa Sô và một gái tên là Neang Nhóa Ksattrey.

Sau khi Chey Chetta II mất, liền xảy ra việc tranh quyền giữa chú và cháu. Chú là Prea Outey, em ruột của Chei Chetta II, giữ chức Giám quốc (ab joréach) và cháu là Chan Ponhóa Sô (ở ngôi: 1628-1630), con của Chey Chetta II và Công nữ Ngọc Vạn.

Trước đây, lúc vua Chei Chetta còn sống đã định cưới Công chúa Ang Vodey cho Hoàng tử Chan Ponhóa Sô. Nhưng chẳng may, khi nhà vua vừa mất thì Prea Outey, tức là chú ruột của Chan Ponhóa Sô, lại cưới nàng Công chúa này trong khi Hoàng tử còn đang ở trong tu viện. Sau khi rời tu viện, Chan Ponhóa Sô lên ngôi và trong một buổi tiếp tân, nhà vua trẻ gặp lại nàng Ang Vodey xinh đẹp. Sau đó, cả hai đã mượn cớ đi săn bắn để gặp gỡ, nhưng không ngờ Prea Outey biết được liền đuổi theo và giết chết hết vào năm 1630, sau khi làm vua mới được hai năm.

Người con thứ hai của Chey Chetta II lên thay với vương hiệu là Ponhea Nu (ở ngôi: 1630–1640). Năm 1640, Ponhea Nu đột ngột băng hà, Phụ chính Préah Outey liền đưa con mình lên ngôi tức quốc vương Ang Non I. Nhưng Ang Non I cũng chỉ làm vua được hai năm (ở ngôi: 1640-1642) thì bị người con thứ ba của Chey Chetta II là Chau Ponhea Chan (Nặc Ông Chân. Mẹ ông là người

Lào) dựa vào một số người Chăm và người Mã Lai, giết chết cả Préah Outey và Ang Non I để giành lại ngôi vua.

Nặc Ong Chân lên ngôi (ở ngôi: 1642-1659), cưới một Công chúa người Mã Lai theo đạo Hồi (Islam) làm Hoàng hậu và nhà vua cũng bỏ quốc giáo (Phật giáo Tiểu thừa) để theo đạo của vợ. Điều này cùng với việc cho người Mã Lai và người Chăm được nhiều ưu đãi, đã gây bất bình trong giới hoàng tộc và dân chúng Chân Lạp.

Năm 1658, con của Préah Outey là So và Ang Tan dấy binh chống lại Nặc Ông Chân nhưng thất bại... Nghe lời khuyên của Thái hậu Ngọc Vạn, So và Ang Tan cầu cứu chúa Nguyễn. Chúa Hiền Nguyễn Phúc Tần liền sai Phó tướng dinh Trấn Biên (Phú Yên) là Nguyễn Phước Yên dẫn 3000 quân đến thành Hưng Phước (bây giờ là Mỗi Xuy, tức Bà Rịa), phá được thành rồi tiến vào bắt Nặc Ông Chân bỏ vào cũi đem về giam ở Quảng Bình.

Năm sau (1659), Nặc Ông Chân chết, chúa Nguyễn phong cho So làm vua Chân Lạp, hiệu là Batom Reachea (ở ngôi: 1660-1672). Từ đó, lưu dân Việt đến Gia Định, Mỗi Xuy (Bà Rịa), Biên Hòa ngày càng đông để khai khẩn đất đai...

Năm 1672, vua Batom Reachea bị một người vừa là rể vừa là cháu là Chey Chetta III giết chết, em là Ang Tan (Nặc Ông Tân) chạy sang cầu cứu chúa Nguyễn. Nhưng ngay sau đó Chey Chetta III cũng bị người của Nặc Ông Chân sát hại.

Ang Chei (Nặc Ông Đài, ở ngôi: 1673-1674) con trai đầu của vua Batom Reachea lên ngôi. Ông Đài cho đắp thành lũy ở địa đầu Mỗi Xuy, nhờ Xiêm cứu viện để chống lại chúa Nguyễn.

Bị quân Xiêm đánh đuổi, Ang Tan cùng cháu là Ang Nan (Nặc Ông Nộn) chạy sang Sài Côn kêu cứu chúa Nguyễn. Năm 1674, Chúa Hiền Nguyễn Phúc Tần sai Cai cơ Nguyễn Dương Lâm và Tham mưu Nguyễn Đình Phái chia quân làm hai cánh cùng tiến lên

Chân Lạp. Nặc Ông Đài bỏ thành Nam Vang chạy vào rừng, để rồi bị thuộc hạ đâm chết.

Sau khi Nặc Ông Đài mất, người em là Nặc Ông Thu (Ang Sor) ra hàng. Để giải quyết tình trạng ‘nồi da xáo thịt’ dai dẳng này, chúa Nguyễn cho Nặc Ông Thu làm Chính vương, đóng đô ở Phnom pênh (Nam Vang), cho Nặc Ông Nộn làm Đệ nhị vương, đóng đô ở khu vực gò Cây Mai (thuộc Sài Côn, nay thuộc Thành phố Sài Gòn)... Tuy nhiên, hai phe vẫn không từ bỏ ý định loại trừ nhau.

Sau hơn 50 năm luôn phải tìm cách tồn tại trong chốn vàng son nhưng đẫm máu ấy, theo lời kể, thì Thái hậu Ngọc Vạn đã theo Nặc Ông Nộn về Sài Côn, rồi lui về sống ở Bà Rịa. Nơi đây, bà cho lập chùa Gia Lào (núi Chứa Chan, Đồng Nai), rồi ẩn tu cho đến hết đời.”

### **Khẳng định Ngọc Vạn chính là vợ vua Chey Chetta II**

Trước đây, vị công nữ được gả cho Chey Chetta II vẫn còn là một vấn đề chưa thống nhất. Vì ở mục Công chúa trong Đại Nam Liệt Truyện Tiền Biên chỉ ghi như thế này:

Chúa Sãi có bốn người con gái là:

1/ Công chúa Ngọc Liên, lấy Trấn biên doanh trấn thủ phó tướng Nguyễn Phúc Vĩnh. Phúc Vĩnh là con trưởng Mạc Cảnh Huống.

2/ Công chúa Ngọc Vạn.

3/ Công chúa Ngọc Khoa.

4/ Công chúa Ngọc Đĩnh lấy phó tướng Nguyễn Cửu Kiều. Năm Giáp Tý (1684, Lê Chính Hòa năm thứ 5), mùa đông, Ngọc Đĩnh Mất.

Tương tự, trong quyển "*Généalogie des Nguyễn avant Gia Long*" (Phổ hệ nhà Nguyễn trước Gia Long) của Tôn Thất Hân và Bùi Thanh Vân (Bulletin des Amis de vieux Hué, 1920) cũng chỉ ghi là:

*"Ngọc Khoa con gái thứ của Sãi vương, không để lại dấu tích. Ngọc Vạn con gái thứ của Sãi vương, không có dấu tích gì về Ngọc Vạn."*

Bàn về việc "không có truyện" trên, trong cuốn Việt sử xứ Đàng Trong của GS. Phan Khoang có đoạn:

*"Việc này, sử ta đều không chép, có lẽ các sử thần nhà Nguyễn cho là việc không đẹp, nên giấu đi chăng? Nhưng nếu họ quan điểm như vậy thì không đúng. Hôn nhân chính trị, nhiều nước đã dùng, còn ở nước ta thì chính sách đã đem lại ích lợi quan trọng. Đời nhà Lý thường đem công chúa gả cho các tù trưởng các bộ lạc thượng du Bắc Việt, các bộ lạc ấy là những giống dân rất khó kềm chế. Nhờ đó mà các vùng ấy được yên ổn, dân thượng không xuống cướp phá dân ta, triều đình thu được thuế má, cống phẩm; đất đai ấy, nhân dân ấy lại là một rào dậu kiên cố ở biên giới Hoa - Việt để bảo vệ cho miền Trung Châu và kinh đô Thăng Long. Đến đời Trần, chính đôi má hồng của Huyền Trân đã cho chúng ta hai châu Ô, Lý để làm bàn đạp mà tiến vào Bình Thuận."*

*Sử ta không chép, nhưng theo các sách sử Cao Miên do các nhà học giả Pháp biên soạn, mà họ lấy sử liệu Cao Miên để biên soạn thì quả Chey Chetta II năm 1620 có cưới một công nữ con chúa Nguyễn. Giáo sĩ Borri, ở Đàng Trong trong thời gian ấy cũng có nói đến cuộc hôn nhân này. Xem "Đại Nam liệt truyện Tiền biên" (mục Công Chúa), thấy chúa Hi Tông (tức chúa Sãi) có bốn con gái, hai nàng Ngọc Liên, Ngọc Đăng thì có chép rõ sự tích chồng con, còn hai nàng Ngọc Vạn, Ngọc Khoa thì chép là "khuyết truyện," nghĩa là không có tiểu truyện, tức là không biết chồng con như thế nào. Vậy người gả cho vua Chey Chetta II phải là Ngọc Vạn hoặc Ngọc Khoa."*

Mãi đến khi Nguyễn Phúc tộc Thế phả được xuất bản tại Huế (1995), thì tiểu sử hai công nữ Ngọc Vạn và Ngọc Khoa mới được công bố rõ ràng:

- Năm Canh Thân (1620), Nguyễn Phúc Ngọc Vạn (con gái thứ hai của chúa Sãi) được gả cho vua Chân Lạp là Chey Chetta II. Về sau nể tình bà, vua Chân Lạp cho người Việt lập một dinh điền tại Mô Xoài (Bà Rịa ngày nay).

- Năm Tân Mùi (1631), Nguyễn Phúc Ngọc Khoa (con gái thứ ba của chúa Sãi) được gả cho vua Chiêm Thành là “ PôRôMê.” Nhờ có cuộc hôn phối này mà tình giao hảo giữa hai nước Việt-Chiêm được tốt đẹp.

### **Người Việt ghi nhận công lao Công nữ Ngọc Vạn**

Theo Nguyễn Lệ Hậu, thì: việc giữ gìn biên cương và mở mang bờ cõi luôn là ước vọng lớn lao của hầu hết các đấng quân vương, và trong suốt thời gian trị vì của mình các bậc đế vương đã không ngừng khai thác bằng hầu hết những khả năng và biện pháp vốn có. Ở đây, vấn đề hôn nhân nhằm mục đích chính trị đã đóng một vai trò không nhỏ trong việc mở mang bờ cõi, nhất là trong công cuộc Nam tiến. Trong đó các cành vàng lá ngọc đã đóng một vai trò nhất định, nước mắt má hồng đã tô thắm cho từng dải đất biên cương.

Nhận xét riêng về vai trò của Ngọc Vạn, TS. Trần Thuận viết:

*“Cuộc hôn nhân này mặc dầu không được sử nhà Nguyễn ghi chép vì một lý do nào đó. Song, xét đến cùng thì đây là một cuộc hôn nhân mang màu sắc chính trị có tầm quan trọng đặc biệt đối với lịch sử dân tộc Việt Nam, nó đáp ứng nhu cầu cho cả hai phía. Chân Lạp cần có sự "bảo hộ" của chúa Nguyễn để tránh khỏi sự tấn công tiêu diệt của vương quốc Xiêm. Chúa Nguyễn cần có chỗ đứng ở phía Nam, đẩy mạnh sự khai phá của lưu dân Việt trên*

*mảnh đất khô cằn và thấp trũng mà từ lâu người Chân Lạp vẫn bỏ hoang, đồng thời tạo nên sự ổn định mặt phía Nam để rảnh tay lo đương đầu với thế lực Trịnh ở phía Bắc... Ngọc Vạn, rõ ràng là một chiếc cầu nối trong quan hệ Việt–Miên ở thế kỷ 17... Trong lịch sử dân tộc Việt Nam, từng có những người phụ nữ làm nên đại cuộc như Hai Bà Trưng, Bà Triệu,... góp phần giành giữ nền độc lập cho Tổ quốc, và cũng từng có những người phụ nữ lặn lội hy sinh để cha anh làm nên nghiệp lớn như Huyền Trân, Ngọc Vạn, Ngọc Khoa... Chính họ là những con người làm nên lịch sử. Đáng kính thay!”*

Cảm phục Ngọc Vạn và Ngọc Khoa, thi sĩ Trần Tuấn Khải (1895-1983), đã có thơ rằng:

*Hồng Lạc ta đâu hiếm nữ tài  
Nghìn xưa Trưng-Triệu đã từng oai  
Nơi gương Khoa-Vạn, hai công chúa  
Một sớm ra đi mở đất đai.*

...

*Cũng vì hạnh phúc của muôn dân  
Vì nước, vì nhà, xá quản thân.  
Lá ngọc cành vàng coi nhẹ bổng,  
Hiếu trung cho trọn đủ mười phân.  
Những tiếc riêng cho phận nữ hài,  
Đem thân giúp nước há nhường trai.  
Vắng trang lịch sử, nào ai biết?  
Người đã hy sinh vị giống nòi.  
Tới nay kể đã mấy tinh sương  
Mượn bút quan hoài để biểu dương:  
Bà Rịa, Phan Rang ngàn vạn dặm,  
Công người rạng rỡ chốn quê hương.  
(trích Cảm vịnh hai bà Ngọc Vạn, Ngọc Khoa)  
Tân Việt Điều cũng có thơ ca ngợi hai bà:  
Ngọc Vạn, Ngọc Khoa giữ một niềm  
Vì ai, tô điểm nước non tiên?  
Chị lo giữ vẹn tình Miên-Việt,*

*Em nhớ làm tròn nghĩa Việt-Chiêm  
 Bà rịa, Biên Hòa thêm vạn dặm,  
 Phan Rang, Phan Rí mở hai miền  
 Non sông gấp mấy lần Ô, Lý  
 Nam tiến, công người chẳng dám quên.*  
 (chép trong “Biên Hòa sử lược toàn thư,” quyển 2)

## **B- Khuynh đảo / Thay đổi chính trị trong nước**

Những người đàn bà liệt kê dưới tiêu mục này thường có nhan sắc thật đẹp làm đảo điên nhiều người đàn ông đương thời đang nắm giữ quyền lực, vận mệnh đất nước, làm họ đi đến các quyết định thất nhân tâm, gây rối loạn chính trị... Riêng về vấn đề nhan sắc của các phu nhân này, cổ thi đã từng tốn nhiều bút mực ca tụng ví von như “lạc nhạn” (làm chim nhạn sa xuống đất), “trầm ngư” (làm cá phải lặn sâu dưới đất), “bê nguyệt” (làm che lấp làm mờ cả mặt trăng), “tu hoa” (khiến hoa đẹp phải xấu hổ)....

### **1- Thái hậu Dương Vân Nga**

Thái hậu Dương Vân Nga (chữ Hán: 楊雲娥;? - 1000) là vợ của vua Đinh Tiên Hoàng, sau trở thành Hoàng hậu của vua Lê Đại Hành. Bà đóng vai trò đặc biệt quan trọng trong sự chuyển giao giữa nhà Đinh và nhà Tiền Lê. Vì làm hoàng hậu, sử sách cũng nhắc tới bà với tên Dương hậu hay Dương thái hậu.

#### **Thân thế**

Sử sách không ghi rõ Dương Vân Nga sinh năm nào. Về thân thế của Bà cũng có nhiều thuyết. Bà là con gái của ông Dương Thế Hiện quê ở vùng Nho Quan, Ninh Bình. Tên Vân Nga là ghép từ hai chữ Vân Lung (nay thuộc xã Gia Vân, Gia Viễn) và Nga My (nay thuộc xã Gia Thủy, Nho Quan, cũng là quê ngoại Đinh Bộ Lĩnh) là tên thôn quê của cha và mẹ bà. Có tài liệu viết cha bà tên

là Dương Thái Huyền. Có tài liệu viết tên bà là Dương Ngọc Vân, con gái của Bình vương Dương Tam Kha (Dương Thiệu Hồng). Còn theo sách "Võ tướng Thanh Hóa trong lịch sử dân tộc," dẫn gia phả họ Dương cho biết Dương Đình Nghệ có ba con trai là Dương Nhất Kha, Dương Nhị Kha, Dương Tam Kha. Bà là con của Dương Nhị Kha và cháu của Dương Tam Kha. Chưa rõ nguồn tài liệu nào chính xác.

Theo một bài viết thì Dương Vân Nga vốn là mẹ sứ quân Ngô Nhật Khánh. Đinh Tiên Hoàng dẹp xong Nhật Khánh, lấy bà làm vợ, sau đó đưa người con gái riêng của bà - tức em Ngô Nhật Khánh - làm vợ Đinh Liễn. Tuy nhiên, quan điểm này không vững do nhiều tình tiết không hợp lý (xem ở dưới).

### **Nghi án cung đình**

Theo sử sách, năm Kỷ Mão 979, Đinh Bộ Lĩnh cùng con trai Đinh Liễn bị viên hoạn quan Đỗ Thích ám sát. Trước đó Thái tử Hạng Lang bị Đinh Liễn giết. Đinh Toàn - con Dương Vân Nga - con trai còn lại của Đinh Bộ Lĩnh lên ngôi. Dương Vân Nga trở thành Thái hậu. Tuy nhiên, nhiều nhà nghiên cứu gần đây có khuynh hướng bác bỏ giả thiết cho rằng cha con Đinh Tiên Hoàng bị Đỗ Thích giết mà đặt giả thiết thủ phạm chính là Lê Hoàn cùng với sự hậu thuẫn của Dương Vân Nga. Họ giải thích rằng Lê Hoàn ý muốn đoạt ngôi, còn Dương Vân Nga trong cuộc tranh đua với các hoàng hậu khác để giành ngai vàng cho con trai đã cấu kết với Lê Hoàn.

### **Hoàng hậu triều Lê**

Đinh Toàn khi đó mới 6 tuổi, Thập đạo tướng quân Lê Hoàn là nhiếp chính. Các đại thần Đinh Điền, Nguyễn Bặc, Phạm Hạp thấy quyền lực rơi vào tay Lê Hoàn, lại nghi Dương Vân Nga cùng Lê Hoàn tư thông nên cử binh đến đánh. Lê Hoàn dẹp tan, Đinh Điền, Nguyễn Bặc, Phạm Hạp đều bị giết. Phò mã nhà Đinh là Ngô Nhật Khánh bỏ trốn vào Nam, cùng vua Chăm với hơn nghìn chiến thuyền định đến đánh kinh đô Hoa Lư nhưng bị bão chìm chết.



Năm 980, quân Tống chuẩn bị sang đánh, Dương Vân Nga cùng triều thần tôn Lê Hoàn lên làm vua, tức vua Lê Đại Hành. Lê Hoàn sau khi chiến thắng quân Tống lập nên nhà Tiền Lê. Dương Vân Nga trở thành một trong năm Hoàng hậu của Lê Đại Hành.

Bà mất năm 1000, cùng năm với con trưởng của Lê Hoàn là Lê Thâu.

Các sử gia phong kiến đặc biệt chỉ trích Lê Hoàn và Dương Vân Nga.

Trong Đại Việt sử ký toàn thư, Ngô Sĩ Liên viết:

"Đạo vợ chồng là đầu của nhân luân, dây mối của vương hóa. Hạ kinh của Kinh Dịch nêu quẻ Hàm và quẻ Hằng lên đầu, là để tỏ cái ý lấy đàn bà tất phải chính đáng. Đại Hành thông dâm với vợ vua, đến chỗ nghiệm nhiên lập làm hoàng hậu, mất cả lòng biết hổ thẹn. Dem cái thói ấy truyền cho đời sau, con mình bắt chước mà dâm dật đến nỗi mất nước, há chẳng phải là mở đầu mối họa đó sao?"

Các sử gia hiện đại có cái nhìn khác về Lê Hoàn và Dương Vân Nga. Hoàng Xuân Hãn viết trong Hoàng Xuân Hãn tuyển tập:

*"... việc này trái với khuôn phép nhà nho. Các sử gia nho xưa đã trình trọng chỉ trích như Ngô Sĩ Liên, Ngô Thì Sĩ... Các vị ấy không hiểu rằng đời Đinh, Tiền Lê đạo Nho chưa có ảnh hưởng gì sâu vào dân Việt cho đến nửa đời Trần còn thế. Dân chúng đã lập đền thờ các vua Đinh Lê trên nền tảng cung điện Hoa Lư mà không quên bà Dương hậu, không những thế mà còn tự hợp hai vua tô tượng hai vua ngồi chung một toà với Dương hậu ở giữa. Nhưng đến đầu đời Lê Thái Tổ cho là trái đạo mà bỏ đi! Tuy vậy các nho gia phê bình cũng không ai trách bà mà chỉ trách Lê Hoàn."*

Dương Vân Nga và Lê Hoàn được thờ ở đền vua Lê tại huyện Hoa Lư, Ninh Bình.

## Hoàng hậu hai triều

Sử sách chỉ nhắc đến Dương Vân Nga là hoàng hậu hai triều Đinh - Lê, nhưng gần đây có ý kiến cho rằng bà là hoàng hậu ba triều.

Theo cuốn Phả hệ họ Ngô Việt Nam, Gia phả họ Đinh Danh ở Thái Bình thì bà Dương Thị là hoàng hậu ba triều. Trước khi lấy Đinh Tiên Hoàng, bà đã lấy Hậu Ngô vương Ngô Xương Văn và sinh ra Ngô Nhật Khánh. Điển hình trong số những người ủng hộ giả thiết này là ba tác giả: Phan Duy Kha, Lê Duy Lan, Đinh Công Vĩ trong tác phẩm “Nhìn lại lịch sử (do nxb Văn hoá thông tin ấn hành năm 2003). Tuy nhiên, giả thuyết Bà là hoàng hậu ba triều có những chỗ không ổn, nếu đi sâu tìm hiểu những tình tiết từ các nguồn sử sách và tài liệu những năm gần đây. Những căn cứ chủ yếu là:

### Sử sách

Hoàng hậu là một nhân vật quan trọng trong cung đình, trong đời sống đế vương. Hoàng hậu là "mẫu nghi thiên hạ." Phàm sách sử khi chép tới vua và hoàng tử đều nói đến vợ vua và mẹ hoàng tử, không thể bỏ qua. Vậy mà tất cả các sách sử, từ sách cổ xưa nhất như Việt sử lược đến những sách sử sau này như Đại Việt Sử ký Toàn thư, Khâm định Việt sử Thông giám Cương mục, Việt sử Tiêu án..., đều không thấy chép Dương hậu từng là vợ của Hậu Ngô vương Xương Văn và mẹ của Nhật Khánh, tất phải có lý do, vì đây không phải là sự thực. Hơn nữa, nếu quả thực Dương hậu là vợ Hậu Ngô vương nghĩa là Bà là hoàng hậu của ba triều, Ngô, Đinh và Lê, một trường hợp hy hữu trong lịch sử. Sự hy hữu đó càng khiến các sử gia không thể "bỏ qua," mà không nhắc đến.

Hơn nữa, có một tình tiết ghi trong sử: Ngô Xương Ngập và Ngô Xương Văn đều làm vua, thậm chí Xương Văn dù là em còn được mọi người kính trọng hơn vì công trạng khôi phục ngôi vua cũng như tính nhún nhường, khiêm cung của ông. Trong khi gia quyến Xương Ngập được kể rõ (vợ là Phạm thị con Lệnh công Phạm

Chiêm và con là Ngô Xương Xí) thì những người gia quyến của Xương Văn, như giả thuyết của sách Phả hệ họ Ngô Việt Nam, là Dương Thị và Nhật Khánh, lại không được sử sách "nối kết" với ông vua em. Và Nhật Khánh, là cháu nội Tiền Ngô vương, cháu ngoại Dương Bình vương, nhưng sử sách lại không hề nhắc tới thân thế. Đại Việt sử ký toàn thư cũng chỉ ghi chung chung: "Nhật Khánh là con cháu Tiền Ngô vương..."

Khi Lê Hoàn lập Dương Vân Nga làm hoàng hậu, chính sử ghi rõ: "Vua lập Đại Thắng Minh hoàng hậu triều Đinh làm hoàng hậu" và các sử gia rất nặng lời với Lê Hoàn trong việc này. Vậy mà đối với việc Đinh Bộ Lĩnh lấy mẹ Ngô Nhật Khánh, ta chỉ thấy sử chép: "lấy mẹ Nhật Khánh" mà không hề thấy ghi "lấy hoàng hậu cũ của Nam Tấn vương." Hơn nữa, không ai chê cười vua Đinh lấy mẹ Nhật Khánh cả. Các sử gia thông cảm cho mục đích chính trị của việc này (ràng buộc họ Ngô cho thân để thu phục Ngô Nhật Khánh). Nếu mẹ Khánh là vợ Nam Tấn vương Ngô Xương Văn, hẳn các sử gia (như Lê Văn Hưu, Ngô Sĩ Liên...) sẽ kết tội vua Đinh làm "đầu têu" cho Lê Hoàn trong việc lấy vợ vua trước, và những dòng viết "nặng lời" dành cho Lê Hoàn, trước hết đã dành cho vua Đinh rồi.

## Giai thoại

Có lẽ nhắc đến Dương hậu, không ít người biết giai thoại khi Bà mới sinh thường hay khóc dạ đề. Một hôm có người đạo sĩ đi qua, ông đọc hai câu thơ khiến cô bé nín bật:

*"Nín đi thôi, nín đi thôi! Một vai gánh vác cả đôi sơn hà."*

Lời tiên tri của ông đạo sĩ ứng nghiệm vào việc bà lấy Đinh Tiên Hoàng và Lê Đại Hành. Đờn sau có thể ước đoán rằng, câu sấm này là do người ta đặt ra sau khi sự việc đã diễn ra. Như vậy, khi sự việc đã diễn ra, sau khi Dương hậu đã mất (năm 1000), bà đã chỉ lấy 2 vua, Đinh và Lê, nên người đờn mới đặt ra câu sấm, mượn lời

ông đạo sĩ, để bà gánh vác "đôi sơn hà" mà không gánh vác "ba sơn hà."

Mặt khác, còn một giai thoại nữa ở Ninh Bình kể về mối tình thời trẻ giữa Lê Hoàn và Dương Thị. Dân gian cảm thông, biện minh cho quan hệ của hai người sau này trong cung đình nên đã hợp pháp hoá cho mối tình của họ từ tuổi thanh xuân, để đến khi vào cung, việc họ làm chỉ là "nói lại tình xưa," làm giảm nhẹ tình tiết mà các nhà nho gọi là Lê Hoàn đã "lấy mẹ goá, hiếp con cô." Câu chuyện trên dù là có thật hay chỉ là giai thoại, nó cũng phản ánh một giá trị: Lê Hoàn và Dương hậu trạc tuổi nhau. Và đó mới là cơ sở để dân gian thêm dệt câu chuyện tình thời trẻ đẹp đẽ, "xứng đôi vừa lứa" của họ với thái độ đồng tình. Nếu bà là một hoàng hậu trong cung (thành Cổ Loa của Ngô Xương Văn và sau lại theo con là Nhật Khánh về Đường Lâm - Sơn Tây) thì bà không thể gặp được Lê Hoàn ở Hà Nam hoặc Thanh Hoá (quê ông có hai thuyết, một thuyết cho rằng ở Hà Nam, thuyết khác nói rằng ở Thanh Hoá). Bà và Lê Hoàn trạc tuổi nhau thì bà không thể sinh ra Ngô Nhật Khánh vì khi Khánh nổi dậy năm 965 ít nhất cũng phải 18 tuổi, mà Lê Hoàn (xấp xỉ tuổi Bà) khi đó mới 24.

Các tác giả trong Nhìn lại lịch sử cho rằng có thể Dương Hậu và Lê Hoàn biết nhau ngay từ khi hàn vi, nhưng vì không "môn đăng hộ đối" nên Dương Tam Kha không chấp nhận. Giả thiết này rất gượng ép. Theo các tác giả này, bà sinh năm 928. Như vậy, ít nhất đến năm 965 khi Xương Văn tử trận (lúc đó bà 37 tuổi), bà còn ở Cổ Loa với tư cách là hoàng hậu. Chỉ khi Nam Tấn vương mất bà mới theo cha (Tam Kha) - theo các tác giả Nhìn lại lịch sử - là về Ái châu, chứ không phải áp Chương Dương mà ông được phong; và bà cũng không "tòng tử," theo con Nhật Khánh về Đường Lâm. Đây chính là một tình tiết hơi khó hiểu trong lập luận của ba tác giả trên. Giả sử cứ cho rằng giả thiết trên đúng là bà về Ái châu, thì theo chính sử, ngay sau khi Nam Tấn vương mất, Đinh Liễn từ Cổ Loa trở về Hoa Lư, thoát thân phận làm con tin và được sai đi châu Ái mộ quân. Lê Hoàn, lúc này 24 tuổi, ở trong số những người theo Đinh Liễn về Hoa Lư. Như vậy, năm 965, tại Ái châu, trong

một khoảng thời gian rất ngắn, một người quyền quý, đứng tuổi mới đến và một người nghèo khó, lam lũ, trẻ trung vừa đi như Lê Hoàn, làm sao mà gặp được nhau, và gặp nhau trong môi trường nào với sự ngăn cách giàu nghèo của xã hội ngày ấy để trở thành tình nhân? Điều đáng nói hơn là tác giả Đinh Công Vĩ, trong bài viết riêng của mình, lại ghép hai tư liệu không hề logic lại với nhau để khẳng định một lần nữa điều này. Một mặt, tác giả dẫn ngọc phả ở Thanh Hóa để khẳng định mối tình thời son trẻ của Dương hậu và Lê Hoàn khi bà chưa lấy Ngô Xương Văn. Tiếp theo, tác giả lại viết: "Theo một tài liệu khác thì sau đó Bà lấy Ngô Xương Văn." Chỉ căn cứ vào phép toán số học có thể thấy không thể có chuyện này. Bởi lẽ, bà lấy Xương Văn (tác giả căn cứ vào sử chép: "Tam Kha lấy Xương Văn làm con mình") khoảng năm 945, lúc bà 17 tuổi nhưng trước đó bà đã yêu Lê Hoàn thì Lê Hoàn lúc ấy cũng chỉ là một cậu bé mới lên 4 tuổi thôi. Dương Tam Kha lấy con thứ hai của Ngô vương là Xương Văn làm con mình mà kết luận rằng "lấy làm con mình tức là cho làm con rể" là điều phỏng đoán hơi đi quá. Dương Tam Kha vốn là cậu ruột của Xương Văn, khi ông không có con trai thì việc nhận cháu làm con cũng là điều dễ hiểu. "Nhận làm con" mà suy ra là "làm con rể" thì chưa hoàn toàn thuyết phục.

Vậy, dù là Bà yêu Lê Hoàn lần đầu khi cả hai người chưa vào Hoa Lư (theo giai thoại mà sử không chép) trước hay sau khi Xương Văn chết đi nữa thì cũng chỉ nói lên một điều: Bà không lấy Xương Văn. Bà phải cùng một lứa tuổi với Lê Hoàn và như thế thì không phải là mẹ Nhật Khánh (vì Khánh cũng sinh khoảng 945 - 946 đến năm 965 trở thành một sứ quân). Giả thiết của ba tác giả trên rất mâu thuẫn về không gian và thời gian.

## **Gia phả**

Gia phả gọi Bà là Dương Vân Nga, tức là gọi theo giai thoại dân gian. Chính các tác giả Nhìn lại lịch sử cũng có nhận xét rằng "Dương Vân Nga" chỉ là cái tên trong truyền thuyết dân gian. Đóng góp của các nhà soạn Phả hệ họ Ngô Việt Nam là không thể

phủ nhận, thậm chí rất đáng trân trọng và thán phục. Nhưng, cũng như chính cuốn gia phả đã dẫn, có những giả thuyết đã quá xa xưa, như trường hợp giả thuyết nói tổ tiên 7 đời của Ngô Quyền cách ông những 700 năm (điều không thể xảy ra – như kết luận của của sách này) chẳng hạn, thì ta thấy rằng, gia phả - cả họ Ngô lẫn họ Đinh Danh - cũng chỉ là một nguồn tài liệu để tham khảo mà thôi, không đủ để cải chính mọi điều trong chính sử.

Cuối cuốn Phả hệ họ Ngô Việt Nam có dẫn danh sách một loạt tài liệu tham khảo cổ xưa. Đây là một trong những vấn đề liên quan đến cổ sử cần lưu ý. Chuyện bà Dương hậu cách đây đã hơn 1000 năm. Hãy thử làm một phép so sánh để thấy sự khó khăn của những người nghiên cứu sử học và so sánh với sự xung đột giữa anh em Nguyễn Nhạc và Nguyễn Huệ cách đây chỉ hơn 200 năm (cuối 1786, đầu 1787). Sự kiện giữa anh em nhà Nguyễn Tây Sơn, dù xảy ra khi sử học Việt Nam đã khá phát triển (sau khi Đại Việt sử ký toàn thư đã ra đời ngót 100 năm), thế nhưng những gì sách sử để lại về nó đều còn nhiều chỗ không rõ ràng khiến đời sau gặp nhiều khó khăn khi tìm hiểu nó. Với một sự kiện xảy ra cách đây 200 năm mà còn khó xác định tính chân thực như vậy, huống chi, tài liệu tham khảo cổ xưa nhất cho các nhà biên soạn cuốn Lịch sử họ Ngô Việt Nam là một cuốn gia phả cổ cũng "chỉ" được soạn vào tận năm 1477, tức là đã cách xa thời đại của bà Dương hậu những 500 năm! Điều kiện nghiên cứu xưa kia khó khăn hơn ngày nay nhiều, từ phương tiện lưu giữ đến phương tiện truyền tin, rất khó tránh khỏi việc "tam sao thất bản." Đó những khó khăn mà không chỉ các tác giả gặp phải khi soạn thảo gia phả, mà ngay với các nhà sử học khi nghiên cứu lịch sử cũng gặp phải điều tương tự. Việc "ché biên" thông tin, trong những trường hợp còn quá mờ mịt nếu căn cứ vào sử sách, là khó tránh khỏi. Trong trường hợp này, những nhà soạn Phả hệ đã "ché biên" thông tin thiếu chính xác, chưa hợp lý.

### **Hành vi của Ngô Nhật Khánh.**

Có một tình tiết sử cũ ghi lại mà các nhà nghiên cứu, những người ủng hộ quan điểm bà Dương hậu lấy 3 vua, tác giả “Nhìn lại lịch sử” chưa chú ý. Khi khẳng định Dương hậu mẹ Đinh Toàn cũng là mẹ Ngô Nhật Khánh, các tác giả lại không nghiên cứu thấu đáo về quá trình hành trạng của Nhật Khánh. Vì Mẹ Nhật Khánh và hoàng hậu Dương thị phải là hai người chứ không thể là một người.

Sử sách khi đề cập việc Đinh Bộ Lĩnh lấy mẹ Khánh không ghi bà mang họ gì; khi đề cập tới Dương hậu mẹ Đinh Phế Đế sử sách cũng không ghi bà chính là mẹ Ngô Nhật Khánh. Các thần phả, ngọc phả cho thấy trước khi đến dụ hàng Ngô Xương Xí, Đinh Bộ Lĩnh đã đến yết kiến Chương Dương công Dương Tam Kha để xin "tác động" và lấy con ông là Dương Ngọc Vân. Bà này chính là Dương hậu trong sử sách, và thông qua tác động của bà, Xương Xí đã hàng vua Đinh mà không gây đổ máu. Như vậy Đinh Bộ Lĩnh lấy con gái Dương Tam Kha để dụ hàng Xương Xí, chưa từng nghe nói ông làm rêu Tam Kha để dụ Nhật Khánh bao giờ. Việc lấy con gái Dương Tam Kha và lấy mẹ Ngô Nhật Khánh là hai việc làm riêng rẽ của vua Đinh, nhằm thu phục hai anh em họ Ngô cát cứ trên hai vùng khác nhau. Để cho hai họ Ngô được sống là cách làm thông minh nhất của vua Đinh. Bởi lẽ, chính họ Ngô chứ không phải họ nào khác, đang nắm quyền trị nước, đang là "chính thống," vì thế khi đánh dẹp các sứ quân, ông không thể đối xử với họ Ngô theo kiểu "triệt hạ" như đối với họ Đỗ, họ Nguyễn, họ Lã hay họ Kiều được. Ông đã giành thiên hạ bằng cả "uy vũ" lẫn "đức độ," bằng cả "lý" lẫn "tình."

Mẹ Ngô Nhật Khánh, dù đã có tuổi khi lấy Vạn Thắng vương Đinh Bộ Lĩnh, chính là người đã sinh ra Đinh Hạng Lang, con út của Tiên Hoàng, sớm nhất là năm 975 (vì Đinh Toàn sinh năm 974 và là anh Hạng Lang). Đinh Tiên Hoàng vì bà, và vì để lấy lòng Nhật Khánh nữa, đã lập Hạng Lang làm thái tử. Nhật Khánh chưa chấp ý đồ không thể nói hết khi giục mẹ nài nỉ vua lập em làm thái tử. Ông ta định sau này sẽ làm phụ tá cho cậu em ruột còn thơ ấu để nắm quyền bính (và chưa chấp ý định làm Vương Mãng, Tào Tháo). Nhưng việc đó không qua được Nam Việt vương Đinh Liễn

vốn là người đã trưởng thành và có nhiều công lao trong việc đánh dẹp, ngoại giao của nước Đại Cồ Việt. Theo chính sử, Đinh Liễn giết Hạng Lang đầu năm 979. Tuy nhiên, vì yêu con và không thể tiếp tục gây đổ máu, Tiên Hoàng đã không trừng phạt Đinh Liễn bằng cái chết.

Việc Tiên Hoàng không trừng phạt Đinh Liễn bằng án tử hình khiến Nhật Khánh vô cùng tức giận và đây mới chính là động cơ chủ yếu thúc giục Khánh bỏ sang Chiêm Thành. Ông ta lấy dao rạch mặt vợ là con gái Tiên Hoàng, em Đinh Liễn và bảo rằng: "Cha mày lừa dối ức hiếp mẹ con ta..." Lời nói bị lừa dối đó hẳn chứa đựng sự tức giận vì Tiên Hoàng đã "nuốt lời." Vua Đinh hứa đưa em Khánh (Hạng Lang) lên ngôi, nhưng khi em Khánh bị hại thì kẻ thủ phạm lại không bị trừng phạt đích đáng theo ý muốn của Khánh, bởi thế Khánh mới tìm đến Chiêm Thành để cầu viện báo thù. Ý định của Khánh là mượn quân Chiêm để về nước làm vua, khôi phục nhà Ngô. Nếu Hạng Lang không chết mà được nối ngôi như dự kiến thì sớm muộn Khánh cũng làm Vương Mãng, Tư Mã Chiêu, tiêu diệt họ Đinh, phế truất ấu chúa này mà giành lấy ngôi – giống như tấm gương Triệu Khuông Dận lấy ngôi của cậu bé 6 tuổi Sài Tông Huân cách đó ít lâu bên phương bắc.

Dã tâm và hành vi của Nhật Khánh có thể cho thấy sáng tỏ một lần nữa Dương hậu không phải là mẹ Nhật Khánh. Nếu bà là mẹ Khánh, em (cùng mẹ khác cha) Khánh sẽ là Toàn, sau này Toàn được nối ngôi, Khánh sẽ được làm phụ chính (y hệt vai của Lê Hoàn), Khánh không cần phải đi mượn quân Chiêm Thành để giành quyền nữa. Mặt khác, kể cả trường hợp Khánh đã "trót" bỏ sang Chiêm khi Tiên Hoàng và Đinh Liễn chưa bị hại, thì sau khi em Khánh là Toàn lên ngôi, sao Khánh không về mà phải xui vua Chiêm động binh để rước cái chết vào mình?

Những hành động Dương hậu và Khánh đã làm như sử chép (trao ngôi cho người ngoài, dẫn giặc về) cho thấy cả Dương hậu và Khánh đều có chung một ý tưởng: diệt nhà Đinh. Vậy nếu hai người là mẹ con thì tại sao chẳng cùng nhau bàn cách hành động,



việc gì Khánh phải bỏ sang Chiêm Thành? Hẳn là lúc đó em (Hạng Lang) đã chết và mẹ cũng đã mất hoặc đã quá già yếu và bị Tiên Hoàng xa lánh, chỗ dựa đã hết, Khánh cùng đường mới tìm cách sang Chiêm. Dương Hậu và Khánh không phải là mẹ con.

Các tác giả cuốn Phả hệ họ Ngô Việt Nam dẫn chiếu từ trang 323 cuốn sách Bước thăng trầm của Quách Tấn (xuất bản 1996) để nêu giả thiết: phải chăng sử cũ nhằm Ngô Nhật Khánh với vua Chiêm Thành lúc đó là Ngô Nhật Hoan và biện minh rằng Nhật Khánh không phải là kẻ bán nước. Tuy nhiên, nếu chỉ căn cứ vào một cuốn sách xuất bản tận năm 1996 để phản biện với điều đã được tất cả sử sách khẳng định về sự kiện Nhật Khánh dẫn giặc về nhà thì rất không thuyết phục. Phả hệ họ Ngô Việt Nam dẫn thêm việc có đền thờ Ngô Nhật Khánh để chứng minh việc Khánh vô tội. Tuy nhiên, lý do việc có đền thờ Ngô Nhật Khánh không có gì khó hiểu, các sứ quân khác cũng có đền thờ như Kiều Công Hãn hay thậm chí tướng giặc Sầm Nghi Đống cũng có đền thờ.

## **Kết luận**

Từ những lập luận trên, có thể rút ra 3 kết luận:

- Dương hậu là con Bình vương Dương Tam Kha, hoặc có thể là con Dương Thế Hiển hay Dương Thái Huyền hoặc Dương Nhị Kha, sau làm con nuôi Dương Tam Kha. Từ việc Dương Tam Kha nhận Ngô Xương Văn làm con có thể suy đoán vua Dương Bình vương không có con hoặc rất hiếm muộn.
- Dương hậu không lấy Ngô Xương Văn và bà không phải là mẹ Ngô Nhật Khánh. Bà chỉ là hoàng hậu hai triều Đinh, Lê như sử sách đã ghi. Bà trạc tuổi Lê Hoàn và thọ khoảng 55-60 tuổi. Bà sinh ra Đinh Toàn lúc trên dưới 30 tuổi.
- Ngô Nhật Khánh không phải cháu ngoại của Chương Dương công Dương Tam Kha.

Chỉ còn một vài cơ hội cuối cùng, vẫn có thể xảy ra, nhưng chỉ có thể làm thay đổi ít nhiều thông tin của 1 trong 3 kết luận trên chứ không thể thay đổi được mệnh đề: Dương hậu chỉ là hoàng hậu 2 triều chứ không phải 3 triều:

a. Có thể trong 4 hoàng hậu còn lại của Đinh Tiên Hoàng, bà mẹ của Nhật Khánh cũng mang họ Dương.

b. Có thể Ngô Xương Văn cũng lấy một người vợ họ Dương khác, không phải là người lấy 2 vua Đinh, Lê sau này và ông không phải là cha của Nhật Khánh.

c. Giáo sư sử học Lê Văn Lan, trong cuốn "Lịch sử Việt Nam - hỏi và đáp" (2004) đã có cách biện luận rất ngắn gọn và thông minh để phản bác giả thuyết Dương Vân Nga là hoàng hậu ba triều của cuốn Phả hệ họ Ngô Việt Nam. Ông cho rằng:

“Cuốn Phả hệ họ Ngô Việt Nam chỉ nói tới việc Ngô Xương Văn có một bà vợ mang tên Dương Vân Nga, sau đó không hề nhắc tới việc bà Dương Vân Nga này lấy ai nữa. Do đó không thể kết luận bà còn lấy vua Đinh và vua Lê.”

Bổ sung thêm cho giả thiết của giáo sư Lê Văn Lan: Cái tên "Dương Vân Nga" trong trường hợp này có thể coi là sự trùng hợp gây lầm lẫn cho người sau, hoặc tên của bà vô tình (do thời gian trôi đi, do truyền miệng thêu dệt...) được gán cho người thực sự lấy 2 vua Đinh, Lê mà bà hoàng hậu hai triều kia thì vốn mang tên khác, như Dương Ngọc Vân chẳng hạn.

Như vậy, vẫn có thể có sự trùng hợp hãn hữu nào đó trong số các giả thiết a, b hoặc c kể trên, nhưng những sự trùng hợp đó chỉ có thể gây hiểu lầm ở một số góc cạnh phiến diện về việc có hoàng hậu ba triều mà thôi, còn hoàng hậu ba triều họ Dương chắc chắn là không tồn tại.

**Vẻ đẹp của Dương Vân Nga**

Theo các truyền thuyết dân gian, sinh thời Dương Vân Nga rất xinh đẹp. Bà có khuôn mặt bầu bĩnh rất phúc hậu song vẫn có nét thanh tú, cao sang. Nước da của bà hoàng hậu họ Dương trắng hồng và cặp mắt phượng, mày ngài lúc nào cũng long lanh đầy tình tứ. Nhan sắc bà được mô tả trong cuốn "Hoàn Vương ca tích" (tìm thấy ở Hà Nam). Bà không chỉ đẹp mà còn tràn đầy sinh lực:

*“Môi son rùng rục, mặt hoa rờn rờn  
Mắt kia sao mọc còn còn  
Cổ kia đã trắng lại tròn hân hân.”*

Vẻ đẹp của bà quyền rũ đến nỗi mỗi nước đi cũng làm cả vùng thiên nhiên, cây cỏ xao động, bừng sáng:

*“Đôi đông điểm ngọc, đôi tây mây vàng  
Suối trong tựa ánh nguyệt tràn  
Mây ngời xôm, cá lượn đàn lên mây  
Chim kẻ mỏ, bướm xỏ mày  
Bao nhiêu suối chảy thành cây đàn cầm....”*

Chắc hẳn chính vẻ đẹp thanh tú, mỹ miều và uyển chuyển của bà đã khiến cho cả vị chúa động Hoa Lư Đinh Bộ Lĩnh và sau này Thập đạo tướng quân Lê Hoàn mê đắm. Đó là lý do bà được làm chính cung ở cả hai triều đại nhà Đinh và nhà Tiền Lê.

## **Tôn vinh**

Dương Vân Nga được thờ phụng cùng với Lê Hoàn tại đền Vua Lê Đại Hành ở khu di tích cố đô Hoa Lư. Bà cũng được phối thờ cùng Lê Hoàn tại 4 nơi khác ở Ninh Bình như ở đền Đồng Bến, thành phố Ninh Bình, tương truyền là nơi bà đón Vua Lê đánh thắng giặc Tống trở về; tại đền vua Lê, xã Lai Thành, huyện Kim Sơn; tại chùa Trung Trữ, Ninh Giang, huyện Hoa Lư, bà cũng được phối thờ cùng hai vua. Cuối đời Dương Vân Nga tu hành tại động Am

Tiên ở phía đông kinh thành Hoa Lu, tại đây còn lưu bài thơ về cuộc đời và sự nghiệp của bà.

Ở thành phố Ninh Bình, tên tuổi Dương Vân Nga cùng với Lê Đại Hành được đặt cho hai con đường song song với nhau nằm bên bờ sông Vân, tên sông có ý nghĩa là giường mây, nơi ghi dấu truyền thuyết tình yêu giữa hai người.

Tên tuổi Dương Vân Nga hiện tại được đặt cho nhiều đường đường phố thuộc các thành phố khác như: Đà Nẵng, Vũng Tàu, Buôn Mê Thuột, Nha Trang, Sài Gòn Thanh Hóa.

Tóm lại, vai trò của Dương Vân Nga vẫn còn nhiều tranh luận, tuy nhiên theo người viết, vì lúc Đinh Tiên Hoàng và Thái tử Đinh Liễn bị Đỗ Thích ám sát (?), con trai của Dương thái hậu là Đinh Toàn còn nhỏ (5 tuổi) lên ngôi, giặc Tống ở phía bắc lợi dụng tình hình đại Việt rối ren, liền chuẩn bị cất binh xâm lược nước ta. Thái Hậu Dương Vân Nga sai Lê Hoàn chọn tướng sĩ để chống cự rồi đi thẳng vào triều đường, bảo mọi người rằng: “Thường người có công, giết kẻ không theo mệnh lệnh, là kỷ luật hành quân. Nay Chúa Thượng trẻ thơ, chúng ta dù hết sức liều chết chống kẻ địch bên ngoài, may lập được chút công thì ai biết cho? Chi bằng trước hãy tôn Thập đạo Tướng quân làm Thiên tử, rồi sau sẽ đem quân đi đánh thì hơn!” Quân sĩ nghe nói thế đều hô “vạn tuế.” Thái hậu nghe nói vậy sai hữu Ty đem đủ nghi trượng rước Lê Hoàn vào cung, lấy áo rồng khoác lên mình Hoàn, khuyên Hoàn lên ngôi Hoàng đế” (?)

Hành động này của Dương thái Hậu bị các đại thần trung thành với nhà Đinh chống lại quyết liệt. Các nhà nho phong kiến và dư luận, kể cả sau này các sử gia hết sức chỉ trích. Song, trong tình thế đất nước lúc đó hết sức cấp bách bởi nguy cơ xâm lược của nhà Tống đã hiện ra trước mắt, Dương Thái Hậu đã có cái nhìn vô cùng sáng suốt, đặt lợi ích dân tộc và quốc gia lên trên lợi ích dòng tộc, chọn Lê Hoàn là một thống soái quân đội, dày dặn kinh nghiệm chiến

đầu, có khả năng tập hợp và tài năng chỉ huy quân dân ta lúc đó đương đầu với quân xâm lược, loại bỏ được nguy cơ mất nước.

## 2- Nữ Hoàng Lý Chiêu Hoàng

Lý Chiêu Hoàng (chữ Hán: 李昭皇; 1218-1278), là vị vua thứ 9 và là cuối cùng của nhà Lý (Việt Nam) từ năm 1224 đến năm 1225, đồng thời là vị Nữ hoàng duy nhất trong lịch sử Việt Nam.

### Tiểu sử

Bà là con thứ của vua Lý Huệ Tông, sinh tháng 9 năm Mậu Dần (1218), tên húy là Phật Kim (佛金), sau đổi là Thiên馨 (天馨), tước hiệu là Chiêu Thánh công chúa. Mẹ bà là bà Trần Thị Dung, chị gái là công chúa Thuận Thiên.

### Nữ hoàng bất đắc dĩ

Năm 1224, Trần Thủ Độ chuyên quyền, ép vua Lý Huệ Tông đi tu. Lý Huệ Tông không có con trai, ông phải lập công chúa Chiêu Thánh làm “Thái tử,” rồi truyền ngôi, đổi niên hiệu là Thiên Chương Hữu Đạo, gọi là Lý Chiêu Hoàng.

Năm 1225, họ Trần nắm giữ binh quyền và các chức vụ quan trọng. Dưới sự đạo diễn của Trần Thủ Độ, Trần Cảnh là cháu họ, con của Trần Thừa, 8 tuổi được đưa vào cung làm Chánh thủ hầu hạ Lý Chiêu Hoàng. Trần Cảnh được Chiêu Hoàng gần gũi, yêu mến, hay trêu đùa. Trần Thủ Độ lấy dịp đó dựng nên cuộc hôn nhân giữa Lý Chiêu Hoàng và Trần Cảnh rồi chuyển giao triều chính bằng cách để Lý Chiêu Hoàng nhường ngôi cho chồng.

Đại Việt Sử ký Toàn thư chép:

*“... Một hôm, Cảnh lúc ấy mới lên 8 tuổi, phải giữ việc bưng nước rửa, nhân thế vào hầu bên trong. Chiêu Hoàng trông thấy làm ra, mỗi khi chơi đêm cho gọi Cảnh đến cùng chơi, thấy Cảnh ở chỗ tối thì thân đến trêu chọc, hoặc nắm lấy tóc, hoặc đứng lên bóng.*

*Có một hôm, Cảnh bưng chậu nước hầu, Chiêu Hoàng rửa mặt lấy tay vốc nước té ướt cả mặt Cảnh rồi cười trêu, đến khi Cảnh bưng khăn trầu thì lấy khăn ném cho Cảnh. Cảnh không dám nói gì, về nói ngầm với Thủ Độ.*

*Thủ Độ nói: "Nếu thực như thế thì họ ta thành hoàng tộc hay bị diệt tộc đây?"*

Lại một hôm, Chiêu Hoàng lại lấy khăn trầu ném cho Cảnh, Cảnh lay rồi nói:

*"Bệ hạ có tha tội cho thần không? Thần xin vâng mệnh."*

Chiêu Hoàng cười và nói:

*"Tha tội cho ngươi. Nay ngươi đã biết nói khôn đó."*

Cảnh lại về nói với Thủ Độ.

Thủ độ sợ việc tiết lộ thì bị giết cả, bấy giờ mới tự đem gia thuộc thân thích vào trong cung cấm. Thủ Độ đóng cửa thành và các cửa cung, sai người coi giữ, các quan vào châu không được vào. Thủ Độ loan báo rằng:

*"Bệ hạ đã có chồng rồi."*

Các quan đều vâng lời, xin chọn ngày vào châu. Tháng ấy, ngày 21, các quan vào châu lay mừng. Xuống chiếu rằng:

*"Từ xưa nước Nam Việt ta đã có đế vương trị thiên hạ. Duy triều Lý ta vâng chịu mệnh trời, có cả bốn biển, các tiên thánh truyền*

*nổi hơn hai trăm năm, chỉ vì thượng hoàng có bệnh, không người nối dõi, thế nước nghiêng nguy, sai trăm nhận mệnh chiếu, cố gương lên ngôi, từ xưa đến giờ chưa từng có việc ấy. Khốn nỗi trăm là nữ chúa, tài đức đều thiếu, không người giúp đỡ, giặc cướp nổi lên như ong, làm sao mà giữ nổi ngôi báu nặng nề? Trăm dậy sớm thức khuya, chỉ sợ không đáng nối, vẫn nghĩ tìm người hiền lương quân tử để cùng giúp chính trị, đêm ngày khẩn khoản đến thế là cùng cực rồi, Kinh thi có nói "Quân tử tìm bạn, tìm mãi không được, thức ngủ không nguôi, lâu thay lâu thay." Nay trăm suy đi tính lại một mình, duy có Trần Cảnh là người văn chất đủ vẻ, thực thể cách quân tử hiền nhân, uy nghi đường hoàng, có tư chất thánh thân văn võ, dù đến Hán Cao Tổ, Đường Thái Tông cũng không hơn được. Sớm hôm nghĩ chín từ lâu nghiệm xem nên nhường ngôi báu, để thỏa lòng trời, cho xứng lòng trăm, mong đồng lòng hết sức, cùng giúp vận nước, hưởng phúc thái bình. Vậy bố cáo thiên hạ để mọi người điều biết"*

Tháng 12, ngày mùng một Mậu Dần, Chiêu Hoàng mở hội lớn ở điện Thiên An, ngự trên sập báu, các quan mặc triều phục vào chầu, lạy ở dưới sân. Chiêu Hoàng bèn trút bỏ áo ngự mời Trần Cảnh lên ngôi hoàng đế...

Ngày 21 tháng 10 năm Ất Dậu (1225), Chiêu Hoàng xuống chiếu nhường ngôi cho Trần Cảnh. Ngày mùng 1 tháng chạp năm ấy, Chiêu Hoàng bỏ hoàng bào mời Trần Cảnh lên ngôi Hoàng đế ở điện Thiên An, dựng lên nhà Trần.

### **Hoàng hậu bất hạnh**

Sau khi nhường ngôi, Lý Chiêu Hoàng được phong Chiêu Thánh hoàng hậu. Bà chung sống với chồng gần 10 năm, tình cảm khá sâu sắc, được Trần Cảnh, bấy giờ là Trần Thái Tông yêu thương.

Nhưng vì lấy nhau 12 năm không có con nên Trần Thủ Độ và vợ là công chúa Thiên Cực (Trần Thị Dung - vợ cũ vua Lý Huệ Tông, mẹ của Chiêu Thánh) ép Trần Cảnh phải bỏ Chiêu Thánh để lấy

chị dâu (vợ Trần Liễu, chị gái Chiêu Thánh) là công chúa Thuận Thiên đương có mang 3 tháng. Trần Cảnh lúc đầu phản đối mạnh mẽ nhưng do Trần Thủ Độ dọa giết Trần Liễu, cuối cùng cũng phải chịu nghe theo. Vì chuyện này mà trong nội cung có xích mích. Chiêu Thánh sau đó bị phế ngôi, Thuận Thiên được lập làm hoàng hậu.

### **Làm vợ Lê Phụ Trần**

Năm 1258, sau kháng chiến chống quân Nguyên lần thứ nhất, vua Trần Thái Tông lại đem Chiêu Thánh gả cho Lê Phụ Trần (vốn tên là Lê Tân).

Bà sống với Lê Phụ Trần được 20 năm, sinh ra con trai là thượng vị hầu Tông, con gái là Ứng Thụy công chúa Khuê. Sách Đại Việt Sử ký Toàn thư của nhà Hậu Lê chê trách nặng lời việc vua Trần Thái Tông mang bà là vợ cũ gả cho Lê Phụ Trần là bầy tôi.

Ở Tiên Sơn (Bắc Ninh) vẫn còn câu ca dao thác lời Chiêu Hoàng trách Trần Cảnh về việc này:

*Trách người quân tử bạc tình  
Chơi hoa rồi lại bẻ cành bán rao!*

Năm 1278, bà mất, thọ 61 tuổi.

### **3- Tuyên Phi Đặng Thị Huệ**

Đặng Thị Huệ (chữ Hán: 鄧氏蕙, ? - ?) là vợ chúa Trịnh Sâm thời Lê trung hưng trong lịch sử Việt Nam. Quê bà ở làng Trà Hương, huyện Phù Đổng, trấn Kinh Bắc, nay thuộc huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội, Việt Nam.



Bà xuất thân nghèo khổ, vốn là cô gái hái chè, sau về với chúa Trịnh Sâm, được lập làm Tuyên Phi, nhưng người đời vẫn quen gọi là “Bà Chúa Chè.”

Theo Từ điển Lịch sử nhân vật Việt Nam, thì bà là một người đã gây ra nhiều tai ác trong phủ chúa Trịnh và triều đình Hậu Lê, ảnh hưởng xấu đến tình hình chính trị, xã hội Việt Nam lúc bấy giờ.

## **Cuộc đời**

### **Được sủng ái**

Khi vào phủ chúa, Đặng Thị Huệ vốn chỉ là nữ tỳ. Một hôm, Tiệp dư Trần Thị Vịnh sai bà bung một khay hoa đến trước nơi chúa Trịnh Sâm ngồi. Trịnh Sâm nhìn thấy bà rất bằng lòng, bèn ân ái với bà. Từ đó bà ngày càng được Trịnh Sâm yêu quý.

Năm Đinh Dậu (1777), Đặng Thị Huệ lại sinh hạ một người con trai, tên là Trịnh Cán (1777-1782), nên càng được chúa sủng ái, lập làm Tuyên Phi.

Trước đây, một cung nhân khác là Dương Ngọc Hoan, được vào hầu chúa Trịnh Sâm đã sinh một con trai là Trịnh Khải (tên cũ là Tông, 1763-1786).

### **Mưu đoạt ngôi chính**

Được chúa yêu, Đặng Thị Huệ bèn hỏi con gái chúa là Công nữ Ngọc Lan cho em trai mình là Đặng Mậu Lân, vốn là người có tính hung bạo, dâm dật và càn rỡ. Nhưng chúa cũng nghe theo, khiến Sử trung hầu bị Mậu Lân chém chết trong việc bảo vệ Ngọc Lan.

Biết chúa rất sủng ái mình, Đặng Thị Huệ ngày đêm mưu tính việc giành lấy ngôi vị Thế tử cho con trai.

Đề cập đến ngôi vị vương giả này, sách Hoàng Lê nhất thống chí có đoạn:

Theo lệ cũ, người con trai nối ngôi chúa hễ đến mười hai tuổi thì phải ra ở Đông cung. Bảy giờ các quan cũng có tâu trình việc ấy; song chúa không cho, chỉ cho Thế tử (Trịnh Khải) đến ở nhà riêng của Hân quận công (Nguyễn Đĩnh). Như vậy, ngôi Đông cung vẫn bỏ trống, như có ý chờ đợi người khác.

Đến năm Thế tử mười lăm tuổi, thì con nhỏ là vương tử Cán ra đời, chúa hết sức yêu dấu đưa con nhỏ đó. Ba năm sau, Thế tử đúng mười tám tuổi, đáng được mở phủ riêng; nhưng bảy giờ các quan chẳng ai dám tâu bày, mà chúa cũng không hề nhắc tới việc ấy. Như thế là người nối ngôi vẫn chưa định, nên lòng người rất phân vân. Hễ ai thuộc về Thế tử Tông (tức Trịnh Khải) thì hòa theo Thế tử Tông, ai thuộc đảng Thị Huệ thì vào phe vương tử Cán. Trong phủ chúa dần dần sinh ra bè nọ cánh kia. Hoàng Lê nhất thống chí tập I (tr.15-16).

Kể từ đó, một mặt bà bí mật sai thuộc hạ thân tín, sớm tối theo dõi đủ mọi chuyện xấu vu cho Trịnh Khải; mặt khác, bà liên kết với Huy Quận công Hoàng Đình Bảo để cùng mưu sự.

Phía Trịnh Tông cũng có lực lượng hậu thuẫn. Hậu quả của cuộc tranh giành quyền lực này đã gây ra hai vụ biến động lớn là Vụ án năm Canh Tý và cuộc nổi dậy của lính Tam phủ.

### **Thắng thế - Vụ án năm Canh Tý (1780)**

Tháng 8 năm Canh Tý (1780), lúc ấy có tin đồn rằng chúa Trịnh Sâm bị bệnh rất nặng, Trịnh Khải bèn bàn mưu với gia thần là Đàm Xuân Thụ, Thế Thọ, Thẩm Thọ và Vĩnh Vũ bí mật sắm sửa vũ khí, chiêu tập dũng sĩ, để chờ thời cơ. Ngoài ra, Trịnh Khải còn ngầm liên kết với Trấn thủ Sơn Tây là Hồng lĩnh hầu Nguyễn Khản, Trấn thủ Kinh Bắc là Tuân sinh hầu Nguyễn Khắc Tuân để sẵn sàng hỗ trợ.

Việc mưu sự, bị Cấp sự trung Nguyễn Huy Bá biết được, ngầm kê với Tuyên Phi. Chớp lấy thời cơ, bà liền đem việc đó bàn với Quận Huy (tức Hoàng Đình Bảo). Quận Huy bảo Huy Bá viết bức kín, rồi ông tự ý bỏ vào tay áo, đi đến phủ chúa, đuổi hết những người chung quanh, đem thư ra trình...

Kết cuộc, phe Đặng Thị Huệ thắng thế. Theo sách Hoàng Lê nhất thống chí, thì có ba đại thần theo phe Trịnh Khải đều phải mất mạng: Khê trung hầu, Tuân sinh hầu (Nguyễn Khắc Tuân) đều uống thuốc độc tự tử, Nguyễn Quốc Tuấn (thuộc hạ của Khắc Tuân) bị án chém; còn Trịnh Khải bị quản thúc ngặt trong một ngôi nhà ba gian.

Theo sách Khâm định Việt sử thông giám cương mục (gọi tắt là Cương mục) thì: Đàm Xuân Thụ bị giết, Nguyễn Lệ và Nguyễn Khắc Tuân bị tống giam vào ngục, hoạn quan Nguyễn Phương Đĩnh (hoặc Định) bị kết tội nuôi dưỡng Trịnh Khải không nên người, bị lột hết chức tước và đuổi về làng; còn Trịnh Khải bị giáng xuống làm con út và bị quản thúc trong nội phủ.

Ngay trong năm này, mặc dù Trịnh Cán chỉ mới 4 tuổi vẫn được lập làm Thế tử, và Quận Huy được cử làm A phó để phò tá.

Tháng 9 năm Nhâm Dần (1782), Trịnh Sâm mất, Trịnh Cán được nối ngôi chúa, hiệu là Điện Đô Vương.

Thuận theo lời tâu của Quận Huy, vua Lê Hiển Tông cho Tuyên Phi được tham dự việc quyết đoán chính sự. Kể từ đó, liên minh Tuyên Phi – Quận Huy nắm hết mọi việc trong ngoài.

Do chúa mới là Trịnh Cán hãy còn thơ ấu, sức khỏe lại ngày càng tồi tệ; trong khi đó, liên minh trên ngày càng chuyên quyền và mối quan hệ của họ có phần không minh bạch, nên trong và ngoài triều có lắm người thầm ghét và có ý ngờ. Theo sách Hoàng Lê nhất

thống chí, bởi vậy, lúc bấy giờ, có câu ca dao được truyền miệng rằng:

*Trăm quan có mắt như mờ,  
Để cho Huy quận vào sờ chính cung.*

### **Gặp nạn kiêu binh**

Sự kiện này xảy ra vào tháng 10 năm Nhâm Dần (năm 1782), nghĩa là đúng một tháng sau khi chúa Trịnh Sâm mất, và cũng đúng một tháng sau khi Trịnh Cán được đưa lên ngôi chúa.

Lính kiêu binh ủng hộ Trịnh Tông cùng nhau mưu đảo chính lật đổ Trịnh Cán để lập Trịnh Tông. Theo Lê quý dật sử, họ ngầm liên hệ với mẹ Trịnh Sâm xin ý chỉ, bên ngoài dựa vào sự chi viện của Phan quận công (Nguyễn Phan), và nhờ tiền triều Nguyễn Nhung làm bài (hịch) khích lệ quân lính.

Khi quân Tam phủ nổi dậy, quận Huy ra chống cự nhưng không nổi, bị kiêu binh giết chết. Lính Tam phủ rước Trịnh Tông lên nối nghiệp chúa. Các đình thần im lặng không dám chống cự.

Hôm việc biến xảy ra, Đặng Thị Huệ khiếp sợ quá, phải thay đổi quần áo, nấp ở hậu cung. Riêng chúa Trịnh Cán, được Quận Diễm bế đi lánh nạn. Đến đêm, bà nội Trịnh Cán (bà Sét - mẹ Trịnh Sâm) sai người tìm rước cháu về. Hôm sau, Trịnh Cán bị giáng xuống làm Cung quốc công, rồi hơn tháng sau thì bị bệnh qua đời.

### **Bị giam và qua đời**

Và quãng đời cuối của Đặng Thị Huệ, khi bà đã không còn gì sau cuộc tranh giành quyền lực, được sách Hoàng Lê nhất thống chí chép như sau:

*“Khi chúa nhỏ bị bỏ, Thái phi (Đương Ngọc Hoan) liền sai người bắt Tuyên phi hài tội, rồi buộc bà phải lạy tạ. Tuyên phi không*

*chịu lay, Thái phi bèn sai hai thị nữ đứng kèm hai bên, níu tóc Tuyên phi rập đầu xuống đất, nhưng bà vẫn nhất định không chịu lay, mà cũng không nói nửa lời. Thái phi giận quá, đánh đập một hồi, nhỏ nước bọt vào đầu vào mặt, rồi đem giam vào nhà Hộ Tãng ở vườn sau. Tại đây, Đặng Thị Huệ bị làm tình làm tội cực kỳ khổ sở. Một bữa, bà trốn ra khỏi cửa Tuyên Vũ, chạy đến bến đò phố Khách thì bị quân lính đuổi kịp...*

*Sau một thời gian giam giữ ngặt, Thị Huệ được cho làm cung tần nội thị, vào Thanh Hóa hầu hạ lăng tẩm chúa Trịnh Sâm. Ở đây, bà ngày đêm gào khóc xin được chết theo chồng. Đến ngày giỗ của chúa Trịnh Sâm, Tuyên phi uống thuốc độc mà chết, được táng cách Vọng lăng (lăng Trịnh Sâm) một dặm.”*

### **Đặng Thị Huệ trong văn học nghệ thuật**

Ngoài tác phẩm Hoàng Lê nhất thống chí của nhóm Ngô gia văn phái, Đặng Thị Huệ còn là nhân vật trong các tác phẩm khác như: Bà Chúa Chè của Nguyễn Triệu Luật, Đêm hội Long Trì của Nguyễn Huy Tường.

## **C- Nữ lưu được dân gian quý mến**

### **1- Được quý mến vì Tài:**

#### **1.1- Bà Đoàn Thị Điểm**

Bà Đoàn Thị Điểm (1705 - 1748) là vị nữ sĩ danh tiếng nhất của Việt Nam thời Lê, tác giả bản dịch Nôm “Chinh phụ ngâm.”

#### **Tiểu sử**

Bà Đoàn Thị Điểm sinh năm 1705, hiệu Hồng Hà, biệt hiệu Ban Tang. Quê tại làng Hiến Phạm, xã Giai Phạm, huyện Văn Giang,

tỉnh Hưng Yên. Do lấy chồng họ Nguyễn nên bà còn có tên là Nguyễn Thị Diễm.

Bà là con gái ông hương cống Đoàn Doãn Nghi, mẹ Bà là người họ vũ và là vợ hai ông Nghi, nhà ở phường Hà Khẩu, Thăng Long (phố Hàng Bạc bây giờ) sinh một trai (năm 1703) là Đoàn Doãn Luân và một gái (năm 1705) là Đoàn Thị Diễm. Từ nhỏ anh em Bà đã theo mẹ về ở với ông bà ngoại là quan Thái lĩnh bá, và được dạy dỗ chu đáo lầu thông Tứ thư, Ngũ kinh như anh Bà.

Bà Đoàn Thị Diễm là người có tài trí và nhan sắc hơn người, nổi tiếng từ hồi trẻ. Năm 6 tuổi đã học rất giỏi. Năm 16 tuổi, có quan thượng thư Lê Anh Tuấn mến mộ muốn xin làm con nuôi, để tiến cử vào cung chúa Trịnh, nhưng Bà nhất định từ chối. Về sau cha mất, gia đình phải chuyển về quê nhà, được ít lâu dời về làng Võ Ngai, tại đây Bà Đoàn Thị Diễm cùng anh trai Đoàn Luân hành nghề dạy học.

Nhưng ông Luân mất sớm, Bà Đoàn Thị Diễm lại đem gia đình lên Sài Trang, ở đây bà được vời dạy học cho một cung nữ. Thời gian này Bà kiên luôn nghề bốc thuốc, gần như một tay nuôi sống cả gia đình - gồm 2 cháu nhỏ, mẹ và bà chị dâu góa. Bởi tài năng và sắc đẹp cộng với tính hiếu thuận rất đáng quý, bấy giờ Bà được nhiều người cầu hôn nhưng nghĩ đến gia đình đành chối từ tất cả.

Năm 1739 Bà lại dẫn gia đình về xã Chương Dương dạy học.

Năm 1743, sau một lời cầu hôn bất ngờ và chân thành, Bà nhận lời làm vợ kế Binh bộ tả thị lang Nguyễn Kiều, đang góa vợ, rồi theo ông về kinh đô. Ông Nguyễn Kiều sinh năm 1695, đậu tiến sĩ năm 21 tuổi, nổi tiếng là người hay chữ. Sau đám cưới vài ngày, thì ông Kiều phải đi sứ sang Tàu. Thời gian này Bà Đoàn Thị Diễm còn nghiên cứu thiên văn, bói toán và viết sách...

Năm 1746, ba năm chờ chồng dài đằng đẵng vừa kết thúc, Bà lại phải khăn gói, từ biệt mẹ già cháu nhỏ để sang Nghệ An, nơi ông

Kiều mới được triều đình bổ nhiệm. Sang Nghệ An buồn bã quá, một phần nhớ người thân lại thêm lạ nước lạ cái, bệnh hoạn xuất hiện rồi ngày càng phát, đến ngày 9 tháng 11 năm 1748 (âm lịch), Bà Đoàn Thị Điểm qua đời, hưởng dương 44 tuổi.

Sự kính yêu của người đời sau với Bà Đoàn Thị Điểm không chỉ vì tài thi văn điêu luyện, đặc sắc, còn vì Bà có những phẩm chất cao quý, đức hạnh tốt đẹp xứng đáng là mẫu phụ nữ tiêu biểu của xã hội Việt Nam ở mọi thời đại.

### **Sự nghiệp**

Bà Đoàn Thị Điểm được xem là đứng đầu trong số các nữ sĩ danh tiếng nhất Việt Nam (sau đó là Bà huyện Thanh Quan, Bà Hồ Xuân Hương, Bà Sương Nguyệt Ánh).

Bà làm thơ rất hay, tiếng tăm đã nổi từ 15 tuổi, được những bậc hay chữ cùng thời như Ngô Thì Sĩ, Đặng Trần Côn tán thưởng.

Khi Bà dạy học ở kinh thành và Chương Dương xã đều được rất đông học sinh tới học, trong đó có người sau này đỗ tiến sĩ là ông Đào Duy Ích.

### **Tác phẩm**

Bà Đoàn Thị Điểm viết sách nhiều nhưng thất lạc cũng nhiều, hậu thế chỉ còn biết đến một vài tác phẩm Hồng Hà nữ sĩ gồm:

- “Tục truyền kỳ”

Còn gọi là “Truyền kỳ tân phả,” sách viết bằng chữ Hán.

- “Chinh Phụ Ngâm”

Là bản việt hoá của tác phẩm “Chinh Phụ Ngâm” bằng hán văn của ông Đặng Trần Côn sáng tác. Bản dịch gồm 412 câu theo lối

song thất lục bát, trong diễn tả nhiều tâm trạng: hy vọng, buồn bã, giận hờn tỵ về một mối đó là nỗi nhớ nhung khắc khoải của một người chinh phụ (vợ có chồng đi lính) đang chờ chồng trở về sum họp.

Đây có lẽ cũng là tâm trạng của bà Đoàn Thị Điểm trong các năm 1743 - 1746 khi ông Nguyễn Kiều đi sứ sang Trung hoa.

Tuy là bản dịch, nhưng thậm chí còn được yêu thích hơn bản chính, nên đến nay được xem như là một sáng tác của Bà Đoàn Thị Điểm.

Tác phẩm từng được dịch ra tiếng Pháp bởi những nhà văn trong nhóm Mercure de France, với tên Les Plaintes d'une Chinh phu (1939). Sau này giáo sư Takeuchi dịch ra tiếng Nhật, với tên Seifu Ginkyoku.

Cùng với Truyện Kiều của Nguyễn Du, Cung oán ngâm khúc của Nguyễn Gia Thiều, bản dịch Chinh Phụ Ngâm của Hồng Hà nữ sĩ được xem là tác phẩm ưu tú nhất của nền thi văn trung đại Việt Nam.

### **Giai thoại về những câu đối**

Bà Đoàn Thị Điểm còn là một nữ sĩ nổi tiếng với nhiều giai thoại về khả năng xuất khẩu tài tình: Đêm trăng, anh trai Đoàn Doãn Luân từ ngoài bờ ao vào thấy Bà Đoàn Thị Điểm đang soi gương bèn đọc:

*Đôi kính họa mi, nhất điểm phiên thành lưỡng điểm*  
(Nghĩa là: Soi gương vẽ mày, một chấm hóa thành hai chấm)

Bà Đoàn Thị Điểm đáp ngay:

*Lâm trì ngoạn nguyệt, chích luân chuyển tác song luân*  
(Nghĩa là: Ra ao ngắm trăng, một vàng chuyển hóa hai vàng)



Thật là khéo, nội dung đúng như bối cảnh, người vẽ lông mày, người ngắm vàng trắng, lại vận được tên cả hai anh em.

### "Da trắng vỗ bì bạch"

Tương truyền một lần Bà Đoàn Thị Điểm đang tắm còn Trạng Quỳnh đang đợi ngoài cửa và đứng ngoài đập cửa đòi vào. Bà Đoàn Thị Điểm đã ra câu đối "Da trắng vỗ bì bạch" và giao hẹn nếu đối được thì đồng ý. Nhưng với câu đối này, Trạng Quỳnh không thể đối lại được.

Có người cho rằng nhân vật nữ trong giai thoại trên có thể là Bà Hồ Xuân Hương (?) Cũng có giả thuyết nói Trạng Quỳnh chỉ là nhân vật hư cấu và các câu chuyện Trạng Quỳnh lấy lại từ điển tích Trung hoa (?)

Ngày nay, có người đưa ra một số vế đối cho "Da trắng vỗ bì bạch" không hoàn chỉnh về luật đối như "Rừng sâu mưa lâm thâm" (bởi một giáo sư văn học thuộc Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội), "Trời xanh màu thiên thanh," "Giấy đỏ viết chỉ chu," "Gái đường thích điểm dàng." Quyển "Thế Giới Mới" đăng câu "Tay tơ sờ tí ti," với giải thích như sau: "Tí" nghĩa chữ Hán là "tay," còn "ti" nghĩa là "sợi tơ." "Tay tơ" là tay người trai trẻ. "Tí ti" còn có nghĩa là chút ít, và còn để chỉ nhũ hoa của người phụ nữ?!).

### Đối đáp với Trạng Nguyễn

Bà Đoàn Thị Điểm có lần gặp Trạng Nguyễn và hai người cùng đi tìm đường đến phố Mía (phố chuyên kéo mía làm mật, đường). Trên đường đi, Bà đã phải hỏi đường một cô hàng mật. Gần đến nơi, Bà ra vế đối:

*"Lên phố Mía, gặp cô hàng mật. Cầm tay kẹo lại, hỏi thăm đường."*

Trạng Nguyễn không đối lại được đành cúi đầu bái biệt.

## 1.2- Bà Huyện Thanh Quan

Bà Huyện Thanh Quan (chữ Hán: 婆縣清觀,? -?), tên thật: Nguyễn Thị Hinh, là một trong những nhà thơ nữ nổi tiếng trong thời cận đại của lịch sử văn học Việt Nam.

### Tiểu sử

Nguyễn Thị Hinh người phường Nghi Tàm, huyện Vĩnh Thuận, gần Hồ Tây, Hà Nội.

Cha Bà là Nguyễn Lý (1755-1837), đỗ thủ khoa năm 1783, đời vua Lê Hiến Tông. Bà là học trò của danh sĩ Phạm Quý Thích (1760-1825), và là vợ Lưu Nghị (1804-1847), người làng Nguyệt Áng, huyện Thanh Trì, tỉnh Hà Đông (nay thuộc Hà Nội). Ông đỗ cử nhân năm 1821 (Minh Mệnh thứ 2), từng làm tri huyện Thanh Quan (nay là huyện Thái Ninh, tỉnh Thái Bình), nên người ta thường gọi Bà là Bà Huyện Thanh Quan. Chồng bà làm quan trải đến chức Bát phẩm Thụ lại bộ Hình, nhưng mất sớm (43 tuổi).

Dưới thời vua Minh Mạng, Bà được vời vào kinh giữ chức Cung Trung Giáo Tập để dạy học cho các công chúa và cung phi.

Khoảng một tháng sau khi chồng mất, bà lấy cơ sức yếu xin thôi việc, rồi dẫn bốn con về lại Nghi Tàm và ở vậy cho đến hết đời.

Năm 1870, ở Nghi Tàm nổ ra cuộc đấu tranh chống lệ nộp chim sâm cầm, một đặc sản của vùng này. Theo Ngọc phả (ghi nhận công đức của những người có công với dân làng), thì chính Bà Huyện Thanh Quan đã thảo đơn cho dân gửi lên vua, nhưng vì phục tài đức của Bà nên quan huyện Hoàn Long đã phớt lờ đi

## Tác phẩm

Bà Huyện Thanh Quan sáng tác không nhiều, hầu hết viết bằng chữ Nôm, theo thể Đường luật. Hiện gồm những bài sau:

1. *Thăng Long thành hoài cổ*
2. *Qua chùa Trấn Bắc*
3. *Qua Đèo Ngang*
4. *Chiều hôm nhớ nhà*
5. *Nhớ nhà*
6. *Tức cảnh chiều thu*
7. *Cảnh đền Trấn Võ*
8. *Cảnh Hương sơn*

Tuy nhiên, theo nhà nghiên cứu Đỗ Lai Thúy thì 4 bài đầu là hoàn toàn chính xác của Bà Huyện Thanh Quan bởi có sự thống nhất từ tư tưởng đến phong cách nghệ thuật. Bài thứ 5 (Nhớ nhà), như là một dị bản của “Chiều hôm nhớ nhà.” Hai bài 6, 7 xét từ phong cách thì không giống phong cách Bà Huyện Thanh Quan mà giống phong cách Hồ Xuân Hương nên ông cho là của Bà Chúa Thơ Nôm (xem thêm chuyên luận Hồ Xuân Hương hoài niệm phồn thực của ông). Cuối cùng bài 8 cũng không giống với tư tưởng và phong cách Bà Huyện Thanh Quan.

## Nhận xét

Trích:

- Dương Quảng Hàm:

*“Những bài thơ Nôm của Bà phần nhiều là tả cảnh, tả tình, nhưng bài nào cũng hay và tỏ ra Bà là một người có tính tình đoan chính, thanh tao, một người có học thức thường nghĩ ngợi đến nhà, đến nước. Lời văn rất trang nhã, điêu luyện.”*

- LM Thanh Lãng:

*“Thơ Bà Huyện Thanh Quan đầy chất thơ. Lời thơ của Bà điêu luyện, gọt giũa, đẹp như một bức tranh cổ.”*

- Phạm Thế Ngũ:

*“Nhiều nhà phê bình đã đưa ra thuyết Bà Huyện Thanh Quan mang nặng tâm lòng thương tiếc nhà Lê, thuyết ấy không phải là vô căn cứ. Cái tâm trạng hoài Lê ấy, cũng là tâm trạng chung của nhiều nho sĩ Bắc Hà sau ngày thống nhất...Nhưng nói là nhớ tiếc cái chính trị của mấy ông vua thời Lê mạt thì không đúng. Bà hướng về một quá khứ mà có lẽ bà cũng không tường tận lắm, và bà cũng chưa thọ hưởng được ân huệ gì; nhưng đó là quá khứ của tiền bối, của gia đình... Vì thế thái độ hoài Lê của Bà cũng như nhiều nho sĩ đồng thời không có tính cách chính trị, mà chỉ có tính cách tâm tình...”*

*Về mặt nghệ thuật: chữ dùng khéo, chọn lọc, thích đáng, đối rất chỉnh, rất thần tình, ý hàm súc, lời trau chuốt, gọn, đẹp... Cho nên thơ Bà rất được các nho gia xưa yêu chuộng, ngâm nga...”*

*Thơ luật đời Nguyễn Sơ, ở tác phẩm của hai nữ sĩ là Bà Hồ Xuân Hương và Bà Huyện Thanh Quan, như vậy quả đã tiến đến cao độ mỹ diệu. Thơ Bà Hồ Xuân Hương thiên về Nôm mà bóng bẩy, duyên dáng. Thơ Bà Huyện Thanh Quan thiên về Hán mà thanh thoát, nhẹ nhàng. Hồ Xuân Hương đại biểu cho cái tinh thần trào phúng bình dân vươn lên thể hiện một hình thức bác học. Bà Huyện Thanh Quan đại biểu cho cái tinh thần tao nhã nho sĩ kết tinh lại, cùng với tinh túy của Đường thi...”*

- Nguyễn Lộc:

*“Thơ Bà thường viết về thiên nhiên, phần lớn là vào lúc trời chiều, gợi lên cái cảm giác vắng lặng và buồn bã. Cảnh Bà miêu tả trong những bài thơ giống như những bức tranh thủy mặc, chấm phá... Hơn nữa, nói cho đúng thì cảnh trong thơ bà thực tế cũng*

*không phải là cảnh, mà là tình. Tình cảm của Bà thường là sự nhớ thương da diết đối với quá khứ vàng son đã một đi không trở lại. Do vậy, người ta gọi bà là nhà thơ hoài cổ. Thơ Bà còn được chú ý vì một lẽ nữa, đó là nghệ thuật hết sức điêu luyện. Ở đó, niêm luật đều luật đều chặt chẽ mà không gây cảm giác gò bó, xếp đặt. Câu thơ của bà trang nhã, từ ngữ chải chuốt và chọn lọc công phu.”*

## **Giai thoại**

### **Kéo mai nữa già**

Lúc ông huyện Thanh Quan (Lưu Nghi) đi vắng, có một cô gái tên là Nguyễn Thị Đào đã đệ đơn lên trình bày rằng chồng cô đã ruồng bỏ cô để xin được ly dị, lấy chồng khác. Vì thương cảm, Bà Huyện Thanh Quan đã thay chồng phê đơn bằng mấy câu thơ:

*Phó cho con Nguyễn Thị Đào  
Nước trong leo lẻo cấm sào đợi ai?  
Chữ rằng: Xuân bất tái lai  
Cho về kiếm chút kéo mai nữa già!*

Hay chuyện, chồng cô Đào kiện quan trên. Quan trên ăn hỏi lộ, giáng chức ông huyện Thanh Quan.

### **Làm trâu**

Có một ông đồ hương công tới xin mở trâu để giỗ bố. Lúc bấy giờ, triều đình đã ban lệnh hạn chế mở trâu, để phát triển việc canh nông. Cảm động trước hiếu hạnh của ông này mà chồng thì đi vắng, Bà Huyện Thanh Quan đã cầm bút phê vào đơn câu thơ:

*Người ta thì chẳng được đâu  
"Ừ" thì ông Cống làm trâu thì làm.*

Biết bà huyện dùng chữ nghĩa để lỡm mình, nhưng vì được việc nên ông cũng vui vẻ ra về.

Ngoài ra, trong sách “Mười phụ nữ huyền thoại Việt Nam” của Thu Hằng còn có thêm vài cuộc đối đáp, đàm luận thi phú giữa Bà với vua Minh Mạng.

### **1.3- Bà Hồ Xuân Hương** (Bà Chúa Thơ Nôm)

Bà Chúa Thơ Nôm, đó là cái tên mà nữ thi sĩ Hồ Xuân Hương (胡春香) được mệnh danh.

Bà sống vào cuối thế kỷ 18 - đầu thế kỷ 19. Cả cuộc đời Bà đã để lại một kho tàng thơ không lồ thực sự độc đáo, giàu tính nghệ thuật mà cho đến bây giờ những bài thơ của bà vẫn chưa tìm ra được hết. Theo một số người thì thơ của Bà là thơ "vừa thanh vừa tục." Thực sự có thể coi bà là người phụ nữ Việt Nam có tư tưởng tiến bộ đầu tiên khi đã vượt qua rào cản của những luật lệ và một số phong tục cổ hủ thời bấy giờ để đưa những tâm tư tận đáy lòng của người phụ nữ lên những vần thơ, một người phụ nữ thật đặc biệt và hiếm hoi. Như vậy, Bà Hồ Xuân Hương là người phụ nữ thuần Việt sống trong cuộc sống mà xung quanh Bà chỉ toàn những kẻ tầm thường.

Tuy nhiên, tiểu sử của Bà Hồ Xuân Hương vẫn còn nhiều chỗ gây nhiều tranh cãi. Thậm chí, các nhà nghiên cứu còn đưa ra những giả định như Bà Hồ Xuân Hương không phải là một thi sĩ có thực, những bài thơ là do nhiều người viết nên (?)

Xin trích bài viết của tác giả Đoàn Hữu Hậu viết về tiểu sử của Bà Hồ Xuân Hương:

“Trong làng thơ Nôm đã thể hiện bấy lâu những bài thơ tinh tế và sống động của một tác giả mà nhiều người vẫn gọi là: Bà Hồ Xuân Hương. Sự thật thì tiểu sử của tác giả vẫn chưa đủ căn cứ để thoả mãn chúng ta về sự hiện diện của người. Thơ nằm sờ sờ ra đây mà tác giả là ai?”

Ta hãy nghe Dương Quảng Hàm giải bày trong *Littérature Annamite*:

*“... Bà là con gái ông Hồ Phi Diễn, người làng Quỳnh Đôi, huyện Huỳnh Lưu, xứ Nghệ An. Nhân ông Diễn dạy học ở Hải Dương. Lấy người thiếp ở đấy sinh ra Bà...”*

Có đúng vậy không? Nhiều sách viết khác nhau, nhiều giai thoại khác nhau về bà.

Thân thế của Bà không có sách nào chép rõ. Người ta chỉ xét thơ của Bà mà biết được đại khái. Phần đông người ta tin rằng tiểu sử bà như thế này: Bà ở về đời Lê mạt, Nguyễn Sơ. Cha mất sớm, mẹ cho đi học. Học giỏi, thường lấy các văn thơ thử tài các văn nhân thi sĩ thời bấy giờ. Có lẽ vì sự thách thức kén chọn ấy, nên duyên phận long đong. Sau Bà lấy lẽ một ông Thủ khoa làm quan đến Tri Phủ Vĩnh Tường (Vĩnh Yên). Nhưng được ít lâu thì ông Phủ mất (Khóc ông Phủ Vĩnh Tường) Sau vì gia cảnh nên lấy người cai Tổng, tục danh là Cóc. Không bao lâu ông Tổng cũng chết (Khóc ông Tổng Cóc). Từ bấy giờ hình như Bà chán nản nỗi số phận hẩm hiu nên thường đi chơi các nơi thắng cảnh và ngâm vịnh thơ ca để khuây khỏa nỗi buồn. Có lần hình như bà cũng muốn đi tu, nhưng một người tài tình như bà không thể giam mình chốn thâm sơn cùng cốc nên Bà lại thôi.

Trong Việt Nam văn học sử yếu có viết:

*“Bà sinh vào khoảng Lê mạt cùng thời với Phạm Đình Hồ tức Chiêu Hồ (1768 – 1839)...”*

Chúng ta thấy thân thế về Bà Hồ Xuân Hương vẫn còn mơ hồ. Không ai khẳng định rõ ràng, mà chỉ xét thơ văn mà viết đại khái, với những chữ nghi vấn như “có lẽ” “hình như...” Điều này khiến chúng ta không thể quả quyết rằng Bà Hồ Xuân Hương có một cuộc đời như thế.

Trong Nam Thi Hợp Tuyển tác giả Nguyễn Văn Ngọc viết rằng:

*“ Nàng sinh vào đầu nhà Nguyễn không chắc rõ quê quán ở đâu?  
Có kẻ truyền tụng rằng nàng gốc tích ở Nghệ An...”*

Đã không chắc rõ mà lại còn nghe theo lời truyền tụng thì làm sao tránh được những sai lạc?!

Tiếp sau là những giai thoại:

*“... Nàng định kén chồng, nhân gặp khoa thi, nàng mở một ngôi hàng nước để tiếp các danh sĩ vào làm thơ, người nào “trúng tuyển” thì mới chịu kết hôn. Nhiều người làm thơ đều thất bại cả. Sau kỳ thi, người đỗ Thủ khoa, đi cùng người em trai xin được vịnh thơ nàng. Nàng ra đề là Thạch Liên Thiên. Ông Thủ khoa ngâm bút hồi lâu mới viết được bốn chữ ‘Tiên thạch nguyên lai’ rồi lại ngẫm nghĩ mãi không ra được chữ gì nữa. Nàng sai thị tỳ ra bảo: ‘Không làm được thì về sao lại cứ ngồi ngâm bút mãi?’ Ông Thủ khoa nghe nói chết cứng cả người... Nghe đâu chính ông này sau làm Tri Phủ Vĩnh Tường, tên gì không rõ (?!)”*

Một người đàn bà, có can đảm mở ngôi hàng để kén chồng thì không phải là tay vừa. Về tài của Bà thì không thấy nói tới, chẳng lẽ bà lại làm toàn những bài “thơ tục” hiện đang truyền tụng hay sao? Còn về sắc thì cụ Đông Châu Nguyễn Hữu Tiến tả trong Giai Nhân Dị Mặc như sau: “Hồ Xuân Hương mặt hơi đỏ hoa, da hơi ngăm đen, không đẹp mà có duyên thâm... có thiên tài lại giàu tình cảm...” Không hiểu cụ căn cứ vào đâu để tả thực như thế? Có điều như thế nghĩa là không đẹp? Mà xấu thì câu chuyện cụ Nguyễn Văn Ngọc đã kể trên cũng thật vô lý.

Xem đó, tiểu sử tác giả, những tài liệu lò mò trên không đủ để minh xác sự hiện diện của một người đàn bà tên thật là Hồ Xuân Hương.



Thế nhưng, trong khi tiêu sử chưa xác định, nhiều học giả chủ quan đã vội vàng bình luận với thiên kiến của mình. Chẳng hạn như ông Nguyễn Văn Hanh người đầu tiên áp dụng phương pháp bệnh lý vào việc khảo cứu văn học, khi đọc qua thuyết Tâm phân học của Freud, ông viết: “Người ta ai cũng có sẵn tình dục. Nếu để tự nhiên theo sự nảy nở của cơ thể thì không sao, nhược bằng vì một lý do nào đó mà phải kiềm chế, thì có thể xảy ra bệnh lý gọi là “ấn ức tình dục,” khiến con bệnh sinh ra những ý nghĩ, ngôn ngữ, hành động đặc dị tình...” Rồi khi đọc những giòng tả Hồ Xuân Hương: “... Mặt hơi rỗ hoa, da ngăm đen, không đẹp mà có duyên thâm...” thì ông vội tin ngay là người con gái kia vốn đa tình nhưng vì kém sắc nên không được chuộng đến phải ấn ức mà phát ra cái loại thơ kinh khủng “đặc dị tình kia” (!) Đó là giải thích về nguồn gốc, còn về công dụng thì học giả Hoa Bằng - Hoàng Thúc Trâm căn cứ vào vào lời thơ có vẻ “đàn bà” và dựa trên lập trường đấu tranh giai cấp, ông đã khoát cho thi sĩ một chiếc áo cách mệnh. Ông cho rằng thơ Bà Hồ Xuân Hương là lợi khí của phụ nữ chống chế độ phong kiến, chống nam quyền. Đàn bà chống đàn ông thống trị và áp bức. Khẩu hiệu nghe thì hay lắm. Nhưng Bà chống ở điểm nào? Chống ở chỗ Nho giáo phong kiến bắt người ta phải cưới xin hẳn hoi rồi hãy có con. Thật là vô lý. Cái vô lý đó bị nhân dân xỉ vả:

*“Không chồng mà chữa mới ngoan  
Có chồng mà chữa thế gian sự thường”*

Cái sự thường đó đã thể hiện qua bài thơ:

*Cả nể cho nên sự dở dang  
Nỗi niềm chàng có biết hay chăng?  
Duyên thiên chưa thấy nhô đầu dọc?  
Phận liễu sao đà nảy nét ngang.  
Cái tội trăm năm chàng chịu cả.  
Mảnh tình một khối thiếp xin mang!  
Quản bao miệng thề lời chệnh lệch  
Những kẻ không mà có, mới ngoan”*

(Chừa hoang)

Hồ Xuân Hương cách mạng, Hồ Xuân Hương cải tạo xã hội, Hồ Xuân Hương chống nam quyền bằng cách cổ động cái hành vi sinh lý lên trên đạo lý. Không biết con đường cách mạng ấy sẽ đưa nhân loại tới đâu?

---

### **Ghi Chú để đọc thêm:**

Còn nhiều hoài nghi, nghi vấn về nguồn gốc những bài thơ nôm của Bà Hồ Xuân Hương... Các học giả uyên thâm cho là các bài thơ “táo bạo” của Bà thực ra là của nhiều tác giả khác nhau... Nhưng cho dù kết quả của những cuộc nghiên cứu có đúng hay không (cho dù Hồ Xuân Hương là một người hay nhiều người), thì Bà Hồ Xuân Hương vẫn được xem là một nữ thi sĩ kiệt xuất của đất nước; một Hồ Xuân Hương tồn tại mãi trong tất cả những người Việt Nam, không chỉ riêng phụ nữ Việt Nam. Đọc thơ của Bà để yêu mến và trân trọng những người con gái, phụ nữ Việt Nam.

Sau đây là một số bài thơ khác của Bà Hồ Xuân Hương đáng được chú ý:

### **Đánh đu**

*Bốn cột khen ai khéo khéo trông,  
Người thì lên đánh kẻ ngồi trông,  
Trai đu gói hạc khom khom cột  
Gái uốn lưng ong ngửa ngửa lòng.  
Bốn mảnh quần hồng bay phấp phới,  
Hai hàng chân ngọc duỗi song song.  
Chơi xuân có biết xuân chẳng tá.  
Cọc nhỏ đi rồi, lỗ bỏ không!*

**Con ốc nhồi**

*Bác mẹ sinh ra phận ốc nhồi  
Đêm ngày lặn lóc đám cỏ hôi,  
Quân tử có thương thì bóc yếm  
Xin đừng ngó ngoáy lỗ trôn tôi.*

**Măng Học Trò**

*Khéo khéo đi đâu lữ ngán ngo?  
Lại đây cho chị dạy làm thơ,  
Ong non ngựa nọc châm hoa rữa  
Đê cón buồn sừng húc giậu thừa.*

**Bánh trôi nước**

*Thân em vừa trắng, lại vừa tròn,  
Bảy nổi ba chìm với nước non.  
Lớn nhỏ mặc dù tay kẻ nặn,  
Mà em vẫn giữ tấm lòng son.*

**Bà lang khóc chồng**

*Văng vẳng tai nghe tiếng khóc gì?  
Thương chồng nên khóc tí tí ti.  
Ngọt bùi, thiếp nhớ mùi cam thảo,  
Cay đắng, chàng ơi, vị quế chi.  
Thạch nhũ, trần bì, sao để lại,  
Quy thân, liên nhục, tấm mang đi.  
Dao cầu, thiếp biết trao ai nhỉ?  
Sinh kỳ, chàng ơi, tử tắc quy.*

**Lấy chồng Chung**

*Kẻ đắp chăn bông, kẻ lạnh lùng,*

*Chém cha cái kiếp lấy chồng chung!  
Năm thì mười họa, nên chẳng chớ,  
Một tháng đôi lần, có cũng không...  
Cổ đấm ăn xôi, xôi lại hỏng,  
Cầm bằng làm mướn, mướn không công.  
Thân này ví biết đường này nhỉ,  
Thà trước thôi đành ở vậy xong.*

### **Đồng tiền hoản**

*Cũng lò cũng bể, cũng cùng than,  
Mở mặt vương tròn với thế gian.  
Kém cạnh cho nên mang tiếng hoản,  
Đủ đồng ắt cũng đóng nên quan.*

### **Giếng nước**

*Ngõ sâu thăm thẳm tới nhà ông,  
Giếng ấy thanh tân, giếng lạ lùng.  
Cầu trắng phau phau đôi ván ghép,  
Nước trong leo lẻo một dòng thông!  
ỏ gà lún phún leo quanh mép,  
Cá giếc le te lách giữa dòng.  
Giếng ấy thanh tân ai đã biết?  
Đố ai dám thả nạ rông rông*

### **Quả Mít**

*Thân em như quả mít trên cây  
Da nó xù xì, múi nó dầy  
Quân tử có thương thì đóng cọc,  
Xin đừng mân mó, nhựa ra tay*

### **Sư bị ong châm**

*Nào nón tu lờ, nào mũ thâm,*

*Đi đâu chẳng đội để ong châm.  
Đâu sư há phải gì bà cô,  
Bá ngọc con ong bé cái lằm.*

### **Tát nước**

*Đang cơn nắng cực chừa mưa tè,  
Rủ chị em ra tát nước khe.  
Lễo đẻo chiếc gầu ba góc chụm,  
Lênh đên một ruộng bốn bờ be.  
Xi xòm đáy nước mình nghiêng ngửa,  
Nhấp nhóm bên bờ \*\*\* vắt ve.  
Mãi miết làm ăn quên cả mệt,  
Dang bang một lúc đã đầy phè.*

### **Thiếu nữ ngủ ngày**

*Mùa hè hây hây gió nồm đông,  
Thiếu nữ nằm chơi quá giấc nồng.  
Lược trúc chải cài trên mái tóc,  
Yếm đào trễ xuống dưới nương long.  
Đôi gò Bồng đảo sương còn ngậm,  
Một lạch Đào nguyên nước chửa thông.  
Quân tử dùng dằng đi chẳng dứt,  
Đi thì cũng dở, ở không xong.*

### **Cảnh Thu**

*Thánh thót tàu tiêu mấy hạt mưa,  
Khen ai khéo vẽ cảnh tiêu sơ,  
Xanh ôm cỏ thụ tròn xoe tán,  
Trắng xóa tràng giang phẳng lặng tờ.  
Bầu dốc giang sơn say chấp rượu.  
Túi lưng phong nguyệt nặng vì thơ.  
Ơ hay, cánh cũng ưa người nhĩ,  
Ai thấy, ai mà chẳng ngẩn ngờ.*

## Hỏi Trăng

*Trái mấy thu nay vẫn hãỵ còn,  
Cớ sao khi khuyết lại khi tròn.  
Hỏi con bạch thỏ ðà bao tuổi,  
Hở chị Hằng Nga ðã mấy con?  
Ðêm tối cớ chi soi gác tía?  
Ngày xanh còn thẹn với vừng son.  
Năm canh lơ lửng chờ ai ðó?  
Hay có tình riêng với nước non?*

## Cảnh chiều hôm

*Chiều trời bảng lảng bóng hoàng hôn  
Tiếng ốc xa ðưa lẫn trống ðôn  
Gác mái, ngư ông về viễn phố  
Gõ sừng, mục tử lại cô thôn  
Ngàn mai gió cuốn, chim bay mỏi  
Dặm liễu sương sa, khách bước ðôn  
Kẻ chốn Chương Ðài người lữ thứ  
Lấy ai mà kẻ nổi hàn ôn*

### 1.4- Bà Sương Nguyệt Anh

(theo Lan Hương – Báo Quê hương)

Lịch sử báo chí quốc ngữ Việt Nam ðã từng trang trọng ghi nhận tên tuổi, sự nghiệp một nữ chủ bút ðầu tiên nổi tiếng - Sương Nguyệt Anh.

Bà tên thật là Nguyễn Xuân Khuê gọi là Xuân Khê, tục danh Năm Hạnh, biệt hiệu là Nguyệt Anh. Bà sinh ngày 08.03.1864 tại Ba Tri (Bến Tre), là con gái thứ tư của nhà thơ Nguyễn Ðình Chiểu, sinh ra vào thời kỳ nhà thơ về Bến Tre nương mình trong những ngày chạy giặc. Lớn lên giữa cảnh ðất nước ðang rên xiết dưới gót

quân thù, bên người cha - nhà thơ - chí sĩ tài năng, khí tiết, suốt đời dùng ngọn bút đấu tranh không mệt mỏi vì tự do và người mẹ hiền thực tảo tần, Bà sớm thừa hưởng được chí cha, đức mẹ, có bản lĩnh hơn người và luôn nuôi ước vọng tạo nên một sự nghiệp. Từ nhỏ đã nổi danh tài sắc nhưng bước vào đời, Bà không gặp may mắn. Lấy chồng năm 24 tuổi, được mấy năm thì chồng chết, Bà ở vậy nuôi con gái. Cha mẹ đều đã qua đời, cảnh cô đơn lại càng thêm neo đơn, người goá phụ Xuân Khuê cương quyết thủ tiết. Từ đó tên và bút hiệu của Bà vĩnh viễn là Sương Nguyệt Anh điểm thêm một chữ Sương trước tên hiệu Nguyệt Anh là vì thế...

Sương Nguyệt Anh đã toan an bài với số phận, không màng tới thể sự nhưng tài năng, nhiệt huyết của bản thân cùng cảnh đời đau thương mà sôi động lại chẳng thể làm Bà dừng dung. Những năm đầu thế kỷ XX khi Phan Bội Châu phát động phong trào Đông Du, Bà nhiệt tình hưởng ứng, bán cả đất vườn lấy tiền gửi giúp du học sinh. Phong trào bị đàn áp rồi thất bại, Bà vẫn không nản lòng, tiếp tục tìm mọi cách góp sức mình vào công cuộc cứu nước. Năm 1917, Bà nhận lời mời của một nhóm chí sĩ ái quốc ra làm chủ bút tờ báo “Nữ giới chung” xuất bản tại Sài Gòn. Đây là tờ báo đầu tiên của phụ nữ Việt Nam. Ngày 01.02.1918 báo ra số đầu và bà chính thức trở thành nữ chủ bút đầu tiên trong lịch sử báo chí quốc ngữ Việt Nam. Suốt hơn 20 số báo, Bà dành trọn cả tâm huyết và tài năng của mình để góp phần chấn hưng tinh thần nữ giới nước nhà. Bà chẳng những có vai trò rất lớn trong việc làm thức tỉnh và cổ vũ các độc giả nữ trước thời thế mới, mà còn làm đa dạng, phong phú, hoàn thiện thêm nền báo chí non trẻ của Việt Nam khi đó, đồng thời tạo tiền đề tốt cho hàng loạt báo chí về phụ nữ sau này xuất hiện như Phụ nữ tân văn, Phụ nữ thời đàm... Tháng 07.1918, tờ “Nữ giới chung” phải đình bản, Bà lại về Ba Tri theo gương cha ngày trước dạy học, bốc thuốc và sáng tác thơ văn cho tới ngày tạ thế (20.01.1921).

Sương Nguyệt Anh thuộc thế hệ nhà thơ cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, làm thơ bằng chữ Hán, chữ Nôm và quốc ngữ. Giọng thơ

cổ kính nhưng tha thiết, tràn trề nỗi niềm nhân thế trong một sự cảm nhận sâu sắc có phần bi phần mà ngang tàng.

Viết về cuộc đời mình, lời thơ của Sương Nguyệt Anh bao giờ cũng điềm tĩnh nhưng khẳng khái và ẩn chứa chút tự hào riêng của một "trang tiết phụ," dấu gặp cảnh đời éo le, nhân duyên trắc trở, bị cuộc sống xô đẩy và dấu luôn vươn tới cái mới, cái hiện đại thì vẫn giữ được lòng kiên trinh truyền thống - bản tính đáng quý của phụ nữ Việt từ bao đời nay.

Tình thương, sự hoà đồng và cảm thông, chia sẻ với những người cùng giới, cùng cảnh được thể hiện khá đậm thấm trong thơ Sương Nguyệt Anh. Năm 1914, cuộc chiến tranh thế giới lần thứ nhất bùng nổ, thực dân Pháp mộ lính Việt Nam đưa xuống tàu sang Pháp tham chiến. Sương Nguyệt Anh đã phản kháng bằng một bài thơ chữ Hán da diết, làm thay lời người vợ than khóc cho cuộc chia ly không hẹn ngày trở về, cho nỗi nhớ mong khắc khoải:

*Cỏ rạp thân mềm liễu rũ hoa  
Chàng đi bao thuở lại quê nhà  
Nửa đêm trăng xé lòng ngao ngán  
Chiếc gói quỳên gào lụy nhỏ sa  
Ài bắc mây giăng che bóng nhận  
Vườn xuân nắng tạc ử mày nga  
Nhớ nhau mất lúc chiêm bao thấy  
Nhìn dặm lang quân biết chi là?*

Sương Nguyệt Anh còn nhiều bài thơ chữ Hán và chữ Nôm khác như Thường bạch mai, Điều Khuất Nguyên, Ngày Đoan Dương... Nhìn chung ngôn ngữ và hình tượng thơ chưa có gì quá độc đáo hoặc quá mới mẻ nhưng cái tình thì sâu rộng, nồng nàn, chân thật và sự cảm nhận tinh tế.

Bằng tất cả tài năng tâm huyết suốt đời phấn đấu vì sự nghiệp chung, Sương Nguyệt Anh đã để lại tâm trí người Việt Nam hình ảnh đẹp về một nữ chủ bút đầu tiên, một nhà thơ và một người tiên



phong trong công cuộc đấu tranh vì quyền lợi, địa vị của phụ nữ nước nhà.

## 2- Được quý mến vì đức hạnh:

### 2.1- Nguyên phi / Thái hậu Ý Lan

Ý Lan (Hán tự: 倚蘭, 1044–1117) là vợ vua Lý Thánh Tông trong lịch sử Việt Nam. Bà có rất nhiều đóng góp tích cực vào cơ nghiệp của nhà Lý.

#### Xuất thân

Hoàng Thái hậu Ý Lan tương truyền có tên là Lê Thị Khiết, còn có tên là Lê Thị Yến. Một học giả người Tống là Thẩm Hoạt ghi lại là Lê Thị Yến Loan, nhưng giáo sư Hoàng Xuân Hãn cho biết đó chỉ là cách phiên âm từ tên Ý Lan. Theo tài liệu truyện thơ của Trương Thị Ngọc Trong, một cung tần của chúa Trịnh Cương thì Bà có tên là Lê Khiết Nương (?) Bà được cho là sinh ngày 19 tháng 2 năm Giáp Thân, Thiên Cảm Thánh Võ thứ nhất (tức 7 tháng 3 năm 1044) (?). Một tài liệu khác cho rằng năm sinh của Ý Lan không rõ, sử sách chỉ ghi: Bà mất ở kinh thành Thăng Long vào năm 1117 - trên dưới 70 tuổi - thời Lý Nhân Tông (?).

Nguyên quán của Ý Lan ở trại trang Thổ Lỗi nay thuộc xã Như Quỳnh, huyện Văn Lâm Hưng Yên. Con gái ông Lê Công Thiết và bà Vũ Thị Tình, làm ruộng, trồng dâu, nuôi tằm. Năm bà 12 tuổi thị mẹ mất. Hai năm sau Lê Công Thiết lấy một người con gái họ Đồng làm vợ kế. Năm bà 16 tuổi cha cũng qua đời, nhờ bà mẹ kế nuôi dạy.

#### Giai thoại

Câu chuyện Ý Lan vào cung vua Lý đã trở thành một giai thoại nổi tiếng, nhưng có một vài chi tiết nhỏ còn mâu thuẫn.

Năm Quý Mão 1063, Lý Thánh Tông đã 40 tuổi mà chưa có con trai. Vua và hoàng hậu đi cầu tự nhiều nơi nhưng không thành. Một sáng mùa xuân, vua về viếng thăm chùa Dâu (tổng Dương Quang, phủ Thuận Thành) dân làng mở hội nghênh giá.

Vua ngự giá đến trang Thổ Lỗi, thấy một cô thôn nữ xinh đẹp vẫn điềm nhiên hái dâu bên cạnh gốc lan. Lý Thánh Tông lấy làm lạ, cho người gạn hỏi. Người con gái đối đáp thông minh, cử chỉ đoan trang dịu dàng. Đó chính là cô Yến. Vua truyền lệnh tuyển cô gái ấy vào cung, rước về Lan Cung thuộc đất làng Kim Cỗ, huyện Thọ Xương của kinh thành Thăng Long. Lý Thánh Tông phong cô là Ý Lan phu nhân, cũng có ý kỷ niệm hình ảnh cô gái đứng tựa bên gốc lan.

### **Nguyên phi, Hoàng thái hậu Ý Lan**

Trong cung Ý Lan được học hành. Khác với các cung phi khác, Ý Lan không lấy việc trau chuốt nhan sắc, mong chiếm được tình yêu của vua mà quan tâm đến hết thảy mọi công việc trong triều đình. Bà khổ công học hỏi, miệt mài đọc sách. Chỉ trong một thời gian ngắn, mọi người đều kinh ngạc trước sự hiểu biết uyên thâm về nhiều mặt của Ý Lan, triều thần khâm phục Ý Lan là người có tài.

Khi sinh người con trai thứ nhất là Càn Đức (Bính Ngọ 1066), bà được phong là Thần phi, sinh người con trai thứ hai là Sùng Hiền hầu, bà được phong là Nguyên phi. Càn Đức được lập làm thái tử. Khi vua Lý Thánh Tông mất (năm 1072), Càn Đức lên nối ngôi, tức là vua Nhân Tông, bà được phong là Linh Nhân Hoàng Thái hậu.

Thái hậu Linh Nhân (Ý Lan) vốn là người tài trí, thấy Bà đích mẫu (tức bà Thái hậu họ Dương ở cung Thượng Dương) được tham dự việc triều chính lấy làm buồn lòng và ghen tức vì cho mình là mẹ đẻ mà không được tham dự triều chính nên mới bảo vua rằng:

“Mẹ già khó nhọc nuôi con để có ngày nay, đến lúc phú quý thì người khác hưởng, ăn ở như thế thì đặt con mẹ già này vào chỗ nào?”

Nhà vua tuy nhỏ bé nhưng cũng có hiểu biết chút ít rằng, mình không phải là con của Thái hậu Thượng Dương, bèn giam Thái hậu Thượng Dương và 72 người thị nữ ở cung Thượng Dương rồi bức bách bắt đem chôn sống theo vua Thánh Tông.

## **Nhiếp chính**

Ỗ Lan đã hai lần làm nhiếp chính.

### **Lần thứ nhất**

Năm Kỷ Dậu 1069, Lý Thánh Tông thân chinh cùng Lý Thường Kiệt mang quân đi đánh Chiêm Thành, trao quyền nhiếp chính cho Ỗ Lan. Ỗ Lan trông coi việc nội trị rất được lòng dân chúng. Trong nước tình hình ổn định vững vàng, nhân dân mang ơn, gọi là bà Quan Âm.

Lý Thánh Tông đánh giặc lâu ngày không thắng, bèn trao quyền binh cho Lý Thường Kiệt, đem một cánh quân nhỏ quay về. Đến Mạt Liên (Tiên Lữ, Hưng Yên ngày nay), Lý Thánh Tông hay tin Ỗ Lan trị nước vững vàng, vua hồ thẹn quay ra trận quyết đánh cho kỳ thắng mới về. Trong sự nghiệp chấn hưng đất nước của Lý Thánh Tông, có vai trò không nhỏ của Nguyên phi Ỗ Lan.

### **Lần thứ hai**

Năm Nhâm Tý 1072, Lý Thánh Tông đột ngột qua đời, hoàng thái tử Lý Càn Đức mới 7 tuổi lên nối ngôi (tức hoàng đế Lý Nhân Tông), bà được tôn làm Hoàng thái phi, rồi Hoàng thái hậu. Ban đầu vợ chính của Thánh Tông là Thái hậu Thượng Dương làm nhiếp chính, nhưng sau đó Ỗ Lan đã dựa vào Lý Thường Kiệt

giành lại quyền hành và bức hại Thượng Dương. Ý Lan cùng Thái úy Lý Thường Kiệt coi việc triều chính, điều hành quốc gia.

Hai lần chiến tranh với nhà Tống (1075 và 1077), vua Lý Nhân Tông chưa quá 10 tuổi, Ý Lan đã bỏ qua hiềm khích cũ, điều Lý Đạo Thành từ Nghệ An về, trao lại chức Thái sư, cùng Lý Đạo Thành lo việc binh lương chuyển ra tiền tuyến.

Là một phụ nữ tài trí, lại được Lý Thường Kiệt ủng hộ nên Hoàng Thái hậu đã có những đóng góp tích cực vào cơ nghiệp nhà Lý.

Hoàng Thái hậu Ý Lan còn chăm lo đến việc mở mang dân trí, thi cử học hành. Bà ban hành nhiều chính sách tiến bộ như chuộc nô tỳ, tha cung nữ, giảm tô thuế, cấm giết trâu bò. Ngô Sĩ Liên có lời bàn: "Con gái nghèo đến nỗi phải đợ mình làm mướn, con trai nghèo đến nỗi không vợ đó là cùng dân của thiên hạ. Thái hậu (tức Ý Lan) đổi mệnh cho họ cũng là việc nhân chính vậy."

Là người rất am hiểu và hâm mộ đạo Phật, Hoàng Thái hậu Ý Lan có công xây dựng hàng trăm ngôi chùa. Chính nhờ câu chuyện giữa bà và các vị sư thời Lý, mà đến nay mới biết được gốc tích sự truyền bá đạo Phật vào Việt Nam.

Ý Lan còn được các nhà nghiên cứu văn học xếp vào hàng tác gia văn học thời Lý - Trần. Bà có làm những bài kinh, có câu kệ còn truyền lại đến ngày nay:

*Sắc thị không, không tức sắc  
Không thị sắc, sắc tức không  
Sắc không quân bất quân  
Phương đắc khế chân không*

Nghĩa là:

*Sắc là không, không tức sắc  
Không là sắc, sắc tức không*

*Sắc không đều chẳng quản  
Mới được hợp chân tông.*

Nhưng trong đời Ý Lan không phải không có tì vết. Sau khi vua Lý Thánh Tông qua đời, hoàng hậu Thượng Dương được sự ủy thác của Thái sư Lý Đạo Thành, đã tôn lên làm Thái Hậu, còn Ý Lan trở thành Thái Phi. Mãi 4 tháng sau, có Lý Thường Kiệt giúp sức, Ý Lan mới trở lại nắm quyền nhiếp chính. Bà đã xui vua bắt giam Hoàng hậu Thượng Dương cùng 72 cung nữ vào lãnh cung, bỏ đói cho đến chết. Về cuối đời Ý Lan đã hối hận về hành động của mình, bà cho lập nhiều chùa để tỏ lòng sám hối và độ siêu sinh cho hoàng hậu Thượng Dương và các cung nữ.

Bà mất ngày 25 tháng 7 năm Đinh Dậu, niên hiệu Hội Tường Đại Khánh năm thứ 8 đời Lý Nhân Tông (tức 24 tháng 8 năm 1117), thọ 74 tuổi (?) Bà được hỏa táng, dâng thụy là Phù Thánh Linh Nhân Hoàng thái hậu, mai táng ở Thọ Lăng, phủ Thiên Đức. Tại quê hương và nhiều nơi đã xây dựng chùa tháp, đền thờ bà. Cùng với những ngôi đền lớn thờ bà ở huyện Gia Lâm, Hà Nội, hiện ở Hưng Yên có Ba ngôi: Đền Ghềnh, xã Như Quỳnh và chùa Hương Lãng, xã Minh Hải thuộc huyện (Văn Lâm) và Đền Bà tại Xã Nhật Quang Huyện Phù Cừ.

### **Ý Lan trong văn nghệ dân gian**

Ý Lan là nhân vật chính trong phần 1 và phần 2 vở chèo Bài ca dựng nước của đạo diễn, nghệ sĩ Tào Mạt.

Con cái

- Hoàng thái tử Lý Càn Đức (tức vua Lý Nhân Tông)
- Sùng Hiền hầu - thân phụ của vua Lý Thần Tông

**2.2- Quý phi Nguyễn Thị Bích Châu:** Bà Nguyễn Thị Bích Châu (1356? – 1377), tự là Bích Lưu. là một quý phi của vua Trần Duệ Tông (1372-1377).

### **Tiểu sử**

Bà Nguyễn Thị Bích Châu quê ở huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định con gái một đại thần triều Trần. Nàng Bích Châu sớm nổi tiếng thông tuệ. Giỏi văn chương thi phú, thạo âm nhạc. Càng lớn, nhan sắc nàng Bích Châu càng diễm lệ, lại có một khối óc nhận xét rất tinh vi, xuất sắc.

Năm 1373, Bà được Trần Duệ Tông tuyển làm cung phi, lúc đàn ca, khi ngâm vịnh, được nhà vua rất đỗi thương yêu, gọi là Nguyễn Cơ Bích Châu. Sau lại phong tặng là ái phi, thường gọi ái phi Bích Lưu hay ái phi Bích Châu có tài trị nước, nhìn xa trông rộng, từng dâng “Kê minh thập sách” (Mười kế sách trị nước).

### **Các giai thoại**

Một hôm, nhân tiết trung thu, nàng Bích Châu bày tiệc nhỏ trên gác tía, chung quanh treo lồng sắc trắng chen đủ màu rất đẹp.

Vua Duệ Tông tỏ vẻ hài lòng hết ngắm trăng lại ngắm đèn, bỗng nhà vua cao hứng ra câu đối:

*"Trời thu gác tía treo đèn bạc, quế đỏ trong trăng"*

Hàng quan dự tiệc đều buông đũa suy nghĩ. Họ đang mãi miết tìm vần thì cung phi Bích Châu đã chấp tay, cất tiếng:

- Tâu thánh thượng, thần thiếp xin kính đối:

*"Sắc xuân đài trang mở gương báu, phù dung đáy nước"*

Vua đặc ý khen hay và thưởng cho đôi “ngọc long kim nhĩ” (hoa tai vàng cân ngọc hình rồng nổi) và nhân đó lại đặt biệt hiệu cho nàng là Phù Dung.

Sau thời gian ngắn ở chốn hoàng cung, ái phi Bích Châu nhận thấy đức quân vương tính nóng nảy, thiếu bản lĩnh, triều đình đang có nguy cơ rạn nứt suy sụp, nàng đảm chiêu chú tâm soạn thảo bản điều trần dâng vua, nhan đề: “Kê minh thập sách” nêu 10 kế sách trị nước an dân. Đại ý mượn tiếng gà gáy sáng để thức tỉnh nhà vua, với những lời tâm huyết được trải ra từng câu, ví như:

*...Nhất viết, phù quốc bản, hà bạo khử tắc nhân tâm*

Dịch:

*(Điều một - bên gốc nước, trừ kẻ bạo thì dân chúng được yên).*

*Tứ viết - thái những lại dĩ tính dân ngự*

Dịch:

*(Điều bốn - đuổi bọn quan lại tham nhũng để bớt vơ vét của dân)*  
(Trích Kê minh thập sách)

Xem xong bản điều trần của ái phi Bích Châu, nhà vua cảm kích vỗ trán thốt lên:

- Không ngờ ái phi lại thông tuệ đến thế? May cho trong cung của trẫm xuất hiện một bậc Từ Phi (vợ Đường Thái Tông bên Tàu nổi tiếng văn chương).

Nhưng sau đó, bản điều trần ấy không được vua quan tâm đến nên chẳng thực hiện một điều nào, thật đáng tiếc.

**Cái chết**

Năm 1376, đất nước ta bị quân Chiêm Thành (Chế Bồng Nga) thường sang gây hấn quấy rối. Mùa Đông năm đó giặc lại tràn sâu vào lãnh địa của ta phá phách rất hung bạo.

Vua Duệ Tông giận dữ xuống chiếu ngự giá thân chinh đi dẹp giặc. Nàng Bích Châu buồn chồn lo lắng dâng biểu khuyên can.

Rồi nàng lại viết tiếp đoạn ngắn nhắc nhở nhà vua:

“...Việc trị đạo nước trước gốc sau ngọn, xin nghỉ binh cho dân chúng yên hàn. Trị cái rắn nên dùng cái mềm, phục rợ xa cốt lất đức... Đó là thượng sách, xin hoàng thượng xét đoán cho minh.”

Bài biểu dâng lên cũng không lay chuyển nổi nhà vua. Cung phi Bích Châu buồn lo than thở:

*“...Nghĩa lớn là vua tôi, ái tình là vợ chồng. Vậy mà không giỏi khuyên can để giữ nền bình trị, không biết khéo lời để ngăn lòng hiếu chiến, như thế ta đã là người vô dụng chăng?”*

Biết nhà vua nhất định không chịu nghe, nàng đành xin đi theo hộ giá. Lại truyền rằng buổi xuất binh ngày ấy cờ xí rợp trời, chiêng trống dậy đất, truyền rằng trùng trùng lớp lớp, binh sĩ gương giáo sáng loáng, hùng khí chát ngát từng mây. Nhưng khi đoàn thuyền chiến vừa đến cửa bể Kỳ Hoa (Kỳ Anh Nghệ Tĩnh) trời bỗng nổi cơn phong ba bão táp. Đoàn thuyền đành tạm neo ngay lại đấy. bởi mặt biển thường nổi sóng cao và xoáy lốc, ngay sát bờ đã là dãy vực thẳm đầy đá nhọn, ra càng xa thì vực càng sâu, lòng biển lờm chờm hàng khối đá ngầm.

Binh thuyền phải vất vả thương tổn khá nhiều mới ràng nổi dây neo. Nhưng cơn dông bão vẫn dai dẳng càng lúc càng dữ dội hơn. Đoàn thuyền chiến nhấp nhô đập chúi vào nhau rầm rầm? Nhiều cái bị đứt dây, lao đi vùn vụt đâm vào đá vỡ toang. Quân lính lớp chết, lớp kêu la chói với. Số còn sống ai nấy đều kinh hãi nản lòng. Nhà vua nhất quyết đợi tan cơn bão sẽ tiến binh tiếp. Nàng Bích



Châu sợ hãi đứng ngồi không yên. Chợt nàng thoáng nghe chuyện thần biển đòi mỹ nữ. Trong lúc cấp bách, nàng thẳng thốt vừa qua cảm nghĩ ngay việc liều mình để giữ quân kỷ và thể diện nhà vua, giúp đất nước. Nàng Bích Châu liền tâu vua cho phép nàng được hiến thân cho thần biển; cầu xin thần phù hộ quân nhà vua sớm toàn thắng.

Vua Duệ Tông bàng hoàng chưa kịp phán bảo cản ngăn thì nàng Bích Châu đã nhanh nhẹn quay ra thuyên lệnh:

*“... Các quan mau mau sửa soạn lễ vật cúng thần biển, kính báo thời khắc thiếp tôi được nhà vua cử làm sứ giả đi gặp thần biển xin sóng lặng bể yên phù trợ cho vua quan, quân lính nhà Trần được chiến thắng dịp này, đem bình an về cho đất nước”*

Nàng vừa dứt tiếng thì từ nhà vua đến các quan có mặt quanh đó đều sửng sốt, nghẹn lời...

Mặc hết những lời can ngăn, nàng Bích Châu vẫn một mực tha thiết tâu xin cho nàng có dịp được vinh hạnh phò vua, giúp quân, đền nợ nước. Không làm sao hơn, tất cả đều nén lòng nghe theo ý chí cương quyết của cung phi Bích Châu. Một cung nữ tài sắc, mới kề cận nhà vua được bốn năm, được vua Duệ Tông sủng ái rất mực như vậy mà dám lìa bỏ tất cả, can đảm hy sinh tính mạng thì thật là một việc làm quá phi thường.

Hai ngày sau bão mới ngớt, xác phu nhân Bích Châu nổi trên mặt biển, theo làn sóng bạc trôi dần vào bờ, được dân làng vớt lên rước đi an táng tại làng Kỳ Hoa. Cũng là lúc mà đoàn thuyền chiến của vua Trần Duệ Tông đã lướt tiến khá xa, chở đầy những bầu máu nóng sẵn sàng lao vào trận tiền với quyết tâm diệt giặc giữ yên bờ cõi, đền bù tâm nguyện của phu nhân Bích Châu trước giờ tử biệt.

### **Tôn thờ**

Đến nay, tại làng Kỳ Hoa vẫn còn thờ, thờ thần phi Bích Châu.

Thần phi Nguyễn Thị Bích Châu đã ra đi từ gần 7 thế kỷ qua, nhưng tấm gương hy sinh vì nước, vì dân của Bà vẫn còn chói sáng đến muôn đời sau.

Phần sáng tác của Bà Bích Châu, tuy còn lại rất ít, nhưng chỉ với bài “Kê minh thập sách” đã chứng tỏ ngòi bút sắc bén của cung phi nữ sĩ Bích Châu đáng bậc nữ lưu văn học dưới triều Trần Duệ Tông.

Nữ sĩ cung phi Bích Châu đã thực sự đóng góp vào nền văn học nước nhà nói chung và nền văn học viết từ đời Trần của giới nữ nói riêng, một áng văn bác học tinh tế. Lời văn hùng hồn và thiết thực có giá trị như một ngọn đuốc soi đường cứu đất nước một cách tích cực, tỏ rõ tâm hồn tha thiết yêu nước thương dân của nữ sĩ cung phi Bích Châu.

## **Truy phong**

Sau này đến thời Lê Thánh Tông, năm 1471 cũng đi đánh Chiêm Thành, qua chỗ Bà Bích Châu đã trầm mình. Bà hiện lên báo mộng cho vua Lê và xin làm lễ giải thoát. Vua Lê làm lễ cầu giải thoát cho Bà và lập đền thờ ở cửa biển, phong làm "Chế Thắng phu nhân."

## **Tác phẩm**

Bài “*Kê minh thập sách*,” được phiên âm như sau:

*Nhất viết: Phù quốc bản, hà bạo khí, tặc nhân tâm khả an.*

*Nhì viết: Thủ cựu qui, phiên nhiều cách tặc triều cường bất vẫn.*

*Tam viết: Ưc quyền hành dĩ trừ quốc đó.*

*Tứ viết: Thái những lại, dĩ tính dân ngự.*

*Ngũ viết: Nguyên chấn nho phong, sử tước hoả dĩ nhật nguyên nhị tịnh chiếu.*

*Lục viết: Nguyễn cầu trực gián, hội thành môn dữ ngôn lộ nhi tịnh khai.*

*Thất viết: Luyện binh đương tiên dũng lực nhi tả thân tài.*

*Bát viết: Tuyển tướng nghi hậu thế gia, nhi tiên thao lược.*

*Cửu viết: Khi giới qui kỳ khiên nhuệ, bất tài thi hoa.*

*Thập viết: Trận pháp giáo dĩ chỉnh tề, hà tu vũ đạo.*

Dịch nghĩa:

*Điều một: Bền gốc nước, trừ kẻ bạo thì dân chúng được yên.*

*Điều hai: Giữ nếp xưa, phiền nhiễu nên bỏ thì triều cương không rối.*

*Điều ba: Ngăn kẻ lạm quyền để trừ một nước.*

*Điều bốn: Loại bọn quan tham những để bớt vơ vét của dân.*

*Điều năm: Mở lối nho phong để ngọn lửa đóm được soi cùng mặt trời mặt trăng.*

*Điều sáu: Tìm những lời trực gián để đường ngôn luận được rộng mở như cửa thành.*

*Điều bảy: Rèn luyện binh sĩ cần lát hạng có dũng lực hơn là hạng vóc vạc lớn.*

*Điều tám: Chọn tướng trước nên lựa người thao lược sau mới đến là bậc thế gia.*

*Điều chín: Khí giới cốt tinh nhuệ hơn là lòe loẹt.*

*Điều mười: Tập trận pháp cần chỉnh tề không cần múa nhảy.*

### **2.3 Ngọc Hân Công chúa / Ngọc Bình Công chúa**

Lê Ngọc Hân (1770-1799) còn gọi Ngọc Hân công chúa hay Bắc Cung Hoàng hậu là công chúa nhà Hậu Lê và hoàng hậu nhà Tây Sơn trong lịch sử Việt Nam, vợ của vua Quang Trung (Nguyễn Huệ). Dân gian còn lưu truyền tên gọi Bà là Bà Chúa Tiên khi Bà ở Phú Xuân vì dinh phủ lập ở chùa Kim Tiên.

### **Thân thế**

Lê Ngọc Hân (chữ Hán: 黎玉忻) là con gái thứ 9 vua Lê Hiển Tông. Mẹ bà là Chiêu nghi Nguyễn Thị Huyền, người xã Phù Ninh, tổng Hạ Dương, phủ Từ Sơn - Bắc Ninh, là con gái trưởng của ông Nguyễn Đình Giai.

### **Bắc cung hoàng hậu**

Năm 1786, Nguyễn Huệ ra Bắc với chiêu bài "phù Lê diệt Trịnh." Diệt xong họ Trịnh, Nguyễn Huệ tới yết kiến vua Hiển Tông. Do sự mai mối của tướng Bắc Hà vào hàng Tây Sơn là Nguyễn Hữu Chỉnh, Ngọc Hân vâng mệnh vua cha kết duyên cùng Nguyễn Huệ. Khi đó bà mới 16 tuổi, còn Nguyễn Huệ 33 tuổi.

Vài ngày sau vua cha Hiển Tông qua đời, thọ 70 tuổi. Lê Ngọc Hân nghĩ anh thân hơn cháu nên ủng hộ anh là Lê Duy Cận lên ngôi, nhưng bị tông tộc nhà Lê phản đối vì muốn lập hoàng thái tôn Lê Duy Kỳ - con của thái tử Duy Vĩ bị chúa Trịnh Sâm giết hại - lên ngôi. Do áp lực của tông tộc, Ngọc Hân phải nghe theo. Lê Duy Kỳ được lập, tức là vua Chiêu Thống.

Ít lâu sau Bà theo Nguyễn Huệ về Thuận Hóa.

Năm 1788, Nguyễn Huệ lên ngôi Hoàng đế trước khi ra Bắc lần thứ ba để diệt quân Thanh, lấy niên hiệu Quang Trung, phong Ngọc Hân làm Hữu Cung Hoàng hậu.

Năm 1789, sau khi đại thắng quân Thanh, Nguyễn Huệ lại phong Bà làm Bắc Cung Hoàng Hậu. Bà có 2 con với Nguyễn Huệ là công chúa Nguyễn Ngọc Bảo và hoàng tử Nguyễn Quang Đức.

Năm 1792, Quang Trung hoàng đế đột ngột băng hà. Bà viết bài Tế vua Quang Trung và “Ai Tư Vãn” để bày tỏ nỗi đau khổ cùng cực cũng như nỗi tiếc thương vô hạn cho người chồng anh hùng văn số.

## Hoàng thái hậu yếu mệnh

Quang Trung mất, Quang Toản là con bà Chính cung hoàng hậu Phạm Thị Liên lên thay, tức là Cảnh Thịnh đế.

Theo bài "*Danh nhân Lê Ngọc Hân*" của Chu Quang Trứ, Lê Ngọc Hân đưa con ra khỏi cung điện Phú Xuân, sống trong chùa Kim Tiên (Dương Xuân ở Huế) cạnh điện Đan Dương để thờ chồng nuôi con. Bà gượng sống đến ngày mùng 8 tháng 11 năm Kỷ Mùi (4-12-1799) thì mất, lúc đó mới 29 tuổi.

Lễ bộ Thượng thư Đoan Nham hầu nhà Tây Sơn là Phan Huy Ích đã phụng chỉ soạn năm bài văn tế Ngọc Hân cho vua Cảnh Thịnh, cho các công chúa, cho bà Nguyễn Thị Huyền, cho các tôn thất nhà Lê, và cho họ ngoại ở làng Phù Ninh. Hoàng đế Cảnh Thịnh đích thân đọc trước linh sàng Hoàng thái hậu họ Lê. Bà được truy tặng là Như Ý Trang Thuận Trinh Nhất Vũ Hoàng Hậu. Cả năm bài văn tế trên còn được chép trong sách Dụ Am văn tập.

Triều đình Cảnh Thịnh lục đục và suy yếu, ngày càng bị Nguyễn Ánh đe dọa. Hai con Bà phải đổi sang họ Trần. Nhưng với sự sụp đổ của triều Tây Sơn, theo tộc phả họ Nguyễn Đình, ngày 18 tháng 11 năm Tân Dậu (23-12-1801) hoàng tử Nguyễn Quang Đức mất khi mới 10 tuổi, rồi ngày 17 tháng 4 năm Nhâm Tuất (18-5-1802) công chúa Ngọc Bảo cũng mất khi mới 12 tuổi.

## Sự trả thù của nhà Nguyễn

Theo "*Biệt lục*" của tộc phả Nguyễn Đình: Bà Nguyễn Thị Huyền thương con gái và các cháu ngoại đều chết yếu nơi xa, năm 1804 đã thuê người vào Phú Xuân lấy hài cốt ba mẹ con Ngọc Hân, ngày 24 tháng 3 năm Giáp Tý (3-5-1804) xuống thuyền vượt biển, ngày 20 tháng 5 (28-6) về đến bến Ái Mộ, ngày mùng 4 tháng sau (11-7-1804) đưa về bản dinh, ngày mùng 9 (16-7-1804) đưa về làng, giờ Ngọ an táng hài cốt Bà Ngọc Hân, phụ chôn hoàng tử ở bên trái và

công chúa ở bên phải. Nơi đó nay là Bãi Cây Đại hay Bãi Đầu Voi ở đầu làng Nành (Bắc Ninh).

Chu Quang Trứ dẫn theo “*Đại Nam thực lục*” cũng nói về việc này năm 1842:

*"Khoảng năm đầu Gia Long, ngụy đô đốc tên là Hải ngầm đem hài cốt mẹ con Ngọc Hân từ Phú Xuân về táng trộm ở địa phận xã Phù Ninh. Thị Huyền ngầm xây mộ, dựng đền, khắc bia giả, đổi lại họ tên để làm mất dấu tích."*

Gần 50 năm sau, dưới thời Thiệu Trị, miếu bị đổ nát. Một ông tú người làng Nành nhớ công lao của Chiêu nghi họ Nguyễn đối với dân làng đã quyên tiền tu sửa ngôi miếu. Không ngờ, có tên phó tổng cùng làng có thù riêng với ông tú, đã vào Huế tâu vua về việc thờ "ngụy Huệ." Triều đình Huế liền hạ lệnh triệt phá ngôi miếu, quật ba ngôi mộ, vứt hài cốt xuống sông. Ông tú kia bị trọng tội, Tổng đốc Bắc Ninh Nguyễn Đăng Giai cũng bị giáng chức.

### **Ngọc Hân Công chúa trong văn chương**

Bài “*Ai tư vãn* (nghĩa là “Tự than”)” (chữ Nho: 哀思挽) là một tác phẩm viết theo thể “ngâm” tức song thất lục bát, một tác phẩm trong văn chương Việt Nam, viết bằng chữ Nôm, tương truyền do Bắc Cung Hoàng hậu Lê Ngọc Hân viết khóc chồng là vua Quang Trung; nhưng cũng tỏ nỗi niềm của một thân dân khóc vị anh hùng đất nước:

#### **Ai Tư Vãn (“Tự than”)**

*Gió hiu hắt phòng tiêu lạnh lẽo  
Trước thềm lan, hoa héo ron ron.  
Cầu Tiên khói tỏa đỉnh non,  
Xe rồng thăm thăm, bóng loan dầu dầu.  
Nỗi lai lịch dễ hầu than thở  
Trách nhân duyên mờ lẽ có sao?*

Sâu sâu, thăm thăm xiết bao...  
Sâu đây giạt bể, thăm cao ngát trời!

Từ cờ thăm trở vời cõi Bắc,  
Nghĩa tôn phù vàng vặc bóng dương.  
Rút dây vâng mệnh phụ hoàng,  
Thuyền lan chèo quế thuận đường vu quy.  
Trăm ngàn dặm quản chi non nước;  
Chữ "nghĩ gia" mừng được phải duyên.  
Sang yêu muôn đội ơn trên,  
Rõ ràng vẻ thúy, nói chen tiếng cầm.  
Lượng che chở, vụng làm nào kẻ.  
Phận đình ninh cặn kẽ mọi lời.  
Dẫu rằng non nước biến dời,  
Nguồn tình ắt chẳng chút vơi đâu là.  
Lòng đùm bọc thương hoa đoái cội,  
Khấp tôn thân cùng đội ơn sang.  
Miếu đường còn dấu chưng thường,  
Tùng thu còn rậm mấy hàng xanh xanh.  
Nhờ hồng phúc, đôi cảnh hòe quế  
Đượm hơi dương dây rễ cùng tươi  
Non Nam lần chúc tuổi trời,  
Dâng câu Thiên Bảo, bày lời Hoa Phong.

Những ao ước trập trùng tuổi hạc,  
Nguyên trăm năm ngộ được vậy vui.  
Nào hay sông cạn, bể vùi,  
Lòng trời giáo giở, vận người biệt ly.  
Từ nắng hạ, mưa thu trái tiết,  
Xót mình rông mỗi một chẳng yên.  
Xiết bao kinh sợ, lo phiền,  
Miếu thần đã đảo, thuốc tiên lại câu.  
Khấp mọi chốn đâu đâu tìm rước,  
Phương pháp nào đôi được cùng chấng?  
Ngán thay, máy Tạo bất bằng,  
Bóng mây thoát đã ngát chùng xe loan.

*Cuộc tụ, tán, bi, hoan kíp bấy,  
Kể sum vầy đã mấy năm nay?  
Lênh đênh chút phận bèo mây,  
Duyên kia đã vậy, thân này nương đâu?  
Trần trọc luống đêm thâu, ngày tối,  
Biết cậy ai dập nổi bi thương?  
Trông mong luống những mơ màng,  
Mơ hồ bằng mộng, bằng hoàng như say.  
Khi trận gió hoa bay thấp thoáng,  
Ngõ hương trời băng băng còn đâu:  
Vội vàng sửa áo lên châu,  
Thương ôi, quạnh quẽ trước lầu nhện giăng.  
Khi bóng trăng, lá in lấp lánh,  
Ngõ tàn vàng nhớ cảnh ngự chơi.  
Vội vàng dạo bước tới nơi,  
Thương ơi, vắng vẻ giữa trời tuyết sa!  
Tưởng phong thế xót xa đòi đoạn,  
Mặt rồng sao cách gián lâu nay,  
Có ai chôn ấy về đây,  
Nguồn cơn xin ngõ cho hay được đành?  
Nẻo u minh khéo chia đôi ngã,  
Nghĩ đòi phen, nòng nã đòi phen.  
Kiếp này chưa trọn chữ duyên,  
Ước xin kiếp khác vẹn tuyền lửa hương.  
Nghe trước có đáng vương Thang, Võ,  
Công nghiệp nhiều tuổi thọ thêm cao;  
Mà nay áo vải cờ đào,  
Giúp dân dựng nước xiết bao công trình!  
Nghe rành rành trước vua Nghiêu, Thuấn,  
Công đức dày, ngự vận càng lâu;  
Mà nay lượng cả, ơn sâu,  
Móc mưa rưới khắp chín châu đượm nhuần.  
Công đường ấy, mà nhân đường ấy,  
Cõi thọ sao hẹp bấy hóa công?  
Rộng cho chuộc được tuổi rồng,  
Đổi thân ắt hẳn bỏ lòng tôi người.*



Buồn thay nhẽ, sương rơi gió lọt,  
 Cảnh điều hiu, thánh thót châu sa.  
 Tưởng lời di chúc thiết tha,  
 Khóc nào nên tiếng, thức mà cũng mê.  
 Buồn thay nhẽ, xuân về hoa ở,  
 Mối sầu riêng ai gỡ cho xong,  
 Quyết liều mong vẹn chữ tòng,  
 Trên rường nào ngại giữa dòng nào e.  
 Con trúng nước thương vì đôi chút,  
 Chữ tình thâm chưa thoát được đi,  
 Vậy nên nản ná đòi khi,  
 Hình tuy còn ở, phách thì đã theo;  
 Theo buổi trước ngự đèo Bông Đảo,  
 Theo buổi sau ngự nẻo sông Ngân,  
 Theo xa thôi lại theo gần,  
 Theo phen điện quế, theo lân nguồn hoa.  
 Đương theo bổng tiếng gà sục tỉnh,  
 Đau đón thay ấy cảnh chiêm bao!  
 Mơ màng thêm nỗi khát khao,  
 Ngọc kinh chốn ấy ngày nào tới nơi?  
 Tưởng thôi lại bồi hồi trong dạ,  
 Nguyệt đồng sinh sao đã kịp phai?  
 Xưa sao sớm hỏi khuya bày,  
 Nặng lòng vàng đá, cạn lời tóc tơ.  
 Giờ sao bổng thờ ơ lặng lẽ,  
 Tình cô đơn, ai kẻ xét đâu?  
 Xưa sao gang tấc gần châu,  
 Trước sân phong nguyệt, trên lầu sính ca.  
 Giờ sao bổng cách xa đôi cõi,  
 Tin hàn huyền khôn hỏi thăm nhanh.  
 Nửa cung gãy phím cầm lạnh,  
 Nỗi con cô cút, nỗi mình bơ vơ!  
 Nghĩ nông nỗi ngán ngơ đòi lúc,  
 Tiếng tử quy thêm giục lòng thương.  
 Nào người thay, cảnh tiên hương,  
 Dạ thường quanh quất, mắt thường ngóng trông.

Trông mái đông: lá buồm xuôi ngược,  
Thấy mênh mông những nước cùng mây,  
Đông rồi thì lại trông tây:  
Thấy non cao ngất, thấy cây rườm rà.  
Trông Nam thấy nhận sa lác đác,  
Trông bắc thời ngàn bạc màu sương.  
Nọ trông trời đất bốn phương,  
Cõi tiên khơi thăm, biết đường nào đi.  
Cây ai có phép gì tới đó,  
Dâng vật thường xin ngỏ lòng trung,  
Này gương là của Hán cung  
Ơn trên xưa đã soi chung đời ngày.  
Duyên hảo hợp xót rày nên lẽ,  
Bụng ai hoài vội ghẽ vì đâu?  
Xin đưa gương ấy về châu,  
Ngõ soi cho tỏ gót đầu trông ơn.  
Tưởng linh sáng nhọn nhọn còn dẫu,  
Nỗi sinh cơ có thấu cho không?  
Cung xanh đang tuổi ấu xung  
Di mưu sao nữ quên lòng đoái thương?  
Gót lân chỉ mấy hàng lâm chẫm  
Đầu mũ mao, mình tấm áo gai,  
U ơ ra trước hương đài,  
Tưởng quang cảnh ấy chua cay lòng này.  
Trong sáu viện ó đào, ủ liễu  
Xác ve gầy, lông lẻo xiêm nghề  
Long đong xa cách hương quê,  
Mong theo: làm lối, mong về: tui duyên.  
Dưới bệ ngọc hàng uyên vò vồ  
Cát chân tay thương khó xiết chi.  
Hang sâu nghe tiếng thương bi,  
Kẻ sơ còn thế, hướng gì người thân.  
Cảnh ly biệt nhiều phân bát ngát,  
Mạch sâu tuôn ai tát cho vơi?  
Càng trông càng một xa vời,  
Tác lòng thăm thiết, chín trời biết chằng?

*Buồn trông trăng, trăng mờ thêm tủi,  
 Gương Hằng Nga đã bụi màu trong.  
 Nhìn gương càng thẹn tấm lòng,  
 Thiên duyên lạnh lẽo, đêm đông biên hà.  
 Buồn xem hoa, hoa buồn thêm thẹn,  
 Cánh hải đường đã quyện giọt sương.  
 Trông chim càng dễ đoạn trường  
 Uyên ương chiếc bóng, phượng hoàng lẻ đôi.  
 Cảnh nào cũng ngùi ngùi cảnh ấy  
 Tiệc vui mừng còn thấy chi đâu?  
 Phút giây bãi bể nương dâu,  
 Cuộc đời là thế biết hâu nài sao?  
 Chử tình nghĩa trời cao, đất rộng,  
 Nỗi đoạn trường còn sống còn đau.  
 Mấy lời tâm sự trước sau,  
 Đôi vàng nhật nguyệt trên đầu chứng cho.  
 (Lê Ngọc Hân)*

**Ngọc Bình Công Chúa**  
 (Em gái Lê Ngọc Hân)

(Xem thêm chi tiết về Lê Ngọc Bình phía dưới)

Em gái Lê Ngọc Hân là Lê Ngọc Bình, là con gái nhỏ nhất (thứ 23) của vua Lê Hiến Tông, là vợ của vua Cảnh Thịnh. Sau khi quyền thần Bùi Đắc Tuyên bị dẹp (1795), Lê Ngọc Hân làm mối Ngọc Bình cho vua Cảnh Thịnh.

Sau khi nhà Tây Sơn sụp đổ, Ngọc Bình trở thành vợ vua Gia Long, sinh được hai hoàng tử nhà Nguyễn. Trong bộ sách Quốc sử di biên do Phan Thúc Trục soạn vào năm Tự Đức thứ 4 đến thứ 5 (1851-1852) đã chép như sau:

*Năm Nhâm Tuất, Gia Long năm đầu (1802)... Ngày 21 Canh Thân, Thế tổ (Gia Long) đến kinh thành Thăng Long, hào mục bắt anh*

*em Nguyễn Quang Toàn dâng lên vua... Dâng nộp bà phi Lê Thị Ngọc Bình vào trong cung vua...*

Khi nhà Tây Sơn mất, trong dân gian truyền tụng câu:

*Số đâu có số lạ lùng  
Con vua lại lấy hai chồng làm vua.*

Năm 1941, tác giả Phạm Thường Việt, một lần nữa lại cho rằng người lấy vua Gia Long là Lê Ngọc Hân (?)

Tuy nhiên, qua Quốc sử di biên và một số tư liệu khác, các nhà nghiên cứu khẳng định rằng Lê Ngọc Hân đã mất từ năm 1799 và người lấy vua Gia Long là Lê Ngọc Bình, em gái Bà - người ít được biết đến hơn Bà.

**Ngọc Bình Công Chúa** (*phụ đính để đọc thêm*)

Lê Ngọc Bình (? - 1810) là công chúa nhà Hậu Lê, hoàng hậu nhà Tây Sơn trong lịch sử Việt Nam vợ của Cảnh Thịnh hoàng đế Nguyễn Quang Toàn và sau đó là vợ vua Gia Long Nguyễn Ánh.

## **Thân thế**

Lê Ngọc Bình (chữ Hán: 黎玉萍) là con gái út (thứ 23) của vua Lê Hiển Tông và Chiêu nghi Nguyễn Thị Điều. Ngọc Bình là em gái công chúa Lê Ngọc Hân còn bà Chiêu nghi Nguyễn Thị Điều là người cùng làng với bà Nguyễn Thị Huyền, mẹ của Lê Ngọc Hân.

Về năm sinh của Bà, các nguồn tài liệu nêu khác nhau. Giai phẩm Tây Sơn cho rằng Lê Ngọc Bình sinh năm 1783, khi vua cha Hiển Tông đã 67 tuổi, kém chị Ngọc Hân 12 tuổi và bằng tuổi vua Cảnh Thịnh. Đặng Việt Thủy và Đặng Thành Trung trong sách "Mười tám vị công chúa Việt Nam" cho rằng Ngọc Bình sinh năm 1775, chỉ kém Ngọc Hân 4 tuổi và hơn Cảnh Thịnh 8 tuổi.

## Chính cung hoàng hậu nhà Tây Sơn

Năm 1795, sau khi quyền thần Bùi Đắc Tuyên bị dẹp, thái hậu Lê Ngọc Hân làm mối Ngọc Bình cho Cảnh Thịnh hoàng đế Nguyễn Quang Toản. Công chúa Ngọc Bình trở thành chính cung hoàng hậu nhà Tây Sơn.

Sử sách không ghi về người con nào của Bà và vua Cảnh Thịnh.

## Đệ tam cung nhà Nguyễn

Trong bộ sách Quốc sử di biên do Phan Thúc Trục soạn vào năm Tự Đức thứ 4 đến thứ 5 (1851-1852) có đoạn:

Năm Nhâm Tuất, Gia Long năm đầu (1802)... Ngày 21 Canh Thân, Thế tổ (Gia Long) đến kinh thành Thăng Long, hào mục bắt anh em Nguyễn Quang Toản dâng lên vua... Dâng nộp bà phi Lê Thị Ngọc Bình vào trong cung vua...

Mặc dù có lời can ngăn, nhưng sau đó Lê Thị Ngọc Bình vẫn được phong làm phi, và sinh được hai hoàng tử nhà Nguyễn là Quảng Uy công Nguyễn Phúc Quân (sinh năm 1809), Thường Tín công Nguyễn Phúc Cự (sinh năm 1810) và 2 công chúa là Mỹ Khê Ngọc Khuê và An Nghĩa Ngọc Ngôn.

Bà mất năm 1810, khi tuổi đời còn khá trẻ.

Chị em Ngọc Hân và Ngọc Bình có nhiều điểm tương đồng: Hai bà đều là công chúa con vua Hiến Tông nhà Hậu Lê, hai bà đều sinh trưởng ở ngoài Bắc, lớn lên hai bà đều lấy chồng là hoàng đế nhà Tây Sơn, cả hai bà đều là Hoàng hậu tại Phú Xuân. Do những điểm tương đồng căn bản đó mà những câu chuyện truyền tụng về cuộc đời hai bà, gây ra sự lầm lẫn giữa Ngọc Hân và Ngọc Bình. Từng có người cho rằng Ngọc Hân lấy Nguyễn Ánh là nhưng trên thực tế Ngọc Hân đã mất từ năm 1799. Sự ám muội này phải đợi tới

năm 1949 mới được Hoa Bằng - Hoàng Thúc Trâm cải chính trong “*Văn học Tây Sơn.*”

Trong lịch sử Việt Nam, đặc biệt Lê Ngọc Bình cùng Dương Vân Nga là hai người phụ nữ làm vợ của hai vị vua thuộc hai triều đại khác nhau.

## 2.4- Linh từ quốc mẫu Trần Thị Dung

Linh từ quốc mẫu Trần Thị Dung (chữ Hán 陳氏庸; ?-1259) xuất thân là cô gái làng chài, làm vợ (từ Nguyên phi – đứng đầu hàng thứ phi – rồi được phong lên làm Hoàng hậu) của vua Lý Huệ Tông (1211-1224) và là cô ruột của vua Trần Thái Tông (1226-1258). Bà có hai người con là công chúa Thuận thiên gả cho Trần Liễu (thân phụ của Trần Hưng Đạo) và người con thứ hai là Chiêu Thánh Công chúa (sau này là Nữ hoàng Lý Chiêu Hoàng vì vua Huệ Tông không có con trai) gả cho Trần Cảnh (em ruột của Trần Liễu). Dưới áp lực của Trần Thủ Độ, Lý Chiêu Hoàng nhường ngôi cho Trần Cảnh và nhà Trần bắt đầu từ đó... Như vậy vì sự an nguy của xã tắc (?) hay vì giòng họ Trần (?) (Nên biết Bà là người họ Trần) Bà đã một lòng ủng hộ (hay toa rập?) họ Trần để lấy ngôi của nhà Lý (saunày Bà làm vợ của Trần Thủ Độ!) Tuy nhiên trong giai đoạn Mông Cổ sang xâm lăng Việt Nam (năm 1258), Bà Trần Thị Dung có công rất lớn trong cuộc đọ sức lịch sử này. Giặc vào, Bà là nữ tướng hậu cần, chỉ huy việc di chuyển toàn bộ kho tàng và cung tần mỹ nữ khỏi kinh thành. Khi nhà Trần tổ chức phản công, Bà chỉ huy việc chuyên chở lương thực và khí giới cho quân đội. Bà mất vì bệnh tại Thăng Long vào tháng 1 năm Kỷ Mùi (1259). Sử thần Ngô Sĩ Liên viết rằng: “Thế mới biết trời sinh ra Linh Từ là để mở nghiệp nhà Trần vậy.” Nghiệp nhà Trần ra sao? Chúng ta cũng biết, Đại Việt thời Trần thật sự là một quốc gia hùng cường ở Đông Nam châu Á. (*Theo Việt sử giai thoại của Nguyễn Khắc Thuần - NXBGD*). Vì có công lớn với nhà Trần, cho nên triều Trần đã truy tặng Bà tước hiệu “*Linh Từ Quốc Mẫu*” (lời mẹ hiền từ và hiển linh của đất nước).

## 2.5- Hoàng Thái Hậu Từ Dũ

Hoàng Thái Hậu Từ Dũ sinh ngày 19 tháng 5 năm 1810, chính quán Gò Công, huyện Tân Hòa, tỉnh Gia Định, (tỉnh Tiền Giang ngày nay). Tên thật của Bà là Phạm Thị Hằng, cha là công thần Phạm Đăng Hưng, mẹ là Phạm Văn Thị. Thuở nhỏ, Bà nổi tiếng hiếu hạnh, lâu thông kinh sử, rất mực hiền thực.

Lên 14 tuổi, Bà được tuyển triệu vào cung để chầu hầu Hiến Tổ (sau này là vua Thiệu Trị). Năm 16 tuổi Bà sinh ra Dục Tôn Anh Hoàng Đế - tức vua Tự Đức.

Các sử gia nhà Nguyễn không tiếc lời ca ngợi Bà là bậc Mẫu nghi thiên hạ suốt 8 đời vua, gắn liền vận mệnh vinh nhục của triều đại cuối cùng, lưu danh trên sử sách cho đời sau.

Mỗi lần vua Tự Đức rời rảnh vào hầu, Bà thường nhắc nhở công đức và những lời nói, việc làm của tiên đế để khuyên dạy, ngõ hầu giữ gốc trung hậu, không nên chuộng mới, nói cũ. Vua Tự Đức ghi lại những lời nhân hậu của mẹ dạy trong sách “Từ Huấn Lục.”

Bà nghiêm khắc đối với thân nhân dòng họ, phê phán gắt gao kẻ dựa quyền thế gia tộc Bà để tìm đường cầu vinh, hoặc che chở kẻ phạm pháp. Bà bảo vua Tự Đức rằng: “Người trong giòng họ chớ lo việc không được làm quan, phải chuyên cần học hỏi, thi đậu về vang gia tộc; chỉ lo là bất tài mà thôi. Ngoài ra, kẻ làm điều trái phép, Hoàng Đế nên triệu về kinh, nghiêm trị để làm gương cho người ta biết.” Song song đó, Bà quý trọng các quan trung thần, muốn có nhiều người như Võ Trọng Bình thanh liêm, Phạm Phú Thứ thẳng thắn và Nguyễn Tri Phương công trung cần cán không từ việc mệt nhọc.

Chuyện rằng, Phạm Phú Thứ làm quan ở Viện Tập Hiền, khảng khái can vua mê đàn hát, bị giáng chức làm lính, Hoàng Thái Hậu Từ Dũ biết được bèn khuyên vua Tự Đức: “Chính ông Thứ là bề

tôi trung, dám can gián Vua. Kẻ xu nịnh, cúi đầu vâng dạ để lấy lòng bề trên, chắc gì họ hết lòng vì Hoàng đế.” Vua Tự Đức nghe lời dạy chân chính của Hoàng Thái hậu, quỳ lại mẹ nhân hậu và tha cho Phạm Phú Thứ.

Ngày 5 tháng 4 năm 1901 Bà mất, thọ 92 tuổi, 78 năm ở cạnh ngai vàng với cương vị cố vấn Vua, Bà góp ý bàn bạc về chính sự, hết lòng vì nước, thương dân. Ngày 5 tháng 5 năm 1901, Bà được dựng tôn thụy là “Nghi Thiên Tán Thánh Từ Dũ Bác Huệ Trần Túc Tuệ Đạt Thọ Đức Nhân Công Chương Hoàng Hậu.” (Theo “Đại Nam chính biên (sơ tập) Quốc sử quán triều Nguyễn”).

Tóm lại, nhìn lại lịch sử Việt Nam, chúng ta đã thấy rất nhiều gương phụ nữ, từ thường dân cho đến mệnh phụ mẫu nghi cung đình, không chỉ đơn thuần âm thầm chịu yên thân yên phận sống cuộc đời bình thường buồn tẻ như Nho giáo đã vẽ ra cho họ trong khuôn khổ “tam tòng tứ đức” và “công dung ngôn hạnh.” Họ là những người phụ nữ xinh đẹp, thông minh, tài hoa và dũng cảm và hơn thế họ có ảnh hưởng vô cùng to lớn đối với đất nước Việt Nam và thậm chí là với cả thế giới. Đó là những nữ vương, nữ hoàng, nữ tướng quyền lực, anh hùng liệt nữ..., những phụ nữ được dân tộc tôn kính qua sự hy sinh và chịu đựng; sự lãnh đạo anh minh, tính quật khởi phi thường lúc đất nước và gia đình lâm nguy..., những nữ thi hào văn học người chẳng những đẹp về nhan sắc mà còn thông minh văn hay chữ tốt.

Ngày hôm nay, tiếng thúc voi của Bà Trưng Bà Triệu, tiếng tù biệt bi ai của Công chúa Huyền Trân, Công nương Ngọc Vạn; tiếng than vãn của Ngọc Hân công chúa; lời gia huấn cao cả của Nguyên phi ý Lan, Thái hậu Từ Dũ hình như còn âm vọng bên tai...; Những người phụ nữ âm thầm che dấu nỗi đau khổ mất chồng mất con để tiếp tục lặng lẽ hy sinh cho tương lai của đất nước; những cô gái chưa kịp hưởng tuổi thanh xuân, hạnh phúc đời sống cá nhân đã quên thân mình để đem lại bình yên cho dân tộc. Chúng ta được may mắn sống một đời sống yên ổn hôm nay, xin một lần bày tỏ



lời tri ân, sự kính trọng trước những cống hiến của người phụ nữ Việt Nam cho cuộc sống gia đình và xã hội, cũng như ca ngợi những nét đẹp của người phụ nữ con cháu Âu Lạc.

**Trần Văn Giang** (Ghi lại)

8/27/2011

---

**Tài liệu tham khảo:**

- *Bách khoa toàn thư mở Wikipedia.*
- *Khâm định Việt sử Thông giám cương mục, Viện Sử Học dịch (1957-1960). Nxb Giáo Dục (Hà Nội), 1998.*
- *Ngô Sĩ Liên, Đại Việt sử ký toàn thư. Nxb KHXH, Hà Nội, 1983.*
- *Trần Trọng Kim, Việt Nam sử lược. Nxb Tân Việt, Sài Gòn, 1968.*
- *Phạm Văn Sơn, Việt sử tân biên. Nxb Khai Trí, Sài Gòn, lần tái bản năm 1968.*
- *Phan Huy Lê, Trần Quốc Vượng, Hà Văn Tấn, Lương Ninh, Lịch sử VN (tập I). Nxb Đại học & THCN, 1983.*
- *Trương Hữu Quýnh-Phan Đại Đoàn-Nguyễn Cảnh Minh, Đại cương lịch sử Việt Nam. Nxb Giáo dục, 2007*



# Phụ Đính



## Phụ đính 1

# Nói tiếng Mã?

(*“Are you speaking Spanish?”*)



### Lời mở đầu:

*Xin mời quý vị đọc một vài mẫu chuyện đời “thật” của tác giả.*

### TVG

\*

1- Năm 1976, tôi làm phụ bếp (*“cook helper”*) cho một nhà hàng ăn nhỏ loại *“all you can eat”* của Mỹ ở San Diego, USA. Vào buổi chiều, người bếp chính (người Mỹ trắng) về rồi thì trong bếp chỉ còn tôi và một anh chàng rửa chén (cũng là thuyền nhân - người

Việt gốc “củ cải muối”); bên ngoài phòng ăn thì có hai cô tiếp viên (“*waitresses*”) người Mỹ. Chủ nhà hàng cũng là người Mỹ. Ông ta thường ngồi chỗ tính tiền (“*cashier*”) và trả lời điện thoại.

Trong giờ ăn, hay có điện thoại của khách hàng gọi vào nhà hàng; Quanh quẩn chỉ hỏi: Một là, hỏi đường (directions) đi đến tiệm; Hai là, hỏi nhà hàng hôm nay có những món gì?

Một hôm ông chủ nhà hàng có việc phải chạy ra nhà băng, hai cô tiếp viên cũng đang bận tay, tôi chẳng dặng dưng phải nhắc điện thoại trả lời khách hàng gọi đến. Mặc dù mới đến Mỹ cuối năm 1975, nhưng kể ra Anh văn của tôi cũng không đến nỗi tệ lắm - Năm 1978, tôi đã “scored” 550 điểm trong kỳ thi *TOEFL – Test of English as Foreign Language* - tại San Diego; Nên biết hệ thống đại học University of California, UCLA chẳng hạn, chỉ cần “score” với 500 điểm cho sinh viên ngoại quốc là đủ “qualified.” Về Anh ngữ, phần nghe (Listening comprehension) của tôi cũng khá; nhưng vì tôi đã 27 tuổi khi đến Mỹ (nên lưỡi đã cứng!) phần đọc (“*pronunciation*”) bị “*accent*” nặng lắm. Sau khi nghe bà khách hỏi đường đi tới tiệm, tôi hiểu ngay câu hỏi và bắt đầu chỉ dẫn (bằng Anh ngữ) cho bà khách ta bằng cách nói địa chỉ nhà hàng cũng như cái ngã tư (“*crossed streets*”) gần nhất. Bà khách này sau khi nghe tôi trình bày xong, im lặng vài giây đồng hồ rồi nói:

- “*Are you speaking Spanish?*”

Trời đất!

2- Năm 1975, nhiều người Việt tị nạn cs đến Mỹ ở hoàn cảnh hoàn toàn ngọng tiếng Mỹ – *Absolutely no English*. Một anh bạn láng giềng tị nạn của tôi, trước đây khi còn ở Việt Nam là dân đánh cá ở Vũng tàu, đã kể cho tôi câu chuyện sau đây:

Anh ta có một người chú họ đi du học ở Mỹ trước ngày 30 tháng 4 năm 1975 đến thăm anh ta tại nhà và chỉ dẫn anh cách học Anh ngữ cho mau chóng như sau:

- “Cách tốt và mau nhất (“*direct English*”) là xem TV... Cháu cứ chịu khó xem TV. Mới đầu tiên sẽ chẳng hiểu gì cả, nhưng chỉ một vài tháng là có thể hiểu chút ít Anh ngữ rồi.”

5-6 tháng sau, người chú họ đó lại thăm và xem việc học hành Anh ngữ (qua TV) của thằng cháu đã tới đâu rồi; thì thấy thằng cháu vẫn ngọng 100% như ngày nào. Người chú thắc mắc hỏi:

- “Thê cháu có chịu khó xem TV như chú đã chỉ dẫn cháu không?”

Anh ta trả lời và chỉ vào cái TV trong nhà:

- “Vâng. Cháu vẫn xem TV mỗi ngày... Như chú thấy cái đài truyền hình mà cháu thích nhất đang có trên màn ảnh TV kia kia...”

Ông chú nhìn vào màn ảnh TV mới kêu trời:

- “Trời đất! Hèn gì mà mày không hiểu, không nói được Anh ngữ. Thằng chết tiệt! Đó là ‘đài Mẽ.’ (*Spanish channel*)”

3- Năm 1978, tôi quyết định bỏ tất cả các công việc tay chân đang làm (rửa chén, phụ bếp, phụ thợ xây cất...), ôn lại một ít vốn liếng Anh ngữ, thi lại các “tests” như SAT, ACH, TOEFL... để chuẩn bị trở lại trường học Mỹ. Tôi dự định cố gắng lấy một mảnh bằng hoàn toàn Mỹ để kiếm cơm nuôi gia đình trên đất Mỹ... Từ khi trở lại trường học (1979), Anh ngữ của tôi (cả “Reading” và “Listening comprehensions”) đều tiến triển rất khả quan. Tôi đã có thể coi TV và hiểu khi nào là chương trình (programs) chính, khi nào là phần thương mại (commercials) không như trước đây cứ

tương phần thương mại là một phần của chương trình đang xem; không phân biệt được cái nào ra cái nào?!...

Hai chương trình TV mà tôi thích nhất là: “*The Benny Hill’s Show*” và “*Archie Bunker.*”

Anh chàng “Benny Hill” là một thiên tài hiếm có. Trong mỗi “The Benny Hill’s show” dài cả tiếng đồng hồ rất vui nhộn, cười mệc nghỉ mà các diễn viên không cần phải nói một câu Anh ngữ nào... Tất cả chỉ cần động tác diễn xuất và nhạc đệm. Thành ra Mẽ, Việt, Tàu... Tóm lại các di dân còn ngọng Anh ngữ xem đều hiểu từ đầu đến cuối không khó khăn gì; Dân Mít ta rất ưa thích cái “show” này.

Riêng chương trình “Archie Bunker” là một bài học, một hình ảnh tiêu biểu phản ánh xã hội Mỹ kỳ thị chủng tộc... Cái hay của “show” này là cách phô bày sự kỳ thị (của anh chàng Archie Bunker) để khán giả nhìn thấy rõ là nó xuất phát từ sự ngu xuẩn (“*ignorance*”) và lòng ganh tị (“*jealousy*”). Anh chàng Archie Bunker là một cựu chiến binh Mỹ, làm thợ tay chân, sống vất vả nghèo... Thành ra anh ta ghét, kỳ thị tất cả các giống dân thiểu số sống chung quanh anh ta. Hai vợ chồng Archi Bunker, đưa con gái và anh chàng con rể thất nghiệp sống chen chúc trong một “apartment” hai phòng ngủ. Archie Bunker không hề dấu diếm, rất công khai, là anh ta ghét dân Mẽ, Do thái, Ba lan, Mỹ đen, dân Á châu... sống trên đất Mỹ. Archie Bunker cho là vì đám di dân này mà cuộc đời và gia đình anh ta phải nghèo và vất vả ?!) ...

Trong một “show,” vào giờ ăn tối, gia đình Archie Bunker sắp sửa dùng bữa thì nghe có âm thanh gia đình hàng xóm người Mẽ đọc “*Kinh lạy Cha*” rất lớn. Archie Bunker nổi nóng quát âm lên:

- Trời đất! Xin vui lòng đọc kinh Chúa bằng tiếng Anh (“*Oh my God! Please pray in English!*”).



Anh chàng con rể (là một thanh niên loại cấp tiến – liberal – trong “show” là người di dân gốc Ba-lan; luôn luôn bất đồng ý kiến với ông bố vợ Archie Bunker) có vẻ không bằng lòng, hỏi Archie Bunker:

- *Why?* Tại sao? Họ là người Mễ thì tại sao họ phải đọc kinh bằng Anh ngữ?

Archie Bunker trợn mắt quát:

- Bởi vì God không hiểu tiếng Mễ (“*because God do not understand Spanish*”)... Vì vậy mà mấy thằng Mễ đến sống ở đây trên 100 năm vẫn ngu và nghèo!

Trời đất!

4- Tôi có đứa con gái 6 tuổi, tên Annemarie Tran. Từ lúc cháu còn bé sơ sinh, tôi đã gửi cháu ở nhà trẻ (*daycare center*) của Mỹ và đến bây giờ đi học trường Mỹ cho nên cháu chỉ nói hoàn toàn 100% tiếng Mỹ mặc dầu cháu nghe và hiểu tiếng Việt lai rai (nhưng vẫn cứ trả lời bằng tiếng Mỹ). Bà xã tôi có vẻ hơi ưu u:

- “Thôi chết rồi! Con *Annemarie* chỉ nói toàn tiếng Mỹ... bây giờ phải bắt đầu dạy nó nói tiếng Việt Nam là vừa...”

Rồi khi cả gia đình tôi đang ngồi tại bàn ăn, bà xã tôi dạy cháu tiếng Việt bằng cách bắt cháu lập lại một câu tiếng Việt thật đơn giản:

- “*Con ăn cơm.*”

Cháu gái không đọc, nhưng lại nhìn mẹ và ngo ngác hỏi:

- “*Are you speaking Spanish?*”

Trời đất!

**Trần Văn Giang**

## Phụ đính 2

### Lá Thư Sai Chính Tả

Giờ trả bài tập làm Việt văn luôn là giờ sôi động nhất vì thầy giáo thường đọc cho cả lớp nghe hai bài: Bài được điểm cao nhất và bài có điểm thấp nhất.

Tất nhiên, bài cao điểm được những tràng pháo tay và bài điểm thấp là những trận cười, chưa kể sau đó còn hình thành nên nhiều giai thoại từ những câu mà thầy nhận xét là "què, cụt, lủng củng, lạc đề, thiếu sức thuyết phục..."

Và giai thoại này đôi khi còn lan truyền ra cả các lớp khác mà tác giả của nó chỉ còn cách là lấy cả hai tay mà che mặt lại. Cả lớp đứa nào cũng hồi hộp khi xấp bài trên tay thầy đã vơi nhiều rồi mà bài của mình còn chưa thấy đâu.

Hôm nay, như thường lệ, thầy mở cặp lấy xấp bài ra là cả lớp nháp nhòm. Với đề ra là "*Hãy kể lại một kỷ niệm sâu sắc của em,*" thầy đã nói rằng lớp có bốn mươi học sinh thì chắc chắn sẽ có bốn mươi kỷ niệm khác nhau, nhưng khi chứng minh, trích đoạn nào đó bị thầy chê là đơn điệu, chúng tôi thường chống chế "Thầy ơi, học cùng lớp với nhau thì làm sao mà dẫn chứng không trùng lặp nhau được."

Khác thường, là thầy đưa xấp bài cho trưởng lớp chỉ giữ lại một bài. Chỉ một bài! Đứa nào cũng nhón người nghênh cổ cho cao lên một chút để cố nhìn cho ra tên của ai và được mấy điểm; nhưng không thấy được gì. Bài hay nhất? Hay bài dở nhất?

Giỏi văn nhất lớp là Kim Chi. Nhưng rồi dự đoán của chúng tôi tiêu tan khi Kim Chi với tay nhận bài của mình từ tay trưởng lớp. Vậy là thầy giữ lại bài dở nhất rồi? Cả lớp chuyển ánh mắt nhìn về

phía Cường với tiếng cười khúc khích. Cường thường có những câu văn kiêu như “*Đi một ngày đàng học một sàng khôn, vì vậy chúng ta phải đi nhiều ngày hơn nữa...*” Nhưng rồi Cường cũng nhận được bài của mình.

Vậy thì còn lại của ai? Hay? Dở? Làm sao biết trước được bài sẽ đọc lên hôm nay là của ai! Trời, môn Việt văn... Có khi bài trước mới được 6 điểm với lời phê “*Lối hành văn trong sáng, nên đọc nhiều để dẫn chứng phong phú hơn,*” thì bài sau nhận được ngay điểm 4 với lời phê “*Quá lan man dông dài!*” Bảy (7) điểm cho môn Việt văn của thầy là một ước mơ xa! Ngay cả Kim Chi dù là học trò giỏi nhất cũng nói như vậy.

Chúng tôi nhìn theo tay của trưởng lớp cho đến khi bài cuối cùng được phát ra. Chỉ mình Dũng là chưa có. Không hẹn mà cả lớp đều ngạc nhiên nhìn về phía Dũng, tác giả bài văn còn trên tay thầy. Tránh cái nhìn của cả lớp, Dũng ngoảnh mặt nhìn ra cửa sổ. Không thấy mặt Dũng nhưng có thể thấy rõ hai vành tai và cổ của Dũng đỏ ửng.

Dũng là học sinh trường Huyện mới chuyển về lớp tôi được hai tháng nay. Không có gì nổi trội, nơi Dũng cái gì cũng bình thường và chưa có gì tỏ vẻ ra là đặc biệt về môn Việt văn cả. Vậy mà 8 điểm. Phải, 8 điểm! Chúng tôi nhìn rõ số 8 đỏ chói trong ô điểm khi thầy đưa tay sửa lại cặp kính trên sống mũi, cử chỉ quen thuộc mỗi khi thầy xúc động. Giọng thầy trầm trầm:

*“Kỷ niệm sâu sắc nhất của em là khi nhận được thư của ba em. Nhà em nghèo lắm nhưng ba má cho em ra phố học để sau này em có thể làm được điều gì đó tốt đẹp hơn. Cho em ra phố, ngoài việc phải kiếm tiền làm thêm để có tiền trang trải chuyện học hành của em, ba em còn phải làm những việc mà khi ở nhà em có thể đỡ đần được cho gia đình. Chưa bao giờ ba má viết cái gì cả. Hồi em còn ở nhà, mỗi khi cần viết thư về quê hay viết đơn từ là em viết...”*

Thầy ngừng đọc, nhìn cả lớp:

- Các em, thầy sẽ viết lại nguyên văn lá thư của ba bạn Dũng lên bảng cho chúng ta cùng đọc.

Một chuyện lạ! Tất cả chúng tôi hồi hộp tò mò từng chữ hiện ra dưới tay thầy.

*"Con iu thương của ba. Chiu hôm qua ba kiu người bán con heo để có tiền gửi cho con con nhớ nhà khôn? Cả nhà nhớ con nhieu lắm cố học nge chừn nào mùa mản song ba má xẻ ra thăm con."*

Lá thư vụn vụn chỉ có 45 chữ.

Khi thầy quay lại thì Dũng đã úp mặt xuống bàn, hai vai run run. Mắt thầy cũng hoe đỏ.

Cả lớp im phăng phắc trước lá thư đầy lỗi chính tả trên bảng. Lá thư yêu thương và gửi gắm của một người cha vốn chỉ quen với cày cuốc lần đầu cầm bút viết thư cho con.

## **Khuyết danh**

(\*) Bài này do **Trần Văn Giang** sưu tầm...  
(TVG đọc xong, "*mắt thầy cũng đỏ hoe.*")



*“... Now this is not the end. It is not even the beginning of the end.  
But it is, perhaps, the end of the beginning.”*

**- Winston S. Churchill**





# Sơ Lược Tiểu Sử Tác giả



## 1- Cá nhân

- Tên thật: **Trần Văn Giang**.
- Ngày và nơi sinh: Sinh năm 1950 tại Hải Phòng.
- Tình trạng gia đình: Vợ và 2 con.
- Tình trạng cư trú: Nguyên là “Thuyền nhân” (boat people). Hiện đang định cư tại Hoa Kỳ (Orange County, California - USA).

## 2- Học vấn:

- Tiểu Học Cầu Kho (sau đổi tên là trường Tiểu Học Trần Hưng Đạo) - Saigon, 1961.
- Trung Học Mạc Đĩnh Chi - Saigon, 1968.
- **Kỹ Sư Canh Nông**, Khóa 10, Cao Đẳng Canh Nông - Saigon, 1968-1972.

- Tu Nghiệp về Bién Chế Thực Phẩm (Food Processing) và Đa Canh (Multiple Croppings) tại Đài Loan, 1974.
- **Kỹ Sư Điện** (BSEE), University of California at Los Angeles (UCLA) 1979-1983.
- Certified Computer Network Technician (Cisco - 2001)
- Certified Computer Hardware Technician (CompTia A+ PC- 2001)

## 3- Kinh nghiệm:

- **Chuyên Viên Nông Nghiệp:** Bộ Canh Nông VNCH, 1972-1975.
- Rửa chén và phụ bếp, 1975-1979.
- **Senior Radar Systems Designer / Engineer:**
  - o Shipboard Radar systems - Làm việc cho hãng ITT (Engineer, designing Radar systems dùng trên tàu chiến – Shipboard Radar), 1983-1985;
  - o Airborn Radar systems - Làm việc cho hãng Westinghouse (Engineer, designing Radar systems dùng trên phân lực chiến đấu – Jet Fighters Radar), 1985-1991.
- Nhiều nghề vặt (Odd Jobs) để đi học lại Information Technology / Networking (1991-2001)
- **Systems Analyst / Application Developer / IT Tech:** Hiện đang làm việc cho Los Angeles County California - USA, từ năm 2002 cho đến nay.
- **Hợp tác với các báo:**
  - o Nhật báo: Việt Báo (Orange County - California);
  - o Nguyệt báo: Nguyệt San KBC (Orange County - California); Việt Báo Carolina (North Carolina); Nguyệt San Viên Giác (Đức).
  - o Tuần báo: Saigon Times (Úc), Nam Úc Tuần Báo (Úc).
  - o Và một số trang điện báo Việt ngữ toàn cầu.

---

Xin mời đọc các tựa sách khác cùng một tác giả đã phát hành:

- *Đất Lạ* (2010).
- *Ruột Đau Chín Chiều* (2010).

Địa chỉ email / liên lạc của tác giả: [tranvangiang17@yahoo.com](mailto:tranvangiang17@yahoo.com)

**GIÁ US\$20.00**